

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5**CHỦ ĐỀ 1: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM****TUẦN 1****BÀI 1: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, LÃNH THỔ, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, QUỐC KÌ, QUỐC HUY, QUỐC CA (TIẾT 1)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Xác định được vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất ở nước ta.
- Mô tả được hình dạng lãnh thổ phần đất liền của Việt Nam.
- Bước đầu nhận biết lãnh thổ Việt Nam gồm vùng đất, vùng biển và vùng trời; vùng biển nước ta thuộc Biển Đông.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc thông tin, quan sát bản đồ, hình ảnh và học liệu số để khai thác kiến thức.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi theo cặp, theo nhóm; trình bày kết quả xác định vị trí địa lí Việt Nam.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: liên hệ ảnh hưởng của vị trí địa lí với tự nhiên, sản xuất và đời sống.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: tự hào về vị trí, lãnh thổ của Việt Nam.
- Trách nhiệm: có ý thức tôn trọng chủ quyền, lãnh thổ quốc gia; sử dụng thông tin bản đồ đúng mục đích học tập.
- Chăm chỉ: tích cực quan sát bản đồ, ghi chép và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Tích hợp

- Tích hợp NLS 5.2.CB2a: HS được GV giới thiệu công cụ Google Maps/Google Earth, được hướng dẫn nhập từ khoá, phóng to, thu nhỏ, xác định vị trí Việt Nam, các điểm cực, vùng biển, đảo và ranh giới lãnh thổ; biết đối chiếu thông tin bản đồ số với SGK và bản đồ chính thống.
- Tích hợp QCN: HS hiểu quyền và trách nhiệm của công dân trong việc tôn trọng chủ quyền, lãnh thổ, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca; không chia sẻ thông tin sai lệch về bản đồ, biển đảo Việt Nam.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK Lịch sử và Địa lí 5, bản đồ hành chính Việt Nam năm 2025, hình 1, 2, 3, 4 trong SGK, máy tính, máy chiếu, Google Maps/Google Earth.
- Học sinh: SGK, vở ghi, bút màu, phiếu học tập; thiết bị học tập nếu được phân công và được GV cho phép sử dụng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: nhắc lại một số nội dung đã học tiết trước, tạo hứng thú cho HS. *Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát hình 1, 2 trong SGK và nêu yêu cầu: Quan sát các hình 1, 2, hãy chia sẻ những điều em biết về các địa danh này.	+ HS quan sát hình 1, 2 trong SGK.

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
 <p>Quan sát hình 1, 2, hãy chia sẻ những điều em biết về các địa danh này.</p> <p>▲ Hình 1: Cột cờ Lũng Cú (tỉnh Tuyên Quang)</p> <p>▲ Hình 2: Mũi Cà Mau (tỉnh Cà Mau)</p>	<p>+ HS nhận biết hình 1 là Cột cờ Lũng Cú; hình 2 là Mũi Cà Mau.</p>
<p>- GV gọi một số HS chia sẻ hiểu biết về Cột cờ Lũng Cú và Mũi Cà Mau.</p>	<p>+ HS chia sẻ: Cột cờ Lũng Cú ở tỉnh Tuyên Quang, Mũi Cà Mau ở tỉnh Cà Mau.</p>
<p>- GV gợi ý HS nhận xét về vị trí của hai địa danh trên lãnh thổ Việt Nam.</p>	<p>+ HS nêu: Cột cờ Lũng Cú là địa danh ở phía bắc; Mũi Cà Mau là địa danh ở phía nam của Tổ quốc.</p>
<p>- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài: Đất nước Việt Nam có vị trí địa lí, lãnh thổ và các biểu tượng quốc gia rất thiêng liêng. Hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu Bài 1.</p>	<p>+ HS lắng nghe, ghi tên bài vào vở.</p>
<p>2. Khám phá (25 phút)</p>	
<p>2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu vị trí địa lí của Việt Nam Mục tiêu: HS xác định được vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát hình 3 trong SGK.</p>	<p>+ HS đọc thông tin và quan sát bản đồ hành chính Việt Nam năm 2025.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi: Xác định vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ.</p>	<p>+ HS chỉ vị trí Việt Nam trên bản đồ và nêu: Việt Nam nằm ở khu vực Đông Nam Á, thuộc châu Á.</p>
 <p>▲ Hình 3: Bản đồ hành chính Việt Nam năm 2025</p>	<p>+ HS quan sát bản đồ, nhận diện lãnh thổ đất liền, vùng biển, đảo và quần đảo của Việt Nam.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi: Trên đất liền, Việt Nam</p>	<p>+ HS trả lời: Trên đất liền, Việt Nam giáp</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
giáp những quốc gia nào?	Trung Quốc, Lào và Cam-pu-chia.
- GV nêu câu hỏi: Vùng biển nước ta thuộc biển nào và tiếp giáp với vùng biển của những quốc gia nào?	+ HS trả lời: Vùng biển nước ta thuộc Biển Đông, giáp với vùng biển của nhiều quốc gia.
- GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi: một bạn chỉ vị trí Việt Nam trên bản đồ, một bạn nêu các nước giáp phần đất liền và vùng biển tiếp giáp.	+ HS làm việc cặp đôi, luân phiên chỉ bản đồ và nói thông tin đã xác định.
- GV mời đại diện nhóm trình bày, chỉ bản đồ và nhận xét phần trình bày của HS.	+ Đại diện nhóm trình bày; các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV đặt câu hỏi dẫn: Khi xem bản đồ giấy, chúng ta xác định được vị trí Việt Nam; vậy trên bản đồ số, em có thể tìm Việt Nam bằng cách nào?	+ HS trả lời: Có thể nhập từ khoá “Việt Nam” hoặc tên địa danh vào ô tìm kiếm trên bản đồ số.
- Tích hợp NLS 5.2.CB2a: GV giới thiệu công cụ Google Maps/Google Earth là bản đồ số giúp tìm kiếm địa danh, phóng to, thu nhỏ, quan sát lãnh thổ, vùng biển, đảo và ranh giới lãnh thổ.	+ HS lắng nghe, nhận biết tên công cụ Google Maps/Google Earth và công dụng của bản đồ số.
- GV hướng dẫn HS bước 1: mở Google Maps hoặc Google Earth theo hướng dẫn của GV; bước 2: nhập từ khoá “Việt Nam”; bước 3: phóng to, thu nhỏ để quan sát vị trí nước ta trong khu vực Đông Nam Á.	+ HS thực hiện theo hướng dẫn của GV, không tự ý truy cập đường dẫn lạ và chỉ sử dụng thiết bị khi được cho phép.
- GV hướng dẫn HS đối chiếu kết quả bản đồ số với bản đồ trong SGK, chỉ rõ tên nước, vùng biển, đảo và ranh giới lãnh thổ trên bản đồ chính thống.	+ HS đối chiếu thông tin trên bản đồ số với SGK, nhận xét thông tin nào giống nhau, thông tin nào cần hỏi lại GV.
- GV nhấn mạnh: Khi sử dụng bản đồ số, HS cần tìm thông tin đúng mục đích học tập, không chia sẻ thông tin sai lệch về lãnh thổ, biển đảo Việt Nam.	+ HS ghi nhớ quy tắc sử dụng bản đồ số an toàn, có trách nhiệm và tôn trọng chủ quyền lãnh thổ quốc gia.
- GV kết luận: Việt Nam nằm ở khu vực Đông Nam Á, thuộc châu Á. Trên đất liền, nước ta có chung đường biên giới với Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia và tiếp giáp với biển. Vùng biển nước ta thuộc Biển Đông, giáp với vùng biển của nhiều quốc gia.	+ HS lắng nghe, nhắc lại vị trí địa lí của Việt Nam.

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất Mục tiêu: HS trình bày được một số ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất ở nước ta. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS quan sát hình 4 và trả lời: Vị trí địa lí có ảnh hưởng như thế nào đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất ở nước ta?	+ HS quan sát hình 4 và chuẩn bị trả lời.
	+ HS đọc các ô thông tin: thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa; cây trồng, vật nuôi vùng nhiệt đới; giao thông vận tải biển, xuất khẩu, nhập khẩu; nhiều thiên tai, đặc biệt là bão.
- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4, mỗi nhóm chọn một ô trong hình 4 để giải thích bằng ví dụ cụ thể.	+ HS thảo luận nhóm 4, chọn một ảnh hưởng và nêu ví dụ phù hợp.
- GV hỏi: Vì sao thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa?	+ HS trả lời: Vì Việt Nam nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa nên thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.
- GV hỏi: Vị trí địa lí thuận lợi như thế nào cho sản xuất nông nghiệp?	+ HS trả lời: Vị trí địa lí thích hợp phát triển cây trồng, vật nuôi của vùng nhiệt đới.
- GV hỏi: Vùng biển rộng đem lại thuận lợi gì cho giao thông và kinh tế?	+ HS trả lời: Vùng biển rộng thuận lợi phát triển giao thông vận tải biển, hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.
- GV hỏi: Vị trí địa lí cũng làm nước ta thường gặp khó khăn gì?	+ HS trả lời: Nước ta có nhiều thiên tai, đặc biệt là bão.
- GV đặt câu hỏi dẫn tích hợp QCN: Khi biết lãnh thổ và vùng biển Việt Nam có nhiều giá trị, công dân cần có thái độ và trách nhiệm như thế nào?	+ HS trả lời: Công dân cần tôn trọng chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ tài nguyên, môi trường và không làm sai lệch thông tin về đất nước.
- Tích hợp QCN: GV liên hệ quyền được học tập, tìm hiểu về đất nước và trách nhiệm tôn trọng chủ quyền, lãnh thổ; nhắc HS sử dụng bản đồ, hình ảnh, học liệu số đúng mục đích, không chia sẻ thông tin sai về biên giới, biển đảo Việt Nam.	+ HS nêu việc làm phù hợp: học tập nghiêm túc, giữ gìn môi trường, không chia sẻ hình ảnh hoặc thông tin sai lệch về lãnh thổ Việt Nam.
- GV kết luận: Vị trí địa lí làm cho thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm	+ HS lắng nghe và ghi nhớ các ảnh hưởng của vị trí địa lí.

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
gió mùa; thuận lợi phát triển cây trồng, vật nuôi vùng nhiệt đới, giao thông vận tải biển, hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu nhưng cũng có nhiều thiên tai, đặc biệt là bão.	
3. Luyện tập (7 phút) Mục tiêu: HS củng cố kiến thức về vị trí địa lí và ảnh hưởng của vị trí địa lí Việt Nam. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS chỉ trên bản đồ Việt Nam và nêu các nước giáp phần đất liền của nước ta.	+ HS chỉ trên bản đồ Việt Nam và nêu: Việt Nam giáp Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia.
- GV nêu câu hỏi: Vị trí địa lí của Việt Nam tạo thuận lợi gì cho sản xuất?	+ HS trả lời: Thuận lợi phát triển cây trồng, vật nuôi của vùng nhiệt đới.
- GV nêu câu hỏi: Vị trí địa lí của Việt Nam tạo thuận lợi gì cho giao thông vận tải biển?	+ HS trả lời: Thuận lợi phát triển giao thông vận tải biển, hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.
- GV gọi HS nhận xét, bổ sung và chốt câu trả lời đúng.	+ HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.
4. Vận dụng (3 phút) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức để liên hệ thực tế địa phương và đời sống. *Cách tiến hành:	
- GV giao nhiệm vụ: Về nhà quan sát bản đồ Việt Nam hoặc bản đồ số, tìm vị trí tỉnh/thành phố nơi em đang sống.	+ HS lắng nghe nhiệm vụ vận dụng và ghi vào vở.
- GV yêu cầu HS chia sẻ với người thân một thuận lợi do vị trí địa lí đem lại cho địa phương hoặc đất nước.	+ HS nêu dự kiến: chia sẻ về thuận lợi giao thông, du lịch, sản xuất hoặc giao lưu với các địa phương khác.
- GV dặn HS chuẩn bị tiết 2: tìm hiểu lãnh thổ, đơn vị hành chính, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca.	+ HS chuẩn bị bài cho tiết sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

CHỦ ĐỀ 1: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM

TUẦN 1

BÀI 1: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, LÃNH THỔ, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, QUỐC KÌ, QUỐC HUY, QUỐC CA (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nêu được số lượng đơn vị hành chính của Việt Nam theo SGK mới: tính đến năm 2025, Việt Nam có 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh, gồm 6 thành phố và 28 tỉnh.
- Kể được tên 6 thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ; biết Hà Nội là Thủ đô của Việt Nam.
- Nêu được ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Xác định được trên bản đồ hành chính Việt Nam năm 2025 sáu thành phố, quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc thông tin SGK, quan sát hình ảnh, bản đồ và học liệu số để hoàn thành nhiệm vụ.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm, chia sẻ hiểu biết về đơn vị hành chính, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng kiến thức để tìm hiểu việc sử dụng biểu tượng quốc gia trong trường học hoặc tại nơi sống.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: tự hào về biểu tượng quốc gia và chủ quyền lãnh thổ Việt Nam.
- Trách nhiệm: thực hiện nghiêm túc nghi lễ chào cờ, hát Quốc ca; tôn trọng Quốc kì, Quốc huy.
- Nhân ái: đoàn kết, tôn trọng cộng đồng các dân tộc Việt Nam trong đại gia đình dân tộc.

4. Tích hợp

- Tích hợp AI 5.A1.1: HS được GV giới thiệu bản đồ số có tính năng gợi ý địa danh, định vị và tìm đường nhờ dữ liệu, thuật toán, AI; được hướng dẫn tìm kiếm địa danh Việt Nam, quan sát kết quả, đối chiếu với SGK để hiểu AI hỗ trợ học tập nhưng không thay thế kiểm chứng thông tin.
- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Bồi dưỡng lòng yêu nước, tự hào về vị trí, lãnh thổ, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca; giáo dục thái độ trang nghiêm khi chào cờ, hát Quốc ca.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK Lịch sử và Địa lí 5, bản đồ hành chính Việt Nam năm 2025, hình Quốc kì, Quốc huy, tư liệu Quốc ca, máy tính, máy chiếu, Google Maps/Google Earth hoặc bản đồ số có tính năng gợi ý địa danh.
- Học sinh: SGK, vở ghi, bút màu, thông tin sưu tầm về Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca theo hướng dẫn của GV.

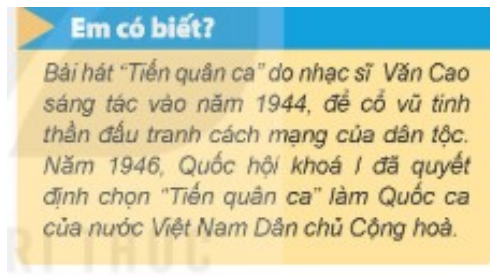
III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

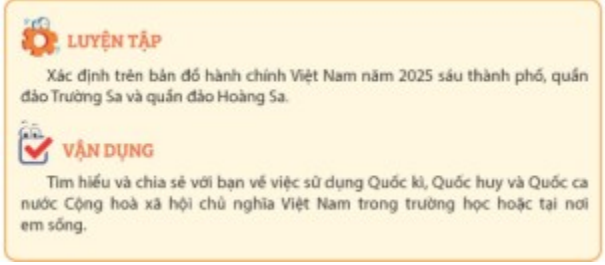
HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: nhắc lại một số nội dung đã học tiết trước, tạo hứng thú cho HS. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn?” với	+ HS tham gia trò chơi.

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
các câu hỏi ngắn.	
- GV hỏi: Việt Nam nằm ở khu vực nào của châu Á?	+ HS trả lời: Việt Nam nằm ở khu vực Đông Nam Á, thuộc châu Á.
- GV hỏi: Trên đất liền, Việt Nam giáp những quốc gia nào?	+ HS trả lời: Trên đất liền, Việt Nam giáp Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia.
- GV hỏi: Vị trí địa lí của Việt Nam có thuận lợi gì đối với hoạt động sản xuất?	+ HS trả lời: Thuận lợi phát triển cây trồng, vật nuôi vùng nhiệt đới; giao thông vận tải biển, xuất khẩu, nhập khẩu.
- GV nhận xét câu trả lời, dẫn dắt vào nội dung tiết 2: lãnh thổ, đơn vị hành chính, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca.	+ HS lắng nghe, chuẩn bị học nội dung mới.
2. Khám phá (25 phút)	
2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu lãnh thổ và đơn vị hành chính Mục tiêu: HS mô tả được hình dạng lãnh thổ phần đất liền của Việt Nam và nêu được số lượng đơn vị hành chính cấp tỉnh theo SGK mới. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát hình 3 trong SGK.	+ HS đọc thông tin, quan sát bản đồ hành chính Việt Nam năm 2025.
- GV nêu câu hỏi: Mô tả hình dạng lãnh thổ phần đất liền của Việt Nam.	+ HS trả lời: Phần đất liền của Việt Nam có dạng hình chữ S, hẹp ngang và trải dài theo chiều bắc - nam.
- GV nêu câu hỏi: Lãnh thổ Việt Nam gồm những bộ phận nào?	+ HS trả lời: Lãnh thổ Việt Nam gồm vùng đất, vùng biển và vùng trời.
- GV nêu câu hỏi: Vùng đất của nước ta gồm những phần nào?	+ HS trả lời: Vùng đất gồm toàn bộ phần đất liền và các đảo, quần đảo của Việt Nam trên Biển Đông.

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
 <p>Hình 8. Bản đồ hành chính Việt Nam năm 2024</p>	<p>+ HS quan sát bản đồ để nhận biết phần đất liền, vùng biển, một số đảo và quần đảo của Việt Nam.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS xác định trên bản đồ phần đất liền, vùng biển, một số đảo và quần đảo của Việt Nam.</p>	<p>+ HS chỉ trên bản đồ theo hướng dẫn của GV.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi: Tính đến năm 2025, Việt Nam có bao nhiêu đơn vị hành chính cấp tỉnh?</p>	<p>+ HS trả lời: Tính đến năm 2025, Việt Nam có 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi: Trong 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh, nước ta có bao nhiêu thành phố và bao nhiêu tỉnh?</p>	<p>+ HS trả lời: Nước ta có 6 thành phố và 28 tỉnh.</p>
<p>- GV yêu cầu HS kể tên 6 thành phố của Việt Nam theo SGK mới.</p>	<p>+ HS kể: Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ.</p>
<p>- GV hỏi: Thành phố nào là Thủ đô của Việt Nam?</p>	<p>+ HS trả lời: Hà Nội là Thủ đô của Việt Nam.</p>
<p>- GV đặt câu hỏi dẫn tích hợp AI: Vì sao khi gõ tên “Hà Nội”, “Đà Nẵng” hoặc “Cần Thơ” vào bản đồ số, công cụ có thể gợi ý đúng địa danh và chỉ đường rất nhanh?</p>	<p>+ HS dự đoán: Vì bản đồ số có dữ liệu địa danh, dữ liệu vị trí và có công nghệ hỗ trợ tìm kiếm, gợi ý kết quả.</p>
<p>- Tích hợp AI 5.A1.1: GV giới thiệu Google Maps/Google Earth hoặc bản đồ số có tính năng gợi ý địa danh, định vị toàn cầu và tìm đường; một số tính năng sử dụng dữ liệu, thuật toán và AI để tối ưu kết quả tìm kiếm.</p>	<p>+ HS lắng nghe, nhận biết AI có thể hỗ trợ tìm vị trí, gợi ý địa danh và tối ưu đường đi trên bản đồ số.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS bước 1: nhập tên một thành phố như “Hà Nội”; bước 2: quan sát vị</p>	<p>+ HS thực hiện theo hướng dẫn, quan sát vị trí thành phố trên bản đồ số và đối chiếu với</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
trí hiện thị; bước 3: so sánh vị trí đó với bản đồ hành chính Việt Nam năm 2025 trong SGK.	bản đồ trong SGK.
- GV hướng dẫn HS bước 4: tiếp tục tìm “Hải Phòng”, “Huế”, “Đà Nẵng”, “Thành phố Hồ Chí Minh”, “Cần Thơ” và ghi nhớ tên 6 thành phố.	+ HS tìm hoặc quan sát GV thao tác, đọc lại tên 6 thành phố theo thứ tự được GV hướng dẫn.
- GV nhắc HS: AI và bản đồ số chỉ là công cụ hỗ trợ; khi học Lịch sử và Địa lí, HS cần kiểm chứng thông tin bằng SGK, bản đồ chính thống và hướng dẫn của GV.	+ HS nêu lại quy tắc: không phụ thuộc hoàn toàn vào AI, phải đối chiếu kết quả với SGK và hỏi GV khi chưa chắc chắn.
- GV chốt: Lãnh thổ Việt Nam gồm vùng đất, vùng biển và vùng trời; phần đất liền có dạng hình chữ S, hẹp ngang và trải dài theo chiều bắc - nam.	+ HS lắng nghe và ghi nhớ đặc điểm lãnh thổ Việt Nam.
- GV chốt thông tin SGK mới: Tính đến năm 2025, Việt Nam có 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh, gồm 6 thành phố và 28 tỉnh. Hà Nội là Thủ đô của Việt Nam.	+ HS nhắc lại: Việt Nam có 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh, gồm 6 thành phố và 28 tỉnh; Hà Nội là Thủ đô.
2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Mục tiêu: HS nêu được ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát hình 5, 6 trong SGK.	+ HS đọc thông tin SGK, quan sát Quốc kì và Quốc huy.
- GV nêu câu hỏi: Quốc kì nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đặc điểm gì?	+ HS trả lời: Quốc kì hình chữ nhật, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh.
 <p>Hình 5. Quốc kì nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p>	+ HS quan sát Quốc kì nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
- GV nêu câu hỏi: Nền đỏ, màu vàng và năm cánh sao trên Quốc kì có ý nghĩa gì?	+ HS trả lời: Nền đỏ tượng trưng cho máu, màu vàng tượng trưng cho dân tộc Việt Nam; năm cánh sao tượng trưng cho năm tầng lớp cùng đoàn kết trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.
- GV nêu câu hỏi: Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đặc điểm gì?	+ HS trả lời: Quốc huy hình tròn, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh, xung quanh có bông lúa, dưới có nửa bánh xe và dòng chữ “Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.
 <p>Hình 6. Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p>	+ HS quan sát Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- GV nêu câu hỏi: Quốc huy thể hiện khát vọng gì của dân tộc Việt Nam?	+ HS trả lời: Quốc huy thể hiện khát vọng về một nền hoà bình, độc lập, tự do và một nước Việt Nam phát triển thịnh vượng, sánh vai cùng các quốc gia trên thế giới.
- GV nêu câu hỏi: Quốc ca nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là bài hát nào?	+ HS trả lời: Quốc ca nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhạc và lời của bài Tiến quân ca.
- GV giới thiệu thêm thông tin trong mục “Em có biết?” về bài hát Tiến quân ca.	+ HS đọc thông tin “Em có biết?” và lắng nghe GV giới thiệu.
	+ HS nhận biết Tiến quân ca do nhạc sĩ Văn Cao sáng tác vào năm 1944 và được chọn làm Quốc ca.
- GV nêu câu hỏi: Quốc ca thể hiện điều gì?	+ HS trả lời: Quốc ca thể hiện sự hi sinh to lớn, chiến thắng vang dội, khát vọng độc lập, tự do và phát triển của Việt Nam.
- GV đặt câu hỏi dẫn tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Khi chào cờ, hát Quốc ca, em cần thể hiện thái độ như thế nào để bày tỏ lòng yêu nước?	+ HS trả lời: Em cần đứng nghiêm, hướng về Quốc kì, hát Quốc ca rõ ràng, không đùa giỡn và giữ thái độ trang trọng.

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV giáo dục HS tự hào về Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca; biết trân trọng sự hi sinh của các thế hệ đi trước và sống có trách nhiệm với Tổ quốc.	+ HS nêu việc làm cụ thể: thực hiện nghiêm túc lễ chào cờ, học tập chăm chỉ, đoàn kết với bạn bè và giữ gìn hình ảnh đẹp của học sinh Việt Nam.
- GV kết luận: Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca là biểu tượng của đất nước và con người Việt Nam, thể hiện ý chí, truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết của dân tộc Việt Nam.	+ HS lắng nghe và nhắc lại ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca.
3. Luyện tập (7 phút) Mục tiêu: HS xác định được trên bản đồ hành chính Việt Nam năm 2025 sáu thành phố, quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ trong SGK: Xác định trên bản đồ hành chính Việt Nam năm 2025 sáu thành phố, quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa.	+ HS lắng nghe nhiệm vụ luyện tập.
	+ HS đọc yêu cầu luyện tập và vận dụng trong SGK.
- GV mời HS lên bảng chỉ bản đồ và đọc tên sáu thành phố.	+ HS chỉ bản đồ và đọc tên: Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ.
- GV yêu cầu HS xác định vị trí quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa trên bản đồ.	+ HS xác định quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa trên bản đồ.
- GV nhận xét, sửa sai nếu HS chỉ chưa đúng vị trí.	+ HS quan sát, điều chỉnh cách chỉ bản đồ và hoàn thiện câu trả lời.
4. Vận dụng (3 phút) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức để tìm hiểu việc sử dụng Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca trong trường học hoặc tại nơi sống. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ vận dụng trong SGK: Tìm hiểu và chia sẻ với bạn về việc sử dụng Quốc kì, Quốc huy và Quốc	+ HS lắng nghe nhiệm vụ vận dụng và ghi vào vở.

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
ca nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong trường học hoặc tại nơi em sống.	
- GV gợi ý HS quan sát lễ chào cờ đầu tuần, phòng truyền thống, cổng trường, giấy khen, văn bản hành chính và các buổi lễ trang trọng ở địa phương.	+ HS nêu ví dụ: Quốc kì được treo trong lễ chào cờ; Quốc ca được hát trong lễ chào cờ; Quốc huy xuất hiện trên một số văn bản, giấy tờ của Nhà nước.
- GV nhắc HS khi chia sẻ hình ảnh, video về lễ chào cờ cần xin phép người lớn, không đăng hình ảnh bạn bè khi chưa được đồng ý.	+ HS cam kết chia sẻ thông tin, hình ảnh đúng quy định, tôn trọng bạn bè và các biểu tượng quốc gia.
- GV dặn HS chuẩn bị bài học sau.	+ HS chuẩn bị bài học sau theo hướng dẫn của GV.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5 CHỦ ĐỀ 1: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM TUẦN 2

BÀI 2: THIÊN NHIÊN VIỆT NAM (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Trình bày được một số đặc điểm của địa hình Việt Nam.
- Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số khoáng sản chính.
- Nêu được vai trò của tài nguyên khoáng sản đối với sự phát triển kinh tế.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc thông tin, quan sát hình 1, 2 để thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm, đóng vai chuyên gia địa hình, chuyên gia khoáng sản và người dân/phóng viên.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: liên hệ thuận lợi, khó khăn của địa hình và vai trò của khoáng sản với sản xuất, đời sống.

3. Phẩm chất

- Bồi dưỡng phẩm chất yêu thiên nhiên, có trách nhiệm với môi trường sống và tài nguyên thiên nhiên.

4. Tích hợp

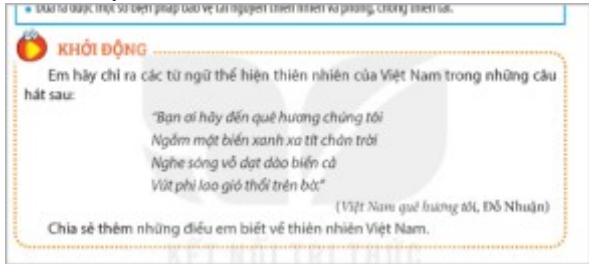
- Tích hợp NLS 1.1.CB2b: HS sử dụng Google Search/Google Maps/Google Earth để tìm hình ảnh, bản đồ địa hình, khoáng sản Việt Nam; biết dùng từ khóa phù hợp, chọn thông tin cần thiết và đối chiếu với SHS.
- Tích hợp BVMT: HS nhận biết tài nguyên thiên nhiên là tài sản quý, cần khai thác hợp lí và bảo vệ môi trường sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK/SHS Lịch sử và Địa lí 5, SGV Lịch sử và Địa lí 5, bản đồ/lược đồ tự nhiên Việt Nam, lược đồ khí hậu Việt Nam, lược đồ sông, hồ Việt Nam nếu có; hình ảnh, video thể hiện đặc điểm thiên nhiên và ảnh hưởng của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống; hoạt động của con người trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.

- Học sinh: SGK/SHS, vở ghi, bút, thước, bút màu; thiết bị học tập nếu được giáo viên phân công sử dụng trong hoạt động tích hợp.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú, khơi gợi hiểu biết ban đầu của HS về thiên nhiên Việt Nam. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS chỉ ra các từ ngữ thể hiện cảnh thiên nhiên của Việt Nam trong những câu hát sau:	- HS lắng nghe nhiệm vụ, đọc thầm các câu hát.
<p>“Bạn ơi hãy đến quê hương chúng tôi Ngắm mặt biển xanh xa tít chân trời Nghe sóng vỗ dạt dào biển cả Vút phi lao gió thổi trên bờ”.</p> <p>Chia sẻ thêm những điều em biết về thiên nhiên Việt Nam.</p> 	<p>- HS trao đổi theo cặp đôi, chỉ ra các từ ngữ thể hiện cảnh thiên nhiên Việt Nam: mặt biển xanh, sóng vỗ, biển cả, phi lao, gió thổi.</p> <p>- HS chia sẻ thêm hiểu biết của bản thân về thiên nhiên Việt Nam.</p>
- GV gọi đại diện 2 - 3 HS lên trình bày, các HS khác bổ sung (nếu có).	- Đại diện 2 - 3 HS trình bày; HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, sử dụng phần trình bày của HS để dẫn dắt vào bài mới.	- HS lắng nghe GV nhận xét và ghi tên bài học.
2. Khám phá: Tìm hiểu địa hình và khoáng sản (25 phút) Mục tiêu: Trình bày được đặc điểm chính của địa hình Việt Nam; kể tên, xác định được một số khoáng sản chính; nêu vai trò của khoáng sản đối với kinh tế. *Cách tiến hành:	
2.1. Địa hình	
- GV chia lớp thành các nhóm nhỏ (5 - 6 HS/nhóm) và phân công nhiệm vụ:	- HS hình thành nhóm 5 - 6 HS/nhóm và nhận nhiệm vụ.
+ Các nhóm có số lẻ đóng vai làm chuyên gia địa hình. Nhiệm vụ: Đọc thông tin và quan sát hình 1, hãy:	+ Nhóm số lẻ nhận vai chuyên gia địa hình, đọc thông tin và quan sát hình 1.

	
<ul style="list-style-type: none"> • Xác định trên lược đồ các khu vực đồi núi và các khu vực đồng bằng ở nước ta. 	<ul style="list-style-type: none"> • HS xác định trên lược đồ: khu vực đồi núi chiếm phần lớn diện tích; các đồng bằng lớn ở Bắc Bộ, Nam Bộ và dải đồng bằng ven biển miền Trung.
<ul style="list-style-type: none"> • Trình bày đặc điểm chính của địa hình nước ta. 	<ul style="list-style-type: none"> • HS trình bày: trên phần đất liền của nước ta, đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích lãnh thổ, chủ yếu là đồi núi thấp; đồng bằng chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích, địa hình thấp và tương đối bằng phẳng.
<ul style="list-style-type: none"> • Nêu thuận lợi và khó khăn của địa hình đối với hoạt động sản xuất và đời sống con người. 	<ul style="list-style-type: none"> • HS nêu: vùng đồi núi thuận lợi phát triển khai thác khoáng sản, thủy điện, chăn nuôi gia súc lớn, trồng cây công nghiệp; đồng bằng thuận lợi phát triển nhiều ngành kinh tế, dân cư đông đúc; khó khăn là giao thông ở vùng núi hiểm trở, một số đồng bằng chịu ảnh hưởng thiên tai.
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS trong nhóm trao đổi, thống nhất các nội dung theo yêu cầu; nhóm phân công chuyên gia địa hình và người dân/phóng viên đặt câu hỏi cho chuyên gia trả lời. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung; phân công vai chuyên gia và người dân/phóng viên.
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS thực hiện đóng vai; chuyên gia sử dụng bản đồ kết hợp thông tin để trả lời. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đóng vai chuyên gia, sử dụng bản đồ và thông tin trong SHS để trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, góp ý.	- HS khác nhận xét, góp ý.
- GV nhận xét và chuẩn kiến thức:	- HS lắng nghe, đối chiếu và ghi nhớ kiến thức trọng tâm:
+ Địa hình:	+ Địa hình:
<ul style="list-style-type: none"> Khu vực đồi núi: Chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích; chủ yếu là đồi núi thấp, các dãy núi có hai hướng chính. Phát triển một số ngành kinh tế. Địa hình hiểm trở nên giao thông khó khăn, dân cư thưa thớt. 	<ul style="list-style-type: none"> Đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích; chủ yếu là đồi núi thấp, có thuận lợi và khó khăn đối với sản xuất, đời sống.
<ul style="list-style-type: none"> Khu vực đồng bằng: Chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích; địa hình thấp và tương đối bằng phẳng. Phát triển nhiều ngành kinh tế; dân cư đông đúc. Chịu ảnh hưởng của một số thiên tai như bão, ngập lụt, xâm nhập mặn,... 	<ul style="list-style-type: none"> Đồng bằng chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích; địa hình thấp, tương đối bằng phẳng, thuận lợi phát triển nhiều ngành kinh tế.
Câu hỏi dẫn tích hợp: Khi cần tìm thêm hình ảnh hoặc bản đồ địa hình Việt Nam ngoài SHS, em sẽ tìm bằng công cụ nào và cần lưu ý điều gì?	HS trả lời câu hỏi dẫn và thực hành theo hướng dẫn.
Tích hợp NLS 1.1.CB2b: GV giới thiệu công cụ Google Search/Google Maps/Google Earth. GV hướng dẫn HS nhập từ khóa ngắn gọn như “bản đồ địa hình Việt Nam”, “đồi núi Việt Nam”, “đồng bằng sông Cửu Long”; quan sát kết quả, chọn nguồn đáng tin cậy, không tải hoặc chia sẻ hình ảnh khi chưa được phép; sau đó đối chiếu với hình 1 trong SHS trước khi trình bày.	<ul style="list-style-type: none"> HS nêu: có thể dùng Google Search, Google Maps hoặc Google Earth. HS nhập từ khóa theo gợi ý, quan sát kết quả tìm kiếm. HS đối chiếu thông tin tìm được với hình 1 trong SHS, không sử dụng thông tin lạ khi chưa kiểm chứng.
2.2. Khoáng sản	
+ Các nhóm có số chẵn đóng vai làm chuyên gia khoáng sản. Nhiệm vụ: Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, hãy: 	+ Nhóm số chẵn nhận vai chuyên gia khoáng sản, đọc thông tin và quan sát hình 1, 2.
<ul style="list-style-type: none"> Kể tên và xác định trên lược đồ một số khoáng sản ở nước ta. 	<ul style="list-style-type: none"> HS kể tên và xác định một số khoáng sản: dầu mỏ, khí tự nhiên, than đá, sắt, man-gan, ti-tan, đồng,...
<ul style="list-style-type: none"> Trình bày đặc điểm khoáng sản của nước ta 	<ul style="list-style-type: none"> HS trình bày: Việt Nam có tài nguyên

ta.	khoáng sản phong phú với nhiều loại khác nhau.
• Nêu vai trò của tài nguyên khoáng sản đối với sự phát triển kinh tế.	• HS nêu: khoáng sản được khai thác làm nguyên liệu, nhiên liệu cho nhiều ngành công nghiệp và một phần để xuất khẩu.
- GV tổ chức cho HS trong nhóm trao đổi, đóng vai chuyên gia khoáng sản và người dân/phóng viên đặt câu hỏi cho chuyên gia trả lời.	- HS trao đổi trong nhóm, phân công vai và chuẩn bị câu trả lời.
- GV gọi đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, góp ý.	- Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác nhận xét, góp ý.
- GV nhận xét và chuẩn kiến thức:	- HS lắng nghe, đối chiếu và ghi nhớ kiến thức trọng tâm:
+ Khoáng sản:	+ Khoáng sản:
• Nước ta có nguồn khoáng sản phong phú với nhiều loại khác nhau.	• HS ghi nhớ: nước ta có nguồn khoáng sản phong phú.
• Một số loại khoáng sản chính: dầu mỏ, khí tự nhiên, than đá, sắt, man-gan, ti-tan, đồng,...	• HS xác định và kể tên một số khoáng sản chính.
• Vai trò: Khoáng sản được khai thác làm nguyên liệu, nhiên liệu cho nhiều ngành công nghiệp và một phần để xuất khẩu.	• HS nêu được vai trò của khoáng sản đối với công nghiệp và xuất khẩu.
- Để mở rộng, GV cho HS tìm hiểu mục Em có biết để tham khảo thêm về một số khoáng sản có trữ lượng lớn ở nước ta.	- HS đọc mục Em có biết, chia sẻ thêm về một số khoáng sản có trữ lượng lớn.
Câu hỏi dẫn tích hợp: Vì sao khi khai thác khoáng sản, con người cần chú ý bảo vệ môi trường?	HS trả lời câu hỏi dẫn.
Tích hợp BVMT: GV gợi ý HS liên hệ: khoáng sản là tài nguyên thiên nhiên có hạn, nếu khai thác không hợp lí có thể làm ô nhiễm đất, nước, không khí, phá vỡ cảnh quan và ảnh hưởng đời sống con người. GV hướng dẫn HS nêu việc làm phù hợp: khai thác đúng quy hoạch, sử dụng tiết kiệm, phục hồi môi trường sau khai thác, không lãng phí tài nguyên.	- HS nêu: cần bảo vệ môi trường vì khai thác khoáng sản có thể gây ô nhiễm và làm cạn kiệt tài nguyên. - HS nêu việc làm: sử dụng tiết kiệm tài nguyên, không lãng phí, trồng cây phục hồi môi trường, tuyên truyền bảo vệ tài nguyên.
3. Luyện tập (5 phút) Mục tiêu: Củng cố kiến thức về địa hình và khoáng sản Việt Nam. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, hoàn thành nhanh 2 câu hỏi:	- HS làm việc cá nhân, đọc lại nội dung đã học để trả lời.
+ Trình bày đặc điểm chính của địa hình nước ta.	+ HS trả lời: địa hình nước ta có đồi núi

	chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích, chủ yếu là đồi núi thấp; đồng bằng chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích, thấp và tương đối bằng phẳng.
+ Kể tên một số khoáng sản chính và nêu vai trò của khoáng sản đối với phát triển kinh tế.	+ HS kê: dầu mỏ, khí tự nhiên, than đá, sắt, man-gan, ti-tan, đồng,...; khoáng sản làm nguyên liệu, nhiên liệu cho công nghiệp và xuất khẩu.
- GV gọi HS trình bày sản phẩm, các HS khác nhận xét và bổ sung.	- HS trình bày, nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của mỗi HS theo các tiêu chí như: chính xác về nội dung, trình bày sạch sẽ, rõ ràng.	- HS lắng nghe GV nhận xét và chỉnh sửa nếu cần.
4. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút) Mục tiêu: Liên hệ kiến thức với thực tế địa phương và chuẩn bị cho tiết học sau. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân hoặc nhóm, hoàn thành nhiệm vụ: Tìm hiểu và chia sẻ với bạn về một đặc điểm địa hình hoặc một loại khoáng sản em biết ở Việt Nam.	- HS ghi nhiệm vụ vận dụng và chia sẻ nhau: địa phương/Việt Nam có đồi núi, đồng bằng, biển; có than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên,...
- GV hướng dẫn HS chuẩn bị tiết sau: đọc trước mục Khí hậu và Sông, hồ trong SHS; quan sát bảng nhiệt độ trung bình của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, các hình 3, 4, 5, 6.	- HS chuẩn bị nội dung tiết sau theo hướng dẫn của GV.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

CHỦ ĐỀ 1: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM

TUẦN 2

BÀI 2: THIÊN NHIÊN VIỆT NAM (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Trình bày được một số đặc điểm của khí hậu Việt Nam.
- Trình bày được đặc điểm của sông, hồ ở Việt Nam và nêu vai trò của sông, hồ đối với đời sống, hoạt động sản xuất.
- Trình bày được một số khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: khai thác thông tin, bảng số liệu, hình ảnh trong SHS để trả lời câu hỏi.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi theo cặp, trình bày kết quả và lắng nghe ý kiến bổ sung.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: liên hệ khí hậu, sông hồ với sản xuất, sinh hoạt, thiên tai và việc bảo vệ nguồn nước.

3. Phẩm chất

- Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, ý thức phòng tránh thiên tai, tiết kiệm nước và bảo vệ sông, hồ.

4. Tích hợp

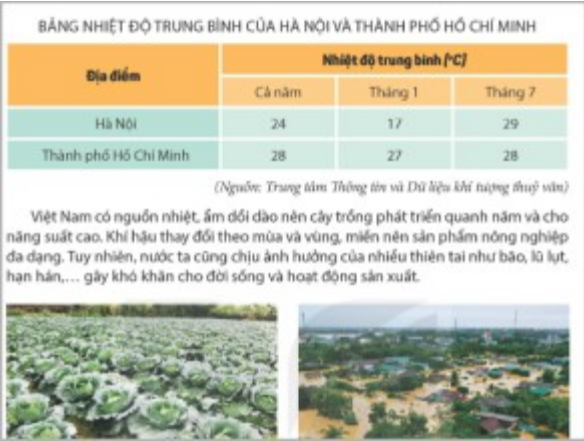
- Tích hợp AI 5.A2.2: HS tìm hiểu cách AI hỗ trợ dự báo thời tiết, cảnh báo bão, lũ lụt; biết kiểm chứng thông tin dự báo từ nguồn chính thống.
- Tích hợp tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước: HS biết giữ gìn sông, hồ; sử dụng nước tiết kiệm trong sinh hoạt; không xả rác xuống kênh rạch, ao hồ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK/SHS Lịch sử và Địa lí 5, SGV Lịch sử và Địa lí 5, bản đồ/lược đồ tự nhiên Việt Nam, lược đồ khí hậu Việt Nam, lược đồ sông, hồ Việt Nam nếu có; hình ảnh, video thể hiện đặc điểm thiên nhiên và ảnh hưởng của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống; hoạt động của con người trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.
- Học sinh: SGK/SHS, vở ghi, bút, thước, bút màu; thiết bị học tập nếu được giáo viên phân công sử dụng trong hoạt động tích hợp.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Nhắc lại kiến thức tiết trước và tạo hứng thú cho HS tìm hiểu khí hậu, sông hồ Việt Nam. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS nhắc lại kiến thức đã học ở tiết trước:	- HS trả lời theo hiểu biết đã học ở tiết trước.
+ Trình bày đặc điểm chính của địa hình nước ta.	+ Địa hình nước ta có đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích; đồng bằng chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích, thấp và tương đối bằng phẳng.
+ Kể tên một số khoáng sản chính ở nước ta.	+ Một số khoáng sản chính: dầu mỏ, khí tự nhiên, than đá, sắt, man-gan, ti-tan, đồng,...

- GV nhận xét, kết nối: Khí hậu và sông, hồ cũng là những thành phần thiên nhiên có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sản xuất ở nước ta.	- HS lắng nghe, ghi tên nội dung tiết học.
2. Khám phá: Tìm hiểu về khí hậu và sông, hồ (25 phút) Mục tiêu: Trình bày được đặc điểm chính của khí hậu, sông hồ và vai trò của sông hồ đối với đời sống, sản xuất. *Cách tiến hành:	
2.1. Khí hậu	
- GV yêu cầu HS đọc thông tin, bảng nhiệt độ trung bình của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, quan sát các hình 3, 4 để thực hiện nhiệm vụ: 	- HS đọc thông tin, quan sát bảng nhiệt độ và hình 3, 4.
+ Trình bày đặc điểm chính của khí hậu nước ta.	+ HS khai thác thông tin, bảng số liệu để trình bày đặc điểm chính của khí hậu nước ta.
+ Nêu những thuận lợi và khó khăn của khí hậu đối với đời sống và hoạt động sản xuất.	+ HS quan sát hình 3, 4 và nêu thuận lợi, khó khăn của khí hậu.
- Với nhiệm vụ đầu tiên, GV tổ chức cho HS hoạt động theo cặp, khai thác thông tin và bảng số liệu để thực hiện.	- HS làm việc theo cặp, so sánh nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ tháng 1 và tháng 7 của Hà Nội với Thành phố Hồ Chí Minh.
- GV đặt một số câu hỏi gợi mở cho HS: Kiểu khí hậu của Việt Nam là gì? Nhiệt độ, lượng mưa trung bình năm của nước ta là bao nhiêu? Nước ta có mấy mùa gió chính và đó là những mùa gió nào?...	- HS trả lời câu hỏi gợi mở, rút ra đặc điểm khí hậu Việt Nam.
- GV hướng dẫn HS khai thác bảng số liệu để so sánh sự phân hoá khí hậu giữa miền Bắc và miền Nam; sau đó yêu cầu HS rút ra nhận xét.	- HS so sánh và nhận xét: khí hậu giữa miền Bắc và miền Nam có sự khác nhau.
- GV gọi đại diện 1 - 2 HS lên trình bày, các HS khác theo dõi và bổ sung (nếu có). Sau đó, GV nhận xét và chuẩn kiến thức:	- Đại diện 1 - 2 HS trình bày; HS khác bổ sung; cả lớp ghi nhớ kiến thức trọng tâm:

+ Việt Nam có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.	+ Khí hậu nước ta là nhiệt đới ẩm gió mùa.
• Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C (trừ vùng núi cao).	• Nhiệt độ trung bình năm cao, trên 20°C trừ vùng núi cao.
• Lượng mưa lớn, trung bình năm từ 1 500 đến 2 000 mm.	• Lượng mưa lớn, trung bình năm từ 1 500 đến 2 000 mm.
• Một năm có hai mùa gió chính: gió mùa mùa đông chủ yếu có hướng đông bắc và gió mùa mùa hạ chủ yếu có hướng tây nam, đông nam.	• Một năm có hai mùa gió chính: gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ.
+ Khí hậu giữa miền Bắc và miền Nam (ranh giới là dãy núi Bạch Mã) có sự khác nhau.	+ Khí hậu miền Bắc và miền Nam có sự khác nhau.
• Ở miền Bắc có hai mùa chính: mùa hạ nóng, mưa nhiều và mùa đông lạnh, mưa ít.	• Miền Bắc có mùa hạ nóng, mưa nhiều và mùa đông lạnh, mưa ít.
• Ở miền Nam nóng quanh năm, có hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô.	• Miền Nam nóng quanh năm, có mùa mưa và mùa khô.
- Với nhiệm vụ thứ 2, GV yêu cầu HS khai thác thông tin, quan sát các hình 3, 4 để nêu những thuận lợi và khó khăn của khí hậu đối với đời sống và hoạt động sản xuất.	- HS tiếp tục làm việc theo cặp, quan sát hình 3, 4 và nêu thuận lợi, khó khăn của khí hậu.
- GV gọi đại diện 2 - 3 HS trình bày, các HS khác bổ sung (nếu có). Sau đó, GV nhận xét và chuẩn kiến thức:	- Đại diện 2 - 3 HS trình bày; HS khác bổ sung; cả lớp ghi nhớ kiến thức trọng tâm:
+ Việt Nam có nguồn nhiệt, ẩm dồi dào nên cây trồng phát triển quanh năm và cho năng suất cao.	+ HS nêu: cây trồng phát triển quanh năm, năng suất cao.
+ Khí hậu thay đổi theo mùa và vùng miền nên sản phẩm nông nghiệp đa dạng.	+ HS nêu: sản phẩm nông nghiệp đa dạng theo mùa và vùng miền.
+ Nước ta chịu ảnh hưởng của nhiều thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán,... gây khó khăn cho đời sống và hoạt động sản xuất.	+ HS nêu: bão, lũ lụt, hạn hán gây khó khăn cho đời sống và sản xuất.
Câu hỏi dẫn tích hợp: Khi nghe tin dự báo bão, mưa lớn hoặc lũ lụt, em có thể sử dụng công cụ số/AI như thế nào để tìm thông tin an toàn và chính xác?	HS trả lời câu hỏi dẫn và thực hiện theo hướng dẫn.
Tích hợp AI 5.A2.2: GV giới thiệu công cụ dự báo thời tiết có ứng dụng AI như ứng dụng Thời tiết, website Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, bản tin thời tiết trên tivi/Internet. GV hướng dẫn HS xem biểu tượng thời tiết, lượng mưa, cảnh báo bão; không chia sẻ tin chưa kiểm chứng; so sánh thông tin với nguồn chính thống; nghe	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu: có thể xem dự báo thời tiết trên ứng dụng hoặc nguồn chính thống. - HS biết không chia sẻ thông tin chưa kiểm chứng. - HS biết theo dõi cảnh báo bão, mưa lớn, lũ lụt và nghe hướng dẫn của người lớn.

theo hướng dẫn của người lớn khi có thiên tai.	
2.2. Sông, hồ	
<p>- GV yêu cầu HS: Đọc thông tin và quan sát các hình 5, 6, hãy:</p>  <p>Sông, hồ cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt, tạo điều kiện phát triển đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, du lịch, giao thông đường thủy, thủy điện,...</p>	<p>- HS đọc thông tin và quan sát hình 5, 6.</p>
<p>+ Trình bày đặc điểm của sông, hồ ở nước ta.</p>	<p>+ HS trình bày: Việt Nam có rất nhiều sông, chủ yếu là sông nhỏ; một số sông lớn là sông Hồng, sông Cửu Long (sông Tiền, sông Hậu),...</p>
<p>+ Nêu vai trò của sông, hồ đối với đời sống và hoạt động sản xuất.</p>	<p>+ HS nêu: sông, hồ cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt, tạo điều kiện phát triển đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, du lịch, giao thông đường thủy, thủy điện,...</p>
<p>- Với nhiệm vụ đầu tiên, GV tổ chức cho HS hoạt động theo cặp, khai thác thông tin và các hình 5, 6 để thực hiện.</p>	<p>- HS trao đổi theo cặp, khai thác thông tin và hình ảnh.</p>
<p>- GV đặt một số câu hỏi gợi mở cho HS: Nước ta có nhiều hay ít sông? Các sông lớn hay nhỏ? Lượng nước sông trong năm ổn định hay có sự thay đổi?...</p>	<p>- HS trả lời câu hỏi gợi mở, rút ra đặc điểm sông, hồ nước ta.</p>
<p>- GV gọi 2 - 3 HS lên trình bày đặc điểm của sông, hồ ở nước ta, các HS khác bổ sung (nếu có). GV nhận xét và chuẩn kiến thức.</p>	<p>- Đại diện 2 - 3 HS trình bày; HS khác bổ sung; cả lớp ghi nhớ kiến thức trọng tâm.</p>
<p>- Với nhiệm vụ thứ hai, GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin và vận dụng kiến thức đã học để nêu ảnh hưởng của sông, hồ đối với đời sống, sản xuất. Sau đó, GV cho HS trình bày kết quả làm việc và đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>- HS làm việc cá nhân, nêu ảnh hưởng của sông, hồ đối với đời sống, sản xuất; trình bày kết quả trước lớp.</p>
<p>- GV có thể sử dụng lược đồ tự nhiên Việt Nam, yêu cầu HS kể tên và xác định trên lược đồ một số sông, hồ lớn của nước ta.</p>	<p>- HS kể tên và xác định một số sông, hồ lớn trên lược đồ nếu có.</p>
<p>- Kiến thức trọng tâm của mục:</p>	<p>- HS ghi nhớ kiến thức trọng tâm:</p>
<p>+ Việt Nam có rất nhiều sông, chủ yếu là sông nhỏ. Một số sông lớn là sông Hồng, sông Cửu Long (sông Tiền, sông Hậu),...</p>	<p>+ Việt Nam có nhiều sông, phần lớn là sông nhỏ.</p>
<p>+ Lượng nước sông thay đổi theo mùa.</p>	<p>+ Lượng nước sông thay đổi theo mùa.</p>

• Mùa lũ, mực nước sông dâng cao, có thể gây lũ lụt, ngập úng.	• Mùa lũ dễ gây lũ lụt, ngập úng.
• Mùa cạn, mực nước sông hạ thấp, dẫn đến tình trạng thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất ở một số khu vực.	• Mùa cạn có thể thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất ở một số khu vực.
+ Nước ta có nhiều hồ, gồm hồ tự nhiên và hồ nhân tạo.	+ Nước ta có nhiều hồ tự nhiên và hồ nhân tạo.
+ Sông, hồ cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt, tạo điều kiện phát triển đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, du lịch, giao thông đường thủy, thủy điện,...	+ Sông, hồ có nhiều vai trò đối với đời sống và sản xuất.
Câu hỏi dẫn tích hợp: Ở địa phương em, chúng ta cần làm gì để bảo vệ sông, hồ và nguồn nước?	HS trả lời câu hỏi dẫn.
Tích hợp tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước: GV hướng dẫn HS liên hệ việc làm cụ thể: khóa vòi nước sau khi sử dụng; dùng lượng nước vừa đủ; không xả rác xuống kênh rạch, ao hồ; không đổ dầu mỡ, hóa chất xuống cống; nhắc người thân giữ gìn nguồn nước sạch. GV nhấn mạnh bảo vệ sông, hồ cũng là bảo vệ đời sống và sản xuất.	- HS nêu: tiết kiệm nước, không xả rác xuống sông hồ, không đổ chất thải xuống cống, nhắc người thân bảo vệ nguồn nước. - HS cam kết thực hiện một việc làm tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước.
3. Luyện tập (5 phút) Mục tiêu: củng cố kiến thức về khí hậu và sông, hồ ở Việt Nam. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ:	- HS làm việc cá nhân, đọc lại nội dung đã học để trả lời.
+ Trình bày đặc điểm chính của khí hậu nước ta.	+ HS trả lời: khí hậu Việt Nam là nhiệt đới ẩm gió mùa, nhiệt độ cao, mưa nhiều, có hai mùa gió chính, phân hóa giữa miền Bắc và miền Nam.
+ Nêu vai trò của sông, hồ đối với đời sống và hoạt động sản xuất.	+ HS nêu: sông, hồ cung cấp nước, thủy sản, du lịch, giao thông đường thủy, thủy điện,...
- GV gọi HS trình bày sản phẩm, các HS khác nhận xét và bổ sung.	- HS trình bày, nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của mỗi HS theo các tiêu chí như: chính xác về nội dung, trình bày sạch sẽ, rõ ràng.	- HS lắng nghe GV nhận xét và chỉnh sửa nếu cần.
4. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức để liên hệ thực tế địa phương. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân hoặc nhóm, hoàn thành nhiệm vụ: Tìm hiểu và chia sẻ với bạn về một con sông, hồ hoặc	- HS ghi nhiệm vụ vận dụng và chia sẻ nhanh một con sông, hồ hoặc hiện tượng thời tiết em biết.

hiện tượng thời tiết ở địa phương em.	
- GV hướng dẫn HS chuẩn bị tiết sau: đọc trước mục Đất và Rừng; quan sát hình 7, 8, 9, 10 trong SHS.	- HS chuẩn bị nội dung tiết sau theo hướng dẫn của GV.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5 CHỦ ĐỀ 1: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM

TUẦN 3

BÀI 2: THIÊN NHIÊN VIỆT NAM (TIẾT 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Trình bày được đặc điểm của đất ở Việt Nam.
- Trình bày được đặc điểm của rừng ở Việt Nam.
- Nêu được vai trò của đất, rừng đối với sản xuất và đời sống.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc thông tin, quan sát hình 7, 8, 9, 10 trong SHS để thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi theo cặp, trình bày kết quả và lắng nghe ý kiến bổ sung.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: liên hệ vai trò của đất, rừng với sản xuất nông nghiệp và đời sống.

3. Phẩm chất

- Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, ý thức bảo vệ đất, bảo vệ rừng và môi trường sống.

4. Tích hợp

- **Tích hợp BVMT:** HS liên hệ việc bảo vệ rừng, bảo vệ đất, phòng chống xói mòn, hạn chế rác thải làm suy thoái môi trường tự nhiên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK/SHS Lịch sử và Địa lí 5, SGV Lịch sử và Địa lí 5, bản đồ/lược đồ tự nhiên Việt Nam, lược đồ khí hậu Việt Nam, lược đồ sông, hồ Việt Nam nếu có; hình ảnh, video thể hiện đặc điểm thiên nhiên và ảnh hưởng của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống; hoạt động của con người trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.
- Học sinh: SGK/SHS, vở ghi, bút, thước, bút màu; thiết bị học tập nếu được giáo viên phân công sử dụng trong hoạt động tích hợp.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Nhắc lại một số nội dung đã học tiết trước, tạo hứng thú cho HS tìm hiểu đất và rừng Việt Nam. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS nhắc lại kiến thức đã học ở tiết trước:	- HS trả lời theo hiểu biết đã học ở tiết trước.
+ Trình bày đặc điểm chính của khí hậu Việt Nam.	+ Khí hậu Việt Nam là nhiệt đới ẩm gió mùa, có sự khác nhau giữa miền Bắc và miền Nam.

+ Nêu vai trò của sông, hồ đối với đời sống và hoạt động sản xuất.	+ Sông, hồ cung cấp nước, phát triển thủy sản, du lịch, giao thông đường thủy, thủy điện,...
- GV nhận xét, kết nối: Đất và rừng cũng là những thành phần thiên nhiên quan trọng, có vai trò lớn đối với sản xuất và đời sống.	- HS lắng nghe, ghi tên nội dung tiết học.
2. Khám phá: Tìm hiểu về đất và rừng (25 phút) Mục tiêu: Trình bày được đặc điểm của đất, rừng và nêu vai trò của đất, rừng đối với sản xuất, đời sống. *Cách tiến hành:	
2.1. Đất	
- GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát các hình 7, 8 để thực hiện nhiệm vụ: 	- HS đọc thông tin và quan sát hình 7, 8.
+ Trình bày đặc điểm của các loại đất ở nước ta.	+ HS trình bày: Việt Nam có hai nhóm đất chính là đất phe-ra-lit và đất phù sa.
+ Nêu vai trò của đất đối với sản xuất nông nghiệp.	+ HS nêu: đất có vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, trồng rừng, cây công nghiệp, cây ăn quả, cây lương thực, rau đậu,...
- GV yêu cầu HS hoạt động theo cặp để thực hiện nhiệm vụ.	- HS trao đổi theo cặp, khai thác thông tin và hình ảnh.
- GV gọi 2 - 3 HS lên trình bày, các HS khác theo dõi, bổ sung (nếu có). Sau đó, GV nhận xét và chuẩn kiến thức: Việt Nam có hai nhóm đất chính là nhóm đất phe-ra-lit và nhóm đất phù sa.	- Đại diện 2 - 3 HS trình bày; HS khác bổ sung; cả lớp ghi nhớ kiến thức trọng tâm.
+ Nhóm đất phe-ra-lit phân bố ở vùng đồi núi, với đặc điểm chua và nghèo mùn, thích hợp trồng rừng, cây công nghiệp, cây ăn quả và cây dược liệu.	+ HS ghi nhớ: đất phe-ra-lit ở vùng đồi núi, thích hợp trồng rừng, cây công nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu.
+ Nhóm đất phù sa phân bố chủ yếu ở vùng	+ HS ghi nhớ: đất phù sa ở đồng bằng, tại

đồng bằng, nhìn chung tôi xốp, màu mỡ, thuận lợi trồng cây lương thực (đặc biệt là lúa nước), rau đậu, cây ăn quả,...	xốp, màu mỡ, thuận lợi trồng lúa nước, rau đậu, cây ăn quả.
- GV có thể sử dụng lược đồ tự nhiên Việt Nam và cho HS xác định khu vực phân bố của hai nhóm đất trên lược đồ.	- HS xác định khu vực phân bố của hai nhóm đất trên lược đồ nếu có.
- GV tổ chức cho HS phân tích hình 7, 8 kết hợp khai thác thông tin để thấy được vai trò của đất đối với sản xuất nông nghiệp.	- HS phân tích hình 7, 8 và liên hệ vai trò của đất trong sản xuất nông nghiệp.
Câu hỏi dẫn tích hợp: Nếu đất bị ô nhiễm hoặc bị xói mòn thì sản xuất nông nghiệp và đời sống sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?	HS trả lời câu hỏi dẫn.
Tích hợp BVMT: GV hướng dẫn HS liên hệ: đất bị ô nhiễm, bạc màu, xói mòn sẽ làm cây trồng kém phát triển, giảm năng suất, ảnh hưởng nguồn nước và sức khỏe con người. GV gợi ý việc làm bảo vệ đất: không vứt rác bừa bãi, hạn chế hóa chất độc hại, trồng cây che phủ đất, giữ vệ sinh môi trường, sử dụng đất hợp lí.	- HS nêu: đất bị ô nhiễm hoặc xói mòn sẽ làm cây trồng kém phát triển, giảm năng suất, ảnh hưởng đời sống. - HS nêu việc làm: không xả rác, trồng cây, bảo vệ đất, sử dụng đất hợp lí.
2.2. Rừng	
- GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát các hình 9, 10 và thực hiện nhiệm vụ: 	- HS đọc thông tin và quan sát hình 9, 10.
+ Trình bày đặc điểm của rừng ở nước ta.	+ HS trình bày: rừng nhiệt đới và rừng ngập mặn là hai kiểu rừng chủ yếu ở nước ta.
+ Nêu vai trò của rừng đối với đời sống và hoạt động sản xuất.	+ HS nêu: rừng cung cấp gỗ, nhiều sản vật; hạn chế xói mòn đất, lũ lụt,...
- GV yêu cầu HS hoạt động theo cặp để thực hiện nhiệm vụ.	- HS trao đổi theo cặp, khai thác thông tin và hình ảnh.
- GV gọi 2 - 3 HS lên trình bày, các HS khác theo dõi, bổ sung (nếu có). Sau đó, GV nhận xét và chuẩn kiến thức:	- Đại diện 2 - 3 HS trình bày; HS khác bổ sung; cả lớp ghi nhớ kiến thức trọng tâm.
+ Rừng nhiệt đới và rừng ngập mặn là hai kiểu rừng chủ yếu ở nước ta.	+ HS ghi nhớ: rừng nhiệt đới và rừng ngập mặn là hai kiểu rừng chủ yếu ở nước ta.
+ Rừng có vai trò: cung cấp gỗ và nhiều sản vật phục vụ cho sản xuất, đời sống của con người (thực phẩm, dược liệu,...); hạn chế xói mòn đất, lũ lụt,...	+ HS nêu vai trò của rừng đối với sản xuất, đời sống và môi trường.

3. Luyện tập (5 phút) Mục tiêu: củng cố kiến thức về đất và rừng ở Việt Nam. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ:	- HS làm việc cá nhân, đọc lại nội dung đã học để trả lời.
+ Trình bày đặc điểm của các loại đất ở nước ta.	+ HS trả lời: Việt Nam có hai nhóm đất chính là đất phe-ra-lit và đất phù sa.
+ Nêu vai trò của rừng đối với đời sống và hoạt động sản xuất.	+ HS nêu: rừng cung cấp gỗ, thực phẩm, dược liệu; hạn chế xói mòn đất, lũ lụt,...
- GV gọi HS trình bày sản phẩm, các HS khác nhận xét và bổ sung.	- HS trình bày, nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của mỗi HS theo các tiêu chí như: chính xác về nội dung, trình bày sạch sẽ, rõ ràng.	- HS lắng nghe GV nhận xét và chỉnh sửa nếu cần.
4. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút) Mục tiêu: Liên hệ kiến thức với việc bảo vệ đất và rừng ở địa phương. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân hoặc nhóm, hoàn thành nhiệm vụ: Tìm hiểu và chia sẻ với bạn về một việc làm bảo vệ đất hoặc bảo vệ rừng mà em có thể thực hiện.	- HS ghi nhiệm vụ vận dụng và chia sẻ: không vứt rác bừa bãi, trồng cây, tiết kiệm giấy, không bẻ cành, không đốt rừng, tuyên truyền bảo vệ rừng.
- GV hướng dẫn HS chuẩn bị tiết sau: đọc trước mục Một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai; quan sát hình 11.	- HS chuẩn bị nội dung tiết sau theo hướng dẫn của GV.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

CHỦ ĐỀ 1: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM

TUẦN 3

BÀI 2: THIÊN NHIÊN VIỆT NAM (TIẾT 4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.
- Hoàn thành được bảng thông tin về vai trò của thiên nhiên Việt Nam đối với đời sống và hoạt động sản xuất của con người.
- Vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu, chia sẻ về đặc điểm của một thành phần thiên nhiên tại địa phương.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc thông tin, quan sát hình 11 và thực hiện nhiệm vụ luyện tập, vận dụng.
- Giao tiếp và hợp tác: thực hiện hoạt động think - pair - share; trao đổi, chia sẻ kết quả học tập.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: đề xuất việc làm bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, phòng chống thiên tai phù hợp lứa tuổi.

3. Phẩm chất

- Có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, tiết kiệm nước, phòng chống thiên tai và giữ gìn môi trường sống.

4. Tích hợp

- **Tích hợp tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước:** HS nêu việc làm phù hợp để bảo vệ nguồn nước ở địa phương như không xả rác xuống kênh rạch, không lãng phí nước sạch.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK/SHS Lịch sử và Địa lí 5, SGV Lịch sử và Địa lí 5, bản đồ/lược đồ tự nhiên Việt Nam, lược đồ khí hậu Việt Nam, lược đồ sông, hồ Việt Nam nếu có; hình ảnh, video thể hiện đặc điểm thiên nhiên và ảnh hưởng của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống; hoạt động của con người trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.
- Học sinh: SGK/SHS, vở ghi, bút, thước, bút màu; thiết bị học tập nếu được giáo viên phân công sử dụng trong hoạt động tích hợp.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Nhắc lại một số nội dung đã học tiết trước, tạo hứng thú cho HS tìm hiểu biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS nhắc lại kiến thức đã học ở tiết trước:	- HS trả lời theo hiểu biết đã học ở tiết trước.
+ Trình bày đặc điểm của đất ở nước ta.	+ Việt Nam có hai nhóm đất chính là đất phe-ra-lit và đất phù sa.
+ Nêu vai trò của rừng đối với đời sống và hoạt động sản xuất.	+ Rừng cung cấp gỗ, sản vật; hạn chế xói mòn đất, lũ lụt,...
- GV nhận xét, kết nối: Để thiên nhiên tiếp tục mang lại nguồn tài nguyên và điều kiện sống cho con người, chúng ta cần bảo vệ tài	- HS lắng nghe, ghi tên nội dung tiết học.

nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.	
2. Khám phá: Tìm hiểu một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai (23 phút) Mục tiêu: Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát hình 11 và dựa vào hiểu biết của bản thân, nêu một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai. 	- HS đọc thông tin, quan sát hình 11 và suy nghĩ cá nhân.
- GV tổ chức cho HS hoạt động theo phương pháp think - pair - share (suy nghĩ - ghép cặp - chia sẻ):	- HS thực hiện hoạt động theo phương pháp think - pair - share.
+ “Think”: HS suy nghĩ cá nhân về yêu cầu của GV.	+ “Think”: HS suy nghĩ cá nhân.
+ “Pair”: HS tìm bạn và tạo thành cặp đôi, chia sẻ những ý kiến với nhau trong cặp.	+ “Pair”: HS ghép cặp và chia sẻ ý kiến.
+ “Share”: HS chia sẻ với cặp đôi khác hoặc nhóm lớn hơn những ý kiến của mình.	+ “Share”: HS chia sẻ với cặp đôi khác hoặc nhóm lớn hơn.
- GV mời HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).	- HS trình bày trước lớp; HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét hoạt động của HS và chốt kiến thức: Một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai là:	- HS lắng nghe và ghi nhớ các biện pháp:
+ Khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên.	+ Khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên.
+ Trồng rừng và bảo vệ rừng.	+ Trồng rừng và bảo vệ rừng.
+ Sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo.	+ Sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo.
+ Xây dựng các công trình thủy lợi.	+ Xây dựng các công trình thủy lợi.
+ Dự báo và cảnh báo sớm thiên tai.	+ Dự báo và cảnh báo sớm thiên tai.
+ Giáo dục ý thức bảo vệ tài nguyên thiên	+ Giáo dục ý thức bảo vệ tài nguyên thiên

nhiên và phòng, chống thiên tai.	nhiên và phòng, chống thiên tai.										
+ Rèn luyện các kỹ năng phòng, chống thiên tai.	+ Rèn luyện các kỹ năng phòng, chống thiên tai.										
- GV có thể cung cấp thêm một số hình ảnh hoặc video về các hoạt động bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai ở Việt Nam.	- HS quan sát thêm hình ảnh/video nếu có và liên hệ thực tế.										
- GV khuyến khích HS đưa ra một số hành động phù hợp với lứa tuổi góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai ở địa phương nơi HS sống.	- HS nêu hành động phù hợp với lứa tuổi: bỏ rác đúng nơi quy định, tiết kiệm nước, trồng cây, không bẻ cây, chuẩn bị vật dụng khi có bão lũ, nghe theo hướng dẫn của người lớn.										
Câu hỏi dẫn tích hợp: Trong các biện pháp trên, biện pháp nào giúp bảo vệ nguồn nước ở gia đình, trường học và địa phương em?	HS trả lời câu hỏi dẫn.										
Tích hợp tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước: GV hướng dẫn HS nêu việc làm cụ thể: sử dụng tiết kiệm nước sạch, khóa vòi nước sau khi dùng, không xả rác xuống kênh rạch, không đổ chất thải xuống ao hồ, nhắc người thân dùng nước hợp lý. GV nhấn mạnh bảo vệ nguồn nước là một phần của bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.	- HS nêu: dùng nước tiết kiệm, khóa vòi nước, không xả rác xuống kênh rạch, ao hồ, nhắc người thân bảo vệ nguồn nước. - HS chia sẻ một việc em sẽ thực hiện trong tuần.										
3. Luyện tập (7 phút) Mục tiêu: Hoàn thành bảng thông tin về vai trò của thiên nhiên Việt Nam đối với đời sống và hoạt động sản xuất của con người. *Cách tiến hành:											
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ phần Luyện tập: Hoàn thành bảng thông tin về vai trò của thiên nhiên Việt Nam đối với đời sống và hoạt động sản xuất của con người theo gợi ý dưới đây.	- HS làm việc cá nhân, hoàn thành bảng Luyện tập trong SHS.										
 <p>Hình 11. Một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.</p> <p>LUYỆN TẬP</p> <p>Hoàn thành bảng thông tin về vai trò của thiên nhiên Việt Nam đối với đời sống và hoạt động sản xuất của con người theo gợi ý dưới đây vào vở.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Thành phần thiên nhiên</th> <th>Vai trò</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Địa hình và khoáng sản</td> <td>?</td> </tr> <tr> <td>Khí hậu</td> <td>?</td> </tr> <tr> <td>Sông, hồ</td> <td>?</td> </tr> <tr> <td>Đất và rừng</td> <td>?</td> </tr> </tbody> </table> <p>VẬN DỤNG</p> <p>Tìm hiểu và chia sẻ với bạn về đặc điểm của một thành phần thiên nhiên tại địa phương nơi em đang sống.</p>	Thành phần thiên nhiên	Vai trò	Địa hình và khoáng sản	?	Khí hậu	?	Sông, hồ	?	Đất và rừng	?	
Thành phần thiên nhiên	Vai trò										
Địa hình và khoáng sản	?										
Khí hậu	?										
Sông, hồ	?										
Đất và rừng	?										
- GV gọi HS trình bày sản phẩm, các HS	- HS trình bày sản phẩm; HS khác nhận xét										

khác nhận xét và bổ sung.	và bổ sung.
- GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của mỗi HS theo các tiêu chí như: chính xác về nội dung, trình bày sạch sẽ, rõ ràng.	- HS lắng nghe GV nhận xét và chỉnh sửa nếu cần.
- Gọi ý kết quả:	- HS đối chiếu kết quả của mình với gọi ý:
+ Địa hình và khoáng sản:	+ HS bổ sung vai trò của địa hình và khoáng sản vào bảng.
• Vùng đồi núi có nhiều thuận lợi để phát triển khai thác khoáng sản, thủy điện, chăn nuôi gia súc lớn (trâu, bò), trồng cây công nghiệp,... Đồng bằng thuận lợi để phát triển nhiều ngành kinh tế, dân cư đông đúc.	• HS ghi vai trò của địa hình vào ô “Địa hình và khoáng sản”.
• Khoáng sản được khai thác làm nguyên liệu, nhiên liệu cho nhiều ngành công nghiệp và xuất khẩu.	• HS ghi vai trò của khoáng sản vào ô “Địa hình và khoáng sản”.
+ Khí hậu:	+ HS bổ sung vai trò của khí hậu vào bảng.
• Có nguồn nhiệt, ẩm dồi dào giúp cây trồng phát triển quanh năm.	• HS ghi vai trò thứ nhất của khí hậu.
• Khí hậu thay đổi theo mùa và vùng miền nên sản phẩm nông nghiệp đa dạng.	• HS ghi vai trò thứ hai của khí hậu.
+ Sông, hồ:	+ HS bổ sung vai trò của sông, hồ vào bảng.
• Cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt, tạo điều kiện phát triển đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, du lịch, giao thông đường thủy, thủy điện,...	• HS ghi vai trò của sông, hồ.
+ Đất và rừng:	+ HS bổ sung vai trò của đất và rừng vào bảng.
• Nhóm đất phe-ra-lit thích hợp trồng rừng, cây công nghiệp, cây ăn quả và cây dược liệu. Nhóm đất phù sa thích hợp trồng cây lương thực (đặc biệt là lúa nước), rau đậu, cây ăn quả,...	• HS ghi vai trò của đất.
• Rừng cung cấp gỗ và nhiều sản vật phục vụ cho sản xuất, đời sống của con người (thực phẩm, dược liệu,...); hạn chế xói mòn đất, lũ lụt,...	• HS ghi vai trò của rừng và hoàn thiện bảng trong vở.
4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu, chia sẻ về một thành phần thiên nhiên tại địa phương. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân hoặc nhóm, hoàn thành nhiệm vụ ở phần Vận dụng: Tìm hiểu và chia sẻ với bạn về đặc điểm của một thành phần thiên nhiên tại địa	- HS làm việc cá nhân hoặc nhóm, lựa chọn một thành phần thiên nhiên tại địa phương như sông, hồ, đất, rừng, khí hậu,...

phương nơi em đang sống.	
- GV hướng dẫn HS cách tìm kiếm và sưu tầm hình ảnh, thông tin để HS hoàn thành nhiệm vụ.	- HS tìm kiếm, sưu tầm hình ảnh hoặc thông tin theo hướng dẫn; chuẩn bị chia sẻ với bạn hoặc trình bày ở tiết sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

CHỦ ĐỀ 1. ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM

TUẦN: 4

BÀI 3. BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Xác định được vị trí địa lí của vùng biển, một số đảo và quần đảo lớn của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được vai trò của biển, đảo đối với đời sống, phát triển kinh tế và bảo vệ Tổ quốc.
- Bước đầu biết khai thác tranh ảnh, lược đồ, thông tin trong SGK để trình bày ý kiến về biển, đảo Việt Nam.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc thông tin, quan sát hình, chuẩn bị câu trả lời trước khi trao đổi.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm đôi/nhóm 4, lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn hình ảnh, thông điệp ngắn gọn để chia sẻ về biển, đảo Việt Nam.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: tự hào về vùng biển, đảo của Việt Nam.
- Trách nhiệm: có ý thức tìm hiểu, tuyên truyền và bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

4. Tích hợp

- Tích hợp NLS 2.2.CB2a: HS chia sẻ cảm nghĩ, hình ảnh hoặc thông điệp về biển đảo Việt Nam trên Padlet theo hướng dẫn của GV.

- Tích hợp QPAN: HS hiểu vị trí, vai trò của biển đảo trong bảo vệ chủ quyền quốc gia.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Lược đồ hoặc bản đồ Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á; tranh ảnh về vịnh Hạ Long, đảo Lý Sơn, đảo Phú Quốc, quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa; máy tính, máy chiếu; bảng phụ hoặc phiếu học tập; Padlet.

- HS: SGK, vở, bút; tranh ảnh hoặc thông tin sưu tầm về biển, đảo Việt Nam.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập; giúp HS liên hệ kiến thức thực tế về biển, đảo Việt Nam. Cách tiến hành:	
<p>- GV cho HS quan sát hình 1 trong SGK và hỏi: Hình 1 là đảo thuộc quần đảo Trường Sa của nước ta. Hãy kể tên một số đảo, quần đảo khác của Việt Nam mà em biết.</p> 	<p>- HS quan sát hình và nêu: đảo Phú Quốc, đảo Lý Sơn, đảo Côn Cỏ, quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa,...</p>
<p>- GV hỏi gợi ý: Em đã từng nghe bài hát, câu chuyện, bài thơ hoặc tin tức nào nói về biển, đảo Việt Nam chưa?</p>	<p>- HS chia sẻ ngắn: Em biết bài hát về biển đảo quê hương; em biết Trường Sa, Hoàng Sa là quần đảo của Việt Nam; em biết vịnh Hạ Long là di sản thiên nhiên thế giới,...</p>
<p>- GV nhận xét phần chia sẻ của HS và dẫn dắt: Bài học hôm nay giúp chúng ta xác định vị trí vùng biển, đảo của Việt Nam và</p>	<p>- HS lắng nghe, xác định nhiệm vụ học tập của bài.</p>

hiểu thêm trách nhiệm bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

2. Khám phá (20 phút)

2.1. Tìm hiểu vị trí địa lí của vùng biển, một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam
Mục tiêu: HS xác định được vị trí địa lí của vùng biển, một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ.

Cách tiến hành:

- GV giao nhiệm vụ: Đọc thông tin trong SGK, quan sát hình 2, hình 3, hình 4 và bản đồ Việt Nam, em hãy xác định vị trí địa lí của vùng biển, một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam.



▲ Hình 2. Một phần vịnh Hạ Long (tỉnh Quảng Ninh)

Em có biết?
 Vịnh Hạ Long có gần 2.000 hòn đảo lớn, nhỏ với nhiều đảo đá, hang động và bãi tắm đẹp. Vịnh Hạ Long được UNESCO ghi danh là Di sản thiên nhiên thế giới.



▲ Hình 3. Đảo Lý Sơn (tỉnh Quảng Ngãi)



▲ Hình 4. Một góc đảo Phú Quốc (tỉnh An Giang)

- HS đọc thông tin, quan sát hình ảnh và bản đồ; xác định vùng biển Việt Nam là một phần của Biển Đông; nêu được một số đảo, quần đảo lớn như Phú Quốc, Lý Sơn, Côn Cỏ, Côn Đảo, Hoàng Sa, Trường Sa.

- GV cho HS thảo luận nhóm đôi: Vùng biển Việt Nam có vị trí như thế nào so với đất liền? Đường bờ biển nước ta kéo dài từ đâu đến đâu?

- HS thảo luận nhóm đôi và trình bày: Vùng biển Việt Nam nằm ở phía đông và phía nam đất liền, thuộc Biển Đông; đường bờ biển kéo dài từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến mũi Cà Mau (Cà Mau).

- GV yêu cầu nhóm 4 quan sát bản đồ và kể tên một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam.

- Đại diện nhóm trình bày: Một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam là Phú Quốc, Côn Đảo, Côn Cỏ, Lý Sơn, quần đảo

	Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa,...
- GV hỏi khai thác hình 2: Vịnh Hạ Long có cảnh quan nổi bật gì? Em biết thêm thông tin nào về vịnh Hạ Long?	- HS nêu: Vịnh Hạ Long có nhiều đảo đá, hang động và cảnh quan đẹp; vịnh Hạ Long được UNESCO ghi danh là Di sản thiên nhiên thế giới.
- GV hỏi khai thác hình 3, hình 4: Đảo Lý Sơn và đảo Phú Quốc thuộc địa phương nào? Các đảo này có tiềm năng gì?	- HS nêu: Đảo Lý Sơn thuộc Quảng Ngãi; đảo Phú Quốc thuộc Kiên Giang; các đảo có tiềm năng phát triển du lịch, đánh bắt hải sản, giao lưu kinh tế biển.
- GV mời 2 - 3 HS lên chỉ trên bản đồ vị trí vịnh Hạ Long, đảo Lý Sơn, đảo Phú Quốc, quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.	- HS lên bảng chỉ bản đồ; HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung vị trí nếu cần.
- GV đặt câu hỏi mở rộng: Vì sao nước ta cần quan tâm đến vùng biển, đảo?	- HS trả lời: Vì biển, đảo có nhiều tài nguyên, có vị trí quan trọng trong giao thông, du lịch, phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền quốc gia.
<p>Mục tiêu tích hợp QPAN: HS hiểu vị trí, vai trò của biển đảo trong bảo vệ chủ quyền quốc gia.</p> <p>- GV diễn giải tích hợp QPAN: Khi xác định quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và các đảo lớn trên bản đồ, các em cần hiểu rằng biển, đảo không chỉ là không gian sinh sống, sản xuất mà còn là bộ phận thiêng liêng của lãnh thổ Việt Nam. Biển, đảo có vị trí chiến lược trong giao thông, kinh tế, quốc phòng và an ninh. Mỗi học sinh cần biết trân trọng, tìm hiểu đúng thông tin, không chia sẻ thông tin sai lệch về chủ quyền biển, đảo và có thái độ tự hào, trách nhiệm với Tổ quốc.</p>	<p>HS nêu: Biển, đảo có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, giao thông, du lịch và bảo vệ Tổ quốc. Em cần tìm hiểu đúng thông tin, yêu quý biển đảo quê hương và tuyên truyền để mọi người cùng bảo vệ chủ quyền biển, đảo.</p>

- GV chuẩn kiến thức: Việt Nam có vùng biển rộng, đường bờ biển dài; trong vùng biển có hàng nghìn đảo, nhiều đảo tập hợp thành quần đảo; Hoàng Sa và Trường Sa là hai quần đảo lớn, có vị trí quan trọng của Việt Nam trên Biển Đông.	- HS lắng nghe và ghi nhớ kiến thức chính.
--	--

3. Luyện tập (8 phút)

Mục tiêu: củng cố kỹ năng xác định vị trí đảo, quần đảo và nêu vai trò của biển, đảo Việt Nam.

Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: Hoàn thành nhanh bảng dưới đây vào vở.	- HS hoàn thành bảng vào vở.		
- GV hướng dẫn HS kẻ bảng và điền thông tin.	- HS kẻ bảng và điền:		
	Địa danh	Thuộc loại	Địa phương/ghi nhớ
	Vịnh Hạ Long	Vịnh/di sản thiên nhiên	Quảng Ninh
	Lý Sơn	Đảo	Quảng Ngãi
	Phú Quốc	Đảo lớn	Kiên Giang
	Hoàng Sa	Quần đảo	Việt Nam
	Trường Sa	Quần đảo	Việt Nam

- GV gọi 2 - 3 HS trình bày kết quả, yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày kết quả; HS khác nhận xét, bổ sung nếu thiếu.
- GV hỏi mở rộng: Em sẽ giới thiệu với người thân điều gì về biển, đảo Việt Nam sau bài học hôm nay?	- HS nêu: Em sẽ giới thiệu về vịnh Hạ Long, đảo Lý Sơn, đảo Phú Quốc, Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam.
4. Vận dụng (7 phút) Mục tiêu: HS chia sẻ cảm nghĩ, hình ảnh hoặc thông điệp về biển, đảo Việt Nam trên môi trường số theo hướng dẫn. Cách tiến hành:	
Mục tiêu tích hợp NLS 2.2.CB2a: HS chia sẻ cảm nghĩ, hình ảnh hoặc thông điệp về biển đảo Việt Nam trên Padlet theo hướng dẫn của GV. - GV hướng dẫn HS sử dụng Padlet của lớp: Mỗi nhóm chọn một hình ảnh hoặc viết một thông điệp ngắn về biển, đảo Việt Nam. Khi đăng bài, HS cần ghi tên nhóm, viết lời chia sẻ lịch sự, không đăng thông tin cá nhân, không sử dụng hình ảnh không rõ nguồn gốc và bình luận tích cực vào sản phẩm của nhóm bạn.	HS thực hiện theo nhóm: chọn hình ảnh hoặc viết thông điệp như “Em yêu biển đảo Việt Nam”, “Chung tay bảo vệ biển đảo quê hương”, “Tìm hiểu đúng thông tin về Hoàng Sa, Trường Sa”. HS đăng lên Padlet theo hướng dẫn và bình luận lịch sự.
- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm có thông điệp rõ ràng, tích cực và chốt bài học.	- HS lắng nghe, hoàn thiện sản phẩm nếu cần.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5**CHỦ ĐỀ 1. ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM****TUẦN: 4****BÀI 3. BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM (TIẾT 2)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Trình bày được công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử và hiện nay.
- Sử dụng được một số tư liệu, tranh ảnh, câu chuyện liên quan đến đội Hoàng Sa, bia chủ quyền, hoạt động bảo vệ biển đảo hiện nay.
- Suy tầm, đọc và kể lại được một số câu chuyện, bài thơ, bài hát về biển, đảo Việt Nam.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc thông tin, khai thác tư liệu, chuẩn bị nội dung kể chuyện.
- Giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm, trình bày kết quả, nhận xét sản phẩm của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn tư liệu phù hợp, xây dựng thông điệp bảo vệ biển đảo và môi trường biển.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: tự hào và biết ơn các thế hệ đã góp công bảo vệ chủ quyền biển, đảo.
- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn môi trường biển và tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

4. Tích hợp

- Tích hợp AI 5.C4.2: HS dùng AI Search sưu tầm tư liệu, bằng chứng lịch sử khẳng định chủ quyền biển đảo Việt Nam.
- Tích hợp BVMT: HS có ý thức giữ gìn môi trường biển, không xả rác nhựa ra biển.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh ảnh, tư liệu về đội Hoàng Sa, bia chủ quyền trên đảo Hoàng Sa, học sinh Trường Tiểu học xã Sinh Tồn, bộ đội hải quân tuần tra; máy tính, máy chiếu; bảng phụ; phiếu học tập; AI Search có định hướng kiểm chứng thông tin.

- HS: SGK, vở, bút; câu chuyện, bài thơ, bài hát hoặc hình ảnh sưu tầm về biển, đảo Việt Nam.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Ôn lại vị trí biển, đảo Việt Nam và dẫn dắt vào nội dung bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”: Kể tên một đảo hoặc quần đảo của Việt Nam, bạn sau không lặp lại đáp án của bạn trước.	- HS lần lượt nêu: Phú Quốc, Lý Sơn, Côn Cỏ, Côn Đảo, Hoàng Sa, Trường Sa,...
- GV hỏi: Vì sao các thế hệ người Việt Nam luôn quan tâm bảo vệ biển, đảo?	- HS nêu: Vì biển, đảo là một phần lãnh thổ của Việt Nam, có nhiều tài nguyên, có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế và bảo vệ Tổ quốc.
- GV nhận xét, dẫn dắt vào nội dung tìm hiểu công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.	- HS lắng nghe, chuẩn bị học bài mới.
2. Khám phá (22 phút)	
2.1. Tìm hiểu công cuộc bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong lịch sử Mục tiêu: HS nêu được một số hoạt động bảo vệ chủ quyền biển, đảo thời các chúa Nguyễn, Triều Nguyễn và thời Pháp thuộc. Cách tiến hành:	
- GV giao nhiệm vụ nhóm 4: Đọc thông tin trong SGK, quan sát hình 5, hình 6 và tư liệu, hãy trình bày những hoạt động chính trong công cuộc bảo vệ chủ quyền của Việt Nam ở Biển Đông qua các thời kì.	- HS đọc thông tin, quan sát hình và thảo luận nhóm 4; ghi ý chính về đội Hoàng Sa, hoạt động của Triều Nguyễn, bia chủ quyền thời Pháp thuộc.

<div data-bbox="224 142 354 210">  <p>Câu chuyện Lịch sử</p> </div> <div data-bbox="462 168 592 199"> <p>ĐỘI HOÀNG SA</p> </div> <div data-bbox="235 214 519 331"> <p>Chúa Nguyễn Phúc Nguyên đã lập ra đội Hoàng Sa, gồm 70 người từ xã An Vĩnh (nay thuộc đặc khu Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi). Đội có nhiệm vụ ra quần đảo Hoàng Sa để thu lượm, khai thác sản vật...</p> </div> <div data-bbox="235 331 787 462"> <p>Hằng năm, cứ từ tháng 3 đến tháng 8, họ giương buồm vượt biển ra quần đảo Hoàng Sa, mang lương thực đủ ăn trong sáu tháng, đi ba ngày ba đêm thì đến. Trong điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, chỉ với những chiếc thuyền câu nhỏ bé và các vật dụng thô sơ nên nhiều người đã không thể trở về.</p> </div> <div data-bbox="235 462 787 520"> <p>Để cầu bình an cho những người đi làm nhiệm vụ, đồng thời tri ân những người có công trong việc bảo vệ biển, đảo quê hương, người dân ở đảo Lý Sơn đã tổ chức lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa.</p> </div> <div data-bbox="332 520 787 562"> <p>(Theo Nguyễn Hữu Tâm, Những mẩu chuyện bảo vệ biển cương trong lịch sử, NXB Chính trị quốc gia, 2016)</p> </div> <div data-bbox="544 214 771 378">  </div> <div data-bbox="576 378 738 420"> <p>Hình 5. Tem về đội Hoàng Sa (phát hành năm 1988)</p> </div>	
<p>- GV hỏi khai thác hình 5: Tem về đội Hoàng Sa cho em biết điều gì về hoạt động của người Việt ở Hoàng Sa?</p>	<p>- HS nêu: Đội Hoàng Sa đã ra quần đảo Hoàng Sa để thu lượm sản vật, khai thác và thực thi chủ quyền biển đảo từ thời các chúa Nguyễn.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Những người lính đội Hoàng Sa phải đối mặt với khó khăn nào khi vượt biển?</p>	<p>- HS trả lời: Các đội viên phải vượt biển xa, gặp sóng gió, thiếu thốn, nguy hiểm đến tính mạng nhưng vẫn hoàn thành nhiệm vụ.</p>
<p>- GV cho HS quan sát tư liệu Đại Nam thực lục và hình 6, hỏi: Tư liệu và bia chủ quyền chứng minh điều gì?</p> <div data-bbox="224 1239 803 1302"> <p>dựng cột mốc... trên quần đảo Hoàng Sa. Vua Minh Mạng cho vẽ Đại Nam nhất thống toàn đồ, trong đó thể hiện rõ quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam.</p> </div> <div data-bbox="224 1312 576 1480"> <p>TƯ LIỆU. Năm 1836, vua Minh Mạng cử Phạm Hữu Nhứt chỉ huy đội binh thuyền ra quần đảo Hoàng Sa, mang theo 10 cái bài gỗ (cột mốc). Mặt bài khắc những chữ: "Minh Mệnh thứ 17, năm Bính Thân... Phạm Hữu Nhứt vâng mệnh đi Hoàng Sa trông nom, đo đạc đến đây lưu dấu để ghi nhớ".</p> <p>(Theo Quốc sử quán Triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, Tập bốn, NXB Giáo dục, 2007, tr. 867)</p> </div> <div data-bbox="224 1486 576 1533"> <p>Thời Pháp thuộc, người Pháp cho dựng bia chủ quyền, lập đơn vị hành chính ở quần đảo</p> </div> <div data-bbox="592 1312 803 1522">  </div> <div data-bbox="592 1522 787 1533"> <p>Hình 6. Bia chủ quyền của Việt Nam</p> </div>	<p>- HS nêu: Tư liệu và bia chủ quyền cho thấy Việt Nam đã có hoạt động quản lý, đo đạc, cắm mốc, dựng bia và thực thi chủ quyền ở Hoàng Sa, Trường Sa qua các thời kì.</p>
<p>- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả theo từng thời kì: các chúa Nguyễn, Triều Nguyễn, thời Pháp thuộc.</p>	<p>- Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p>
<p>- GV chuẩn kiến thức: Từ thời các chúa Nguyễn, đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải đã được lập để khai thác, quản lý, thực thi chủ</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ các mốc hoạt động chính.</p>

quyền. Dưới Triều Nguyễn, nhà nước tiếp tục cấm mốc, dựng bia, đo đạc, vẽ bản đồ. Thời Pháp thuộc, bia chủ quyền của Việt Nam trên đảo Hoàng Sa được xây dựng năm 1938.

Mục tiêu tích hợp AI 5.C4.2: HS dùng AI Search sưu tầm tư liệu, bằng chứng lịch sử khẳng định chủ quyền biển đảo Việt Nam.

- GV diễn giải tích hợp AI: Khi sử dụng AI Search để tìm tư liệu về Hoàng Sa, Trường Sa, các em cần đặt câu hỏi rõ ràng, ví dụ: “Đội Hoàng Sa trong lịch sử Việt Nam là gì?” hoặc “Bia chủ quyền Hoàng Sa năm 1938 có ý nghĩa gì?”. Sau khi nhận kết quả, HS không sao chép nguyên văn mà phải đối chiếu với SGK, tư liệu chính thống, trang thông tin của bảo tàng, thư viện, cơ quan nhà nước. GV nhắc HS phân biệt thông tin đáng tin cậy và thông tin chưa kiểm chứng, tránh lan truyền thông tin sai lệch về chủ quyền biển, đảo.

HS nêu cách làm: Em dùng từ khóa rõ ràng, đọc kết quả, đối chiếu với SGK và nguồn chính thống trước khi sử dụng. Em không chia sẻ thông tin chưa kiểm chứng về Hoàng Sa, Trường Sa.

2.2. Tìm hiểu hoạt động bảo vệ biển, đảo hiện nay và kể chuyện về biển, đảo Việt Nam

Mục tiêu: HS nêu được một số hoạt động hiện nay nhằm bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông; kể được một câu chuyện hoặc bài thơ, bài hát về biển, đảo.

Cách tiến hành:

- GV giao nhiệm vụ nhóm 6: Đọc thông tin trong SGK, quan sát hình 7, hình 8, hãy nêu một số hoạt động hiện nay của Nhà nước và nhân dân ta trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

- HS quan sát hình 7, hình 8, thảo luận nhóm 6 và nêu: xây dựng trường học, trạm y tế trên đảo; đưa dân ra sinh sống; thành lập đơn vị hành chính; tuần tra bảo vệ biển đảo; phát triển kinh tế biển; hợp tác theo luật pháp quốc tế.

 <p>Hình 7. Thầy và trò Trường Tiểu học xã Sinh Tồn</p>  <p>Hình 8. Bộ đội hải quân tuần tra bảo vệ biển, đảo</p>	
<p>- GV hỏi khai thác hình 7: Việc có trường học trên đảo Sinh Tồn nói lên điều gì?</p>	<p>- HS nêu: Nhà nước quan tâm chăm lo đời sống người dân trên đảo; trẻ em trên đảo được học tập; người dân yên tâm sinh sống, góp phần giữ gìn biển đảo quê hương.</p>
<p>- GV hỏi khai thác hình 8: Bộ đội hải quân tuần tra trên biển có ý nghĩa gì?</p>	<p>- HS nêu: Bộ đội hải quân giúp bảo vệ chủ quyền biển, đảo, giữ gìn an ninh, góp phần bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân.</p>
<p>- GV yêu cầu HS kể lại một câu chuyện, đọc một đoạn thơ hoặc giới thiệu một bài hát về biển, đảo Việt Nam mà em sưu tầm được.</p>	<p>- HS kể chuyện/đọc thơ/giới thiệu bài hát: ví dụ câu chuyện về đội Hoàng Sa, bài thơ về biển đảo, bài hát nói về Trường Sa, Hoàng Sa,...</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Qua các câu chuyện và hình ảnh, em có cảm nghĩ gì về những người đang ngày đêm bảo vệ biển, đảo?</p>	<p>- HS nêu: Em biết ơn, tự hào và kính trọng các chiến sĩ, ngư dân, người dân trên đảo; em sẽ học tập tốt và tuyên truyền tình yêu biển đảo.</p>
<p>- GV chuẩn kiến thức: Hiện nay, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tiếp tục bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp ở Biển Đông bằng nhiều hoạt động phù hợp với luật pháp quốc tế; đồng thời chăm lo đời sống nhân dân trên đảo, tăng cường lực lượng bảo vệ biển đảo và phát triển kinh tế biển.</p>	<p>- HS lắng nghe và ghi nhớ kiến thức.</p>
<p>3. Luyện tập (8 phút) Mục tiêu: HS củng cố kiến thức về những hoạt động chính trong công cuộc bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam.</p>	

Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS quan sát yêu cầu luyện tập trong SGK: Hoàn thành bảng về những hoạt động chính trong công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.



- HS quan sát yêu cầu và chuẩn bị kẻ bảng vào vở.

- GV hướng dẫn HS kẻ bảng trong vở, làm việc cá nhân rồi trao đổi nhóm đôi để thống nhất đáp án.

- HS kẻ bảng và hoàn thành:

Thời kì	Hoạt động
Các chúa Nguyễn	Lập đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải để khai thác, quản lí, thực thi chủ quyền.
Triều Nguyễn	Cắm mốc, dựng bia, đo đạc, vẽ bản đồ, quản lí Hoàng Sa và Trường Sa.
Thời Pháp thuộc	Dựng bia chủ quyền Việt Nam trên đảo Hoàng Sa năm 1938.

	<p>Nhà nước CHXHCN Việt Nam</p> <p>Thành lập đơn vị hành chính, chăm lo đời sống trên đảo, tuần tra bảo vệ biển đảo, thực hiện chủ quyền theo luật pháp quốc tế.</p>
- GV gọi 2 HS trình bày bảng; GV nhận xét, sửa câu trả lời chưa đầy đủ.	- HS trình bày; HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV yêu cầu HS giới thiệu ngắn một bài thơ, bài hát hoặc câu chuyện về biển, đảo mà em sưu tầm được.	- HS giới thiệu: tên bài hát/bài thơ/câu chuyện, nội dung chính và điều em ấn tượng.
<p>4. Vận dụng (5 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS liên hệ trách nhiệm giữ gìn môi trường biển và tuyên truyền bảo vệ biển, đảo.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>Mục tiêu tích hợp BVMT: HS có ý thức giữ gìn môi trường biển, không xả rác nhựa ra biển.</p> <p>- GV diễn giải tích hợp BVMT: Bảo vệ biển, đảo không chỉ là hiểu đúng chủ quyền mà còn là giữ cho biển sạch, đẹp. Rác thải nhựa như túi ni-lông, chai nhựa, ống hút nếu bị vứt xuống biển sẽ làm ô nhiễm nước biển, gây hại cho sinh vật biển và ảnh hưởng đến đời sống của ngư dân. HS cần bắt đầu từ việc nhỏ: không xả rác khi đi biển, hạn chế dùng đồ nhựa một lần, nhặt rác đúng nơi quy định, nhắc người thân cùng bảo vệ môi trường biển.</p>	<p>HS nêu việc làm cụ thể: Em không xả rác xuống biển; bỏ rác đúng nơi quy định; hạn chế dùng túi ni-lông, chai nhựa dùng một lần; tham gia dọn vệ sinh bãi biển nếu có dịp; tuyên truyền người thân giữ gìn môi trường biển.</p>
- GV giao nhiệm vụ về nhà: Tìm hiểu và chia sẻ với bạn một hoạt động góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo ở địa phương	- HS ghi nhiệm vụ về nhà và chuẩn bị chia sẻ ở tiết học sau.

em hoặc địa phương khác mà em biết.	
-------------------------------------	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5 CHỦ ĐỀ: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM TUẦN 5

BÀI 4. DÂN CƯ VÀ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nêu được số dân, nhận xét được gia tăng dân số Việt Nam; xác định được đặc điểm phân bố dân cư hoặc kể được tên một số dân tộc ở Việt Nam theo nội dung tiết học.
- Khai thác được bảng số liệu, biểu đồ, bản đồ/lược đồ và thông tin trong SHS để trả lời câu hỏi.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị bài, đọc thông tin, quan sát hình, hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm, trình bày kết quả, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: yêu quý con người Việt Nam, tự hào về cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- Nhân ái: tôn trọng sự đa dạng văn hoá, ngôn ngữ, trang phục và phong tục tốt đẹp của các dân tộc.
- Trách nhiệm: có ý thức đoàn kết, giữ gìn bản sắc văn hoá tốt đẹp của các dân tộc Việt Nam.

4. Tích hợp

Tích hợp NLS 1.3.CB2a: HS sử dụng Google Sheets/Excel để nhập, sắp xếp, so sánh số liệu dân số, phân bố dân cư và một số dân tộc Việt Nam.

Tích hợp QCN: HS hiểu các dân tộc Việt Nam đều bình đẳng, có quyền được tôn trọng bản sắc văn hóa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK, SGV, tranh ảnh, lược đồ/hình trong SHS, máy tính, ti vi, phiếu học tập.
- Học sinh: SGK, vở, bút, đồ dùng học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập, kết nối với nội dung bài học về dân cư Việt Nam. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc thông tin phần Khởi động trong SHS.	- HS đọc thông tin phần Khởi động trong SHS.
- GV hỏi: Theo Thống kê, giữa tháng 4 năm 2023, dân số Việt Nam đạt mốc bao nhiêu người?	- HS trả lời: Dân số Việt Nam đạt mốc 100 triệu người.

- GV hỏi: Việt Nam trở thành quốc gia đông dân thứ mấy thế giới?	- HS trả lời: Việt Nam trở thành quốc gia đông dân thứ 15 thế giới.
- GV hỏi: Em có suy nghĩ gì về thông tin trên?	- HS trả lời: Việt Nam là nước đông dân; dân số đông vừa là nguồn lực, vừa đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết.
- GV dẫn dắt vào bài: Hôm nay, chúng ta tìm hiểu Bài 4. Dân cư và dân tộc ở Việt Nam.	- HS lắng nghe, ghi bài và chuẩn bị học tập.

2. Khám phá (27 phút)

Mục tiêu: HS nêu được số dân, so sánh quy mô dân số Việt Nam với một số nước Đông Nam Á và nhận xét được sự gia tăng dân số ở Việt Nam.

Mục tiêu tích hợp NLS 1.3.CB2a: HS biết sử dụng Google Sheets/Excel để nhập, sắp xếp và so sánh số liệu dân số các nước Đông Nam Á theo hướng dẫn của GV.

Mục tiêu tích hợp QCN: HS hiểu các dân tộc Việt Nam đều bình đẳng, có quyền được tôn trọng bản sắc văn hóa.

***Cách tiến hành:**

2.1. Tìm hiểu về quy mô dân số

<p>- GV chia lớp thành các nhóm 4 HS, phân công nhóm trưởng và thư kí.</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát bảng số dân các nước Đông Nam Á năm 2024.</p> <div><p>Theo Cục Thống kê, giữa tháng 4 – 2023, số dân Việt Nam đạt mốc 100 triệu người, xếp thứ 8 châu Á và thứ 15 trong số các quốc gia đông dân nhất thế giới. Hãy chia sẻ suy nghĩ của em về những thông tin trên.</p><p>KHÁM PHÁ</p><p>1. Quy mô dân số</p><p>Đọc thông tin và bảng số dân các nước Đông Nam Á năm 2024, em hãy:</p><ul style="list-style-type: none">– Cho biết số dân của nước ta năm 2024.– So sánh số dân nước ta với các nước trong khu vực Đông Nam Á.<p>BẢNG SỐ DÂN CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á NĂM 2024</p><table><tr><th>Tên nước</th><th>Số dân (triệu người)</th><th>Tên nước</th><th>Số dân (triệu người)</th></tr><tr><td>In-đô-nê-xi-a (Indonesia)</td><td>281,6</td><td>Cam-pu-chia</td><td>16,6</td></tr><tr><td>Phi-líp-pin (Philippines)</td><td>114,4</td><td>Lào</td><td>7,7</td></tr><tr><td>Việt Nam</td><td>101,3</td><td>Xin-ga-po (Singapore)</td><td>6,2</td></tr></table></div>	Tên nước	Số dân (triệu người)	Tên nước	Số dân (triệu người)	In-đô-nê-xi-a (Indonesia)	281,6	Cam-pu-chia	16,6	Phi-líp-pin (Philippines)	114,4	Lào	7,7	Việt Nam	101,3	Xin-ga-po (Singapore)	6,2	<p>- HS về nhóm, nhận nhiệm vụ và phân công nhiệm vụ trong nhóm.</p> <p>- HS đọc thông tin, quan sát bảng số liệu và chú ý đơn vị “triệu người”.</p>
Tên nước	Số dân (triệu người)	Tên nước	Số dân (triệu người)														
In-đô-nê-xi-a (Indonesia)	281,6	Cam-pu-chia	16,6														
Phi-líp-pin (Philippines)	114,4	Lào	7,7														
Việt Nam	101,3	Xin-ga-po (Singapore)	6,2														
<p>- GV hỏi: Cho biết số dân của nước ta năm 2024.</p> <p>- GV hỏi: So sánh số dân nước ta với các nước trong khu vực Đông Nam Á.</p> <p>- GV hỏi: Nước nào trong bảng có số dân đông nhất?</p> <p>- GV hỏi: Nước nào trong bảng có số dân ít nhất?</p> <p>- GV yêu cầu các nhóm thảo luận và thống nhất câu trả lời.</p>	<p>- HS trả lời: Số dân nước ta năm 2024 là 101,3 triệu người.</p> <p>- HS trả lời: Việt Nam có số dân đứng thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á, sau In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin.</p> <p>- HS trả lời: In-đô-nê-xi-a có số dân đông nhất, 281,6 triệu người.</p> <p>- HS trả lời: Bru-nây có số dân ít nhất, 0,5 triệu người.</p> <p>- HS thảo luận nhóm, đối chiếu bảng số liệu và thống nhất câu trả lời.</p>																

<p>- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả.</p> <p>- GV nhận xét phần trình bày của các nhóm: Các nhóm đã biết khai thác biểu đồ, xác định đúng số dân qua các năm, nêu được số dân tăng khoảng 25 triệu người và bước đầu phân tích được thuận lợi, khó khăn của gia tăng dân số.</p>	<p>- Đại diện nhóm trình bày kết quả trước lớp.</p> <p>- HS lắng nghe, tự điều chỉnh câu trả lời và bổ sung nội dung còn thiếu.</p>										
<p>- GV mời nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- GV chốt: Việt Nam là nước đông dân trên thế giới; năm 2024, số dân nước ta là hơn 101,3 triệu người, đứng thứ 3 khu vực Đông Nam Á.</p>	<p>- Nhóm khác nhận xét, bổ sung nếu có.</p> <p>- HS lắng nghe, ghi nhớ kiến thức trọng tâm.</p>										
<p>- Câu hỏi dẫn tích hợp NLS: Khi có bảng số liệu dân số của nhiều nước, chúng ta có thể dùng công cụ số nào để nhập, sắp xếp và so sánh dữ liệu nhanh hơn?</p>	<p>- HS trả lời: Có thể dùng Google Sheets hoặc Excel để nhập bảng, sắp xếp số liệu và so sánh dữ liệu.</p>										
<p>- Tích hợp NLS 1.3.CB2a: GV giới thiệu công cụ Google Sheets, hướng dẫn HS nhập cột “Tên nước”, “Số dân (triệu người)”, chọn cột số dân và sắp xếp từ lớn đến bé; GV nhắc HS chỉ dùng số liệu trong SHS và đặt tên bảng rõ ràng.</p> <p>- Tích hợp QCN: GV liên hệ: khi đọc số liệu dân số và tìm hiểu các dân tộc Việt Nam, HS cần tôn trọng mọi dân tộc, không dùng thông tin dân số, tiếng nói, trang phục, phong tục để so sánh, chê bai hoặc kì thị.</p>	<p>- HS nêu cách thao tác: mở bảng tính, nhập tên nước và số dân, sắp xếp số dân giảm dần, xác định vị trí của Việt Nam trong khu vực.</p> <p>- HS chia sẻ: các dân tộc Việt Nam đều bình đẳng, có quyền được tôn trọng bản sắc văn hóa; em cần tôn trọng bạn bè thuộc các dân tộc khác nhau.</p>										
<p>2.2. Tìm hiểu về gia tăng dân số</p>											
<p>- GV chia lớp thành các nhóm đôi, yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát Hình 1: Biểu đồ số dân Việt Nam giai đoạn 1999 - 2024.</p>	<p>- HS làm việc theo nhóm đôi, đọc thông tin và quan sát biểu đồ số dân Việt Nam giai đoạn 1999 - 2024.</p>										
<p>- GV yêu cầu: Cho biết số dân của nước ta năm 2024 tăng khoảng bao nhiêu triệu người so với năm 1999.</p> <div data-bbox="177 1598 784 1724" data-label="Text"> <p>Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy: Cho biết số dân của nước ta năm 2024 tăng khoảng bao nhiêu triệu người so với năm 1999. Nêu một số tác động của gia tăng dân số đến phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta.</p> </div> <div data-bbox="177 1745 686 1919" data-label="Figure"> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Số dân (triệu người)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1999</td> <td>75.5</td> </tr> <tr> <td>2009</td> <td>86.0</td> </tr> <tr> <td>2019</td> <td>96.5</td> </tr> <tr> <td>2024</td> <td>101.3</td> </tr> </tbody> </table> </div>	Năm	Số dân (triệu người)	1999	75.5	2009	86.0	2019	96.5	2024	101.3	<p>- HS xác định nhiệm vụ: cần so sánh số dân năm 2024 với số dân năm 1999 trên biểu đồ.</p>
Năm	Số dân (triệu người)										
1999	75.5										
2009	86.0										
2019	96.5										
2024	101.3										

- GV hỏi: Số dân nước ta có sự thay đổi như thế nào qua các năm?	- HS trả lời: Số dân nước ta tăng liên tục qua các năm 1999, 2009, 2019 và 2024.
- GV hỏi: Số dân nước ta năm 1999 là bao nhiêu triệu người?	- HS trả lời: Số dân nước ta năm 1999 là 76,5 triệu người.
- GV hỏi: Số dân nước ta năm 2024 là bao nhiêu triệu người?	- HS trả lời: Số dân nước ta năm 2024 là 101,3 triệu người.
- GV hỏi: Muốn biết số dân năm 2024 tăng khoảng bao nhiêu triệu người so với năm 1999, em làm như thế nào?	- HS trả lời: Em lấy số dân năm 2024 trừ số dân năm 1999.
- GV hỏi: 101,3 triệu người trừ 76,5 triệu người bằng khoảng bao nhiêu triệu người?	- HS trả lời: 101,3 triệu người trừ 76,5 triệu người bằng 24,8 triệu người, có thể nói tăng khoảng 25 triệu người.
- GV hỏi: Trong giai đoạn 1999 - 2024, trung bình mỗi năm số dân nước ta tăng khoảng bao nhiêu triệu người?	- HS trả lời: Giai đoạn 1999 - 2024 là 25 năm, số dân tăng khoảng 25 triệu người, trung bình mỗi năm tăng khoảng 1 triệu người.
- GV hỏi: Gia tăng dân số đem lại thuận lợi nào cho phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta?	- HS trả lời: Gia tăng dân số tạo nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn.
- GV hỏi: Gia tăng dân số gây ra khó khăn nào cho phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta?	- HS trả lời: Gia tăng dân số gây khó khăn trong giải quyết việc làm, nhà ở, y tế, giáo dục; đồng thời dẫn đến nguy cơ suy thoái tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường.
- GV yêu cầu các nhóm thảo luận: Vì sao gia tăng dân số vừa tạo thuận lợi vừa gây khó khăn cho nước ta?	- HS thảo luận nhóm và trả lời: Vì dân số tăng tạo thêm nguồn lao động, người tiêu dùng nhưng cũng làm tăng nhu cầu về việc làm, nhà ở, trường học, bệnh viện và tài nguyên.
- GV mời đại diện nhóm trình bày, nhóm khác theo dõi và bổ sung nếu có.	- Đại diện nhóm trình bày kết quả; nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét phần trình bày của các nhóm: Các nhóm đã biết quan sát biểu đồ, xác định đúng số dân các năm, tính được số dân tăng khoảng 25 triệu người và nêu được tác động của gia tăng dân số.	- HS lắng nghe, tự điều chỉnh câu trả lời và bổ sung nội dung còn thiếu.
- GV chuẩn kiến thức: Số dân nước ta tăng khá nhanh, bình quân mỗi năm tăng thêm khoảng một triệu người. Dân số đông và tăng nhanh tạo cho nước ta nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn; đồng thời gây khó khăn cho giải quyết việc làm, nhà ở, y tế, giáo dục, làm tăng nguy cơ suy thoái tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường. Trong thời gian gần đây, tốc độ gia tăng dân số của nước ta có xu hướng giảm.	- HS lắng nghe, ghi nhớ kiến thức chuẩn về gia tăng dân số ở Việt Nam.

3. Luyện tập (5 phút)

Mục tiêu: củng cố kiến thức về quy mô dân số và gia tăng dân số Việt Nam.

***Cách tiến hành:**

- GV hỏi: Số dân nước ta năm 2024 là bao nhiêu?	- HS trả lời: Số dân nước ta năm 2024 là 101,3 triệu người.
- GV hỏi: Quy mô dân số nước ta đứng thứ mấy trong khu vực Đông Nam Á?	- HS trả lời: Quy mô dân số nước ta đứng thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á.
- GV hỏi: Số dân năm 2024 tăng khoảng bao nhiêu triệu người so với năm 1999?	- HS trả lời: Số dân năm 2024 tăng khoảng 24,8 triệu người so với năm 1999.

4. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút)

Mục tiêu: HS biết liên hệ kiến thức bài học với thực tế gia đình, địa phương.

***Cách tiến hành:**

- GV giao nhiệm vụ: Về nhà chia sẻ với người thân một thông tin em học được về dân số Việt Nam.	- HS ghi nhiệm vụ và thực hiện ở nhà.
- GV hỏi: Em sẽ chia sẻ thông tin nào với người thân?	- HS trả lời: Em sẽ chia sẻ rằng năm 2024 Việt Nam có 101,3 triệu người và đứng thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

CHỦ ĐỀ: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM

TUẦN 5

BÀI 4. DÂN CƯ VÀ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nêu được số dân, nhận xét được gia tăng dân số Việt Nam; xác định được đặc điểm phân bố dân cư hoặc kể được tên một số dân tộc ở Việt Nam theo nội dung tiết học.
- Khai thác được bảng số liệu, biểu đồ, bản đồ/lược đồ và thông tin trong SHS để trả lời câu hỏi.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị bài, đọc thông tin, quan sát hình, hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm, trình bày kết quả, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: yêu quý con người Việt Nam, tự hào về cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- Nhân ái: tôn trọng sự đa dạng văn hoá, ngôn ngữ, trang phục và phong tục tốt đẹp của các dân tộc.
- Trách nhiệm: có ý thức đoàn kết, giữ gìn bản sắc văn hoá tốt đẹp của các dân tộc Việt Nam.

4. Tích hợp

Tích hợp AI 5.D2.1: HS liên hệ dữ liệu tổng điều tra dân số giúp AI dự báo xu hướng dân số chính xác hơn.

Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết tôn trọng sự khác biệt, đoàn kết với bạn bè thuộc các dân tộc khác nhau.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK, SGV, tranh ảnh, lược đồ/hình trong SHS, máy tính, ti vi, phiếu học tập.
- Học sinh: SGK, vở, bút, đồ dùng học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Nhắc lại kiến thức đã học về dân số Việt Nam, tạo tâm thế học tập cho HS. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Ai nhớ nhanh?”.	- HS tham gia trò chơi và chuẩn bị trả lời nhanh.
- GV hỏi: Năm 2024 số dân nước ta là bao nhiêu?	- HS trả lời: Năm 2024 số dân nước ta là 101,3 triệu người.
- GV hỏi: Việt Nam đứng thứ mấy trong khu vực Đông Nam Á về quy mô dân số?	- HS trả lời: Việt Nam đứng thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á về quy mô dân số.
- GV dẫn dắt: Dân số đông nhưng dân cư phân bố có đều không?	- HS lắng nghe và nêu dự đoán ban đầu.
2. Khám phá (27 phút) Mục tiêu: HS xác định được khu vực đông dân, thưa dân ở Việt Nam và rút ra nhận xét về sự phân bố dân cư. Mục tiêu tích hợp AI 5.D2.1: HS liên hệ dữ liệu dân số, mật độ dân số với việc AI hỗ trợ phân tích, dự báo xu hướng dân cư; biết kiểm chứng thông tin trước khi sử dụng. Mục tiêu tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết tôn trọng sự khác biệt, đoàn kết với bạn bè thuộc các dân tộc khác nhau.	

***Cách tiến hành:**

2.1. Tìm hiểu về phân bố dân cư

- GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm 4 - 6 HS.

- GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát hình 2.



Hình 2. Bản đồ phân bố dân cư Việt Nam năm 2024

- HS về nhóm, nhận nhiệm vụ và phân công nhiệm vụ trong nhóm.

- HS đọc thông tin, quan sát bản đồ phân bố dân cư Việt Nam năm 2024 và chú giải.

- GV hỏi: Trên chú giải lược đồ, màu nào thể hiện khu vực có mật độ dân số cao?

- HS trả lời: Màu thể hiện cấp mật độ cao là màu đậm hơn theo chú giải trên lược đồ.

- GV hỏi: Trên chú giải lược đồ, màu nào thể hiện khu vực có mật độ dân số thấp?

- HS trả lời: Màu thể hiện cấp mật độ thấp là màu nhạt hơn theo chú giải trên lược đồ.

- GV hỏi: Dựa vào màu sắc trên lược đồ, em hãy nêu khu vực đông dân ở nước ta.

- HS trả lời: Khu vực đồng bằng, ven biển và thành thị đông dân.

- GV hỏi: Dựa vào màu sắc trên lược đồ, em hãy nêu khu vực thưa dân ở nước ta.

- HS trả lời: Vùng núi và cao nguyên thưa dân hơn.

- GV hỏi: Em hãy kể tên một số tỉnh, thành phố có mật độ dân số cao trên lược đồ.

- HS trả lời: Một số tỉnh, thành phố có mật độ dân số cao là Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh,...

- GV hỏi: Địa phương em đang sống thuộc khu vực đông dân hay thưa dân?

- HS liên hệ và trả lời theo địa phương mình đang sống.

- GV phát Phiếu học tập cho các nhóm, yêu cầu HS hoàn thành bảng về khu vực đông dân, thưa dân và nêu hậu quả của việc phân

- HS nhận Phiếu học tập, thảo luận nhóm và ghi kết quả vào phiếu theo yêu cầu.

bố dân cư chưa hợp lí.

PHIẾU HỌC TẬP

Đọc thông tin mục 3 và quan sát bản đồ phân bố dân cư Việt Nam năm 2024, em hãy:

- Xác định các khu vực đông dân, khu vực thưa dân ở nước ta bằng cách hoàn thành bảng sau:

Phân bố dân cư	Khu vực
Đông dân	
Thưa dân	

Nhận xét:

.....

- Nêu những hậu quả của việc phân bố dân cư chưa hợp lí.

HẬU QUẢ

- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả.

- GV mời nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV hỏi: Dân cư phân bố không đồng đều dẫn đến khó khăn gì ở nơi đông dân?

- GV hỏi: Dân cư phân bố không đồng đều dẫn đến khó khăn gì ở nơi thưa dân?

- GV chốt: Nước ta có mật độ dân số cao; dân cư phân bố không đồng đều giữa đồng bằng, ven biển với miền núi.

- Câu hỏi dẫn tích hợp AI: Nếu có rất nhiều số liệu về dân số và mật độ dân số của các địa phương, công cụ AI có thể hỗ trợ con người làm gì?

- Tích hợp AI 5.D2.1: GV giới thiệu ngắn gọn rằng AI cần dữ liệu tổng điều tra dân số, mật độ dân số, độ tuổi, nơi sinh sống,... để dự báo xu hướng dân cư; GV nhắc HS con người phải kiểm tra số liệu và chịu trách nhiệm cuối cùng khi ra quyết định.

- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV giáo dục HS biết tôn trọng sự khác biệt về nơi cư trú, tiếng nói, trang phục, phong tục; biết đoàn kết, giúp đỡ bạn bè thuộc các dân tộc khác nhau trong học tập và sinh hoạt.

- Đại diện nhóm trình bày kết quả trước lớp.

- Nhóm khác nhận xét, bổ sung nếu có.

- HS trả lời: Nơi đông dân dễ thừa lao động, thiếu việc làm, thiếu nhà ở, gây áp lực về giao thông, y tế, giáo dục.

- HS trả lời: Nơi thưa dân thiếu lao động, khó khai thác tài nguyên và phát triển sản xuất.

- HS lắng nghe, ghi nhớ kiến thức trọng tâm.

- HS trả lời: AI có thể hỗ trợ phân tích dữ liệu, dự báo xu hướng dân cư và hỗ trợ lập kế hoạch trường học, bệnh viện, giao thông.

- HS nêu ví dụ: nếu một khu vực dân số tăng nhanh, AI có thể gợi ý cần thêm trường học, trạm y tế, nhà ở; con người kiểm chứng và quyết định.

- HS chia sẻ việc làm: tôn trọng bạn bè, không chê bai sự khác biệt, biết hợp tác và giúp đỡ bạn thuộc các dân tộc khác nhau.

3. Luyện tập (5 phút)

Mục tiêu: Củng cố kiến thức về phân bố dân cư Việt Nam.

***Cách tiến hành:**

- GV hỏi: Hãy nêu 2 khu vực đông dân ở nước ta.	- HS trả lời: Đồng bằng, ven biển, các thành phố lớn là những khu vực đông dân.
- GV hỏi: Hãy nêu 2 khu vực thưa dân ở nước ta.	- HS trả lời: Miền núi, vùng cao, một số khu vực Tây Nguyên là những khu vực thưa dân.
- GV hỏi: Vì sao đồng bằng và ven biển thường đông dân?	- HS trả lời: Vì thuận lợi cho sản xuất, sinh hoạt, giao thông và phát triển kinh tế.

4. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút)**Mục tiêu:** HS liên hệ với địa phương nơi mình sinh sống.***Cách tiến hành:**

- GV giao nhiệm vụ: Tìm hiểu xem địa phương em thuộc khu vực đông dân hay thưa dân.	- HS ghi nhiệm vụ và tìm hiểu ở nhà.
- GV hỏi: Em cần nêu thêm nội dung gì khi tìm hiểu về địa phương?	- HS trả lời: Em cần nêu một thuận lợi hoặc khó khăn do đặc điểm dân cư đó mang lại.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5
CHỦ ĐỀ: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM****TUẦN 6****BÀI 4. DÂN CƯ VÀ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM (Tiết 3)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Nêu được số dân, nhận xét được gia tăng dân số Việt Nam; xác định được đặc điểm phân bố dân cư hoặc kể được tên một số dân tộc ở Việt Nam theo nội dung tiết học.
- Khai thác được bảng số liệu, biểu đồ, bản đồ/lược đồ và thông tin trong SHS để trả lời câu hỏi.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị bài, đọc thông tin, quan sát hình, hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm, trình bày kết quả, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: yêu quý con người Việt Nam, tự hào về cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- Nhân ái: tôn trọng sự đa dạng văn hoá, ngôn ngữ, trang phục và phong tục tốt đẹp của các dân tộc.
- Trách nhiệm: có ý thức đoàn kết, giữ gìn bản sắc văn hoá tốt đẹp của các dân tộc Việt Nam.

4. Tích hợp**Tích hợp QCN: HS nhận biết quyền được học tập, quyền được giữ gìn tiếng nói, trang phục, phong tục tốt đẹp của các dân tộc Việt Nam.****II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: SGK, SGV, tranh ảnh, lược đồ/hình trong SHS, máy tính, ti vi, phiếu học tập.
- Học sinh: SGK, vở, bút, đồ dùng học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút)	

Mục tiêu: Nhắc lại kiến thức về phân bố dân cư và kết nối với nội dung dân tộc ở Việt Nam.

***Cách tiến hành:**

- GV hỏi: Địa phương em thuộc khu vực đông dân hay thưa dân?	- HS chia sẻ: Địa phương em thuộc khu vực đông dân/thưa dân theo hiểu biết thực tế.
- GV hỏi: Thuận lợi hoặc khó khăn do đặc điểm dân cư đó mang lại là gì?	- HS trả lời: Thuận lợi/khó khăn có thể là nguồn lao động, dịch vụ phát triển hoặc áp lực giao thông, nhà ở, việc làm,...
- GV dẫn dắt: Việt Nam không chỉ có dân số đông mà còn có nhiều dân tộc cùng sinh sống.	- HS lắng nghe, chuẩn bị tìm hiểu nội dung mới.

2. Khám phá: Tìm hiểu về phân bố dân cư (27 phút)

Mục tiêu: HS xác định được khu vực đông dân, khu vực thưa dân ở nước ta; nêu được nhận xét về sự phân bố dân cư và hậu quả của việc phân bố dân cư chưa hợp lý.

Mục tiêu tích hợp QCN: HS nhận biết mọi người, mọi dân tộc đều có quyền được học tập, quyền được giữ gìn tiếng nói, trang phục, phong tục tốt đẹp và được tôn trọng trong cộng đồng.

***Cách tiến hành:**

- GV chia lớp thành các nhóm 4 HS, phát Phiếu học tập và nêu nhiệm vụ: Đọc thông tin mục 3, quan sát bản đồ phân bố dân cư Việt Nam năm 2024 để xác định khu vực đông dân, khu vực thưa dân.	- HS nhận phiếu, ổn định nhóm, phân công bạn đọc thông tin, bạn quan sát bản đồ, bạn ghi kết quả, bạn trình bày.
- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 3 và quan sát Hình 2. Bản đồ phân bố dân cư Việt Nam năm 2024.	- HS đọc thông tin, quan sát bản đồ và chú giải mật độ dân số.



- GV yêu cầu HS hoàn thành Phiếu học tập: xác định khu vực đông dân, khu vực thưa dân và nêu	- HS thảo luận nhóm, hoàn thành bảng trong Phiếu học tập và thống nhất nhận xét.
--	--

<p>nhận xét.</p> 	
<p>- GV hỏi: Trên bản đồ, các khu vực nào của nước ta có mật độ dân số cao?</p>	<p>- HS trả lời: Các khu vực có mật độ dân số cao là đồng bằng, ven biển và đô thị; tiêu biểu như vùng Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ, một số thành phố lớn.</p>
<p>- GV hỏi: Trên bản đồ, các khu vực nào của nước ta có mật độ dân số thấp?</p>	<p>- HS trả lời: Các khu vực có mật độ dân số thấp là miền núi, cao nguyên và một số vùng xa trung tâm.</p>
<p>- GV hỏi: Em có nhận xét gì về sự phân bố dân cư ở nước ta?</p>	<p>- HS trả lời: Dân cư nước ta phân bố không đều giữa đồng bằng và miền núi, giữa thành thị và nông thôn.</p>
<p>- GV hỏi: Việc dân cư phân bố không đều có thể gây ra những hậu quả gì ở nơi đông dân?</p>	<p>- HS trả lời: Nơi đông dân có thể thiếu đất ở, thiếu việc làm, giao thông quá tải, môi trường dễ bị ô nhiễm.</p>
<p>- GV hỏi: Việc dân cư phân bố không đều có thể gây ra những hậu quả gì ở nơi thưa dân?</p>	<p>- HS trả lời: Nơi thưa dân có thể thiếu lao động, khó khai thác tài nguyên và khó tổ chức một số dịch vụ xã hội.</p>
<p>- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả Phiếu học tập.</p>	<p>- Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác lắng nghe, đối chiếu với bản đồ và nhận xét, bổ sung.</p>
<p>- GV nhận xét phần trình bày của các nhóm.</p>	<p>- HS lắng nghe, tự điều chỉnh và hoàn thiện Phiếu học tập.</p>
<p>- GV chuẩn kiến thức: Dân cư Việt Nam phân bố không đều; dân cư tập trung đông ở đồng bằng, ven biển, đô thị và thưa hơn ở miền núi, cao nguyên. Phân bố dân cư không hợp lý có thể gây khó khăn cho đời sống, sản xuất và sử dụng nguồn lao động.</p>	<p>- HS ghi nhớ: Dân cư nước ta phân bố không đều; cần sử dụng hợp lý nguồn lao động và quan tâm phát triển các vùng còn thưa dân.</p>
<p>- GV chuyển ý: Trên các vùng đông dân hay thưa dân đều có đồng bào các dân tộc cùng sinh sống. Để hiểu thêm truyền thống đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, chúng ta cùng đọc câu chuyện lịch sử trong SHS.</p>	<p>- HS lắng nghe, liên hệ từ phân bố dân cư đến cộng đồng các dân tộc Việt Nam ở nhiều vùng miền.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đọc câu chuyện “Đoàn kết dân</p>	<p>- HS đọc câu chuyện, xác định nhân vật, sự việc</p>

<p>tộc trong phong trào Cần vương”.</p> 	<p>chính và việc làm thể hiện tinh thần đoàn kết.</p>
<p>- GV hỏi: Câu chuyện “Đoàn kết dân tộc trong phong trào Cần vương” nói về sự kiện nào?</p>	<p>- HS trả lời: Câu chuyện nói về việc đồng bào các dân tộc giúp vua Hàm Nghi trong phong trào Cần vương.</p>
<p>- GV hỏi: Đồng bào các dân tộc đã giúp vua Hàm Nghi như thế nào?</p>	<p>- HS trả lời: Đồng bào các dân tộc tận tình giúp đỡ, bảo vệ bí mật hành trình và tiếp tế lương thực, đồ dùng cần thiết.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đọc thêm câu chuyện “Tình cảm yêu thương của đồng bào dân tộc ở Tân Trào đối với Bác Hồ”.</p> 	<p>- HS đọc câu chuyện và xác định tình cảm, việc làm của đồng bào đối với Bác Hồ.</p>
<p>- GV hỏi: Đồng bào ở Tân Trào đã thể hiện tình cảm với Bác Hồ như thế nào?</p>	<p>- HS trả lời: Đồng bào ở Tân Trào yêu thương, giúp đỡ Bác Hồ và cán bộ cách mạng trong những năm tháng khó khăn.</p>
<p>- GV hỏi: Qua các câu chuyện, em thấy cộng đồng các dân tộc Việt Nam có truyền thống gì?</p>	<p>- HS trả lời: Cộng đồng các dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu nước, đoàn kết, đùm bọc, giúp đỡ nhau.</p>
<p>- GV mời đại diện nhóm kể ngắn một chi tiết em ấn tượng trong câu chuyện.</p>	<p>- Đại diện nhóm kể; nhóm khác nhận xét, bổ sung ý nghĩa của chi tiết được kể.</p>
<p>- Câu hỏi dẫn tích hợp QCN: Khi sống trong một đất nước có nhiều vùng miền, nhiều dân tộc, mỗi người có quyền gì cần được tôn trọng?</p>	<p>- HS trả lời: Mỗi người có quyền được học tập, được tôn trọng, được giữ gìn tiếng nói, trang phục, phong tục tốt đẹp của dân tộc mình.</p>
<p>- Tích hợp QCN: GV nhấn mạnh các dân tộc Việt Nam đều bình đẳng; mọi HS đều có quyền được học tập, được giữ gìn tiếng nói, trang phục, phong tục tốt đẹp; không kì thị, không chê bai sự khác biệt của bạn.</p>	<p>- HS nêu việc làm phù hợp: tôn trọng bạn bè, không trêu chọc sự khác biệt, biết giúp đỡ bạn trong học tập và sinh hoạt.</p>
<p>- GV chuẩn kiến thức toàn hoạt động: Dân cư</p>	<p>- HS lắng nghe, nhắc lại ý chính: phân bố dân cư</p>

nước ta phân bố không đều, nhưng dù sống ở đồng bằng, miền núi, ven biển hay đô thị, các dân tộc Việt Nam luôn có truyền thống đoàn kết, yêu nước và giúp đỡ nhau trong xây dựng, bảo vệ đất nước.	không đều; các dân tộc Việt Nam đoàn kết, yêu nước, giúp đỡ nhau.
--	---

3. Luyện tập (6 phút)

Mục tiêu: HS củng cố kiến thức về phân bố dân cư và truyền thống đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

***Cách tiến hành:**

- GV hỏi: Dựa vào bản đồ phân bố dân cư Việt Nam năm 2024, hãy kể tên 3 tỉnh, thành phố có mật độ dân số cao.	- HS trả lời: Có thể kể Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng hoặc Bình Dương theo bản đồ và hiểu biết thực tế.
- GV hỏi: Dựa vào bản đồ phân bố dân cư Việt Nam năm 2024, hãy kể tên 3 tỉnh, thành phố có mật độ dân số thấp.	- HS trả lời: Có thể kể Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Kon Tum hoặc một số tỉnh miền núi, cao nguyên theo bản đồ.
- GV hỏi: Vì sao dân cư ở đồng bằng, ven biển và đô thị thường đông hơn?	- HS trả lời: Vì các khu vực này có điều kiện tự nhiên, giao thông, việc làm, dịch vụ và sản xuất thuận lợi hơn.
- GV hỏi: Vì sao dân cư ở miền núi và cao nguyên thường thưa hơn?	- HS trả lời: Vì địa hình khó khăn, giao thông chưa thuận lợi, điều kiện sản xuất và sinh hoạt còn hạn chế hơn.
- GV hỏi: Câu chuyện lịch sử trong bài giúp em hiểu thêm điều gì về cộng đồng các dân tộc Việt Nam?	- HS trả lời: Em hiểu rằng các dân tộc Việt Nam luôn đoàn kết, yêu nước, đùm bọc và giúp đỡ nhau.
- GV nhận xét, tuyên dương HS trả lời đúng, biết liên hệ bản đồ với câu chuyện lịch sử.	- HS lắng nghe, sửa câu trả lời nếu cần và ghi nhớ kiến thức.

4. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút)

Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức để liên hệ thực tế địa phương và rèn ý thức tôn trọng quyền học tập, quyền giữ gìn bản sắc văn hoá của các dân tộc.

***Cách tiến hành:**

- GV giao nhiệm vụ: Kể với người thân một câu chuyện trong bài thể hiện tinh đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.	- HS ghi nhiệm vụ và chuẩn bị kể lại câu chuyện bằng lời của mình.
- GV hỏi: Ở lớp hoặc ở địa phương, em sẽ làm gì để thể hiện sự tôn trọng quyền học tập và quyền giữ gìn bản sắc văn hoá của bạn bè thuộc các dân tộc khác nhau?	- HS trả lời: Em tôn trọng tiếng nói, trang phục, phong tục tốt đẹp của bạn; không trêu chọc, không kì thị và giúp đỡ bạn khi cần.
- GV giao nhiệm vụ: Tìm hiểu địa phương em thuộc khu vực đông dân hay thưa dân và nêu một thuận lợi hoặc khó khăn do đặc điểm đó mang lại.	- HS ghi nhiệm vụ, chuẩn bị tìm hiểu qua quan sát thực tế, hỏi người thân hoặc tìm hiểu từ nguồn thông tin phù hợp.
- GV nhấn mạnh tích hợp QCN: Mỗi HS cần biết tôn trọng, bảo vệ quyền được học tập, quyền được giữ gìn bản sắc văn hoá của mọi người; cùng xây dựng lớp học đoàn kết, thân thiện.	- HS chia sẻ việc làm cụ thể: đoàn kết với bạn bè, yêu thương mọi người, không chê bai phong tục, trang phục, tiếng nói của bạn và giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn.

- GV nhận xét tiết học: Các em đã biết đọc bản đồ phân bố dân cư, nhận xét khu vực đông dân, thưa dân và hiểu thêm truyền thống đoàn kết của các dân tộc Việt Nam.	- HS lắng nghe, tự đánh giá mức độ tham gia học tập của bản thân.
- GV dặn dò: Về nhà hoàn thành nhiệm vụ vận dụng và chuẩn bị bài học tiếp theo theo hướng dẫn của GV.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ và chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5 CHỦ ĐỀ: NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM TUẦN 6

BÀI 5. NHÀ NƯỚC VĂN LANG, NHÀ NƯỚC ÂU LẠC (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Trình bày được sự ra đời của Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc thông qua truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học.
- Sử dụng được tư liệu lịch sử, hình ảnh hiện vật để mô tả một số thông tin cơ bản về buổi đầu dựng nước.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc thông tin, quan sát hình, hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm, trình bày kết quả, lắng nghe và nhận xét ý kiến của bạn.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: tự hào về cội nguồn dân tộc và truyền thống dựng nước của cha ông.
- Trách nhiệm: biết ơn những người có công dựng nước, có ý thức trân trọng và giữ gìn di sản lịch sử.

4. Tích hợp

Tích hợp NLS 1.2.CB2a: HS tìm kiếm và xem video/ảnh 3D phục dựng trống đồng Đông Sơn, thành Cổ Loa; bước đầu nhận biết nguồn tư liệu đáng tin cậy từ website bảo tàng, thư viện số.
Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Bồi dưỡng lòng tự hào về cội nguồn dân tộc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK, SGV, tranh ảnh, lược đồ/hình trong SHS, máy tính, ti vi, phiếu học tập.
- Học sinh: SGK, vở, bút, đồ dùng học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập, kết nối với nội dung bài học về Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc. *Cách tiến hành:	
- GV nêu tình huống khởi động: Năm 1954, trong lần về thăm Đền Hùng, Bác Hồ căn dặn cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn Quân Tiên phong: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước.”	- HS lắng nghe tình huống khởi động.
- GV hỏi: Câu nói của Bác Hồ nhắc chúng ta	- HS trả lời: Câu nói nhắc chúng ta nhớ đến

nhớ đến công lao của ai?	công lao dựng nước của các vua Hùng.
- GV hỏi: Vì sao khi học về Nhà nước Văn Lang, chúng ta cần nhớ đến các vua Hùng?	- HS trả lời: Vì các vua Hùng gắn với buổi đầu dựng nước của dân tộc ta.
- GV dẫn dắt vào bài: Hôm nay, chúng ta tìm hiểu Bài 5. Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc.	- HS ghi bài và chuẩn bị học tập.
2. Khám phá: Tìm hiểu sự ra đời của Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc (24 phút) Mục tiêu: Trình bày được sự ra đời của Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc thông qua truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học. Mục tiêu tích hợp NLS 1.2.CB2a: HS biết tìm kiếm, xem và chọn lọc tư liệu số/ảnh 3D về trống đồng Đông Sơn, thành Cổ Loa từ nguồn đáng tin cậy. Mục tiêu tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS bồi dưỡng lòng tự hào về cội nguồn dân tộc. *Cách tiến hành:	
2.1. Nhà nước Văn Lang	
- GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ tìm hiểu sự ra đời của Nhà nước Văn Lang.	- HS về nhóm, lắng nghe và nhận nhiệm vụ học tập.
- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục a và quan sát Hình 1.	- HS đọc thông tin, quan sát Hình 1 và chuẩn bị câu trả lời.
	
- GV giao nhiệm vụ: Nhóm 1 tìm thời gian ra đời của Nhà nước Văn Lang.	- Nhóm 1 thảo luận và xác định: Nhà nước Văn Lang ra đời khoảng thế kỉ VII trước Công nguyên.
- GV giao nhiệm vụ: Nhóm 2 tìm địa bàn của Nhà nước Văn Lang.	- Nhóm 2 thảo luận và xác định: Địa bàn ở lưu vực các dòng sông thuộc Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay.
- GV giao nhiệm vụ: Nhóm 3 tìm người đứng đầu và kinh đô của Nhà nước Văn Lang.	- Nhóm 3 thảo luận và trả lời: Người đứng đầu là Hùng Vương; kinh đô đặt ở Phong Châu, nay thuộc Phú Thọ.
- GV giao nhiệm vụ: Nhóm 4 quan sát Hình 1 và nêu hiện vật thuộc văn hóa Đông Sơn.	- Nhóm 4 thảo luận và trả lời: Hình 1 có rìu đồng và trống đồng.
- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.	- Đại diện các nhóm trình bày; các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.
- GV hỏi: Nhà nước Văn Lang ra đời vào khoảng thời gian nào?	- HS trả lời: Nhà nước Văn Lang ra đời khoảng thế kỉ VII trước Công nguyên.
- GV hỏi: Địa bàn của Nhà nước Văn Lang thuộc khu vực nào ngày nay?	- HS trả lời: Địa bàn ở lưu vực các dòng sông thuộc Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay.
- GV hỏi: Ai là người đứng đầu Nhà nước	- HS trả lời: Người đứng đầu Nhà nước Văn

Văn Lang?	Lang là Hùng Vương.
- GV hỏi: Kinh đô của Nhà nước Văn Lang đặt ở đâu?	- HS trả lời: Kinh đô đặt ở Phong Châu, nay thuộc Phú Thọ.
- GV hỏi: Các hiện vật như rìu đồng, trống đồng cho biết điều gì về cư dân Văn Lang?	- HS trả lời: Các hiện vật cho thấy cư dân Văn Lang có đời sống vật chất, tinh thần khá phát triển và đã biết chế tác đồ đồng.
- Sau khi HS trả lời câu hỏi, GV nhận xét và chốt lại nội dung: + Thời gian ra đời: khoảng thế kỉ VII TCN. + Địa điểm: lưu vực các dòng sông thuộc Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay. + Đứng đầu nhà nước: Hùng Vương. + Kinh đô: Phong Châu (Phú Thọ). + Căn cứ: Truyền thuyết Con Rồng cháu Tiên và các bằng chứng khảo cổ học thuộc nền văn hoá Đông Sơn thời Văn Lang cho thấy sản xuất tương đối phát triển, cùng với đó, nhu cầu làm thuỷ lợi, chống ngoại xâm,... đã dẫn tới sự ra đời của Nhà nước Văn Lang.	- HS lắng nghe, đối chiếu câu trả lời của nhóm và hoàn thiện nội dung.
- Câu hỏi dẫn tích hợp NLS: Khi xem tư liệu số về trống đồng Đông Sơn, em cần chọn nguồn thông tin như thế nào để đáng tin cậy?	- HS trả lời: Cần chọn nguồn từ bảo tàng, thư viện số, cơ quan giáo dục hoặc trang thông tin chính thống.
- Tích hợp NLS 1.2.CB2a: GV giới thiệu công cụ Google Search/YouTube Kids hoặc website bảo tàng; GV hướng dẫn HS gõ từ khóa “trống đồng Đông Sơn 3D”, “thành Cổ Loa 3D”, chọn kết quả từ bảo tàng, thư viện số, quan sát hình ảnh/video và ghi 1 thông tin học được.	- HS thực hiện theo hướng dẫn: tìm kiếm bằng từ khóa, chọn nguồn đáng tin cậy, ghi lại 1 thông tin về trống đồng Đông Sơn hoặc thành Cổ Loa.
2.2. Nhà nước Âu Lạc	
- GV chia lớp thành nhóm đôi/nhóm 4, giao nhiệm vụ tìm hiểu sự thành lập Nhà nước Âu Lạc.	- HS về nhóm, đọc thông tin, quan sát hình và thống nhất câu trả lời.
- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục b và quan sát Hình 2, Hình 3. <small>Thực Phán lên làm vua, xưng là An Dương Vương, lập ra Nhà nước Âu Lạc. Kinh đô được dời xuống Cổ Loa (nay thuộc xã Đông Anh, thành phố Hà Nội).</small>	- HS đọc thông tin, quan sát Hình 2, Hình 3 và chuẩn bị câu trả lời.
 <p>Hình 2. Lưỡi nỏ và mũi tên đồng. <small>Được khai quật ở Cổ Loa</small></p>	 <p>Hình 3. Đền thờ An Dương Vương ở Cổ Loa</p>

- GV hỏi: Nhà nước Âu Lạc ra đời vào khoảng năm nào?	- HS trả lời: Nhà nước Âu Lạc ra đời khoảng năm 208 trước Công nguyên.
- GV hỏi: Ai là người đứng đầu Nhà nước Âu Lạc?	- HS trả lời: Thục Phán - An Dương Vương là người đứng đầu Nhà nước Âu Lạc.
- GV hỏi: Kinh đô của Nhà nước Âu Lạc đặt ở đâu?	- HS trả lời: Kinh đô đặt ở Cổ Loa, nay thuộc Đông Anh, Hà Nội.
- GV hỏi: Hình 2 và Hình 3 cho em biết những bằng chứng nào liên quan đến Nhà nước Âu Lạc?	- HS trả lời: Có lũy nỏ, mũi tên đồng tìm thấy ở Cổ Loa và đền thờ An Dương Vương ở Cổ Loa.
- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả.	- Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét câu trả lời và chốt lại nội dung về sự ra đời Nhà nước Âu Lạc: + Thời gian ra đời: khoảng năm 208 TCN. + Đứng đầu Nhà nước: Thục Phán – An Dương Vương. + Kinh đô: Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội).	- HS lắng nghe, đối chiếu câu trả lời của nhóm và hoàn thiện nội dung.

3. Luyện tập (6 phút)

Mục tiêu: củng cố kiến thức về thời gian ra đời, người đứng đầu và kinh đô của Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc.

***Cách tiến hành:**

- GV hỏi: Nhà nước Văn Lang ra đời vào thời gian nào?	- HS trả lời: Nhà nước Văn Lang ra đời khoảng thế kỉ VII TCN.
- GV hỏi: Ai đứng đầu Nhà nước Văn Lang?	- HS trả lời: Hùng Vương đứng đầu Nhà nước Văn Lang.
- GV hỏi: Kinh đô Nhà nước Văn Lang ở đâu?	- HS trả lời: Kinh đô ở Phong Châu.
- GV hỏi: Nhà nước Âu Lạc ra đời vào thời gian nào?	- HS trả lời: Nhà nước Âu Lạc ra đời khoảng năm 208 TCN.
- GV hỏi: Ai đứng đầu Nhà nước Âu Lạc?	- HS trả lời: Thục Phán - An Dương Vương đứng đầu Nhà nước Âu Lạc.
- GV hỏi: Kinh đô Nhà nước Âu Lạc ở đâu?	- HS trả lời: Kinh đô ở Cổ Loa.
- GV hỏi: Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc giống nhau ở điểm nào?	- HS trả lời: Đây là những nhà nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc, gắn với buổi đầu dựng nước của người Việt cổ.

4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút)

Mục tiêu: Liên hệ thực tế, bồi dưỡng lòng tự hào về cội nguồn dân tộc.

Mục tiêu tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS bồi dưỡng lòng tự hào, biết ơn tổ tiên và có ý thức giữ gìn di tích, hiện vật lịch sử.

***Cách tiến hành:**

- GV hỏi: Sau khi học về Văn Lang và Âu Lạc, em cần có thái độ như thế nào đối với cội	- HS trả lời: Em cần tự hào, biết ơn tổ tiên và có ý thức tìm hiểu, giữ gìn di tích lịch sử.
--	--

nguồn dân tộc?	
- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV nhấn mạnh lòng biết ơn các vua Hùng, An Dương Vương và những người có công dựng nước; nhắc HS ứng xử văn minh khi tham quan Đền Hùng, thành Cổ Loa, bảo tàng lịch sử.	- HS nêu việc làm cụ thể: giữ trật tự khi tham quan, không viết vẽ lên di tích, giới thiệu với bạn bè về lịch sử dân tộc.
- GV giao nhiệm vụ về nhà: Tìm hiểu một hình ảnh hoặc câu chuyện về Đền Hùng, thành Cổ Loa và chia sẻ ở tiết sau.	- HS ghi nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

CHỦ ĐỀ 2: NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

TUẦN 7

BÀI 5. NHÀ NƯỚC VĂN LANG, NHÀ NƯỚC ÂU LẠC (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Mô tả được một số nét chính về đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.
- Sử dụng được thông tin trong SGK, kênh hình và truyền thuyết lịch sử để trình bày kiến thức.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc thông tin, quan sát hình, hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm, trình bày, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: tự hào về đời sống lao động, sáng tạo của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.
- Trách nhiệm: có ý thức trân trọng, giữ gìn di sản, hiện vật lịch sử.

4. Tích hợp

- Tích hợp AI 5.A2.1: HS xem video/hình ảnh AI phục dựng 3D trống đồng Đông Sơn hoặc hiện vật Cổ Loa, biết đối chiếu với SGK và nguồn tư liệu chính thống.

- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết trân trọng di sản, giữ gìn hiện vật, không làm hư hại di tích.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: SGK, SGV, hình ảnh trong SGK, phiếu học tập, máy chiếu, video/hình ảnh phục dựng 3D hiện vật Đông Sơn hoặc Cổ Loa.

- HS: SGK, vở ghi, bút màu, thiết bị học tập theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động (5 phút)

Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập, kết nối với nội dung tìm hiểu đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

***Cách tiến hành:**

- GV tổ chức trò chơi “Hiện vật nói gì?” và nêu yêu cầu: Quan sát nhanh hình ảnh nôi gốm, lưỡi cày đồng, vòng tay bằng đồng, em đoán các hiện vật đó gắn với hoạt động nào của người xưa?

- HS quan sát và trả lời: Nôi gốm gắn với sinh hoạt; lưỡi cày đồng gắn với lao động sản xuất; vòng tay bằng đồng gắn với đồ trang sức.

- GV hỏi: Những hiện vật đó giúp em dự đoán điều gì về đời sống của cư dân Văn Lang, Âu Lạc?

- HS trả lời: Các hiện vật cho thấy cư dân Văn Lang, Âu Lạc đã biết sản xuất, làm đồ dùng, đồ trang sức và có đời sống kinh tế khá phát triển.

- GV nhận xét, dẫn vào bài: Tiết học hôm nay giúp các em tìm hiểu đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

- HS lắng nghe, ghi tên nội dung học tập vào vở.

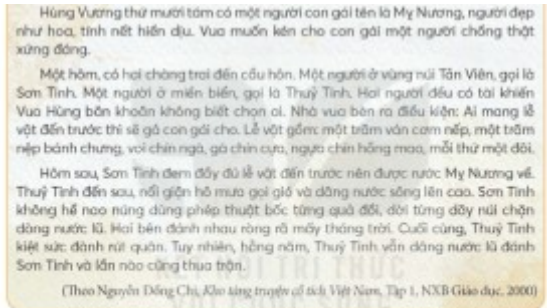
2. Khám phá: Tìm hiểu về đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc (25 phút)

Mục tiêu: Mô tả được một số nét chính về đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc; biết khai thác thông tin, kênh hình và truyền thuyết trong SGK.

Mục tiêu tích hợp: Tích hợp AI 5.A2.1: HS xem video/hình ảnh AI phục dựng 3D trống đồng Đông Sơn hoặc hiện vật Cổ Loa, biết sử dụng công cụ số để hình dung quá khứ nhưng phải đối chiếu với SGK và nguồn tư liệu chính thống.

***Cách tiến hành:**

- GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm đọc thông tin mục 2 và quan sát hình 4, 5, 6 trong SGK.	- HS nhận nhóm, phân công nhiệm vụ: đọc thông tin, quan sát hình, ghi ý kiến vào phiếu nhóm.
<p>- GV yêu cầu: Đọc thông tin và quan sát các hình từ 4 đến 6, em hãy:</p> <div data-bbox="138 556 690 724">    <p>▲ Hình 4. Nồi gốm ▲ Hình 5. Lưỡi cày đồng ▲ Hình 6. Vòng tay bằng đồng</p> </div>	HS quan sát hình 4, 5, 6 trong cột GV và chuẩn bị trả lời câu hỏi.
+ Mô tả những nét chính về đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.	+ HS mô tả: Nghề chính là làm ruộng; họ trồng lúa, khoai, đỗ, cây ăn quả; ngoài ra còn biết trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt vải.
+ Kể lại truyền thuyết Sơn Tinh, Thủy Tinh.	+ HS kể: Sơn Tinh và Thủy Tinh cùng đến cầu hôn Mị Nương; Sơn Tinh thắng, Thủy Tinh hằng năm dâng nước đánh Sơn Tinh nhưng đều thất bại.
- GV hỏi: Hình 4 là hiện vật gì?	- HS trả lời: Hình 4 là nồi gốm.
- GV hỏi: Nồi gốm cho biết cư dân Văn Lang, Âu Lạc biết làm nghề gì?	- HS trả lời: Nồi gốm cho biết cư dân Văn Lang, Âu Lạc biết làm gốm và có đồ dùng sinh hoạt.
- GV hỏi: Hình 5 là hiện vật gì?	- HS trả lời: Hình 5 là lưỡi cày đồng.
- GV hỏi: Lưỡi cày đồng cho biết điều gì về sản xuất nông nghiệp thời Văn Lang, Âu Lạc?	- HS trả lời: Lưỡi cày đồng cho biết cư dân đã biết dùng công cụ bằng đồng để cày ruộng, sản xuất nông nghiệp phát triển hơn.
- GV hỏi: Hình 6 là hiện vật gì?	- HS trả lời: Hình 6 là vòng tay bằng đồng.
- GV hỏi: Vòng tay bằng đồng cho biết cư dân Văn Lang, Âu Lạc còn biết làm gì ngoài sản xuất nông nghiệp?	- HS trả lời: Cư dân còn biết đúc đồng làm đồ trang sức, công cụ lao động và vũ khí.

<p>- GV cho HS đọc/kể lại câu chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh và hỏi: Đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc được phản ánh như thế nào qua truyền thuyết đó?</p>  <p>3. Công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc</p>	<p>HS đọc/kể chuyện, liên hệ với sản xuất nông nghiệp và việc phòng chống lũ lụt.</p>
<p>- GV hỏi: Qua truyền thuyết Sơn Tinh, Thủy Tinh, em thấy cư dân Văn Lang, Âu Lạc quan tâm đến vấn đề gì trong sản xuất và đời sống?</p>	<p>- HS trả lời: Cư dân quan tâm đến việc trị thủy, chống lũ lụt để bảo vệ mùa màng và cuộc sống.</p>
<p>- GV mời đại diện từng nhóm trình bày kết quả thảo luận.</p>	<p>- Đại diện nhóm trình bày; các nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung ý kiến.</p>
<p>- GV nhận xét phần trình bày của các nhóm.</p>	<p>- HS lắng nghe, điều chỉnh hoặc bổ sung câu trả lời vào vở.</p>
<p>- GV giới thiệu công cụ AI: GV mở trên máy chiếu một đoạn video/hình ảnh AI phục dựng 3D trống đồng Đông Sơn hoặc hiện vật Cổ Loa; GV nhắc HS quan sát có chọn lọc, không xem AI là nguồn duy nhất.</p>	<p>- HS quan sát video/hình ảnh AI, chú ý hình dáng hiện vật, hoa văn, chất liệu và liên hệ với hình trong SGK.</p>
<p>- GV hỏi: Công cụ AI giúp em hình dung điều gì về hiện vật và đời sống của cư dân Văn Lang, Âu Lạc?</p>	<p>- HS trả lời: Công cụ AI giúp em hình dung rõ hơn hình dáng hiện vật, cách người xưa dùng công cụ, làm đồ gốm, đúc đồng và sinh hoạt.</p>
<p>- GV hỏi: Khi dùng AI để tìm hiểu lịch sử, em cần làm gì để tránh hiểu sai?</p>	<p>- HS trả lời: Em cần đối chiếu với SGK, tư liệu bảo tàng, thầy cô hướng dẫn và không tự ý khẳng định</p>

	thông tin khi chưa kiểm chứng.
- GV chốt nội dung: Cư dân Văn Lang, Âu Lạc có đời sống kinh tế khá đa dạng:	- HS lắng nghe và ghi nhớ kiến thức trọng tâm.
+ Nông nghiệp: làm ruộng, trồng lúa, khoai, đỗ, cây ăn quả, rau,... Ngoài ra, họ còn biết trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt vải,...	+ HS ghi: Nông nghiệp là hoạt động quan trọng; cư dân biết trồng trọt, chăn nuôi, dệt vải.
+ Thủ công nghiệp: nghề đúc đồng làm công cụ lao động, vũ khí và đồ trang sức; làm gốm, đan lát, đóng thuyền,...	+ HS ghi: Thủ công nghiệp phát triển với đúc đồng, làm gốm, đan lát, đóng thuyền.
3. Luyện tập (7 phút) Mục tiêu: củng cố kiến thức về đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS hoàn thành bảng luyện tập vào vở: Hoạt động kinh tế – Biểu hiện – Bằng chứng trong SGK.	- HS kẻ bảng vào vở và hoàn thành theo yêu cầu.
- GV hỏi: Hoạt động nông nghiệp của cư dân Văn Lang, Âu Lạc có những biểu hiện nào?	- HS trả lời: Làm ruộng, trồng lúa, khoai, đỗ, cây ăn quả, rau; biết trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt vải.
- GV hỏi: Bằng chứng nào trong SGK cho thấy nông nghiệp phát triển?	- HS trả lời: Hình lưỡi cày đồng và thông tin trong SGK cho thấy nông nghiệp phát triển.
- GV hỏi: Hoạt động thủ công nghiệp của cư dân Văn Lang, Âu Lạc có những biểu hiện nào?	- HS trả lời: Đúc đồng, làm gốm, đan lát, đóng thuyền.
- GV hỏi: Nồi gốm, lưỡi cày đồng, vòng tay bằng đồng giúp em rút ra nhận xét gì?	- HS trả lời: Các hiện vật cho thấy cư dân Văn Lang, Âu Lạc đã biết sản xuất, chế tác đồ dùng, đồ trang sức và có đời sống kinh tế khá phát triển.

- GV mời 2 – 3 HS trình bày kết quả luyện tập.	- HS trình bày; HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương HS trình bày đúng và rõ ràng.	- HS lắng nghe, sửa bài nếu cần.

4. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút)

Mục tiêu: Liên hệ kiến thức bài học với việc trân trọng nghề truyền thống, hiện vật và di sản lịch sử.

Mục tiêu tích hợp: Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết trân trọng di sản, giữ gìn hiện vật, không làm hư hại di tích.

***Cách tiến hành:**

- GV hỏi: Ở địa phương hoặc trong đời sống hiện nay, em còn thấy hoạt động nào có từ thời Văn Lang, Âu Lạc?	- HS trả lời: Em còn thấy hoạt động trồng lúa, làm gốm, đúc đồng, dệt vải, đóng thuyền hoặc làm đồ thủ công.
- GV hỏi: Khi tham quan bảo tàng, di tích hoặc xem hiện vật lịch sử, em cần làm gì?	- HS trả lời: Em cần giữ trật tự, không sờ tay vào hiện vật, không vẽ bậy, không xả rác và nghe hướng dẫn viên thuyết minh.
- GV nhận xét tiết học: Các em đã biết mô tả đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc và biết liên hệ với nghề truyền thống ngày nay.	- HS lắng nghe, tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- GV dặn dò: Về nhà kể cho người thân nghe một nghề hoặc một hiện vật tiêu biểu thời Văn Lang, Âu Lạc; chuẩn bị tiết sau: Công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà và chuẩn bị bài học tiếp theo.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5**CHỦ ĐỀ 2: NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM****TUẦN 7****BÀI 5. NHÀ NƯỚC VĂN LANG, NHÀ NƯỚC ÂU LẠC (Tiết 3)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Mô tả được một số nét chính về công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc.
- Sử dụng được kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết để kể lại câu chuyện liên quan đến thời Văn Lang, Âu Lạc.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc thông tin, khai thác câu chuyện lịch sử, hoàn thành bảng học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm, kể chuyện, trình bày kết quả trước lớp.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: biết ơn tổ tiên, tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước.
- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn truyền thống, di tích và giá trị lịch sử của dân tộc.

4. Tích hợp

- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết ơn tổ tiên, có ý thức giữ gìn truyền thống dựng nước và bảo vệ đất nước từ buổi đầu lịch sử.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: SGK, SGV, hình ảnh, phiếu luyện tập, câu chuyện lịch sử trong SGK.
- HS: SGK, vở ghi, tư liệu hoặc câu chuyện đã sưu tầm về thời Văn Lang, Âu Lạc.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Khởi động (5 phút)**

Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập, kết nối với nội dung công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc.

*Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Ô chữ lịch sử” với các từ khóa: Thánh Gióng, Nỏ thần, Hùng Vương, An Dương Vương.	- HS tham gia trò chơi, nêu nhanh hiểu biết về các nhân vật hoặc truyền thuyết.
- GV hỏi: Các truyền thuyết Thánh Gióng, Sự tích nỏ thần gợi cho em nghĩ đến điều gì?	- HS trả lời: Các truyền thuyết gợi đến tinh thần chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước của người Việt xưa.
- GV nhận xét, dẫn vào hoạt động tìm hiểu công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm thời Văn Lang, Âu Lạc.	- HS lắng nghe và chuẩn bị học nội dung mới.
2. Khám phá: Tìm hiểu về công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc (25 phút) Mục tiêu: Mô tả được một số nét chính về công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc; kể lại được một câu chuyện liên quan. Mục tiêu tích hợp: Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết ơn tổ tiên, có ý thức giữ gìn truyền thống dựng nước và bảo vệ đất nước từ buổi đầu lịch sử.	
*Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, đọc thông tin mục 3 trong SGK.	- HS đọc thông tin mục 3, gạch chân các chi tiết về quân xâm lược, cuộc kháng chiến và kết quả.
- GV nêu yêu cầu: Kể tên những cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc.	- HS xác định nhiệm vụ và chuẩn bị trả lời.
- GV hỏi: Từ rất sớm, cư dân Văn Lang, Âu Lạc đã phải làm gì?	- HS trả lời: Cư dân Văn Lang, Âu Lạc đã phải đấu tranh chống ngoại xâm.
- GV hỏi: Nhà nước Văn Lang đã chống quân xâm lược nào?	- HS trả lời: Nhà nước Văn Lang chống quân Tần.
- GV hỏi: Cuộc kháng chiến chống quân Tần có kết quả thế nào?	- HS trả lời: Người Việt đã tôn Thục Phán làm tướng, lãnh đạo nhân dân kháng chiến; quân Tần phải rút về

	nước; cuộc kháng chiến thắng lợi.
- GV hỏi: Nhà nước Âu Lạc đã chống quân xâm lược nào?	- HS trả lời: Nhà nước Âu Lạc chống quân Triệu.
- GV hỏi: Cuộc kháng chiến chống Triệu Đà của An Dương Vương có kết quả thế nào?	- HS trả lời: Cuối cùng, cuộc kháng chiến chống Triệu Đà thất bại năm 179 TCN; đất nước rơi vào ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc kéo dài hơn một nghìn năm.
- GV gọi 1 – 2 HS trình bày câu trả lời.	- HS trình bày; HS khác nhận xét, bổ sung và hoàn thiện câu trả lời.
- GV nhận xét và chốt nội dung cho HS: Từ rất sớm, cư dân Văn Lang, Âu Lạc đã phải đấu tranh chống giặc ngoại xâm: Nhà nước Văn Lang chống quân Tần, Nhà nước Âu Lạc chống quân Triệu.	- HS lắng nghe và ghi nhớ nội dung chốt.
- GV chia lớp thành các nhóm, giao nhiệm vụ: Chọn và kể lại một câu chuyện chống giặc ngoại xâm của Nhà nước Văn Lang hoặc Nhà nước Âu Lạc.	- HS thảo luận nhóm, chọn câu chuyện Thánh Gióng hoặc Sự tích nỏ thần, phân vai người kể và người bổ sung chi tiết.
- GV gợi ý: HS có thể kể truyền thuyết Thánh Gióng hoặc Sự tích nỏ thần; sau khi kể xong, cả lớp trả lời câu hỏi: Câu chuyện đó để lại cho chúng ta bài học gì?	HS quan sát câu chuyện trong SGK, thảo luận và chuẩn bị kể chuyện.

<p>Âu Lạc còn được phản ánh sinh động qua một số truyền thuyết như: Thánh Gióng, Sự tích nỏ thần,...</p> 	
<p>- GV mời đại diện nhóm kể chuyện trước lớp.</p>	<p>- Đại diện nhóm kể chuyện; nhóm khác lắng nghe, nhận xét về nội dung và cách kể.</p>
<p>- GV hỏi: Câu chuyện Thánh Gióng hoặc Sự tích nỏ thần để lại cho chúng ta bài học gì?</p>	<p>- HS trả lời: Câu chuyện nhắc chúng ta phải đoàn kết, cảnh giác, mưu trí, biết yêu nước và có trách nhiệm bảo vệ quê hương, đất nước.</p>
<p>- GV hỏi: Qua các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm thời Văn Lang, Âu Lạc, em cần làm gì để biết ơn tổ tiên?</p>	<p>- HS trả lời: Em cần chăm học, tìm hiểu lịch sử dân tộc, trân trọng di tích, kể lại câu chuyện lịch sử cho người thân và bạn bè.</p>
<p>- GV hỏi: Em có thể làm gì để giữ gìn truyền thống dựng nước và bảo vệ đất nước từ buổi đầu lịch sử?</p>	<p>- HS trả lời: Em thực hiện tốt nội quy, đoàn kết với bạn bè, yêu quê hương, bảo vệ di tích, không xuyên tạc hoặc đùa cợt với các nhân vật lịch sử.</p>
<p>- GV nhận xét phần kể chuyện của HS và chốt nội dung: Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc đã tiến hành nhiều cuộc đấu tranh chống ngoại xâm giành thắng lợi. Tuy nhiên, cuối cùng cuộc kháng chiến chống Triệu Đà của An Dương Vương thất bại năm 179 TCN. Từ đây, đất nước rơi vào ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc kéo dài hơn một nghìn năm.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ ý chính và hoàn thiện nội dung vào vở.</p>
<p>3. Luyện tập (7 phút)</p> <p>Mục tiêu: củng cố kiến thức về Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc và công cuộc đấu tranh</p>	

chống ngoại xâm.

***Cách tiến hành:**

- GV nêu **Câu 1: Hoàn thành bảng (theo gợi ý dưới đây vào vở) về Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc.**

Nội dung	Nhà nước Văn Lang	Nhà nước Âu Lạc
Thời gian ra đời	?	?
Kinh đô	?	?
Người đứng đầu nhà nước	?	?

- HS quan sát bảng luyện tập trong SGK, kẻ bảng vào vở và hoàn thành các nội dung: Thời gian ra đời, Kinh đô, Người đứng đầu nhà nước.

- GV hỏi: Nhà nước Văn Lang ra đời vào thời gian nào?

- HS trả lời: Nhà nước Văn Lang ra đời khoảng thế kỉ VII TCN.

- GV hỏi: Kinh đô của Nhà nước Văn Lang ở đâu?

- HS trả lời: Kinh đô của Nhà nước Văn Lang ở Phong Châu, nay thuộc Phú Thọ.

- GV hỏi: Người đứng đầu Nhà nước Văn Lang là ai?

- HS trả lời: Người đứng đầu Nhà nước Văn Lang là Hùng Vương.

- GV hỏi: Nhà nước Âu Lạc ra đời vào thời gian nào?

- HS trả lời: Nhà nước Âu Lạc ra đời khoảng năm 208 TCN.

- GV hỏi: Kinh đô của Nhà nước Âu Lạc ở đâu?

- HS trả lời: Kinh đô của Nhà nước Âu Lạc ở Cổ Loa, nay thuộc Đông Anh, Hà Nội.

- GV hỏi: Người đứng đầu Nhà nước Âu Lạc là ai?

- HS trả lời: Người đứng đầu Nhà nước Âu Lạc là Thục Phán – An Dương Vương.

- GV nêu **Câu 2: Kể một truyền thuyết khác liên quan đến Nhà nước Văn Lang hoặc Nhà nước Âu Lạc.**

- HS kể tên hoặc kể ngắn một truyền thuyết: Sự tích Bánh chưng, bánh giầy; Sự tích trầu cau; Con Rồng cháu Tiên; Thánh Gióng; Sự tích nỏ thần.

- GV nhận xét kết quả luyện tập, sửa lỗi về thời gian, kinh đô và người đứng đầu nhà nước nếu HS nhầm lẫn.

- HS nghe nhận xét, sửa bài và hoàn thiện bảng vào vở.

4. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút)

Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để sưu tầm, chia sẻ về di tích và hoạt động kinh tế thời Văn Lang, Âu Lạc còn đến ngày nay.

***Cách tiến hành:**

- GV nêu Câu 1: Tìm hiểu từ sách, báo, internet,... hãy kể tên một số di tích lịch sử liên quan đến thời Văn Lang – Âu Lạc.	- HS ghi nhiệm vụ Câu 1: Tìm hiểu và kể tên một số di tích như Đền Hùng ở Phú Thọ, thành Cổ Loa ở Hà Nội, đền thờ An Dương Vương,...
- GV nêu Câu 2 theo SGK: Kể tên một số hoạt động kinh tế từ thời Văn Lang – Âu Lạc còn đến ngày nay.	- HS ghi nhiệm vụ Câu 2: Kể tên một số hoạt động kinh tế còn đến ngày nay như trồng lúa nước, đúc đồng, làm gốm, dệt vải, đan lát, đóng thuyền,...
- GV nhận xét tiết học: Các em đã biết trình bày công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm và kể được một số câu chuyện liên quan đến thời Văn Lang, Âu Lạc.	- HS lắng nghe, tự đánh giá việc tham gia thảo luận, trình bày và kể chuyện.
- GV dặn dò: Về nhà hoàn thành một trong hai nhiệm vụ vận dụng và chuẩn bị bài học tiếp theo.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà và chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

CHỦ ĐỀ 2: NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

TUẦN 8

BÀI 6. VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Trình bày được sự thành lập của Vương quốc Phù Nam qua truyền thuyết lập nước và một số bằng chứng khảo cổ học.
- Mô tả được một số hiện vật khảo cổ học của Phù Nam.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc thông tin, quan sát hình, hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm, trình bày, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: tự hào về truyền thống văn hóa lâu đời trên lãnh thổ Việt Nam.
- Trách nhiệm: có ý thức trân trọng, giữ gìn di sản, hiện vật khảo cổ học.

4. Tích hợp

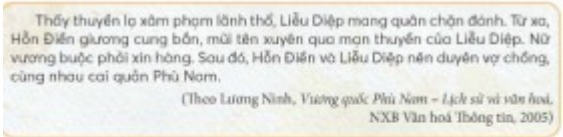
- Tích hợp NLS 3.1.CB2a: HS dùng Canva/PowerPoint tạo thẻ thông tin số giới thiệu một hiện vật hoặc nét tiêu biểu của Vương quốc Phù Nam.
- Tích hợp AI 5.D1.1: HS mô phỏng quy trình “dạy” máy nhận diện hiện vật cổ Phù Nam dựa trên hình ảnh thu thập được.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: SGK, SGV, hình ảnh trong SGK, phiếu học tập, máy chiếu, tư liệu số phù hợp với nội dung bài học.
- HS: SGK, vở ghi, bút màu, tư liệu đã sưu tầm theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập, kết nối với nội dung tìm hiểu Vương quốc Phù Nam. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS quan sát hình 1 trong SGK và nêu câu hỏi: Hình 1 là một trong những hiện vật tiêu biểu của Vương quốc Phù Nam. Hãy chia sẻ điều em biết về vương quốc này.	- HS quan sát hình, nêu hiểu biết ban đầu: Đây là hiện vật gốm; Vương quốc Phù Nam là một quốc gia cổ ở Nam Bộ Việt Nam.

	
<p>- GV nhận xét, dẫn vào bài: Hôm nay chúng ta tìm hiểu sự ra đời và một số hiện vật khảo cổ học của Vương quốc Phù Nam.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi tên bài vào vở.</p>
<p>2. Khám phá: Tìm hiểu về Vương quốc Phù Nam (25 phút)</p> <p>Mục tiêu: Trình bày được sự thành lập của Vương quốc Phù Nam; mô tả được một số hiện vật khảo cổ học của Phù Nam.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: Tích hợp AI 5.D1.1: HS mô phỏng quy trình “dạy” máy nhận diện hiện vật cổ Phù Nam dựa trên hình ảnh thu thập được; biết rằng máy cần dữ liệu đúng, rõ và con người phải kiểm chứng kết quả.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS đọc thông tin mục 1, quan sát hình 2, 3 và thực hiện nhiệm vụ.</p>	<p>- HS nhận nhóm, phân công nhiệm vụ, đọc thông tin và quan sát hình trong SGK.</p>
<p>- GV yêu cầu: Đọc thông tin và quan sát hình 2, 3, em hãy:</p>  <p>Những di tích và hiện vật khảo cổ học tìm thấy ở vùng Nam Bộ là bằng chứng quan trọng góp phần làm sáng tỏ hơn lịch sử ra đời và phát triển của Vương quốc Phù Nam.</p> 	<p>- HS quan sát hình 2, 3 trong cột GV và chuẩn bị trả lời.</p>
<p>- GV hỏi: Vương quốc Phù Nam ra đời vào khoảng thời gian nào?</p>	<p>- HS trả lời: Vương quốc Phù Nam ra đời vào khoảng thế kỉ I.</p>

<p>- GV hỏi: Vương quốc Phù Nam gắn với truyền thuyết nào?</p>	<p>- HS trả lời: Vương quốc Phù Nam gắn với truyền thuyết Hồn Điền – Liễu Diệp.</p>
<p>- GV hỏi: Vương quốc Phù Nam chủ yếu ở khu vực nào hiện nay?</p>	<p>- HS trả lời: Địa bàn cư trú của cư dân Phù Nam chủ yếu ở khu vực Nam Bộ Việt Nam hiện nay.</p>
<p>- GV hỏi: Những dấu tích khảo cổ học ở An Giang góp phần chứng minh điều gì?</p>	<p>- HS trả lời: Những dấu tích kiến trúc và cọc gỗ nhà sàn chứng minh cư dân Phù Nam đã cư trú, sinh sống và xây dựng công trình ở vùng Nam Bộ.</p>
<p>- GV kể tóm tắt truyền thuyết Hồn Điền – Liễu Diệp và hỏi: Truyền thuyết này giúp em hiểu thêm điều gì về sự ra đời của Vương quốc Phù Nam?</p>	<p>- HS trả lời: Truyền thuyết giúp em hiểu thêm cách người xưa lí giải sự ra đời của Vương quốc Phù Nam và vai trò của các nhân vật lập nước.</p>
<p>- GV yêu cầu HS quan sát các hình từ 4 đến 7 và nêu nhiệm vụ: Kể tên, mô tả một số hiện vật khảo cổ học của Vương quốc Phù Nam.</p> <div data-bbox="178 1050 738 1554">  </div>	<p>- HS quan sát các hiện vật và ghi tên hiện vật vào vở.</p>
<p>- GV tiếp tục cho HS quan sát hình 6, 7 và hỏi: Các hiện vật này thuộc đời sống vật chất hay đời sống tinh thần của cư dân Phù Nam?</p>	<p>- HS quan sát hình 6, 7, thảo luận và chuẩn bị trả lời.</p>

<p>Các hiện vật khác được tìm thấy như đồ trang sức, tượng thần, tượng Phật... cho thấy đời sống tinh thần khá phong phú của cư dân Phù Nam.</p>  <p>Hình 6. Khuyên tai bằng vàng của cư dân Phù Nam được phát hiện ở tỉnh An Giang.</p> <p>Hình 7. Tượng Phật Bình Hoà (tỉnh Tây Ninh).</p> <p>Em có biết? Tượng Phật Bình Hoà được làm bằng gỗ bằng lăng, tạc hình đức Phật đứng trên toà sen với mái tóc xoắn. Thân tượng khoác áo choàng phủ vai trái, hai tay để ngang ngực. Bức tượng là tác phẩm tiêu biểu cho nghệ thuật tạc tượng của cư dân Phù Nam.</p>	
<p>- GV hỏi: Hình 4 là hiện vật gì?</p>	<p>- HS trả lời: Hình 4 là đồng tiền kim loại thời Vương quốc Phù Nam.</p>
<p>- GV hỏi: Hình 5 là hiện vật gì?</p>	<p>- HS trả lời: Hình 5 là nồi và cà ràng được phát hiện ở Thành phố Hồ Chí Minh.</p>
<p>- GV hỏi: Hình 6 là hiện vật gì?</p>	<p>- HS trả lời: Hình 6 là khuyên tai bằng vàng của cư dân Phù Nam được phát hiện ở An Giang.</p>
<p>- GV hỏi: Hình 7 là hiện vật gì?</p>	<p>- HS trả lời: Hình 7 là tượng Phật Bình Hoà được phát hiện ở Tây Ninh.</p>
<p>- GV hỏi: Các hiện vật khảo cổ học cho thấy đời sống cư dân Phù Nam như thế nào?</p>	<p>- HS trả lời: Các hiện vật cho thấy đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Phù Nam khá phát triển, phong phú.</p>
<p>- Tích hợp AI 5.D1.1: GV giới thiệu ngắn gọn cách máy nhận diện hình ảnh dựa vào dữ liệu mẫu. GV cho HS quan sát một số hiện vật Phù Nam, hướng dẫn HS nêu dữ liệu cần cung cấp cho máy gồm: tên hiện vật, chất liệu, hình dáng, hoa văn, công dụng và nơi phát hiện. GV nhấn mạnh: AI chỉ hỗ trợ nhận diện ban đầu, HS phải đối chiếu kết quả với SGK, hình ảnh bảo tàng hoặc nguồn chính thống trước khi kết luận.</p>	<p>- HS quan sát hiện vật, nêu dữ liệu cho máy nhận diện: nồi gốm có miệng tròn, dùng trong sinh hoạt; đồng tiền kim loại dùng trong trao đổi; khuyên tai vàng là đồ trang sức; tượng Phật thể hiện đời sống tinh thần.</p>
<p>- GV hỏi: Nếu muốn máy nhận diện đúng hiện vật cổ Phù Nam, em cần cung cấp dữ liệu như thế nào?</p>	<p>- HS trả lời: Cần cung cấp hình ảnh rõ, thông tin đúng, nhiều ví dụ và kiểm tra lại kết quả bằng SGK hoặc nguồn đáng tin cậy.</p>
<p>- GV nhận xét phần trình bày của các nhóm.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung câu trả lời.</p>

- GV chốt nội dung: Vương quốc Phù Nam ra đời vào khoảng thế kỉ I, gắn với truyền thuyết Hồn Điên – Liễu Diệp; những dấu tích, hiện vật khảo cổ học ở Nam Bộ góp phần làm sáng tỏ lịch sử ra đời và phát triển của Vương quốc Phù Nam.	- HS lắng nghe và ghi nhớ nội dung chốt.
--	--

3. Luyện tập (7 phút)

Mục tiêu: củng cố kiến thức về sự thành lập và hiện vật khảo cổ học của Vương quốc Phù Nam.

Mục tiêu tích hợp: Tích hợp NLS 3.1.CB2a: HS dùng Canva/PowerPoint tạo thẻ thông tin số giới thiệu một hiện vật hoặc nét tiêu biểu của Vương quốc Phù Nam; biết chọn hình ảnh, tiêu đề và thông tin ngắn gọn, đúng nguồn.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS đọc Bài 1 trong SGK: Trình bày sự thành lập Vương quốc Phù Nam.	- HS đọc Bài 1 và xác định yêu cầu: trình bày sự thành lập Vương quốc Phù Nam.						
- Sau khi HS đọc, GV giao nhiệm vụ cá nhân: Dựa vào mục 1, em hãy trình bày ngắn gọn thời gian ra đời, truyền thuyết liên quan và địa bàn cư trú của Vương quốc Phù Nam.	- HS làm việc cá nhân và trình bày: Vương quốc Phù Nam ra đời vào khoảng thế kỉ I, gắn với truyền thuyết Hồn Điên - Liễu Diệp; địa bàn chủ yếu ở khu vực Nam Bộ Việt Nam hiện nay.						
- GV yêu cầu HS đọc Bài 2 trong SGK: Hoàn thành bảng một số hiện vật khảo cổ học của Vương quốc Phù Nam.	- HS hoàn thành bảng: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Lĩnh vực</th><th>Hiện vật</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Đời sống vật chất</td><td>Nồi, cà ràng, đồng tiền kim loại</td></tr> <tr> <td>Đời sống tinh thần</td><td>Khuyên tai bằng vàng, tượng Phật Bình Hoà</td></tr> </tbody> </table>	Lĩnh vực	Hiện vật	Đời sống vật chất	Nồi, cà ràng, đồng tiền kim loại	Đời sống tinh thần	Khuyên tai bằng vàng, tượng Phật Bình Hoà
Lĩnh vực	Hiện vật						
Đời sống vật chất	Nồi, cà ràng, đồng tiền kim loại						
Đời sống tinh thần	Khuyên tai bằng vàng, tượng Phật Bình Hoà						
- Tích hợp NLS 3.1.CB2a: GV hướng dẫn HS dùng Canva hoặc PowerPoint tạo thẻ thông tin số về một hiện vật Phù Nam. GV yêu cầu thẻ có đủ tên hiện vật, hình ảnh, lĩnh vực đời sống, một thông tin ngắn gọn và nguồn tư liệu. GV	- HS thảo luận nhóm đôi, hoàn thành bảng; sau đó chọn một hiện vật, tạo thẻ thông tin số có tên hiện vật, hình ảnh, lĩnh vực, thông tin ngắn gọn và nguồn tư liệu theo hướng dẫn của GV.						

nhắc HS chọn hình ảnh rõ, không dùng thông tin chưa kiểm chứng, trình bày ngắn gọn, dễ đọc và lưu sản phẩm đúng tên nhóm.	
- GV mời đại diện nhóm trình bày bảng hoàn thành và thẻ thông tin.	- Đại diện nhóm trình bày; HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, sửa câu trả lời và tuyên dương HS hoàn thành tốt nhiệm vụ.	- HS nghe nhận xét, hoàn thiện nội dung vào vở.

4. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút)

Mục tiêu: Vận dụng kiến thức để thể hiện sự quan tâm, trân trọng đối với hiện vật khảo cổ học.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ Vận dụng trong SGK: Vẽ và trang trí một hiện vật khảo cổ học của Vương quốc Phù Nam mà em ấn tượng.	- HS đọc nhiệm vụ Vận dụng và xác định sản phẩm cần hoàn thành.
- GV hướng dẫn HS thực hiện: Chọn một hiện vật đã học, vẽ lại hình dáng chính, trang trí phù hợp, ghi tên hiện vật và một câu nêu lí do em ấn tượng.	- HS ghi cách thực hiện: chọn hiện vật, vẽ, trang trí, ghi tên và nêu lí do ấn tượng.
- GV nhận xét tiết học và dặn dò: Hoàn thành sản phẩm vận dụng; chuẩn bị bài Vương quốc Chăm-pa.	- HS lắng nghe, tự đánh giá mức độ tham gia học tập và ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

CHỦ ĐỀ 2: NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

TUẦN 8

BÀI 7. VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Kể được tên và xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ một số đền tháp Chăm-pa còn lại đến ngày nay.
- Suy tầm một số tư liệu, mô tả được nét chính của một đền tháp Chăm-pa.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc thông tin, quan sát bản đồ, hình ảnh, hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm, trình bày, nhận xét và bổ sung.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: trân trọng di sản văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam.
- Nhân ái: tôn trọng sự đa dạng văn hóa của các dân tộc.

4. Tích hợp

- Tích hợp NLS 3.1.CB2a: HS dùng PowerPoint hoặc Canva tạo thẻ ghi nhớ điện tử giới thiệu một đền tháp Chăm-pa.
- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS tôn trọng văn hóa Chăm-pa, không kì thị, biết trân trọng sự đa dạng văn hóa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: SGK, SGV, hình ảnh trong SGK, phiếu học tập, máy chiếu, tư liệu số phù hợp với nội dung bài học.
- HS: SGK, vở ghi, bút màu, tư liệu đã sưu tầm theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV

Hoạt động của HS

1. Khởi động (5 phút)

Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập, kết nối với nội dung tìm hiểu Vương quốc Chăm-pa.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS quan sát hình 1 và hỏi: Hình 1 là một tháp Chăm tiêu biểu của Vương quốc Chăm-pa. Hãy chia sẻ điều em biết về các đền tháp Chăm.



- HS quan sát, chia sẻ: Đền tháp Chăm thường được xây bằng gạch, có kiến trúc độc đáo, hiện còn ở nhiều nơi miền Trung.

- GV nhận xét, dẫn vào bài: Tiết học hôm nay giúp các em xác định vị trí và tìm hiểu nét chính của một số đền tháp Chăm-pa.

- HS lắng nghe, ghi tên bài vào vở.

2. Khám phá: Giới thiệu về đền tháp Chăm-pa (25 phút)

Mục tiêu: Kể tên, xác định vị trí và mô tả được nét chính của một số đền tháp Chăm-pa.

Mục tiêu tích hợp: Tích hợp NLS 3.1.CB2a: HS dùng PowerPoint hoặc Canva tạo thẻ ghi nhớ điện tử giới thiệu một đền tháp Chăm-pa với tên đền tháp, địa điểm và một nét kiến trúc tiêu biểu.

***Cách tiến hành:**

- GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS đọc thông tin mục 1 và quan sát hình 2, 3.

- HS nhận nhiệm vụ nhóm, đọc thông tin, quan sát hình và ghi lại ý chính.

- GV yêu cầu: Đọc thông tin và quan sát hình 2, 3, em hãy:

- HS quan sát bản đồ phân bố đền tháp Chăm và hình khu di tích Thánh địa Mỹ Sơn.



Hình 2. Bản đồ phân bố một số đền tháp Chăm ở Việt Nam hiện nay

Thánh địa Mỹ Sơn là một quần thể kiến trúc với khoảng hơn 70 đền tháp, nằm trong một thung lũng được bao quanh bởi đồi, núi. Đây là nơi thờ phụng và tổ chức lễ tế của Vương quốc Chăm-pa.

Đền tháp ở đây phần lớn được xây dựng bằng gạch kết hợp với đá sa thạch, cửa quay về phía đông. Tháp chính có kiến trúc thân vuông, ở giữa vọng tạo thành điện thờ. Bao quanh



Hình 3. Khu di tích Thánh địa Mỹ Sơn (thành phố Đà Nẵng)

- GV hỏi: Vương quốc Chăm-pa được thành lập vào khoảng thời gian nào?

- HS trả lời: Vương quốc Chăm-pa được thành lập vào cuối thế kỉ II.

- GV hỏi: Địa bàn chủ yếu của Vương quốc Chăm-pa ở đâu?

- HS trả lời: Địa bàn chủ yếu ở khu vực miền Trung Việt Nam, từ phía nam dãy Hoàng Sơn đến khoảng Bình Thuận ngày nay.

- GV hỏi: Kể tên một số đền tháp Chăm-pa còn lại đến ngày nay.

- HS trả lời: Thánh địa Mỹ Sơn, Tháp Bánh Ít, Tháp Pô Klong Ga-rai, Tháp Bà Pô Na-ga, Tháp Nhạn,...

- GV hỏi: Thánh địa Mỹ Sơn nằm ở đâu?

- HS trả lời: Thánh địa Mỹ Sơn nằm ở thành phố Đà Nẵng.

- GV hỏi: Đền tháp Chăm-pa thường được xây bằng vật liệu gì?

- HS trả lời: Đền tháp Chăm-pa thường được xây bằng gạch kết hợp với đá sa thạch.

- GV yêu cầu HS quan sát hình 4 và mô tả nét chính của Tháp Bánh Ít.

- HS quan sát hình 4, nhận xét về dáng tháp, chất liệu và cảnh quan xung quanh.

<p>tháp chính là những ngôi tháp nhỏ. Tường bên ngoài tháp được trang trí các họa tiết hoa văn hình hoa lá (hoa cúc, hoa sen,...), hình động vật (voi, sư tử,...),...</p>  <p>Em có biết? Tháp Bánh Ít còn gọi là Tháp Bạc, gồm bốn ngọn tháp đứng gần nhau, một tháp chính ở giữa đỉnh đồi và ba tháp nhỏ thấp hơn. Đền trong tháp chính đặt tượng thần Si-va (Shiva) tọa trên đài sen. Đỉnh mỗi tháp đều có gắn tượng thần Si-va bằng đá.</p> <p>Hình 4. Tháp Bánh Ít (Tháp Già Lai)</p>	
<p>- GV hỏi: Đền tháp Chăm thường có những đặc điểm kiến trúc nào?</p>	<p>- HS trả lời: Tháp có cửa chính quay về phía đông, thân tháp thường hẹp, đỉnh tháp vươn cao, bên ngoài trang trí hoa văn hoa lá, động vật, thần linh.</p>
<p>- Tích hợp NLS 3.1.CB2a: GV giới thiệu công cụ PowerPoint/Canva và hướng dẫn HS tạo thẻ ghi nhớ điện tử giới thiệu một đền tháp Chăm-pa. GV yêu cầu HS chọn mẫu đơn giản, nhập tên đền tháp, địa điểm, hình ảnh, một nét chính về kiến trúc; kiểm tra chính tả, sắp xếp bố cục rõ ràng và ghi nguồn hình ảnh nếu có.</p>	<p>- HS thực hành tạo thẻ ghi nhớ điện tử giới thiệu một đền tháp Chăm-pa; sản phẩm có tên đền tháp, địa điểm, hình ảnh và một nét kiến trúc tiêu biểu.</p>
<p>- GV hỏi: Thẻ ghi nhớ điện tử cần có những thông tin nào để giúp bạn hiểu nhanh về đền tháp?</p>	<p>- HS trả lời: Cần có tên đền tháp, địa điểm, hình ảnh, một nét chính về kiến trúc và nguồn thông tin.</p>
<p>- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả.</p>	<p>- Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p>
<p>- GV nhận xét và chốt nội dung: Đền tháp là di sản văn hóa tiêu biểu của Vương quốc Chăm-pa. Hiện nay ở khu vực Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ còn nhiều di tích đền tháp Chăm, nổi bật là Thánh địa Mỹ Sơn. Đền tháp Chăm-pa có kiến trúc độc đáo, thể hiện trình độ xây dựng và nghệ thuật của cư dân Chăm-pa.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung chốt.</p>
<p>3. Luyện tập (7 phút)</p> <p>Mục tiêu: củng cố kiến thức về một số đền tháp Chăm-pa.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	

- GV giao nhiệm vụ luyện tập cá nhân: Kể tên ba đền tháp Chăm-pa còn lại đến ngày nay.	- HS xác định nhiệm vụ và ghi tên ba đền tháp Chăm-pa vào vở.
- Sau khi HS đọc, GV giao nhiệm vụ cá nhân: Ghi nhanh tên ba đền tháp Chăm-pa và nêu một thông tin cần giới thiệu về một đền tháp.	- HS làm cá nhân: Thánh địa Mỹ Sơn, Tháp Bánh Ít, Tháp Pô Klong Ga-rai hoặc Tháp Bà Pô Na-ga; thông tin cần giới thiệu gồm tên, địa điểm, nét chính về kiến trúc.
- GV mời HS trình bày kết quả luyện tập.	- HS trình bày; HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, sửa câu trả lời nếu cần.	- HS lắng nghe, hoàn thiện bài vào vở.

4. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút)

Mục tiêu: Liên hệ việc trân trọng và tôn trọng văn hóa Chăm-pa.

Mục tiêu tích hợp: Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS tôn trọng văn hóa Chăm-pa, không kì thị, biết trân trọng sự đa dạng văn hóa của các dân tộc trên đất nước Việt Nam.

***Cách tiến hành:**

- GV giao nhiệm vụ vận dụng: Suy tầm một câu chuyện hoặc hình ảnh về đền tháp Chăm-pa để chia sẻ ở tiết học sau.	- HS xác định nhiệm vụ: suy tầm câu chuyện hoặc hình ảnh về đền tháp Chăm-pa và chuẩn bị lời giới thiệu ngắn gọn.
- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV hướng dẫn HS khi suy tầm và giới thiệu đền tháp Chăm-pa cần thể hiện thái độ tôn trọng văn hóa Chăm-pa, không kì thị, không so sánh hơn kém giữa các dân tộc. GV gợi ý HS nêu việc làm cụ thể: dùng lời giới thiệu lịch sự, không vẽ bậy lên di tích, không xả rác, biết trân trọng sự đa dạng văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.	- HS ghi nhiệm vụ về nhà và nêu thái độ: tôn trọng văn hóa Chăm-pa, giữ gìn di tích, không xả rác, không viết vẽ lên công trình, giới thiệu di sản bằng lời nói lịch sự.
- GV dặn dò: Suy tầm một câu chuyện về đền tháp Chăm để chuẩn bị tiết sau.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

CHỦ ĐỀ 2. NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

TUẦN 9

BÀI 7. VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA

TIẾT 2

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Kể lại được một số câu chuyện về đền tháp Chăm-pa.
- Suu tầm, trình bày được tư liệu về một đền tháp Chăm-pa.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc thông tin, quan sát tranh ảnh, khai thác tư liệu theo nhiệm vụ.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm, trình bày ý kiến, lắng nghe và nhận xét phần trình bày của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn thông tin phù hợp để hoàn thành phiếu học tập, bảng hoặc sơ đồ.

3. Phẩm chất

- Yêu nước, tự hào về truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc.
- Chăm chỉ, trách nhiệm trong học tập; có ý thức giữ gìn di tích, trân trọng nhân vật lịch sử.

4. Tích hợp

- Tích hợp AI 5.C4.2: HS trải nghiệm tham quan ảo tích hợp AI để khám phá đền tháp Chăm-pa.
- Tích hợp BVMT: HS liên hệ việc giữ gìn cảnh quan sạch đẹp quanh di tích, không xả rác khi tham quan.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK, SGV, tranh ảnh, phiếu học tập, máy tính, ti vi hoặc máy chiếu.
- Học sinh: SGK, vở, bút, tư liệu hoặc hình ảnh sưu tầm theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
------------------	------------------

1. Khởi động (5 phút)

Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập, kết nối với nội dung kể chuyện về đền tháp Chăm.

*Cách tiến hành:

- GV tổ chức trò chơi “Đoán tên đền tháp” qua hình ảnh Tháp Bánh Ít, Tháp Pô Klong Ga-rai, Tháp Bà Pô Na-ga.

- GV nhận xét, dẫn vào bài.

- HS quan sát hình, đoán tên đền tháp và chia sẻ hiểu biết ban đầu.

- HS lắng nghe, chuẩn bị học bài.

2. Khám phá: Kể chuyện về đền tháp Chăm (25 phút)

Mục tiêu: Kể lại được một câu chuyện về đền tháp Chăm; biết rút ra ý nghĩa văn hóa từ câu chuyện.

Mục tiêu tích hợp: Tích hợp AI 5.C4.2: HS trải nghiệm tham quan ảo tích hợp AI để khám phá đền tháp Chăm-pa, biết đặt câu hỏi phù hợp và đối chiếu thông tin với SGK.

*Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 2 và nêu nhiệm vụ: Đọc thông tin, em hãy kể một câu chuyện về đền tháp Chăm.

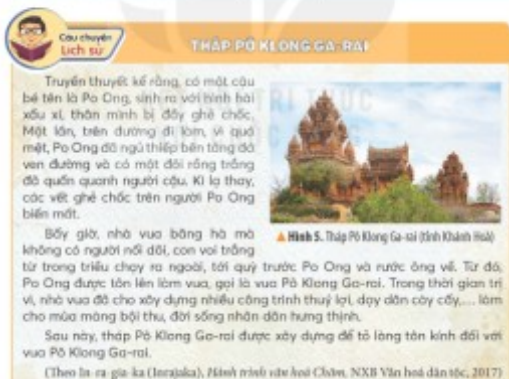
- GV chia nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm chọn một câu chuyện, đọc kĩ, xác định nhân vật và sự việc chính.

- HS đọc thông tin trong SGK, lựa chọn một câu chuyện để kể.

- HS thảo luận nhóm, phân công bạn kể chuyện, bạn nêu ý nghĩa câu chuyện.

2. Kể chuyện về đền tháp Chăm

Đọc thông tin, em hãy kể một câu chuyện về đền tháp Chăm.



- Câu hỏi: Câu chuyện Tháp Pô Klong Ga-rai kể về ai?

- HS trả lời: Câu chuyện kể về vua Pô Klong Ga-rai.

<p>- Câu hỏi: Trong câu chuyện, Pô Klong Ga-rai được nhân dân tôn lên làm vua vì điều gì?</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thêm câu chuyện Sự tích Tháp Bà Pô Na-ga.</p> <p>- Câu hỏi: Qua câu chuyện, nhân dân địa phương thể hiện tình cảm gì đối với nhân vật được thờ?</p> 	<p>- HS trả lời: Vì ông có tài, giúp dân và được nhân dân kính trọng.</p> <p>- HS đọc câu chuyện, quan sát hình và nêu ý chính.</p> <p>- HS trả lời: Nhân dân thể hiện lòng biết ơn, sự tôn kính đối với người đã giúp dân, dạy dân làm ăn.</p>
<p>- GV giới thiệu công cụ tham quan ảo/ảnh 360 độ tích hợp AI: GV mở trang hình ảnh ảo về một đền tháp Chăm-pa, hướng dẫn HS quan sát tổng thể, phóng to chi tiết và đặt câu hỏi: “Đền tháp này có đặc điểm kiến trúc nào nổi bật?”</p> <p>- GV lưu ý HS: Kết quả gợi ý từ công cụ số chỉ dùng để tham khảo, cần đối chiếu với thông tin trong SGK.</p> <p>- Tích hợp AI 5.C4.2: HS biết sử dụng tham quan ảo tích hợp AI để quan sát đền tháp Chăm-pa, đặt câu hỏi phù hợp và kiểm chứng thông tin với SGK.</p>	<p>- HS quan sát thao tác của GV, nêu nhận xét về hình dáng, chất liệu, hoa văn của đền tháp.</p> <p>- HS ghi nhớ cách dùng công cụ số an toàn, có chọn lọc.</p>
<p>- GV mời đại diện nhóm kể chuyện.</p> <p>- GV yêu cầu nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- GV nhận xét và chốt nội dung: Những câu chuyện về đền tháp Chăm-pa thể hiện đời sống tinh thần phong phú, tín ngưỡng và lòng biết</p>	<p>- Đại diện nhóm kể chuyện trước lớp.</p> <p>- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- HS lắng nghe, hoàn thiện nội dung.</p>

ơn của cư dân Chăm-pa đối với người có công.

3. Luyện tập (7 phút)

Mục tiêu: củng cố kiến thức về đền tháp Chăm-pa.

***Cách tiến hành:**

- Bài 1.

- Hoàn thành bảng theo gợi ý dưới đây vào vở về các đền tháp Chăm ở Việt Nam.

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu Bài 1.

- GV giao nhiệm vụ cá nhân: HS hoàn thành bảng.

- HS đọc yêu cầu Bài 1.

- HS hoàn thành bảng vào vở.

STT	Tên đền tháp	Địa điểm
1	Thánh địa Mỹ Sơn	Đà Nẵng
2	Tháp Bánh Ít	Gia Lai
3	Tháp Pô Klong Ga-rai	Khánh Hòa

- Bài 2.

- Làm thẻ ghi nhớ giới thiệu về một đền tháp Chăm theo gợi ý: tên gọi, địa điểm, một số nét chính về kiến trúc.

- GV mời HS trình bày sản phẩm.

- HS chọn một đền tháp Chăm và làm thẻ ghi nhớ.

- HS trình bày; HS khác nhận xét, bổ sung.

4. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút)

Mục tiêu: Liên hệ việc giữ gìn và giới thiệu di sản đền tháp Chăm.

Mục tiêu tích hợp: Tích hợp BVMT: HS biết giữ gìn cảnh quan sạch đẹp quanh di tích, không xả rác khi tham quan.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ Vận dụng trong SGK.

- GV hướng dẫn HS sưu tầm tranh ảnh về một đền tháp Chăm ở Việt Nam và giới thiệu với bạn, người thân.

- HS đọc nhiệm vụ Vận dụng.

- HS ghi nhớ nhiệm vụ sưu tầm tranh ảnh và chia sẻ.

- HS lắng nghe.

- HS ghi nhớ nhiệm vụ học tập.

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none">- GV nhận xét tiết học.- GV dặn dò: Chuẩn bị bài sau. | |
|--|--|

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

CHỦ ĐỀ 3. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

TUẦN 9

BÀI 8. ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP THỜI KÌ BẮC THUỘC

TIẾT 1

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Kể được một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc.
- Nhận biết được các cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc thể hiện tinh thần yêu nước, ý chí tự chủ của nhân dân ta.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc thông tin, quan sát tranh ảnh, khai thác tư liệu theo nhiệm vụ.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm, trình bày ý kiến, lắng nghe và nhận xét phần trình bày của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn thông tin phù hợp để hoàn thành phiếu học tập, bảng hoặc sơ đồ.

3. Phẩm chất

- Yêu nước, tự hào về truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc.
- Chăm chỉ, trách nhiệm trong học tập; có ý thức giữ gìn di tích, trân trọng nhân vật lịch sử.

4. Tích hợp

- Tích hợp NLS 3.1.CB2a: HS tạo sơ đồ thời gian số về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu thời Bắc thuộc bằng PowerPoint, Canva hoặc công cụ vẽ sơ đồ đơn giản.
- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Bồi dưỡng lòng yêu nước, ý chí độc lập, tự chủ của dân tộc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK, SGV, tranh ảnh, phiếu học tập, máy tính, ti vi hoặc máy chiếu.
- Học sinh: SGK, vở, bút, tư liệu hoặc hình ảnh sưu tầm theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập, kết nối với nội dung đấu tranh giành độc lập thời kì Bắc thuộc. *Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc bốn câu thơ của Hồ Chí Minh trong bài thơ Lịch sử nước ta. - Câu hỏi: Những câu thơ nhắc đến sự kiện và nhân vật lịch sử nào? - GV nhận xét, dẫn dắt vào bài học. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thơ. - HS trả lời: Câu thơ nhắc đến Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Ngô Quyền và các cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc. - HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. Khám phá: Tìm hiểu một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc (25 phút) Mục tiêu: Kể tên được một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc và sắp xếp được các cuộc đấu tranh theo trình tự thời gian. Mục tiêu tích hợp: Tích hợp NLS 3.1.CB2a: HS tạo sơ đồ thời gian số về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu thời Bắc thuộc bằng PowerPoint, Canva hoặc công cụ vẽ sơ đồ đơn giản; biết đối chiếu mốc thời gian với SGK. *Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none"> - Trước tiên, GV khai thác nội dung Em có biết? trong SGK để giúp HS biết nguyên nhân dẫn đến các cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc. - GV hỏi: Vì sao nhân dân ta liên tục đứng lên đấu tranh trong thời kì Bắc thuộc? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin Em có biết? trong SGK. - HS trả lời: Vì nhân dân ta không chịu ách đô hộ, muốn giành lại độc lập, tự chủ cho đất nước.
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân: đọc nội dung mục 1 trong SGK. - GV yêu cầu HS nói với bạn tên một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nội dung mục 1. - HS trao đổi với bạn: Khởi nghĩa Hai Bà Trưng, khởi nghĩa Bà Triệu, khởi nghĩa Lý Bí - Triệu Quang Phục, khởi nghĩa Mai Thúc Loan, khởi nghĩa

	Phùng Hưng, khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ, khởi nghĩa Ngô Quyền,...																
<ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành các nhóm 4. - GV phát phiếu/bảng gợi ý như SGK, yêu cầu HS thảo luận và nối các mốc thời gian tương ứng với tên các cuộc đấu tranh. - GV yêu cầu HS đọc từng mốc thời gian, đối chiếu với tên cuộc đấu tranh trong thẻ để hoàn thành nhiệm vụ. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nhận phiếu học tập. - HS thảo luận nhóm, phân công bạn đọc mốc thời gian, bạn tìm tên cuộc đấu tranh, bạn ghi kết quả. - HS hoàn thành bảng theo nhóm. 																
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời gian diễn ra các cuộc đấu tranh tiêu biểu</th> <th>Tên các cuộc đấu tranh</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>40 - 43</td> <td>Khởi nghĩa Bà Triệu</td> </tr> <tr> <td>248</td> <td>Khởi nghĩa Lý Bí - Triệu Quang Phục</td> </tr> <tr> <td>542 - 602</td> <td>Khởi nghĩa Phùng Hưng</td> </tr> <tr> <td>713 - 722</td> <td>Khởi nghĩa Hai Bà Trưng</td> </tr> <tr> <td>766 - 779</td> <td>Khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ</td> </tr> <tr> <td>905</td> <td>Khởi nghĩa Ngô Quyền</td> </tr> <tr> <td>938</td> <td>Khởi nghĩa Mai Thúc Loan</td> </tr> </tbody> </table>	Thời gian diễn ra các cuộc đấu tranh tiêu biểu	Tên các cuộc đấu tranh	40 - 43	Khởi nghĩa Bà Triệu	248	Khởi nghĩa Lý Bí - Triệu Quang Phục	542 - 602	Khởi nghĩa Phùng Hưng	713 - 722	Khởi nghĩa Hai Bà Trưng	766 - 779	Khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ	905	Khởi nghĩa Ngô Quyền	938	Khởi nghĩa Mai Thúc Loan	
Thời gian diễn ra các cuộc đấu tranh tiêu biểu	Tên các cuộc đấu tranh																
40 - 43	Khởi nghĩa Bà Triệu																
248	Khởi nghĩa Lý Bí - Triệu Quang Phục																
542 - 602	Khởi nghĩa Phùng Hưng																
713 - 722	Khởi nghĩa Hai Bà Trưng																
766 - 779	Khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ																
905	Khởi nghĩa Ngô Quyền																
938	Khởi nghĩa Mai Thúc Loan																
- Câu hỏi: Mốc thời gian 40 - 43 gắn với cuộc đấu tranh nào?	- HS trả lời: Mốc thời gian 40 - 43 gắn với khởi nghĩa Hai Bà Trưng.																
- Câu hỏi: Mốc thời gian 248 gắn với cuộc đấu tranh nào?	- HS trả lời: Mốc thời gian 248 gắn với khởi nghĩa Bà Triệu.																
- Câu hỏi: Mốc thời gian 542 - 602 gắn với cuộc đấu tranh nào?	- HS trả lời: Mốc thời gian 542 - 602 gắn với khởi nghĩa Lý Bí - Triệu Quang Phục.																
- Câu hỏi: Mốc thời gian 713 - 722 gắn với cuộc đấu tranh nào?	- HS trả lời: Mốc thời gian 713 - 722 gắn với khởi nghĩa Mai Thúc Loan.																
- Câu hỏi: Mốc thời gian 766 - 779 gắn với cuộc đấu tranh nào?	- HS trả lời: Mốc thời gian 766 - 779 gắn với khởi nghĩa Phùng Hưng.																
- Câu hỏi: Mốc thời gian 905 gắn với cuộc đấu tranh nào?	- HS trả lời: Mốc thời gian 905 gắn với khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ.																
- Câu hỏi: Mốc thời gian 938 gắn với cuộc đấu tranh nào?	- HS trả lời: Mốc thời gian 938 gắn với khởi nghĩa Ngô Quyền, tiêu biểu là chiến thắng Bạch Đằng.																
- GV gọi một số HS lên thực hiện nhiệm vụ	- HS lên bảng nối mốc thời gian với tên cuộc đấu																

<p>trước lớp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS khác nhận xét, hoàn thiện câu trả lời. - GV hỏi thêm: Các cuộc đấu tranh đó cho em biết điều gì? 	<p>tranh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS khác nhận xét, bổ sung. - HS trả lời: Các cuộc đấu tranh cho thấy tinh thần yêu nước, chống giặc ngoại xâm, ý chí tự chủ và tinh thần dân tộc của nhân dân ta.
<ul style="list-style-type: none"> - Tích hợp NLS: GV giới thiệu PowerPoint, Canva hoặc công cụ vẽ sơ đồ đơn giản để tạo sơ đồ thời gian số về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu thời Bắc thuộc. - GV hướng dẫn HS thao tác: chọn mẫu sơ đồ thời gian, nhập mốc thời gian, tên cuộc đấu tranh, sắp xếp theo thứ tự trước - sau và trình bày rõ ràng. - Câu hỏi: Khi làm sơ đồ thời gian số, em cần kiểm tra điều gì để tránh nhầm lẫn? - Tích hợp NLS 3.1.CB2a: HS biết tạo sơ đồ thời gian số để hệ thống hóa các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu thời Bắc thuộc, đồng thời biết đối chiếu thông tin với SGK để tránh sai lệch. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát thao tác của GV. - HS nêu cách làm: chọn mẫu sơ đồ, nhập mốc thời gian, tên cuộc đấu tranh, sắp xếp theo thứ tự và kiểm tra lại với SGK. - HS trả lời: Cần kiểm tra mốc thời gian, tên sự kiện, nguồn thông tin và thứ tự trước - sau.
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét và chuẩn nội dung: Các cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc diễn ra liên tiếp qua nhiều thế kỉ. Những cuộc đấu tranh ấy thể hiện tinh thần yêu nước, chống giặc ngoại xâm, ý chí tự chủ và tinh thần dân tộc của nhân dân ta. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, hoàn thiện nội dung vào vở.
<p>3. Luyện tập (7 phút)</p> <p>Mục tiêu: củng cố kiến thức về tên và thời gian của một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>- Câu 1.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS hoàn thiện thông tin về một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trên trục thời gian 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài vào vở. - HS trình bày kết quả.

theo gợi ý vào vở. - GV giao nhiệm vụ cá nhân, sau đó mời một số HS trình bày.		Thời gian	Cuộc đấu tranh tiêu biểu
		40 - 43	Khởi nghĩa Hai Bà Trưng
		248	Khởi nghĩa Bà Triệu
		542 - 602	Khởi nghĩa Lý Bí - Triệu Quang Phục
		713 - 722	Khởi nghĩa Mai Thúc Loan
		766 - 779	Khởi nghĩa Phùng Hưng
		905	Khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ
		938	Khởi nghĩa Ngô Quyền / chiến thắng Bạch Đằng
- GV nhận xét, sửa sai nếu HS nhầm mốc thời gian hoặc tên cuộc đấu tranh.	- HS lắng nghe, sửa bài nếu cần.		

4. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút)

Mục tiêu: Vận dụng kiến thức để tìm hiểu thêm di tích, đường phố, trường học liên quan đến nhân vật thời Bắc thuộc.

Mục tiêu tích hợp: Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Bồi dưỡng lòng yêu nước, ý chí độc lập, tự chủ của dân tộc.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ Vận dụng trong SGK. - GV hướng dẫn HS về nhà tìm hiểu thông tin từ sách, báo, Internet hoặc hỏi người thân để kể tên một số di tích lịch sử, đường phố, trường học liên quan đến những nhân vật tiêu biểu trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc.	- HS đọc nhiệm vụ Vận dụng. - HS ghi nhớ nhiệm vụ: tìm tên di tích, đường phố, trường học liên quan đến Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Ngô Quyền,... - HS trả lời: Em học được lòng yêu nước, ý chí kiên cường, không chịu khuất phục và tinh thần tự chủ
---	---

<ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: Qua các cuộc đấu tranh thời Bắc thuộc, em học được điều gì từ tinh thần của cha ông? - Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV giáo dục HS lòng yêu nước, ý chí độc lập, tự chủ; biết trân trọng những hi sinh của các thế hệ đi trước. - GV nhận xét tiết học. - GV dặn dò: Chuẩn bị tiết sau: Kể chuyện về một số nhân vật tiêu biểu trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc. 	<ul style="list-style-type: none"> của cha ông. - HS thể hiện thái độ tự hào, biết ơn và có ý thức học tập tốt để góp phần xây dựng đất nước. - HS lắng nghe. - HS chuẩn bị bài sau.
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

CHỦ ĐỀ 3. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

Tuần 10

Bài 8. Đấu tranh giành độc lập thời kì Bắc thuộc

Tiết 2

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Kể được câu chuyện về một số nhân vật tiêu biểu trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc.
- Nêu được việc làm, đóng góp và bày tỏ cảm nghĩ về nhân vật lịch sử tiêu biểu.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc thông tin, quan sát tranh ảnh, khai thác tư liệu theo nhiệm vụ.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm, trình bày ý kiến, lắng nghe và nhận xét phần trình bày của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn thông tin phù hợp để hoàn thành phiếu học tập, bảng hoặc sơ đồ.

3. Phẩm chất

- Yêu nước, tự hào về truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc.
- Chăm chỉ, trách nhiệm trong học tập; có ý thức giữ gìn di tích, trân trọng nhân vật lịch sử.

4. Tích hợp

- Tích hợp AI 5.A1.1: HS tìm hiểu cách AI hỗ trợ số hóa, dịch văn bản Hán Nôm cổ.
- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết noi gương tinh thần bất khuất của cha ông.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK, SGV, tranh ảnh, phiếu học tập, máy tính, ti vi hoặc máy chiếu.
- Học sinh: SGK, vở, bút, tư liệu hoặc hình ảnh sưu tầm theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Ôn lại kiến thức đã học ở tiết trước, tạo hứng thú học tập cho HS. *Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nhắc lại tên một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc đã học ở tiết trước. - Câu hỏi: Các cuộc đấu tranh đó thể hiện điều gì? - GV nhận xét, dẫn vào bài học. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu: Khởi nghĩa Hai Bà Trưng, khởi nghĩa Bà Triệu, khởi nghĩa Lý Bí, khởi nghĩa Ngô Quyền,... - HS trả lời: Thể hiện lòng yêu nước, ý chí tự chủ và tinh thần chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta. - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài.
2. Khám phá: Kể chuyện về một nhân vật tiêu biểu trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc (25 phút) Mục tiêu: Kể được câu chuyện về một nhân vật tiêu biểu trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc; nêu được việc làm và bày tỏ cảm nghĩ về nhân vật lịch sử. Mục tiêu tích hợp: Tích hợp AI 5.A1.1: HS tìm hiểu cách AI hỗ trợ số hóa, dịch văn bản Hán Nôm cổ; biết kiểm chứng kết quả bằng SGK, SGV và nguồn tư liệu chính thống. *Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm, đọc nội 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nội dung mục 2 trong SGK.

<p>dung mục 2 trong SGK và thực hiện các nhiệm vụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệm vụ 1: Kể câu chuyện về một nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc. - Nhiệm vụ 2: Chia sẻ điều em biết được qua câu chuyện đó. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chọn một câu chuyện hoặc nhân vật để kể. - HS thảo luận nhóm, thống nhất nội dung cần trình bày.
<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu kênh hình cần khai thác. - Hình 1: Trưng Vương trừ giặc Hán tái hiện khí thế tiến công của nghĩa quân Hai Bà Trưng. - Hình 2: Đèn thờ Lý Nam Đế giúp HS liên hệ câu chuyện Lý Bí và Nhà nước Vạn Xuân. - Hình 3: Tượng đài Ngô Quyền gợi nhắc chiến thắng Bạch Đằng năm 938. <div data-bbox="175 997 678 1654"> <p>2. Kể chuyện về một số nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc</p> <p>Đọc thông tin và quan sát các hình từ 1 đến 3, em hãy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể câu chuyện về một nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc. - Chia sẻ điều em biết được qua câu chuyện đó. <p>Trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc của nhân dân ta xuất hiện nhiều tấm gương anh dũng, tiêu biểu như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Phùng Hưng, Ngô Quyền...</p> <p>Câu chuyện Lịch sử</p> <p>TRUNG VƯƠNG TRỪ GIẶC HÁN</p> <p>Thuở xưa, nước ta bị nhà Hán đô hộ. Chúng ra sức vơ vét của cải, bóc lột nhân dân ta. Bởi vậy, ở huyện Mê Linh (Hà Nội) có hai chị em gái tên là Trưng Trắc và Trưng Nhị rất giỏi võ nghệ, sớm nuôi chí giành lại non sông. Chồng bà Trưng Trắc là Thi Sách bị Thái thú Tô Định giết hại. Trưng Trắc đã cùng với em gái phát cờ khởi nghĩa để "đến nợ nước, trả thù nhà".</p> <p>Cuộc khởi nghĩa được nhân dân nhiều nơi hưởng ứng. Nghĩa quân làm chủ Mê Linh, rồi tiến xuống Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội), tấn công Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh). Cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi, Trưng Trắc được tôn làm vua, gọi là Trưng Vương. Đất nước được độc lập trong hơn ba năm (40 - 43).</p> <p>Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng đã chứng tỏ tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân ta, tạo tiền đề cho việc khôi phục nền độc lập, tự chủ của nước nhà sau này.</p> <p>(Theo Hai Bà Trưng và cuộc khởi nghĩa chống quân đô hộ nhà Hán, NXB Giáo dục, 2007)</p>  <p>▲ Hình 1. Trưng Vương trừ giặc Hán (tranh dân gian Đông Hồ)</p> </div>	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát các hình, đọc chú thích và liên hệ với nhân vật lịch sử tương ứng. - HS ghi nhớ: Hình 1 gắn với Hai Bà Trưng, hình 2 gắn với Lý Bí, hình 3 gắn với Ngô Quyền.
<ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi: Câu chuyện em kể nhắc đến nhân vật lịch sử nào? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời theo câu chuyện đã chọn: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Phùng Hưng, Khúc Thừa Dụ hoặc Ngô Quyền.
<ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi: Nhân vật lịch sử đó đã có những 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời cụ thể: Nhân vật đã lãnh đạo nhân dân

việc làm nào?	đứng lên chống ách đô hộ, giành độc lập hoặc góp phần mở ra thời kì tự chủ cho dân tộc.
- Câu hỏi: Câu chuyện giúp em hiểu thêm điều gì về tinh thần của nhân dân ta trong thời kì Bắc thuộc?	- HS trả lời: Câu chuyện giúp em hiểu tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường, không chịu khuất phục của nhân dân ta.
- Câu hỏi: Em có cảm nghĩ gì về nhân vật lịch sử đó?	- HS trả lời: Em cảm phục, tự hào và biết ơn những người đã đấu tranh giành độc lập cho dân tộc.
- GV gọi đại diện một số nhóm lên kể câu chuyện. - GV yêu cầu các nhóm khác nhận xét: bạn kể đúng nhân vật chưa, nêu được việc làm và cảm nghĩ chưa? - GV gợi mở thêm cho HS còn lúng túng: Câu chuyện có nhân vật nào? Nhân vật làm việc gì? Việc làm đó có ý nghĩa ra sao?	- Đại diện nhóm kể chuyện trước lớp. - Nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS dựa vào câu hỏi gợi mở để hoàn thiện phần kể chuyện.
- Tích hợp AI: GV giới thiệu một số hình ảnh văn bản Hán Nôm cổ liên quan đến lịch sử dân tộc và nêu: ngày nay AI có thể hỗ trợ nhận diện chữ, số hóa tư liệu và gợi ý dịch nghĩa ban đầu. - GV hướng dẫn HS quan sát minh họa: ảnh văn bản cổ được đưa vào công cụ nhận diện/số hóa; kết quả máy trả về cần được giáo viên và nguồn chính thống kiểm chứng. - Câu hỏi: Vì sao không được xem kết quả AI dịch văn bản cổ là kết quả cuối cùng? - Tích hợp AI 5.A1.1: HS nhận biết AI có thể hỗ trợ số hóa, dịch văn bản Hán Nôm cổ, nhưng khi học lịch sử phải đối chiếu với SGK, SGV và nguồn tư liệu chính thống.	- HS quan sát minh họa GV giới thiệu. - HS nêu: AI có thể hỗ trợ nhận diện chữ, chuyển văn bản thành dữ liệu số và gợi ý nghĩa ban đầu. - HS trả lời: Vì văn bản cổ khó đọc, AI có thể nhận diện sai hoặc dịch chưa đúng; cần giáo viên và nguồn chính thống kiểm chứng. - HS biết sử dụng AI có trách nhiệm khi tìm hiểu tư liệu lịch sử.
- GV nhận xét và chuẩn kiến thức: Câu chuyện về các nhân vật tiêu biểu trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc giúp chúng ta hiểu rõ hơn	- HS lắng nghe, hoàn thiện nội dung vào vở.

lòng yêu nước, ý chí tự chủ và tinh thần bất khuất của nhân dân ta. Các nhân vật như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Phùng Hưng, Khúc Thừa Dụ, Ngô Quyền đã góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.

3. Luyện tập (8 phút)

Mục tiêu: củng cố kiến thức về các cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc.

*Cách tiến hành:

- Câu 1.

- GV yêu cầu HS hoàn thiện trực thời gian thể hiện một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc.

- GV giao nhiệm vụ cá nhân và mời HS trình bày.

- HS hoàn thành trực thời gian vào vở.

- HS trình bày kết quả.

Thời gian	Sự kiện
40 - 43	Khởi nghĩa Hai Bà Trưng
248	Khởi nghĩa Bà Triệu
542 - 602	Khởi nghĩa Lý Bí - Triệu Quang Phục
938	Chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền

- Câu 2.

- GV yêu cầu HS kể lại một câu chuyện về nhân vật lịch sử tiêu biểu mà em yêu thích.

- GV mời HS trình bày trước lớp.

- HS chọn một nhân vật và kể lại ngắn gọn.

- HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương HS kể đúng nội dung, diễn đạt rõ ràng và nêu được cảm nghĩ.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút)

Mục tiêu: Vận dụng kiến thức để tìm hiểu thêm các địa danh, di tích liên quan đến nhân vật thời Bắc thuộc.

Mục tiêu tích hợp: Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết noi gương tinh thần bất

khuất của cha ông.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ Vận dụng trong SGK.
- GV hướng dẫn HS về nhà tìm hiểu một di tích, đường phố, trường học mang tên nhân vật thời Bắc thuộc.
- GV hỏi: Em có thể noi gương tinh thần bất khuất của cha ông bằng những việc làm nào trong học tập và cuộc sống?
- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV giáo dục HS biết tự hào, biết ơn và noi gương tinh thần bất khuất của cha ông.
- GV nhận xét tiết học.
- GV dặn dò: Chuẩn bị bài Triều Lý và việc định đô ở Thăng Long.

- HS đọc nhiệm vụ Vận dụng.
- HS ghi nhiệm vụ: tìm hiểu và ghi lại tên di tích, địa chỉ, nhân vật liên quan.
- HS trả lời: Em học tập chăm chỉ, sống trung thực, đoàn kết, yêu quê hương và biết bảo vệ điều đúng.
- HS bày tỏ thái độ tự hào, biết ơn các nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc.
- HS lắng nghe.
- HS ghi nhớ nhiệm vụ chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

CHỦ ĐỀ 3. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

TUẦN 10

BÀI 9. TRIỀU LÝ VÀ VIỆC ĐỊNH ĐÔ Ở THĂNG LONG

TIẾT 1

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nêu được một số nét chính về Triều Lý định đô ở Thăng Long.
- Nêu được nội dung, ý nghĩa của Chiếu dời đô.
- Cho biết được đóng góp của Lý Công Uẩn đối với dân tộc.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc thông tin, quan sát tranh ảnh, khai thác tư liệu theo nhiệm vụ.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm, trình bày ý kiến, lắng nghe và nhận xét phần trình bày của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn thông tin phù hợp để hoàn thành phiếu học tập, bảng hoặc sơ đồ.

3. Phẩm chất

- Yêu nước, tự hào về truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc.
- Chăm chỉ, trách nhiệm trong học tập; có ý thức giữ gìn di tích, trân trọng nhân vật lịch sử.

4. Tích hợp

- Tích hợp NLS 1.1.CB2b: HS tra cứu hình ảnh 360 độ hoặc hình ảnh số về chùa Một Cột, Hoàng thành Thăng Long; chọn thông tin ngắn gọn để giới thiệu di tích.
- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết giữ gìn di tích lịch sử, ứng xử văn minh khi tham quan.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK, SGV, tranh ảnh, phiếu học tập, máy tính, ti vi hoặc máy chiếu.
- Học sinh: SGK, vở, bút, tư liệu hoặc hình ảnh sưu tầm theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập, kết nối với nội dung bài học về Triều Lý. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS quan sát hình Chùa Một Cột. - Câu hỏi: Hình 1 là công trình kiến trúc tiêu biểu của triều đại nào? - Câu hỏi: Em biết gì về Chùa Một Cột hoặc triều đại này? 	- HS quan sát hình. - HS trả lời: Chùa Một Cột là công trình kiến trúc tiêu biểu của Triều Lý. - HS chia sẻ hiểu biết cá nhân.
- GV nhận xét và giới thiệu bài: Hôm nay các em tìm hiểu về Triều Lý và việc định đô ở Thăng Long.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học.
2. Khám phá: Tìm hiểu Triều Lý định đô ở Thăng Long (25 phút) Mục tiêu: Nêu được nội dung, ý nghĩa của Chiếu dời đô và đóng góp của Lý Công Uẩn đối với dân tộc. Mục tiêu tích hợp: Tích hợp NLS 1.1.CB2b: HS tra cứu hình ảnh 360 độ hoặc hình ảnh số về chùa Một Cột, Hoàng thành Thăng Long; chọn thông tin ngắn gọn để giới thiệu di tích.	
*Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc thông tin, khai thác tư liệu và quan sát hình trong SGK. - GV giao nhiệm vụ nhóm 4: đọc tư liệu, trao	- HS đọc thông tin, quan sát hình. - HS thảo luận nhóm 4, thư kí ghi ý chính.

đổi và trả lời các câu hỏi.



- Câu hỏi: Chiếu dời đô nêu nội dung gì?

- HS trả lời: Chiếu dời đô nêu lí do cần dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La và khẳng định Đại La là nơi thuận lợi để muôn dân được ấm no.

- Câu hỏi: Việc dời đô ra Thăng Long có ý nghĩa như thế nào?

- HS trả lời: Việc dời đô thể hiện tầm nhìn sáng suốt của vua Lý Thái Tổ, mở ra thời kì phát triển mới của đất nước.

- GV yêu cầu HS đọc câu chuyện Vị vua sáng lập Triều Lý.

- HS đọc câu chuyện.

- Câu hỏi: Lý Công Uẩn có những đóng góp nào đối với dân tộc?

- HS trả lời: Lý Công Uẩn lập ra Triều Lý, dời đô về Đại La và đổi tên là Thăng Long; đặt nền móng cho sự phát triển lâu dài của đất nước.



- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả.

- Đại diện nhóm trình bày.

- GV mời nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức: Năm 1009, Lý Công Uẩn lên ngôi vua, lập ra Triều Lý. Năm 1010, ông dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La và đổi tên là Thăng Long. Việc định đô ở Thăng Long thể hiện tầm nhìn sáng suốt, góp phần

- HS lắng nghe, hoàn thiện nội dung vào vở.

mở ra thời kì phát triển mới của đất nước.	
<ul style="list-style-type: none"> - Tích hợp NLS: GV giới thiệu công cụ Google Search/Google Earth và ảnh 360 độ để tìm hiểu di tích thời Lý. - GV hướng dẫn HS thao tác: gõ từ khóa “chùa Một Cột”, “Hoàng thành Thăng Long”, chọn hình ảnh 360 độ hoặc hình ảnh số rõ nguồn, đọc chú thích, không tải thông tin từ trang không rõ nguồn. - Câu hỏi: Khi tìm hình ảnh di tích trên Internet, em cần chú ý điều gì? - Tích hợp NLS 1.1.CB2b: HS biết sử dụng công cụ tìm kiếm số để khai thác hình ảnh 360 độ hoặc hình ảnh số về di tích thời Lý, biết chọn thông tin ngắn gọn, rõ nguồn và phù hợp với bài học. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe hướng dẫn. - HS thực hành quan sát minh họa của GV trên màn hình hoặc nêu cách tìm kiếm. - HS trả lời: Cần chọn nguồn đáng tin cậy, đọc kĩ chú thích, không chia sẻ thông tin sai lệch.

3. Luyện tập (7 phút)

Mục tiêu: củng cố nội dung về Chiều dài đô và đóng góp của Lý Công Uẩn.

*Cách tiến hành:

<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS trả lời nhanh các câu hỏi củng cố. - Câu hỏi: Triều Lý được thành lập vào năm nào? - Câu hỏi: Năm 1010, Lý Thái Tổ đã làm việc gì quan trọng? - Câu hỏi: Tên Thăng Long gắn với địa danh nào ngày nay? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Triều Lý được thành lập năm 1009. - HS trả lời: Năm 1010, Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La và đổi tên là Thăng Long. - HS trả lời: Thăng Long gắn với Hà Nội ngày nay.
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương HS trả lời đúng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe.

4. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút)

Mục tiêu: Liên hệ việc giữ gìn di tích lịch sử thời Lý.

Mục tiêu tích hợp: Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết giữ gìn di tích lịch sử, ứng xử văn minh khi tham quan.

***Cách tiến hành:**

<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ Vận dụng. - GV hướng dẫn HS về nhà sưu tầm một hình ảnh hoặc thông tin ngắn về một di tích thời Lý. - GV hỏi: Khi tham quan di tích lịch sử như chùa Một Cột, Hoàng thành Thăng Long, em cần có thái độ và hành động như thế nào? - Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV giáo dục HS biết giữ gìn di tích lịch sử, ứng xử văn minh, không viết vẽ lên di tích và không xả rác khi tham quan. - GV nhận xét tiết học. - GV dặn dò: Chuẩn bị nội dung Triều Lý xây dựng và bảo vệ đất nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nhiệm vụ. - HS ghi nhớ nhiệm vụ sưu tầm. - HS trả lời: Em cần giữ vệ sinh, đi nhẹ nói khẽ, không sờ hiện vật khi chưa được phép, không viết vẽ lên di tích và tôn trọng quy định nơi tham quan. - HS có ý thức giữ gìn di tích lịch sử và ứng xử văn minh khi tham quan. - HS lắng nghe. - HS thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị bài.
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5 CHỦ ĐỀ 3. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

Tuần 11

Bài 9. Triều Lý và việc định đô ở Thăng Long

Tiết 2

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nêu được một số nét chính về công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước dưới Triều Lý.
- Kể được đóng góp của một số nhân vật tiêu biểu như Nguyên phi Ỗ Lan, Lý Thường Kiệt.
- Biết liên hệ nội dung bài học với lòng yêu nước, ý thức bảo vệ Tổ quốc.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc thông tin, khai thác tư liệu, câu chuyện lịch sử về Nguyên phi Ỗ Lan và Lý Thường Kiệt để tìm hiểu công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước dưới Triều Lý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm, trình bày ý kiến về những việc làm tiêu biểu của nhà Lý trong xây dựng đất nước và chống quân Tống.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn, sắp xếp thông tin từ SGK để nêu đóng góp của nhân vật thời Lý và rút ra ý nghĩa lịch sử.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: tự hào về truyền thống xây dựng đất nước, tinh thần độc lập và ý chí chống ngoại xâm của dân tộc dưới Triều Lý.
- Chăm chỉ, trách nhiệm: tích cực tìm hiểu di tích, tư liệu, nhân vật thời Lý; có ý thức trân trọng công lao tiền nhân và giữ gìn di sản lịch sử.

4. Tích hợp

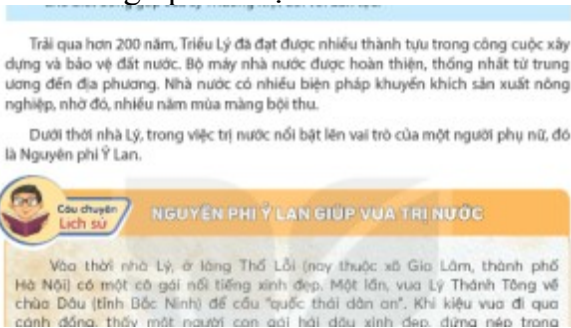
- Tích hợp AI 5.B3.1: HS dùng chatbot AI liệt kê đóng góp của vua Lý Thái Tổ, sau đó đối chiếu SGK để kiểm chứng thông tin.
- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Bồi dưỡng ý thức tự hào về Thăng Long - Hà Nội nghìn năm văn hiến.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK, SGV, tranh ảnh, tư liệu, phiếu học tập, máy tính, ti vi hoặc máy chiếu.
- Học sinh: SGK, vở, bút, thước, tư liệu hoặc hình ảnh sưu tầm theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Ôn lại kiến thức tiết trước và kết nối với nội dung Triều Lý xây dựng, bảo vệ đất nước. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nhắc lại kiến thức tiết trước bằng các câu hỏi ngắn.	- HS lắng nghe nhiệm vụ, chuẩn bị trả lời.
- GV hỏi: Năm 1010, Lý Thái Tổ đã làm việc gì quan trọng?	- HS trả lời: Năm 1010, Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Đại La và đổi tên là Thăng Long.
- GV hỏi: Vì sao việc dời đô ra Thăng Long có ý nghĩa lớn đối với đất nước?	- HS trả lời: Vì Thăng Long có vị trí thuận lợi, tạo điều kiện cho đất nước phát triển lâu dài.
- GV nhận xét, dẫn vào bài: Sau khi định đô ở Thăng Long, Triều Lý đã xây dựng và bảo vệ đất nước như thế nào?	- HS lắng nghe, chuẩn bị vào hoạt động khám phá.
2. Khám phá: Tìm hiểu Triều Lý xây dựng và bảo vệ đất nước (25 phút) Mục tiêu: Nêu được một số nét chính về công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước dưới Triều Lý và đóng góp của các nhân vật lịch sử tiêu biểu. Mục tiêu tích hợp: HS biết dùng chatbot AI liệt kê đóng góp của vua Lý Thái Tổ, sau đó đối chiếu SGK để kiểm chứng thông tin; bồi dưỡng ý thức tự hào về Thăng Long - Hà Nội nghìn năm văn hiến. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK về Triều Lý xây dựng và bảo vệ đất nước.	- HS đọc thông tin trong SGK, chú ý các ý về xây dựng đất nước và bảo vệ đất nước.
- GV giao nhiệm vụ nhóm 4: đọc thông tin, quan sát hình và câu chuyện lịch sử, trả lời từng câu hỏi.	- HS chia nhóm 4, phân công bạn đọc thông tin, bạn ghi ý chính, bạn trình bày.

- Câu hỏi 1: Dưới thời Lý, đất nước đạt được những thành tựu gì trong công cuộc xây dựng đất nước?	- HS trả lời: Triều Lý đạt nhiều thành tựu; bộ máy nhà nước được hoàn thiện; nông nghiệp được khuyến khích phát triển; chính quyền chăm lo đời sống nhân dân; Phật giáo phát triển thịnh đạt.
- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả câu hỏi 1.	- Đại diện nhóm trình bày trước lớp.
- GV yêu cầu nhóm khác nhận xét, bổ sung cho phần trình bày của bạn.	- Nhóm khác nhận xét, bổ sung ý còn thiếu.
- GV nhận xét, chuẩn kiến thức: Dưới thời Lý, đất nước đạt nhiều thành tựu trong công cuộc xây dựng và phát triển; nhà nước quan tâm đến sản xuất, đời sống nhân dân và văn hóa.	- HS lắng nghe, hoàn thiện nội dung vào vở.
- GV yêu cầu HS đọc câu chuyện Nguyễn Phi Ý Lan giúp vua trị nước. 	- HS đọc câu chuyện, chú ý việc làm và đóng góp của Nguyễn phi Ý Lan.
- Câu hỏi 2: Nguyên phi Ý Lan có đóng góp gì dưới Triều Lý?	- HS trả lời: Nguyên phi Ý Lan giúp vua trông coi việc nước, chăm lo đời sống nhân dân, góp phần ổn định đất nước.
- GV mời HS trình bày ý kiến về đóng góp của Nguyễn phi Ý Lan.	- HS trình bày ý kiến cá nhân hoặc đại diện nhóm trình bày.
- GV nhận xét, chuẩn kiến thức: Nguyên phi Ý Lan là người có tài, có đức, đã giúp vua trị nước, góp phần làm cho đất nước ổn định và phát triển.	- HS lắng nghe, ghi nhớ ý chính.
- GV yêu cầu HS đọc câu chuyện Lý Thường Kiệt và cuộc kháng chiến chống quân Tống.	- HS đọc câu chuyện, chú ý vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến.

 <p>Câu chuyện Lịch sử</p> <p>LÝ THƯỜNG KIỆT VÀ CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN TỐNG</p> <p>Khi quân Tống chuẩn bị xâm lược nước ta, Triều đình đã cử Lý Thường Kiệt làm Tổng chỉ huy cuộc kháng chiến. Với chủ trương "ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân đánh trước để chặn mũi nhọn của giặc", Lý Thường Kiệt đã cho quân tập kích, phá tan các căn cứ của nhà Tống ở gần biên giới Đại Việt để giành thế chủ động.</p> <p>Năm 1076, quân Tống do Quách Quỳ chỉ huy tiến đánh nước ta. Lý Thường Kiệt cho xây dựng phòng tuyến bên bờ bắc sông Như Nguyệt (tỉnh Bắc Ninh) để chặn thế giặc. Quách Quỳ cho quân tấn công nhiều lần nhưng chúng không thể phá được phòng tuyến của ta.</p> <p>Mùa xuân năm 1077, Lý Thường Kiệt cho quân đánh thẳng vào doanh trại quân Tống Tương truyền, để khích lệ tinh thần quân sĩ, ông cho người vào đến thờ bên bờ sông, ngâm vang bài thơ Nam quốc sơn hà. Quân sĩ hăng hái xông thẳng vào doanh trại địch. Quân Tống khiếp đảm, giẫm đạp lên nhau mà chạy, chết đến quá nửa. Ngay lúc ấy, Lý Thường Kiệt chủ động giảng hoà. Quách Quỳ mừng rỡ, liền đồng ý và vội vàng hạ lệnh rút quân về nước.</p> <p>Cuộc kháng chiến chống quân Tống kết thúc thắng lợi, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.</p> <p>(Theo Đỗ Đức Hùng, Danh tướng Việt Nam trong lịch sử, NXB Thanh niên, 2010)</p>	
<p>- Câu hỏi 3: Lý Thường Kiệt có đóng góp gì đối với dân tộc?</p>	<p>- HS trả lời: Lý Thường Kiệt chỉ huy quân dân Đại Việt kháng chiến chống quân Tống thắng lợi, góp phần bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.</p>
<p>- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả câu hỏi 3.</p>	<p>- Đại diện nhóm trình bày; các nhóm khác lắng nghe.</p>
<p>- GV yêu cầu HS nhận xét điểm chung trong đóng góp của Nguyên phi Ỗ Lan và Lý Thường Kiệt.</p>	<p>- HS trả lời: Các nhân vật đều yêu nước, tài giỏi, hết lòng vì đất nước và nhân dân.</p>
<p>- GV nhận xét, chuẩn kiến thức: Triều Lý có nhiều nhân vật tiêu biểu góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước; những đóng góp đó thể hiện truyền thống yêu nước, đoàn kết và ý chí giữ nước của dân tộc.</p>	<p>- HS lắng nghe, hoàn thiện bài học.</p>
<p>- Tích hợp AI 5.B3.1: GV giới thiệu chatbot AI là công cụ có thể hỗ trợ liệt kê đóng góp của vua Lý Thái Tổ, nhưng thông tin cần được đối chiếu với SGK và tư liệu chính thống.</p>	<p>- HS lắng nghe, hiểu chatbot AI chỉ là công cụ gợi ý ban đầu và phải kiểm chứng thông tin.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đặt câu lệnh mẫu: “Hãy liệt kê ba đóng góp của vua Lý Thái Tổ đối với lịch sử Việt Nam ở mức độ học sinh lớp 5.”</p>	<p>- HS quan sát câu lệnh mẫu, đọc lại câu lệnh và hiểu cách nêu yêu cầu rõ ràng.</p>
<p>- Câu hỏi tích hợp: Sau khi chatbot AI trả lời về vua Lý Thái Tổ, em cần làm gì để thông tin dùng được trong học tập?</p>	<p>- HS trả lời: Em cần đối chiếu với SGK, hỏi GV khi chưa chắc chắn và không sao chép máy móc.</p>

- GV nhấn mạnh: AI chỉ hỗ trợ gợi ý; người học cần biết chọn lọc, kiểm chứng và trình bày lại bằng lời của mình.	- HS lắng nghe, ghi nhớ cách dùng AI an toàn, có trách nhiệm.
3. Luyện tập (5 phút) Mục tiêu: Cùng cố kiến thức về công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước dưới Triều Lý. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, nêu nhanh nhân vật và đóng góp phù hợp.	- HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời ngắn gọn.
- Câu hỏi: Lý Thái Tổ có đóng góp gì?	- HS trả lời: Lý Thái Tổ lập Triều Lý, dời đô ra Thăng Long.
- Câu hỏi: Nguyên phi Ỗ Lan có đóng góp gì?	- HS trả lời: Nguyên phi Ỗ Lan giúp vua trị nước, chăm lo đời sống nhân dân.
- Câu hỏi: Lý Thường Kiệt có đóng góp gì?	- HS trả lời: Lý Thường Kiệt chỉ huy kháng chiến chống quân Tống thắng lợi.
- GV nhận xét, chốt lại nội dung luyện tập.	- HS lắng nghe, sửa bài nếu cần.
4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút) Mục tiêu: Liên hệ trách nhiệm giữ gìn truyền thống lịch sử dân tộc. *Cách tiến hành:	
- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV yêu cầu HS chia sẻ một việc làm thể hiện niềm tự hào về Thăng Long - Hà Nội nghìn năm văn hiến.	- HS chia sẻ: tìm hiểu lịch sử Thăng Long - Hà Nội, giới thiệu di tích với người thân, giữ gìn di sản, ứng xử văn minh khi tham quan.
- GV nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe.
- GV dặn dò: Ôn lại toàn bộ nội dung Bài 9 để tiết sau luyện tập và vận dụng.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ học tập.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

CHỦ ĐỀ 3. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

Tuần 11

Bài 9. Triều Lý và việc định đô ở Thăng Long

Tiết 3

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Hệ thống hóa được một số nét chính của lịch sử Việt Nam dưới Triều Lý.
- Vẽ được sơ đồ tư duy thể hiện những nét chính của lịch sử Việt Nam dưới Triều Lý.
- Kể được câu chuyện về một nhân vật lịch sử thời Lý mà em yêu thích và sưu tầm được tư liệu về một di tích hoặc nhân vật thời Lý.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động hệ thống hóa kiến thức về Triều Lý, hoàn thành sơ đồ tư duy và chuẩn bị tư liệu về nhân vật, di tích thời Lý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm khi hoàn thiện sơ đồ tư duy, kể chuyện lịch sử, chia sẻ tư liệu và nhận xét phần trình bày của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết chọn cách trình bày sơ đồ tư duy rõ ràng, chọn câu chuyện hoặc tư liệu phù hợp để giới thiệu về lịch sử thời Lý.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: tự hào về vai trò của Triều Lý trong việc định đô ở Thăng Long, xây dựng đất nước và bảo vệ nền độc lập dân tộc.
- Chăm chỉ, trách nhiệm: tích cực sưu tầm tranh ảnh, câu chuyện, tư liệu về nhân vật, di tích thời Lý; có ý thức giữ gìn và giới thiệu di sản lịch sử quê hương, đất nước.

4. Tích hợp

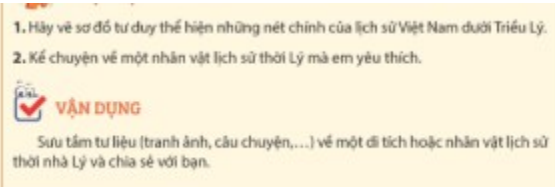
- Tích hợp QCN: HS hiểu quyền được tìm hiểu, gìn giữ di sản văn hóa dân tộc và trách nhiệm bảo vệ di sản chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK, SGV, tranh ảnh, tư liệu, phiếu học tập, máy tính, ti vi hoặc máy chiếu.
- Học sinh: SGK, vở, bút, thước, tư liệu hoặc hình ảnh sưu tầm theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập, gợi nhớ kiến thức về Triều Lý trước khi luyện tập. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Ô cửa lịch sử”.	- HS tham gia trò chơi, chuẩn bị trả lời nhanh.
- Câu hỏi: Triều Lý bắt đầu từ năm nào?	- HS trả lời: Triều Lý bắt đầu từ năm 1009.
- Câu hỏi: Kinh đô Thăng Long gắn với địa danh nào ngày nay?	- HS trả lời: Kinh đô Thăng Long gắn với Hà Nội ngày nay.
- Câu hỏi: Nhân vật nào chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân Tống dưới thời Lý?	- HS trả lời: Lý Thường Kiệt.
- GV nhận xét, dẫn vào hoạt động luyện tập	- HS lắng nghe, chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ

và vận dụng.	vụ.
2. Khám phá: Hệ thống hóa nhanh kiến thức về Triều Lý (5 phút) Mục tiêu: Nhắc lại các nội dung chính đã học để chuẩn bị cho luyện tập và vận dụng. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc lướt lại các mục đã học trong Bài 9.	- HS đọc lướt lại nội dung bài trong SGK.
- Câu hỏi: Bài 9 có những nội dung chính nào?	- HS trả lời: Bài có các nội dung chính: Triều Lý định đô ở Thăng Long; Triều Lý xây dựng và bảo vệ đất nước; các nhân vật tiêu biểu thời Lý.
- GV nhận xét, nhấn mạnh: Tiết học này dành nhiều thời gian để HS luyện tập vẽ sơ đồ tư duy, kể chuyện lịch sử và vận dụng sưu tầm tư liệu.	- HS lắng nghe, nắm yêu cầu tiết học.
3. Luyện tập (25 phút) Mục tiêu: Hoàn thành các nhiệm vụ luyện tập theo SGK; vẽ được sơ đồ tư duy và kể được câu chuyện về nhân vật lịch sử thời Lý. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc phần Luyện tập trong SGK. 	- HS đọc phần Luyện tập trong SGK.
- Bài 1. Hãy vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những nét chính của lịch sử Việt Nam dưới Triều Lý.	- HS đọc yêu cầu Bài 1.
- GV hướng dẫn HS xác định các nhánh chính của sơ đồ tư duy.	- HS lắng nghe hướng dẫn, xác định các nhánh chính.
- Câu hỏi: Sơ đồ tư duy cần thể hiện những ý chính nào?	- HS trả lời: Thành lập Triều Lý; định đô ở Thăng Long; xây dựng đất nước; bảo vệ đất nước; nhân vật tiêu biểu.
- GV giao nhiệm vụ cá nhân: HS vẽ sơ đồ tư duy vào vở, trình bày rõ tên nhánh, ý chính và ví dụ minh họa.	- HS làm việc cá nhân, vẽ sơ đồ tư duy vào vở.
- GV quan sát, hỗ trợ HS còn lúng túng bằng cách gợi ý nhánh hoặc từ khóa cần ghi.	- HS chỉnh sửa sơ đồ theo gợi ý của GV.
- GV mời 2 - 3 HS trình bày sơ đồ tư duy trước lớp.	- HS trình bày sơ đồ tư duy của mình trước lớp.

- GV yêu cầu cả lớp nhận xét: Sơ đồ của bạn đã đủ ý chưa? Cách trình bày đã rõ chưa?	- HS nhận xét, bổ sung ý cho bạn.
- GV nhận xét, chỉnh sửa và chốt các ý cần có trong sơ đồ tư duy.	- HS lắng nghe, hoàn thiện sơ đồ tư duy.
- Bài 2. Kể chuyện về một nhân vật lịch sử thời Lý mà em yêu thích.	- HS đọc yêu cầu Bài 2.
- GV hướng dẫn HS chọn một nhân vật thời Lý để kể chuyện.	- HS chọn nhân vật: Lý Thái Tổ, Nguyên phi Ỗ Lan, Lý Thường Kiệt,...
- Câu hỏi: Khi kể chuyện về nhân vật, em cần nêu những nội dung nào?	- HS trả lời: Cần nêu tên nhân vật, việc làm hoặc đóng góp tiêu biểu, điều em yêu thích và bài học rút ra.
- GV giao nhiệm vụ nhóm đôi: HS kể cho bạn nghe trước, bạn nghe góp ý về nội dung và cách kể.	- HS làm việc nhóm đôi, lần lượt kể chuyện và góp ý cho nhau.
- GV mời một số HS kể chuyện trước lớp.	- HS kể chuyện trước lớp, cố gắng nói rõ ràng, đúng nội dung lịch sử.
- GV yêu cầu HS nhận xét theo tiêu chí: đúng nhân vật, đúng sự kiện, kể mạch lạc, có nêu cảm nghĩ.	- HS nhận xét phần kể chuyện của bạn theo tiêu chí.
- GV nhận xét, tuyên dương HS kể đúng nội dung, biết nêu cảm nghĩ và bài học từ nhân vật lịch sử.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
4. Vận dụng - Trải nghiệm (10 phút) Mục tiêu: Sưu tầm tư liệu về di tích hoặc nhân vật lịch sử thời nhà Lý; hình thành ý thức giữ gìn di sản văn hóa dân tộc. Mục tiêu tích hợp: HS hiểu quyền được tìm hiểu, gìn giữ di sản văn hóa dân tộc và trách nhiệm bảo vệ di sản chung. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ Vận dụng trong SGK.	- HS đọc nhiệm vụ Vận dụng trong SGK.
- GV hướng dẫn HS sưu tầm tư liệu: tranh ảnh, câu chuyện hoặc thông tin ngắn về một di tích hoặc nhân vật lịch sử thời nhà Lý.	- HS lắng nghe cách sưu tầm tư liệu.
- GV gợi ý một số tư liệu: Chùa Một Cột, Hoàng thành Thăng Long, đền thờ Lý Thường Kiệt, tượng đài Lý Thái Tổ, câu chuyện về Nguyên phi Ỗ Lan.	- HS chọn một tư liệu phù hợp với khả năng của mình.
- Câu hỏi: Em sẽ chọn di tích hoặc nhân vật nào để sưu tầm và chia sẻ?	- HS trả lời theo lựa chọn cá nhân: Chùa Một Cột, Hoàng thành Thăng Long, Lý Thái Tổ,

	Lý Thường Kiệt,...
- GV hướng dẫn HS trình bày sản phẩm theo ba ý: tên tư liệu; thông tin chính; lí do em chọn tư liệu đó.	- HS ghi nhớ ba ý cần trình bày trong sản phẩm vận dụng.
- Tích hợp QCN: GV hỏi: Vì sao mỗi học sinh có quyền được tìm hiểu di sản văn hóa dân tộc và cần có trách nhiệm bảo vệ di sản?	- HS trả lời: Vì di sản là tài sản chung của dân tộc; mọi người có quyền được học tập, tìm hiểu và có trách nhiệm giữ gìn.
- GV hướng dẫn HS: Khi tìm hiểu, tham quan, giới thiệu di tích, các em cần tôn trọng sự thật lịch sử, giữ gìn cảnh quan, không làm hư hại hiện vật và biết nhắc nhở người khác cùng bảo vệ di sản.	- HS nêu việc làm cụ thể: không xả rác, không viết vẽ lên di tích, tìm hiểu đúng thông tin, giới thiệu với thái độ tự hào.
- GV nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe.
- GV dặn dò: Hoàn thành sản phẩm sưu tầm và chuẩn bị bài học tiếp theo.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5 CHỦ ĐỀ: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM TUẦN 12

BÀI 10. TRIỀU TRẦN XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN MÔNG - NGUYÊN XÂM LƯỢC (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nêu được một số nét chính về tình hình đất nước dưới thời Trần.
- Kể được một số câu chuyện về nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần như Trần Nhân Tông, Nguyễn Hiền, Chu Văn An.
- Nhận biết được đóng góp của Triều Trần trong xây dựng đất nước.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc thông tin, quan sát tranh ảnh, lược đồ để tìm hiểu về Triều Trần.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi trong nhóm, trình bày ý kiến về nhân vật, sự kiện lịch sử thời Trần.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn thông tin tiêu biểu để hoàn thành bảng, sơ đồ hoặc bài giới thiệu ngắn.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông thời Trần.
- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn, trân trọng di tích, hiện vật lịch sử và tư liệu về Triều Trần.
- Chăm chỉ: tích cực đọc tư liệu, tham gia hoạt động nhóm và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Tích hợp

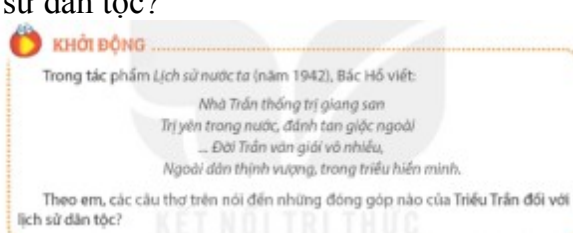
- Tích hợp AI 5.A1.2: HS xem video mô phỏng trận Bạch Đằng do AI hỗ trợ dựng lại, hiểu con người chịu trách nhiệm cuối cùng về nhận định lịch sử.

- Tích hợp QPAN: HS hiểu bài học đoàn kết toàn dân, chuẩn bị lực lượng và quyết tâm bảo vệ Tổ quốc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: SGK, SGV, tranh ảnh trong SGK, lược đồ, phiếu học tập, máy tính, máy chiếu.
- HS: SGK, vở ghi, bút màu, tư liệu sưu tầm về nhân vật hoặc di tích thời Trần nếu có.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập, kết nối với nội dung bài học về Triều Trần. *Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS đọc thầm đoạn thơ trong phần Khởi động của SGK. - GV nêu câu hỏi: Theo em, các câu thơ trên nói đến những đóng góp nào của Triều Trần đối với lịch sử dân tộc? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thầm đoạn thơ trong SGK. - HS trả lời: Các câu thơ nói đến công lao của Triều Trần trong xây dựng đất nước và ba lần đánh thắng quân Mông - Nguyên.
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét ý kiến của HS và giới thiệu bài: Triều Trần có nhiều đóng góp trong xây dựng đất nước và kháng chiến chống ngoại xâm. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, ghi tên bài vào vở.
2. Khám phá: Tìm hiểu Triều Trần và công cuộc xây dựng đất nước (25 phút) Mục tiêu: HS nêu được những nét chính về tình hình đất nước dưới thời Trần; kể được câu chuyện về một nhân vật lịch sử của Triều Trần và nêu được đóng góp của nhân vật đó đối với lịch sử dân tộc. Mục tiêu tích hợp AI 5.A1.2: HS hiểu video mô phỏng trận Bạch Đằng do AI hỗ trợ dựng lại chỉ là học liệu tham khảo, cần đối chiếu SGK và nguồn chính thống. Mục tiêu tích hợp QPAN: HS hiểu bài học đoàn kết toàn dân, chuẩn bị lực lượng và quyết tâm bảo vệ Tổ quốc. *Cách tiến hành:	
2.1. Nêu những nét chính về tình hình đất nước dưới thời Trần (15 phút)	
<ul style="list-style-type: none"> - Các em đọc thông tin đầu mục 1 trong SGK và cho biết: Cuối thời Lý, tình hình đất nước như thế nào? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin đầu mục 1 trong SGK và trả lời: Cuối thời Lý, triều đình suy yếu, đất nước rối ren; họ Trần từng bước nắm quyền trong triều đình.
<ul style="list-style-type: none"> - Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho ai? - Sự kiện đó dẫn đến việc thành lập triều đại nào? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho Trần Cảnh. - HS trả lời: Năm 1226, Triều Trần được thành lập.
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét và chuẩn kiến thức: Năm 1226, Triều Trần được thành lập sau khi Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho Trần Cảnh. Triều Trần 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, sửa ý nếu cần và nhắc lại: Triều Trần được thành lập năm 1226, mở đầu một triều đại mới trong lịch sử dân tộc.

tiếp tục xây dựng và ổn định đất nước sau thời Lý.	
<ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào thông tin trong SGK, em hãy nêu những nét chính về tình hình đất nước dưới thời Trần. - Để trả lời đầy đủ, các em tìm hiểu theo ba nội dung: bộ máy nhà nước; quân đội; giáo dục, khoa cử. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS xác định nhiệm vụ: nêu những nét chính về tình hình đất nước dưới thời Trần. - HS ghi nhớ ba nội dung cần tìm hiểu: bộ máy nhà nước; quân đội; giáo dục, khoa cử.
<ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ: Nhóm 1 tìm hiểu bộ máy nhà nước; nhóm 2 tìm hiểu quân đội; nhóm 3 tìm hiểu giáo dục, khoa cử. - Các nhóm đọc thông tin SGK, quan sát hình ảnh và chuẩn bị trình bày ngắn gọn. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nhận nhiệm vụ nhóm. - HS đọc SGK, quan sát hình ảnh, thảo luận và ghi nhanh ý chính vào vở nháp.
<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1 trình bày: Bộ máy nhà nước thời Trần được tổ chức như thế nào? - Việc các vua Trần thường nhường ngôi sớm cho con, xưng là Thái thượng hoàng và cùng vua quản lý đất nước cho thấy điều gì? 	<ul style="list-style-type: none"> - Đại diện nhóm 1 trình bày: Bộ máy nhà nước thời Trần được tổ chức chặt chẽ. - HS trả lời: Việc đó giúp vua trẻ sớm học cách điều hành đất nước, đồng thời vẫn có Thái thượng hoàng cùng giúp quản lý triều chính.
<ul style="list-style-type: none"> - Câu chuyện Thượng hoàng Trần Nhân Tông dạy vua giúp em hiểu thêm điều gì về trách nhiệm trị nước thời Trần? - GV mời HS nhận xét, bổ sung ý kiến của nhóm 1. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Câu chuyện cho thấy người đứng đầu đất nước phải nghiêm khắc tu dưỡng, biết sửa mình và có trách nhiệm với dân, với nước. - HS khác nhận xét, bổ sung.
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét và chuẩn kiến thức: Bộ máy nhà nước thời Trần được tổ chức chặt chẽ. Nhà Trần thực hiện chế độ Thái thượng hoàng, góp phần giúp việc quản lý đất nước ổn định. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, bổ sung ý vào vở và ghi nhớ nét chính về bộ máy nhà nước thời Trần.
<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 2 quan sát Hình 1, đọc đoạn thông tin khổ cuối và mục Em có biết trong SGK. - Quân đội nhà Trần được tổ chức như thế nào? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát Hình 1, đọc thông tin và mục Em có biết trong SGK. - Đại diện nhóm 2 trình bày: Quân đội nhà Trần được tổ chức quy củ, được rèn luyện thường xuyên và có nhiều tướng giỏi.



Hình 1. Thạp gốm thời Trần trang trí cảnh chiến binh luyện tập võ nghệ

<p>Em có biết?</p> <p><i>Yết Kiêu và Dã Tượng là hai gia nô tài giỏi, có đóng góp lớn trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm. Yết Kiêu có tài về thủy chiến, còn Dã Tượng có tài thuần phục voi và là chỉ huy đội tượng binh.</i></p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Chính sách ngụ binh ư nông có ý nghĩa gì đối với việc xây dựng và bảo vệ đất nước? - Hình ảnh chiến binh luyện tập võ nghệ trên thạp gốm phản ánh điều gì về quân đội nhà Trần? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Chính sách này giúp thời bình quân lính về sản xuất, khi có chiến tranh thì tham gia chiến đấu, vừa bảo đảm sản xuất vừa bảo vệ đất nước. - HS trả lời: Hình ảnh phản ánh quân đội thời Trần được luyện tập thường xuyên, có kỉ luật và có ý chí bảo vệ đất nước.
<ul style="list-style-type: none"> - Kể tên những vị tướng giỏi, nhân vật tiêu biểu có công lớn trong kháng chiến chống ngoại xâm thời Trần. - Qua các thông tin vừa tìm hiểu, em hãy nêu nhận xét chung về quân đội nhà Trần. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS kể: Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Trần Khánh Dư, Yết Kiêu, Dã Tượng,... - HS trả lời: Quân đội nhà Trần quy củ, gắn với sản xuất, có nhiều tướng tài và góp phần quan trọng trong bảo vệ đất nước.
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét và chuẩn kiến thức: Quân đội nhà Trần được tổ chức quy củ, thực hiện chính sách ngụ binh ư nông; có nhiều tướng lĩnh, nhân vật tài giỏi góp phần quan trọng trong bảo vệ đất nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, bổ sung vào vở và nhắc lại nét chính về quân đội nhà Trần.
<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 3 đọc thông tin về giáo dục, khoa cử thời Trần. - Những việc làm nào chứng tỏ Triều Trần chú trọng đến giáo dục, khoa cử? - Triều đình đặt danh hiệu Tam khôi nhằm mục đích gì? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin về giáo dục, khoa cử thời Trần. - Đại diện nhóm 3 trình bày: Nhà Trần mở trường học ở nhiều địa phương, tổ chức kì thi Thái học sinh để chọn người tài. - HS trả lời: Danh hiệu Tam khôi nhằm tôn vinh ba người xuất sắc nhất trong kì thi.
<ul style="list-style-type: none"> - Kể tên một số nhân tài thời Trần mà em biết. - Những nhân tài đó cho thấy điều gì về việc đào tạo và trọng dụng người tài dưới thời Trần? - GV nhận xét, chuẩn kiến thức và yêu cầu HS khái quát lại những nét chính về tình hình đất nước dưới thời Trần. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS kể: Nguyễn Hiền, Chu Văn An, Mạc Đĩnh Chi,... - HS trả lời: Điều đó cho thấy nhà Trần quan tâm đến giáo dục, coi trọng người hiền tài để xây dựng đất nước. - HS khái quát: Dưới thời Trần, bộ máy nhà nước được tổ chức chặt chẽ; quân đội quy củ, gắn với sản xuất; giáo dục, khoa cử được chú

	trọng.
2.2. Kể câu chuyện về một nhân vật lịch sử của Triều Trần và nêu đóng góp của nhân vật đó (10 phút)	
<ul style="list-style-type: none"> - Các em đọc các câu chuyện trong SGK: Trạng nguyên trẻ tuổi nhất Việt Nam và Người thầy lưu danh muôn đời. - Các em quan sát Hình 2 trong câu chuyện về Chu Văn An. - Em hãy chọn một câu chuyện và kể lại ngắn gọn trước lớp. - Nhân vật trong câu chuyện có đóng góp gì đối với lịch sử dân tộc? - Em học được gì từ nhân vật đó? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc các câu chuyện trong SGK. - HS kể ngắn gọn câu chuyện về Nguyễn Hiền hoặc Chu Văn An. - HS nêu: Nguyễn Hiền là trạng nguyên trẻ tuổi, thể hiện truyền thống hiếu học; Chu Văn An là người thầy mẫu mực, góp phần phát triển giáo dục thời Trần. - HS trả lời: Em học được tinh thần hiếu học, ý chí vươn lên, sự chính trực và trách nhiệm với đất nước.
 <p>▲ Hình 2. Tượng thờ Chu Văn An</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS nhận xét phần kể chuyện của bạn. - GV kể thêm cho HS nghe câu chuyện về một số nhân tài thời Trần như Mạc Đĩnh Chi - người được mệnh danh là Lưỡng quốc trạng nguyên hoặc Phạm Sư Mạnh - nhà văn hóa lớn. - GV chốt: Triều Trần có nhiều nhân vật tiêu biểu trong trị nước, giáo dục và khoa cử. Những nhân vật đó góp phần làm rạng danh truyền thống hiếu học, yêu nước và tinh thần trách nhiệm với dân tộc. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét phần kể chuyện của bạn. - HS lắng nghe câu chuyện mở rộng. - HS ghi nhớ đóng góp của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần.
<ul style="list-style-type: none"> - Tích hợp AI 5.A1.2: GV trình chiếu video mô phỏng ngắn trận Bạch Đằng do AI hỗ trợ dựng lại; hướng dẫn HS quan sát cách bố trí cọc, thủy triều, sự phối hợp lực lượng và nhắc HS phải đối chiếu thông tin với SGK. - Tích hợp QPAN: GV liên hệ bài học đoàn kết toàn dân, chuẩn bị lực lượng, mưu trí và quyết tâm bảo vệ Tổ quốc từ thời Trần. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát video/hình ảnh mô phỏng, nêu nhận xét: AI giúp hình dung trận đánh nhưng con người phải kiểm chứng và chịu trách nhiệm cuối cùng về nhận định lịch sử. - HS liên hệ: muốn bảo vệ đất nước cần đoàn kết, chuẩn bị tốt, có ý chí và trách nhiệm với Tổ quốc.

<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS hệ thống lại nội dung vừa học theo hai yêu cầu của SGK: - Nêu những nét chính về tình hình đất nước dưới thời Trần. - Kể câu chuyện về một nhân vật lịch sử của Triều Trần và nêu đóng góp của nhân vật đó. - GV mời HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS hệ thống lại kiến thức theo hai yêu cầu của SGK. - HS nêu các nét chính về thành lập Triều Trần, bộ máy nhà nước, quân đội, giáo dục - khoa cử. - HS kể ngắn gọn một câu chuyện về nhân vật thời Trần và nêu đóng góp. - HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét chung và chốt yêu cầu cần đạt của Hoạt động 1: - HS nêu được những nét chính về tình hình đất nước dưới thời Trần. - HS kể được câu chuyện về một nhân vật lịch sử của Triều Trần và nêu được đóng góp của nhân vật đó đối với lịch sử dân tộc. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, sửa và bổ sung ý. - HS nhắc lại nội dung chính của hoạt động.
3. Luyện tập (7 phút) Mục tiêu: củng cố kiến thức về những nét chính của Triều Trần trong công cuộc xây dựng đất nước. *Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nêu nhanh 3 lĩnh vực tiêu biểu trong công cuộc xây dựng đất nước thời Trần. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu: Chính trị; quân đội; giáo dục, khoa cử.
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS chọn một nhân vật thời Trần vừa học và nêu một đóng góp của nhân vật đó. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Chu Văn An có đóng góp trong giáo dục; Nguyễn Hiền là trạng nguyên trẻ tuổi; Trần Nhân Tông có vai trò trong trị nước và kháng chiến.
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét và củng cố nội dung luyện tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, sửa câu trả lời nếu cần.
4. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút) Mục tiêu: Liên hệ kiến thức bài học với việc tìm hiểu nhân vật lịch sử thời Trần. *Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS về nhà tìm thêm một tư liệu ngắn về nhân vật thời Trần mà em yêu thích. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS ghi nhớ nhiệm vụ: tìm tư liệu về một nhân vật như Trần Nhân Tông, Nguyễn Hiền, Chu Văn An, Trần Quốc Tuấn.
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tiết học và dặn dò HS chuẩn bị nội dung cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe và thực hiện dặn dò.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5 CHỦ ĐỀ: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

TUẦN 12

BÀI 10. TRIỀU TRẦN XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN MÔNG - NGUYÊN XÂM LƯỢC

(Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Kể được nét chính về cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên.
- Nêu được đóng góp của một số nhân vật tiêu biểu như Trần Quốc Tuấn, Trần Quốc Toản, Yết Kiêu, Dã Tượng.
- Biết khai thác tranh ảnh, câu chuyện, lược đồ để trình bày sự kiện lịch sử.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc thông tin, quan sát tranh ảnh, lược đồ để tìm hiểu về Triều Trần.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi trong nhóm, trình bày ý kiến về nhân vật, sự kiện lịch sử thời Trần.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn thông tin tiêu biểu để hoàn thành bảng, sơ đồ hoặc bài giới thiệu ngắn.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông thời Trần.
- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn, trân trọng di tích, hiện vật lịch sử và tư liệu về Triều Trần.
- Chăm chỉ: tích cực đọc tư liệu, tham gia hoạt động nhóm và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Tích hợp

- Tích hợp NLS 3.1.CB2a: HS dùng Canva/PowerPoint tạo lược đồ hoặc sơ đồ số đơn giản thể hiện diễn biến chính của kháng chiến chống quân Mông - Nguyên.
- Tích hợp QPAN: HS nhận thức ý nghĩa của tinh thần cảnh giác, mưu trí, dũng cảm trong bảo vệ đất nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: SGK, SGV, tranh ảnh trong SGK, lược đồ, phiếu học tập, máy tính, máy chiếu.
- HS: SGK, vở ghi, bút màu, tư liệu sưu tầm về nhân vật hoặc di tích thời Trần nếu có.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Ôn lại kiến thức tiết trước và kết nối với nội dung kháng chiến chống quân Mông - Nguyên. *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Triều Trần được thành lập vào năm nào?	- HS trả lời: Triều Trần được thành lập năm 1226.
- GV hỏi: Em hãy nêu một nét chính trong công cuộc xây dựng đất nước thời Trần.	- HS trả lời: Nhà Trần tổ chức bộ máy nhà nước chặt chẽ, chú trọng quân đội, giáo dục và khoa cử.
- GV dẫn dắt: Sức mạnh của Đại Việt thời Trần còn được thể hiện trong các cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài.
2. Khám phá: Tìm hiểu cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên (25 phút) Mục tiêu: Kể được nét chính về cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên và nêu đóng góp của một số nhân vật tiêu biểu. Mục tiêu tích hợp NLS 3.1.CB2a: HS dùng Canva/PowerPoint tạo lược đồ hoặc sơ đồ số đơn giản thể hiện diễn biến chính của kháng chiến chống quân Mông - Nguyên. Mục tiêu tích hợp QPAN: HS nhận thức ý nghĩa của tinh thần cảnh giác, mưu trí, dũng cảm trong bảo vệ đất nước. *Cách tiến hành:	

<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 2 trong SGK và quan sát các Hình 3, 4, 5. - GV hỏi: Quân Mông - Nguyên xâm lược Đại Việt mấy lần và vào những năm nào? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin mục 2, quan sát Hình 3, 4, 5 trong SGK. - HS trả lời: Quân Mông - Nguyên xâm lược Đại Việt ba lần vào các năm 1258, 1285, 1287 - 1288.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: Trước âm mưu xâm lược của quân Mông - Nguyên, nhà Trần đã chuẩn bị như thế nào? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Nhà Trần chủ động bàn kế sách đánh giặc, tổ chức kháng chiến, dựa vào sức mạnh đoàn kết của toàn dân.
<ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ. - Nhóm 1: Tìm hiểu Hội nghị Diên Hồng. - Nhóm 2: Tìm hiểu câu chuyện Trần Quốc Tuấn. - Nhóm 3: Tìm hiểu đóng góp của Trần Quốc Tuấn. - Nhóm 4: Tìm hiểu Yết Kiêu, Dã Tượng hoặc các nhân vật góp sức trong kháng chiến. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nhận nhiệm vụ nhóm. - Các nhóm đọc thông tin, câu chuyện lịch sử và chuẩn bị trình bày ngắn gọn.
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời nhóm 1 trình bày ý nghĩa của Hội nghị Diên Hồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1 trình bày: Hội nghị Diên Hồng thể hiện tinh thần đoàn kết và quyết tâm đánh giặc của vua tôi nhà Trần và nhân dân Đại Việt.
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời nhóm 2 kể ngắn gọn câu chuyện về Trần Quốc Tuấn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 2 trình bày: Trần Quốc Tuấn còn nhỏ tuổi nhưng có lòng yêu nước, căm giận quân xâm lược và tự lập đội quân tham gia đánh giặc.
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời nhóm 3 nêu đóng góp của Trần Quốc Tuấn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 3 trình bày: Trần Quốc Tuấn là vị tướng kiệt xuất, lãnh đạo quân dân Đại Việt trong kháng chiến chống quân Mông - Nguyên.
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời nhóm 4 nêu đóng góp của Yết Kiêu, Dã Tượng hoặc nhân vật khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 4 trình bày: Yết Kiêu, Dã Tượng là những người trung thành, dũng cảm, góp sức cùng nhà Trần chống quân xâm lược.
<ul style="list-style-type: none"> - Tích hợp NLS 3.1.CB2a: GV hướng dẫn HS dùng Canva/PowerPoint tạo lược đồ hoặc sơ đồ số đơn giản thể hiện diễn biến chính của kháng chiến chống quân Mông - Nguyên; mỗi sơ đồ cần có mốc thời gian, nhân vật tiêu biểu, sự kiện chính và kết quả. - GV nhắc HS chỉ dùng thông tin đã kiểm chứng trong SGK, trình bày ngắn gọn, không sao chép nguyên văn tư liệu chưa rõ nguồn. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát hướng dẫn, lựa chọn mẫu sơ đồ/lược đồ số phù hợp. - HS xác định các ý cần đưa vào sản phẩm: ba lần kháng chiến, Hội nghị Diên Hồng, Trần Quốc Tuấn, Trần Quốc Tuấn, Yết Kiêu, Dã Tượng và kết quả thắng lợi.
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét phần trình bày của các nhóm và chuẩn kiến thức. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, bổ sung ý còn thiếu.
<ul style="list-style-type: none"> - Tích hợp QPAN: GV chốt: Trong các cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên, nhà Trần phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân, tinh thần cảnh giác, mưu trí, dũng cảm và quyết tâm bảo vệ đất nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nhắc lại bài học: đoàn kết, cảnh giác, mưu trí, dũng cảm và có trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc trong thời bình.

3. Luyện tập (7 phút)

Mục tiêu: Củng cố kiến thức về nhân vật và sự kiện tiêu biểu trong kháng chiến chống quân Mông - Nguyên.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS nêu tên một sự kiện thể hiện tinh thần đoàn kết thời Trần.	- HS trả lời: Hội nghị Diên Hồng.
- GV yêu cầu HS nêu tên một nhân vật tiêu biểu trong kháng chiến chống quân Mông - Nguyên và đóng góp của nhân vật đó.	- HS trả lời: Trần Quốc Tuấn là vị tướng lãnh đạo quân dân Đại Việt đánh thắng quân Mông - Nguyên; Trần Quốc Toản là thiếu niên yêu nước; Yết Kiêu, Dã Tượng góp sức trong kháng chiến.

4. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút)

Mục tiêu: Biết liên hệ tinh thần yêu nước, đoàn kết của cha ông với trách nhiệm học tập của bản thân.

***Cách tiến hành:**

- GV hướng dẫn HS viết 2 - 3 câu nêu điều em học được từ một nhân vật thời Trần.	- HS ghi nhiệm vụ về nhà: viết 2 - 3 câu về điều học được từ nhân vật thời Trần.
- GV nhận xét tiết học, dặn dò HS chuẩn bị tìm hiểu chiến thắng Bạch Đằng năm 1288.	- HS lắng nghe và thực hiện dặn dò.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5****CHỦ ĐỀ 3. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM****TUẦN: 13****BÀI 10. TRIỀU TRẦN XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN MÔNG - NGUYÊN XÂM LƯỢC****(Tiết 3)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Kể được một số câu chuyện về nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần như Trần Quốc Tuấn, Trần Quốc Toản, Yết Kiêu, Dã Tượng.
- Nêu được đóng góp của các nhân vật tiêu biểu đối với cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên.
- Biết khai thác tranh ảnh, câu chuyện, tư liệu lịch sử để trình bày vai trò của nhân vật và tinh thần yêu nước thời Trần.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc thông tin, quan sát tranh ảnh, lược đồ, câu chuyện lịch sử để hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm, trình bày ý kiến, lắng nghe và bổ sung cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn thông tin tiêu biểu để kể chuyện, lập bảng, rút ra nhận xét và bài học lịch sử.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: tự hào về những nhân vật anh hùng thời Trần và truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc.
- Trách nhiệm: biết học tập tinh thần yêu nước, ý chí quyết tâm và trách nhiệm với tập thể.
- Chăm chỉ: tích cực đọc tư liệu, tham gia hoạt động nhóm và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Tích hợp

- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết noi gương Trần Quốc Tuấn, Trần Quốc Toản; rèn ý chí, trách nhiệm với tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: SGK, SGV, tranh ảnh trong SGK, lược đồ chiến thắng Bạch Đằng, phiếu học tập, máy tính, máy chiếu.
- HS: SGK, vở ghi, bút màu, tư liệu sưu tầm về nhân vật, di tích hoặc chiến thắng Bạch Đằng nếu có.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Ôn lại kiến thức về cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên và tạo hứng thú tìm hiểu các nhân vật tiêu biểu thời Trần. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS nhắc lại nội dung tiết trước bằng câu hỏi: Quân Mông - Nguyên xâm lược Đại Việt mấy lần? Nhà Trần đã thể hiện tinh thần đoàn kết như thế nào?	- HS trả lời: Quân Mông - Nguyên xâm lược Đại Việt ba lần; nhà Trần tổ chức Hội nghị Diên Hồng, toàn dân đồng lòng đánh giặc, thực hiện kế sách phù hợp để bảo vệ đất nước.
- GV yêu cầu HS kể tên một nhân vật tiêu biểu thời Trần mà em biết.	- HS nêu: Trần Quốc Tuấn, Trần Quốc Toản, Yết Kiêu, Dã Tượng, Trần Nhân Tông, Trần Quang

	Khải,...
- GV dẫn dắt: Bên cạnh sức mạnh đoàn kết của toàn dân, thắng lợi thời Trần còn gắn với nhiều nhân vật lịch sử yêu nước, mưu trí, dũng cảm. Tiết học hôm nay giúp các em kể chuyện và nêu đóng góp của các nhân vật đó.	- HS lắng nghe, xác định nhiệm vụ học tập.
2. Khám phá: Kể chuyện về nhân vật tiêu biểu trong kháng chiến chống quân Mông - Nguyên (25 phút) Mục tiêu: HS kể được câu chuyện về một số nhân vật tiêu biểu thời Trần; nêu được đóng góp của nhân vật đó đối với cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên. Mục tiêu tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết noi gương Trần Quốc Tuấn, Trần Quốc Toản; rèn ý chí, trách nhiệm với tập thể. *Cách tiến hành:	
2.1. Tìm hiểu tinh thần đoàn kết và quyết tâm đánh giặc thời Trần (7 phút)	
- GV yêu cầu HS đọc lại thông tin mục 2 trong SGK, quan sát Hình 3 và trả lời: Hình 3 gắn với sự kiện nào trong cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên? - GV dán/trình chiếu Hình 3 dưới câu lệnh để HS khai thác tranh.	- HS quan sát Hình 3 và trả lời: Hình 3 gắn với Hội nghị Diên Hồng, nơi các bô lão thể hiện quyết tâm đồng lòng đánh giặc.
	
- GV hỏi: Hội nghị Diên Hồng thể hiện điều gì về sức mạnh của quân dân nhà Trần?	- HS trả lời: Hội nghị Diên Hồng thể hiện tinh thần đoàn kết, ý chí quyết tâm và sự đồng lòng của vua tôi, nhân dân Đại Việt trong kháng chiến.
- GV hỏi mở rộng: Vì sao sự đồng lòng của	- HS trả lời: Vì khi mọi người cùng chung ý chí,

nhân dân lại quan trọng trong bảo vệ đất nước?	cùng góp sức thì tạo nên sức mạnh lớn, giúp đất nước vượt qua nguy hiểm.
- GV nhận xét và chuẩn kiến thức: Hội nghị Diên Hồng là biểu hiện tiêu biểu của tinh thần đoàn kết toàn dân thời Trần, góp phần tạo nên sức mạnh đánh thắng quân xâm lược Mông - Nguyên.	- HS lắng nghe, bổ sung vào vở và ghi nhớ ý chính.
2.2. Kể chuyện về Trần Quốc Tuấn và nêu đóng góp của ông (8 phút)	
- GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin, nhớ lại câu chuyện đã học về Trần Quốc Tuấn và thảo luận nhóm 4 theo câu hỏi: Trần Quốc Tuấn là ai? Ông có vai trò gì trong kháng chiến chống quân Mông - Nguyên?	- HS đọc thông tin, thảo luận nhóm 4 và chuẩn bị câu trả lời.
- GV hỏi: Trần Quốc Tuấn đã có những việc làm nào thể hiện tài thao lược và lòng yêu nước?	- HS trả lời: Trần Quốc Tuấn là vị tướng kiệt xuất, chỉ huy quân dân Đại Việt kháng chiến chống quân Mông - Nguyên; ông soạn Hịch tướng sĩ, đề ra kế sách đánh giặc và góp phần làm nên chiến thắng Bạch Đằng năm 1288.
- GV hỏi mở rộng: Vì sao Hịch tướng sĩ có tác dụng khích lệ tinh thần quân sĩ?	- HS trả lời: Vì bài hịch khơi dậy lòng yêu nước, lòng căm thù giặc, ý chí chiến đấu và trách nhiệm bảo vệ đất nước của tướng sĩ.
- GV nhận xét và chuẩn kiến thức: Trần Quốc Tuấn là vị tướng kiệt xuất thời Trần, có công lớn trong lãnh đạo quân dân Đại Việt đánh thắng quân Mông - Nguyên. Ông để lại bài học về lòng yêu nước, ý chí quyết tâm, sự mưu trí và tinh thần đặt lợi ích đất nước lên trên lợi ích cá nhân.	- HS lắng nghe, bổ sung vào vở và nhắc lại đóng góp của Trần Quốc Tuấn.
- GV diễn giải tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Từ tấm gương Trần Quốc Tuấn, GV định hướng HS hiểu rằng lòng yêu nước trong thời bình được thể hiện bằng việc chăm học, rèn luyện kĩ luật, biết hợp tác với bạn, có trách nhiệm khi làm	- HS liên hệ: Em cần chăm học, rèn luyện tốt, có trách nhiệm với nhiệm vụ chung, biết đoàn kết và giúp đỡ bạn bè.

việc nhóm và đặt lợi ích chung của lớp, của trường lên trên sự ích kỉ cá nhân. Khi học lịch sử, HS không chỉ ghi nhớ tên nhân vật mà còn biết noi gương ý chí, tinh thần trách nhiệm và lòng tự hào dân tộc của cha ông.

2.3. Kể chuyện về Trần Quốc Toản, Yết Kiêu, Dã Tượng (10 phút)

- GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận nhóm 6: Mỗi nhóm chọn một nhân vật: Trần Quốc Toản, Yết Kiêu hoặc Dã Tượng; đọc thông tin, kể ngắn gọn câu chuyện và nêu đóng góp của nhân vật.

- HS thảo luận nhóm 6, phân công bạn kể chuyện, bạn nêu đóng góp, bạn nhận xét bổ sung.

- GV hỏi: Câu chuyện Trần Quốc Toản bóp nát quả cam cho thấy điều gì về nhân vật này?

- HS trả lời: Câu chuyện cho thấy Trần Quốc Toản tuy còn nhỏ tuổi nhưng có lòng yêu nước, căm thù giặc và quyết tâm được góp sức đánh giặc.

- GV hỏi: Yết Kiêu, Dã Tượng có đóng góp gì trong kháng chiến chống quân Mông - Nguyên?

- HS trả lời: Yết Kiêu, Dã Tượng là những người trung thành, tài giỏi, giúp Trần Quốc Tuấn trong kháng chiến, góp phần vào thắng lợi chung của quân dân nhà Trần.

- GV hỏi mở rộng: Những nhân vật như Trần Quốc Toản, Yết Kiêu, Dã Tượng cho thấy cuộc kháng chiến thời Trần có sức mạnh từ đâu?

- HS trả lời: Cuộc kháng chiến có sức mạnh từ lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết và sự góp sức của nhiều tầng lớp nhân dân.

- GV chuẩn kiến thức: Thắng lợi thời Trần là kết quả của sự lãnh đạo đúng đắn, sự mưu trí của tướng lĩnh, lòng yêu nước của tuổi trẻ và sức mạnh đoàn kết toàn dân.

- HS lắng nghe, ghi nhớ kiến thức trọng tâm.

3. Luyện tập (7 phút)

Mục tiêu: củng cố kiến thức về nhân vật tiêu biểu thời Trần và đóng góp của các nhân vật trong kháng chiến chống quân Mông - Nguyên.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành bảng về nhân vật lịch sử thời Trần và đóng góp của nhân vật đó.

HS hoàn thành bảng:

Nhân vật	Đóng góp tiêu	Phẩm chất cần
----------	---------------	---------------

		biểu	học tập
	Trần Quốc Tuấn	Chỉ huy kháng chiến; soạn Hịch tướng sĩ; góp phần làm nên chiến thắng Bạch Đằng.	Yêu nước, mưu trí, trách nhiệm
	Trần Quốc Toản	Nêu cao tinh thần thiếu niên yêu nước, quyết tâm đánh giặc.	Dũng cảm, có ý chí
	Yết Kiêu, Dã Tượng	Góp sức giúp Trần Quốc Tuấn trong kháng chiến.	Trung thành, tận tụy
- GV gọi 2 - 3 HS trình bày kết quả, yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày bảng đã hoàn thành; HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần.		
- GV chuẩn kiến thức: Các nhân vật thời Trần đều thể hiện lòng yêu nước, ý chí quyết tâm, tinh thần đoàn kết và trách nhiệm với đất nước.	- HS lắng nghe, sửa bảng nếu cần và ghi nhớ kiến thức.		
4. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút)			
Mục tiêu: HS liên hệ bài học từ nhân vật thời Trần với trách nhiệm học tập, rèn luyện của bản thân.			
*Cách tiến hành:			
- GV giao nhiệm vụ: Em hãy viết 3 - 5 câu nêu điều em học được từ Trần Quốc Tuấn hoặc Trần Quốc Toản.	- HS ghi nhiệm vụ: viết đoạn ngắn nêu điều học được từ nhân vật thời Trần.		
- GV gợi ý: Có thể viết về lòng yêu nước, ý chí vượt khó, tinh thần trách nhiệm, biết đặt lợi ích chung lên trên lợi ích riêng.	- HS lắng nghe gợi ý và chuẩn bị thực hiện ở nhà.		
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị tìm	- HS lắng nghe và thực hiện dặn dò.		

hiếu kĩ chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 và bài học giữ nước từ thời Trần.	
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

CHỦ ĐỀ 3. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

TUẦN: 13

BÀI 10. TRIỀU TRẦN XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN MÔNG - NGUYỄN XÂM LƯỢC

(Tiết 4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Kể được nét chính về chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 và ý nghĩa của chiến thắng trong cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên.
- Nêu được bài học lịch sử về tinh thần đoàn kết, mưu trí, chủ động chuẩn bị lực lượng trong bảo vệ đất nước.
- Biết vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bảng, trả lời câu hỏi và liên hệ trách nhiệm của bản thân trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc thông tin, quan sát tranh ảnh, lược đồ, câu chuyện lịch sử để hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm, trình bày ý kiến, lắng nghe và bổ sung cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn thông tin tiêu biểu để kể chuyện, lập bảng, rút ra nhận xét và bài học lịch sử.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: tự hào về chiến thắng Bạch Đằng và truyền thống giữ nước của cha ông.
- Trách nhiệm: có ý thức trân trọng hòa bình, góp phần xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.
- Chăm chỉ: tích cực luyện tập, vận dụng kiến thức đã học vào nhiệm vụ học tập.

4. Tích hợp

- Tích hợp QPAN: HS rút ra bài học giữ nước từ chiến thắng Bạch Đằng, biết trân trọng hòa bình hôm nay.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: SGK, SGV, tranh ảnh trong SGK, lược đồ chiến thắng Bạch Đằng, phiếu học tập, máy tính, máy chiếu.
- HS: SGK, vở ghi, bút màu, tư liệu sưu tầm về nhân vật, di tích hoặc chiến thắng Bạch Đằng nếu có.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Ôn lại các nhân vật tiêu biểu thời Trần và kết nối với nội dung chiến thắng Bạch Đằng năm 1288. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi nhanh “Ai là nhân vật?": GV nêu gợi ý, HS đoán tên nhân vật thời Trần.	- HS tham gia trò chơi, đoán tên nhân vật: Trần Quốc Tuấn, Trần Quốc Toản, Yết Kiêu, Dã Tượng,...
- GV hỏi: Trong các chiến thắng thời Trần, chiến thắng nào gắn với tài thao lược của Trần Quốc Tuấn trên sông Bạch Đằng?	- HS trả lời: Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288.
- GV dẫn dắt: Tiết học hôm nay giúp các em tìm hiểu nét chính về chiến thắng Bạch Đằng và rút ra bài học giữ nước từ thời Trần.	- HS lắng nghe, xác định nhiệm vụ học tập.
2. Khám phá: Tìm hiểu chiến thắng Bạch Đằng và bài học giữ nước (25 phút) Mục tiêu: HS kể được nét chính về chiến thắng Bạch Đằng năm 1288; nêu được ý nghĩa của chiến thắng và rút ra bài học giữ nước từ cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên. Mục tiêu tích hợp QPAN: HS rút ra bài học giữ nước từ chiến thắng Bạch Đằng, biết trân trọng hòa bình hôm nay. *Cách tiến hành:	
2.1. Khai thác tư liệu, tranh ảnh về trận Bạch Đằng năm 1288 (12 phút)	
- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, quan sát Hình 4 và trả lời: Hình 4 là hiện vật gì? Hiện vật đó liên quan đến trận đánh nào?	- HS quan sát Hình 4 và trả lời: Hình 4 là cọc Bạch Đằng năm 1288, liên quan đến chiến thắng Bạch Đằng trong kháng chiến chống quân Mông - Nguyên.

- GV dán/trình chiếu Hình 4 dưới câu lệnh để HS khai thác tư liệu.



- GV hỏi: Những chiếc cọc Bạch Đằng giúp em hình dung cách đánh của quân dân nhà Trần như thế nào?

- HS trả lời: Quân dân nhà Trần đã chuẩn bị trận địa cọc dưới lòng sông, lợi dụng thủy triều để làm thuyền giặc mắc cọc rồi phản công.

- GV yêu cầu HS quan sát Hình 5, xác định trên lược đồ đường rút lui của quân Nguyên, hướng tiến công của quân ta và vị trí bãi cọc ngầm.

- GV dán/trình chiếu Hình 5 dưới câu lệnh để HS khai thác lược đồ.



- HS quan sát Hình 5, chỉ được đường rút lui của quân Nguyên, hướng tiến công của quân ta và vị trí bãi cọc ngầm trên lược đồ.

- GV hỏi: Vì sao quân dân nhà Trần chọn sông Bạch Đằng làm nơi quyết chiến?

- HS trả lời: Vì sông Bạch Đằng có địa thế thuận lợi, có thể lợi dụng thủy triều, bố trí trận địa cọc và tổ chức phục kích quân địch.

- GV hỏi mở rộng: Cách đánh đó thể hiện trí tuệ và sự chủ động của quân dân nhà Trần như thế nào?	- HS trả lời: Cách đánh thể hiện sự hiểu biết địa hình, quy luật thủy triều, chuẩn bị lực lượng chu đáo, biết chọn thời cơ và phối hợp tiến công để đánh thắng quân giặc mạnh.
2.2. Kể nét chính về chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 và rút ra bài học giữ nước (13 phút)	
- GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận nhóm 4: Dựa vào thông tin SGK, Hình 4, Hình 5, hãy kể lại nét chính về trận Bạch Đằng năm 1288 theo trình tự: chuẩn bị trận địa, nhử địch, phản công, kết quả.	- HS thảo luận nhóm 4, sắp xếp ý theo trình tự: chuẩn bị trận địa cọc; nhử thuyền giặc vào sông; lợi dụng nước rút để phản công; quân Nguyên thất bại.
- GV mời đại diện nhóm trình bày.	- Đại diện nhóm trình bày: Quân dân nhà Trần cắm cọc ở sông Bạch Đằng, nhử quân Nguyên vào trận địa khi nước lên; khi nước rút, quân ta phản công làm thuyền giặc mắc cọc, quân Nguyên đại bại.
- GV hỏi: Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 có ý nghĩa gì?	- HS trả lời: Chiến thắng Bạch Đằng góp phần kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên, bảo vệ độc lập dân tộc.
- GV nhận xét và chuẩn kiến thức: Năm 1288, dưới sự chỉ huy của Trần Quốc Tuấn, quân dân nhà Trần đánh thắng quân Nguyên trên sông Bạch Đằng bằng cách lợi dụng địa hình, thủy triều, trận địa cọc và sự phối hợp chặt chẽ của quân dân. Chiến thắng này góp phần kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên.	- HS lắng nghe, ghi nhớ: Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 là chiến thắng tiêu biểu, thể hiện tài thao lược và sức mạnh đoàn kết của quân dân nhà Trần.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi: Từ chiến thắng Bạch Đằng, em rút ra những bài học nào trong bảo vệ đất nước?	- HS thảo luận nhóm đôi và nêu bài học: đoàn kết toàn dân; chuẩn bị lực lượng chu đáo; phát huy trí tuệ, mưu trí; chọn thời cơ phù hợp; quyết tâm bảo vệ Tổ quốc.
- GV diễn giải tích hợp QPAN: Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 cho thấy muốn bảo vệ đất nước phải có lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, sự chuẩn bị chu đáo, biết phát huy trí tuệ và chủ động trước mọi nguy cơ. Trong thời bình, HS cần trân trọng hòa bình,	- HS liên hệ: Em cần chăm học, rèn luyện sức khỏe, yêu lịch sử dân tộc, biết đoàn kết với bạn bè và trân trọng cuộc sống hòa bình hôm nay.

học tập tốt, rèn luyện kỉ luật, tìm hiểu lịch sử dân tộc, giữ gìn truyền thống và có ý thức góp phần xây dựng quê hương, đất nước.													
- GV chuẩn kiến thức: Bài học giữ nước từ thời Trần là phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân, chuẩn bị lực lượng, mưu trí sáng tạo, quyết tâm bảo vệ độc lập dân tộc và biết trân trọng hòa bình.	- HS lắng nghe, nhắc lại bài học giữ nước: đoàn kết, mưu trí, chuẩn bị chu đáo, quyết tâm bảo vệ Tổ quốc.												
3. Luyện tập (7 phút) Mục tiêu: Củng cố kiến thức về chiến thắng Bạch Đằng năm 1288, ý nghĩa và bài học lịch sử. *Cách tiến hành:													
- GV yêu cầu HS hoàn thành bảng sau vào vở.	HS hoàn thành bảng: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Nội dung</th><th>Câu trả lời</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Thời gian</td><td>Năm 1288</td></tr> <tr> <td>Người chỉ huy tiêu biểu</td><td>Trần Quốc Tuấn</td></tr> <tr> <td>Cách đánh</td><td>Lợi dụng thủy triều, bố trí trận địa cọc, nhử địch vào trận địa rồi phản công.</td></tr> <tr> <td>Kết quả</td><td>Quân Nguyên thất bại, cuộc kháng chiến thắng lợi.</td></tr> <tr> <td>Bài học</td><td>Đoàn kết, chuẩn bị chu đáo, mưu trí và quyết tâm giữ nước.</td></tr> </tbody> </table>	Nội dung	Câu trả lời	Thời gian	Năm 1288	Người chỉ huy tiêu biểu	Trần Quốc Tuấn	Cách đánh	Lợi dụng thủy triều, bố trí trận địa cọc, nhử địch vào trận địa rồi phản công.	Kết quả	Quân Nguyên thất bại, cuộc kháng chiến thắng lợi.	Bài học	Đoàn kết, chuẩn bị chu đáo, mưu trí và quyết tâm giữ nước.
Nội dung	Câu trả lời												
Thời gian	Năm 1288												
Người chỉ huy tiêu biểu	Trần Quốc Tuấn												
Cách đánh	Lợi dụng thủy triều, bố trí trận địa cọc, nhử địch vào trận địa rồi phản công.												
Kết quả	Quân Nguyên thất bại, cuộc kháng chiến thắng lợi.												
Bài học	Đoàn kết, chuẩn bị chu đáo, mưu trí và quyết tâm giữ nước.												
- GV gọi HS trình bày một nội dung trong bảng, HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày kết quả; HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần.												
- GV chuẩn kiến thức và nhấn mạnh: Chiến thắng Bạch Đằng là minh chứng tiêu biểu cho nghệ thuật quân sự mưu trí, sáng tạo và	- HS lắng nghe và sửa bài vào vở.												

thần yêu nước của dân tộc ta.

4. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút)

Mục tiêu: HS biết liên hệ bài học giữ nước thời Trần với việc trân trọng hòa bình và trách nhiệm của bản thân hôm nay.

***Cách tiến hành:**

- GV giao nhiệm vụ: Suy tầm một tranh ảnh, câu chuyện hoặc thông tin ngắn về di tích, nhân vật liên quan đến chiến thắng Bạch Đằng hoặc Triều Trần.

- HS ghi nhiệm vụ về nhà: suy tầm tranh ảnh, câu chuyện hoặc thông tin về chiến thắng Bạch Đằng, đền Trần, Trần Quốc Tuấn,...

- GV gợi ý HS có thể trình bày bằng 3 - 5 câu hoặc một thẻ thông tin ngắn, ghi rõ tên tư liệu và điều em ấn tượng.

- HS lắng nghe gợi ý và chuẩn bị thực hiện.

- GV nhận xét tiết học, dẫn HS ôn lại nội dung Bài 10 để chuẩn bị cho bài học tiếp theo.

- HS lắng nghe và thực hiện dặn dò.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

CHỦ ĐỀ: ÔN TẬP

TUẦN 14

BÀI 11. ÔN TẬP

(Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- củng cố được kiến thức về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đơn vị hành chính, địa hình, khí hậu của Việt Nam.

- Hoàn thành được sơ đồ tư duy về đất nước Việt Nam và bảng hệ thống kiến thức về các quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam.

- Biết lựa chọn thông tin phù hợp, trình bày ngắn gọn kết quả ôn tập trước lớp.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động ôn lại kiến thức, đọc yêu cầu bài tập và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi trong nhóm, thống nhất đáp án và trình bày kết quả trước lớp.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lập sơ đồ, bảng hệ thống kiến thức và lựa chọn cách trình bày phù hợp.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: tự hào về đất nước, con người Việt Nam và truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc.
- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp, di sản văn hoá của cha ông.
- Trung thực: làm bài ôn tập nghiêm túc, không sao chép đáp án của bạn.

4. Tích hợp

- Tích hợp AI 5.A3.1: HS dùng Quizizz hoặc Kahoot có hỗ trợ AI để củng cố kiến thức.
- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS trung thực khi làm bài ôn tập, không sao chép đáp án của bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: SGK, SGV, hình ảnh bài tập trong SGK, bản đồ hành chính Việt Nam, bản đồ hoặc lược đồ tự nhiên Việt Nam, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, Quizizz/Kahoot/Wordwall (nếu có).
- HS: SGK, vở ghi, bút màu, đồ dùng học tập; ôn lại kiến thức đã học theo chủ đề.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập; giúp HS nhớ lại các mạch kiến thức đã học về đất nước Việt Nam và các quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam. Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi “Nhắc nhanh kiến thức”. - GV nêu câu hỏi: Nước ta nằm ở khu vực nào của châu Á? - GV nêu câu hỏi: Lãnh thổ Việt Nam gồm những bộ phận nào? - GV nêu câu hỏi: Kể tên một nhà nước đầu tiên 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi. - HS trả lời: Việt Nam nằm ở khu vực Đông Nam Á, thuộc châu Á. - HS trả lời: Lãnh thổ Việt Nam gồm vùng đất, vùng biển và vùng trời. - HS kể: Văn Lang, Âu Lạc, Phù Nam hoặc

trên lãnh thổ Việt Nam mà em đã học.	Chăm-pa.
- GV nhận xét, dẫn dắt: Tiết học hôm nay giúp các em hệ thống lại kiến thức về đất nước Việt Nam và các quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam.	- HS lắng nghe, ghi tên bài vào vở.
2. Khám phá - Luyện tập: Hệ thống hoá kiến thức về đất nước Việt Nam và các quốc gia đầu tiên (27 phút) Mục tiêu: HS hoàn thành được sơ đồ tư duy về Việt Nam; hoàn thành được bảng về một số nhà nước đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam. Mục tiêu tích hợp AI 5.A3.1: HS dùng Quizizz hoặc Kahoot có hỗ trợ AI để củng cố kiến thức, đồng thời hiểu cần đọc kĩ câu hỏi và tự chọn đáp án. Mục tiêu tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS trung thực khi làm bài ôn tập, không sao chép đáp án của bạn. Cách tiến hành:	
- GV giao nhiệm vụ: Đọc Câu 1 trong SGK và vẽ sơ đồ tư duy thể hiện các nội dung: vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và đơn vị hành chính, đặc điểm địa hình, đặc điểm khí hậu của Việt Nam. - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân trong 5 phút, sau đó trao đổi nhóm đôi để bổ sung ý còn thiếu. <small>Câu 1. Hãy vẽ sơ đồ tư duy thể hiện các nội dung sau vào vở: vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và đơn vị hành chính, đặc điểm địa hình, đặc điểm khí hậu của Việt Nam.</small>	- HS đọc yêu cầu Câu 1. - HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi nhóm đôi để hoàn thiện sơ đồ.
- GV nêu câu hỏi gợi ý: Việt Nam nằm ở khu vực nào? Giáp những nước nào và giáp biển nào? - GV nêu câu hỏi gợi ý: Phạm vi lãnh thổ Việt Nam gồm những bộ phận nào? - GV nêu câu hỏi gợi ý: Địa hình nước ta có đặc điểm gì nổi bật? - GV nêu câu hỏi gợi ý: Khí hậu nước ta có đặc điểm gì nổi bật?	- HS trả lời: Việt Nam nằm ở Đông Nam Á, giáp Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia và Biển Đông. - HS trả lời: Lãnh thổ gồm vùng đất, vùng biển và vùng trời. - HS trả lời: Đồi núi chiếm phần lớn diện tích, đồng bằng chiếm diện tích nhỏ hơn; địa hình phần đất liền có dạng hình chữ S. - HS trả lời: Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có sự khác biệt giữa hai miền Nam - Bắc.
- GV mời đại diện 2 nhóm trình bày sơ đồ tư duy. - GV chuẩn kiến thức: Việt Nam nằm ở khu vực Đông Nam Á; lãnh thổ gồm vùng đất, vùng biển, vùng trời; phần đất liền có dạng hình chữ S; địa hình chủ yếu là đồi núi; khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. - GV hỏi mở rộng: Vì sao khi học Địa lí Việt Nam, chúng ta cần biết cả vị trí địa lí, lãnh thổ, địa hình và khí hậu?	- Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét. - HS lắng nghe, chỉnh sửa sơ đồ. - HS trả lời: Vì các yếu tố đó giúp hiểu đặc điểm thiên nhiên, đời sống, sản xuất và việc bảo vệ lãnh thổ của đất nước.
- GV giao nhiệm vụ Câu 2: Hoàn thành bảng về những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam.	- HS đọc yêu cầu Câu 2 và hoàn thành bảng vào vở.

<p>- GV nhắc HS quan sát kĩ các cột: tên nhà nước, địa bàn chủ yếu, hiện vật/công trình tiêu biểu.</p> <p>Câu 2. Hoàn thành bảng (theo gợi ý dưới đây vào vở) về những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <table><tr><th>STT</th><th>Tên nhà nước</th><th>Địa bàn chủ yếu</th><th>Hiện vật/công trình tiêu biểu</th></tr><tr><td>1</td><td>Văn Lang</td><td>Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ</td><td>Trống đồng Đông Sơn</td></tr><tr><td>?</td><td>?</td><td>?</td><td>?</td></tr></table>				STT	Tên nhà nước	Địa bàn chủ yếu	Hiện vật/công trình tiêu biểu	1	Văn Lang	Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ	Trống đồng Đông Sơn	?	?	?	?	<p>- HS có thể hoàn thành bảng như sau:</p> <table><tr><th>ST T</th><th>Tên nhà nước</th><th>Địa bàn chủ yếu</th><th>Hiện vật/công trình tiêu biểu</th></tr><tr><td>1</td><td>Văn Lang</td><td>Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ</td><td>Trống đồng Đông Sơn; rìu đồng; lưỡi cày đồng; nồi gốm</td></tr><tr><td>2</td><td>Âu Lạc</td><td>Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ</td><td>Lấy nỏ, mũi tên đồng; thành Cổ Loa</td></tr><tr><td>3</td><td>Phù Nam</td><td>Nam Bộ</td><td>Bình gốm Nhon Thành; đồng tiền kim loại; nồi và cà rang; tượng Phật</td></tr><tr><td>4</td><td>Chăm-pa</td><td>Duyên hải miền Trung</td><td>Đền tháp Chăm</td></tr></table>				ST T	Tên nhà nước	Địa bàn chủ yếu	Hiện vật/công trình tiêu biểu	1	Văn Lang	Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ	Trống đồng Đông Sơn; rìu đồng; lưỡi cày đồng; nồi gốm	2	Âu Lạc	Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ	Lấy nỏ, mũi tên đồng; thành Cổ Loa	3	Phù Nam	Nam Bộ	Bình gốm Nhon Thành; đồng tiền kim loại; nồi và cà rang; tượng Phật	4	Chăm-pa	Duyên hải miền Trung	Đền tháp Chăm
STT	Tên nhà nước	Địa bàn chủ yếu	Hiện vật/công trình tiêu biểu																																				
1	Văn Lang	Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ	Trống đồng Đông Sơn																																				
?	?	?	?																																				
ST T	Tên nhà nước	Địa bàn chủ yếu	Hiện vật/công trình tiêu biểu																																				
1	Văn Lang	Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ	Trống đồng Đông Sơn; rìu đồng; lưỡi cày đồng; nồi gốm																																				
2	Âu Lạc	Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ	Lấy nỏ, mũi tên đồng; thành Cổ Loa																																				
3	Phù Nam	Nam Bộ	Bình gốm Nhon Thành; đồng tiền kim loại; nồi và cà rang; tượng Phật																																				
4	Chăm-pa	Duyên hải miền Trung	Đền tháp Chăm																																				
<p>- GV nêu câu hỏi gợi ý: Nhà nước Văn Lang và Âu Lạc có địa bàn chủ yếu ở đâu?</p> <p>- GV nêu câu hỏi gợi ý: Hiện vật nào giúp em nhớ đến văn hoá Đông Sơn?</p> <p>- GV nêu câu hỏi gợi ý: Công trình tiêu biểu của Chăm-pa là gì?</p>				<p>- HS trả lời: Địa bàn chủ yếu ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.</p> <p>- HS trả lời: Trống đồng Đông Sơn.</p> <p>- HS trả lời: Đền tháp Chăm.</p>																																			
<p>- GV nhận xét và chuẩn kiến thức: Các nhà nước Văn Lang, Âu Lạc, Phù Nam, Chăm-pa là những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam, để lại nhiều hiện vật và công trình tiêu biểu.</p>				<p>- HS lắng nghe, sửa bảng nếu cần.</p>																																			
<p>- Tích hợp AI 5.A3.1: GV tổ chức cho HS tham gia Quizizz hoặc Kahoot có hỗ trợ AI để củng cố nhanh kiến thức Câu 1, Câu 2. GV nhắc HS đọc kĩ từng câu hỏi, tự lựa chọn đáp án, không phụ thuộc vào gợi ý tự động của công cụ.</p> <p>- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV nhắc HS khi tham gia trò chơi ôn tập cần trung thực, không nhìn đáp án của bạn, không cố tình nhập tên bạn khác; kết quả chỉ có ý nghĩa khi mỗi em tự kiểm tra đúng năng lực của mình.</p>				<p>- HS đăng nhập trò chơi theo hướng dẫn của GV.</p> <p>- HS tự trả lời câu hỏi, không sao chép đáp án của bạn.</p> <p>- HS hiểu: công cụ số giúp ôn tập nhanh, nhưng thái độ trung thực mới làm cho kết quả học tập có giá trị.</p>																																			
<p>3. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS biết tự ôn lại kiến thức đã học và chuẩn bị cho tiết ôn tập tiếp theo.</p> <p>Cách tiến hành:</p>																																							
<p>- GV yêu cầu HS về nhà hoàn thiện sơ đồ tư duy Câu 1, bảng Câu 2 và chuẩn bị ôn lại thời kì Bắc thuộc, Triều Lý, Triều Trần.</p> <p>- GV nhận xét tiết học.</p>				<p>- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.</p> <p>- HS lắng nghe, thực hiện dặn dò.</p>																																			

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5**CHỦ ĐỀ: ÔN TẬP****TUẦN 14****BÀI 11. ÔN TẬP****(Tiết 2)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- củng cố được kiến thức về thời kì Bắc thuộc, Triệu Lý, Triệu Trần và một số sự kiện, nhân vật lịch sử tiêu biểu đã học.
- Hoàn thành được bảng ôn tập về các cuộc đấu tranh tiêu biểu thời Bắc thuộc và phân loại thông tin phù hợp với Triệu Lý, Triệu Trần.
- Biết hệ thống hoá kiến thức, nêu ý nghĩa của sự kiện lịch sử và bày tỏ lòng biết ơn đối với cha ông.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động ôn lại kiến thức, đọc yêu cầu bài tập và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi trong nhóm, thống nhất đáp án và trình bày kết quả trước lớp.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lập sơ đồ, bảng hệ thống kiến thức và lựa chọn cách trình bày phù hợp.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: tự hào về đất nước, con người Việt Nam và truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc.
- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp, di sản văn hoá của cha ông.
- Trung thực: làm bài ôn tập nghiêm túc, không sao chép đáp án của bạn.

4. Tích hợp

- Tích hợp NLS 2.3.CB2a: HS tham gia trò chơi ôn tập trên Wordwall/Quizizz để củng cố kiến thức về các quốc gia đầu tiên và các triều đại phong kiến đã học.
- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS hệ thống lại truyền thống dựng nước, giữ nước; bồi dưỡng lòng biết ơn cha ông.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: SGK, SGV, hình ảnh bài tập trong SGK, bản đồ hành chính Việt Nam, bản đồ hoặc lược đồ tự nhiên Việt Nam, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, Quizizz/Kahoot/Wordwall (nếu có).
- HS: SGK, vở ghi, bút màu, đồ dùng học tập; ôn lại kiến thức đã học theo chủ đề.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV		Hoạt động của HS																													
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Ôn lại kiến thức tiết trước và kết nối với nội dung ôn tập về thời kì Bắc thuộc, Triều Lý, Triều Trần. Cách tiến hành:																															
<ul style="list-style-type: none">- GV tổ chức trò chơi “Ai nhớ nhanh hơn?”.- GV nêu câu hỏi: Kể tên một hiện vật hoặc công trình tiêu biểu của các quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam.- GV nêu câu hỏi: Em nhớ sự kiện nào tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc?		<ul style="list-style-type: none">- HS tham gia trò chơi.- HS kể: Trống đồng Đông Sơn, thành Cổ Loa, đền tháp Chăm,...- HS trả lời: Khởi nghĩa Hai Bà Trưng, khởi nghĩa Lý Bí, chiến thắng Bạch Đằng năm 938,...																													
<ul style="list-style-type: none">- GV nhận xét và dẫn dắt: Tiết học này các em tiếp tục ôn tập về thời kì Bắc thuộc, Triều Lý, Triều Trần.		<ul style="list-style-type: none">- HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài.																													
2. Khám phá - Luyện tập: Ôn tập thời kì Bắc thuộc, Triều Lý, Triều Trần (27 phút) Mục tiêu: HS hoàn thành bảng về các cuộc đấu tranh tiêu biểu thời Bắc thuộc; lựa chọn được thông tin phù hợp với Triều Lý và Triều Trần. Mục tiêu tích hợp NLS 2.3.CB2a: HS tham gia trò chơi ôn tập trên Wordwall/Quizizz để củng cố kiến thức về các quốc gia đầu tiên và các triều đại phong kiến đã học. Mục tiêu tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS hệ thống lại truyền thống dựng nước, giữ nước; bồi dưỡng lòng biết ơn cha ông. Cách tiến hành:																															
<ul style="list-style-type: none">- GV giao nhiệm vụ Câu 3: Hoàn thành bảng về các cuộc đấu tranh tiêu biểu thời Bắc thuộc.- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4, đọc tên cột trong bảng và thống nhất đáp án. <div><p>Câu 3. Hoàn thành bảng (theo gợi ý dưới đây vào vở) về các cuộc đấu tranh tiêu biểu thời kì Bắc thuộc.</p><table><tr><th>STT</th><th>Thời gian</th><th>Tên cuộc đấu tranh</th><th>Ý nghĩa</th></tr><tr><td>1</td><td>40 – 43</td><td>Hai Bà Trưng</td><td>?</td></tr><tr><td>?</td><td>?</td><td>?</td><td>?</td></tr></table></div>		STT	Thời gian	Tên cuộc đấu tranh	Ý nghĩa	1	40 – 43	Hai Bà Trưng	?	?	?	?	?	<ul style="list-style-type: none">- HS đọc yêu cầu Câu 3.- HS thảo luận nhóm 4 và hoàn thành bảng như sau: <table><tr><th>ST T</th><th>Thời gian</th><th>Tên cuộc đấu tranh</th><th>Ý nghĩa</th></tr><tr><td>1</td><td>40 - 43</td><td>Hai Bà Trưng</td><td>Chứng tỏ tinh thần đấu tranh bất khuất; tạo tiền đề khôi phục độc lập, tự chủ.</td></tr><tr><td>2</td><td>542</td><td>Lý Bí</td><td>Thể hiện lòng yêu nước; khẳng định ý thức đấu tranh giành độc lập.</td></tr><tr><td>3</td><td>938</td><td>Chiến thắng Bạch Đằng</td><td>Chấm dứt ách đô hộ phương Bắc; mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài.</td></tr></table>		ST T	Thời gian	Tên cuộc đấu tranh	Ý nghĩa	1	40 - 43	Hai Bà Trưng	Chứng tỏ tinh thần đấu tranh bất khuất; tạo tiền đề khôi phục độc lập, tự chủ.	2	542	Lý Bí	Thể hiện lòng yêu nước; khẳng định ý thức đấu tranh giành độc lập.	3	938	Chiến thắng Bạch Đằng	Chấm dứt ách đô hộ phương Bắc; mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài.
STT	Thời gian	Tên cuộc đấu tranh	Ý nghĩa																												
1	40 – 43	Hai Bà Trưng	?																												
?	?	?	?																												
ST T	Thời gian	Tên cuộc đấu tranh	Ý nghĩa																												
1	40 - 43	Hai Bà Trưng	Chứng tỏ tinh thần đấu tranh bất khuất; tạo tiền đề khôi phục độc lập, tự chủ.																												
2	542	Lý Bí	Thể hiện lòng yêu nước; khẳng định ý thức đấu tranh giành độc lập.																												
3	938	Chiến thắng Bạch Đằng	Chấm dứt ách đô hộ phương Bắc; mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài.																												
<ul style="list-style-type: none">- GV nêu câu hỏi gợi ý: Cuộc khởi nghĩa Hai Bà		<ul style="list-style-type: none">- HS trả lời: Diễn ra trong các năm 40 - 43.																													

<p>Trung diễn ra vào thời gian nào?</p> <p>- GV nêu câu hỏi gợi ý: Khởi nghĩa Lý Bí có ý nghĩa gì?</p> <p>- GV nêu câu hỏi gợi ý: Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 có ý nghĩa như thế nào đối với lịch sử dân tộc?</p>	<p>- HS trả lời: Thể hiện lòng yêu nước và ý thức đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta.</p> <p>- HS trả lời: Chấm dứt ách đô hộ phương Bắc, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài.</p>												
<p>- GV nhận xét và chuẩn kiến thức: Các cuộc đấu tranh thời Bắc thuộc cho thấy nhân dân ta luôn có ý chí độc lập, không chịu khuất phục trước ách đô hộ.</p>	<p>- HS lắng nghe, sửa bảng nếu cần.</p>												
<p>- GV giao nhiệm vụ Câu 4: Lựa chọn thông tin cho phù hợp với Triều Lý và Triều Trần, sau đó ghi kết quả vào vở.</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân trước, sau đó trao đổi nhóm đôi để kiểm tra kết quả.</p> <p>Câu 4. Lựa chọn thông tin cho phù hợp với Triều Lý và Triều Trần, sau đó ghi kết quả vào vở.</p> <table border="1"> <tbody> <tr> <td>1. Định đô ở Thăng Long</td><td>2. Kháng chiến chống quân Mông – Nguyên</td></tr> <tr> <td>3. Kháng chiến chống quân Tống</td><td>4. Chiến thắng Bạch Đằng</td></tr> <tr> <td>5. Trần Quốc Tuấn</td><td>6. Lập Văn Miếu – Quốc Tử Giám</td></tr> <tr> <td>7. Lý Thường Kiệt</td><td>8. Vua Trần Nhân Tông</td></tr> <tr> <td>9. Nguyễn phi Ý Lan</td><td>10. Vua Lý Thái Tổ</td></tr> <tr> <td>11. Nguyễn Hiền</td><td>12. Chu Văn An</td></tr> </tbody> </table>	1. Định đô ở Thăng Long	2. Kháng chiến chống quân Mông – Nguyên	3. Kháng chiến chống quân Tống	4. Chiến thắng Bạch Đằng	5. Trần Quốc Tuấn	6. Lập Văn Miếu – Quốc Tử Giám	7. Lý Thường Kiệt	8. Vua Trần Nhân Tông	9. Nguyễn phi Ý Lan	10. Vua Lý Thái Tổ	11. Nguyễn Hiền	12. Chu Văn An	<p>- HS đọc Câu 4 và làm việc cá nhân.</p> <p>- HS trao đổi nhóm đôi để thống nhất kết quả.</p>
1. Định đô ở Thăng Long	2. Kháng chiến chống quân Mông – Nguyên												
3. Kháng chiến chống quân Tống	4. Chiến thắng Bạch Đằng												
5. Trần Quốc Tuấn	6. Lập Văn Miếu – Quốc Tử Giám												
7. Lý Thường Kiệt	8. Vua Trần Nhân Tông												
9. Nguyễn phi Ý Lan	10. Vua Lý Thái Tổ												
11. Nguyễn Hiền	12. Chu Văn An												
<p>- GV hỏi: Những thông tin nào phù hợp với Triều Lý?</p> <p>- GV hỏi: Những thông tin nào phù hợp với Triều Trần?</p>	<p>- HS trả lời: Triều Lý gồm các thông tin 1, 3, 6, 7, 9, 10.</p> <p>- HS trả lời: Triều Trần gồm các thông tin 2, 4, 5, 8, 11, 12.</p>												
<p>- GV yêu cầu HS giải thích một lựa chọn của mình.</p> <p>- GV hỏi mở rộng: Việc lập Văn Miếu - Quốc Tử Giám và việc coi trọng giáo dục dưới thời Trần cho thấy điều gì về truyền thống của dân tộc ta?</p>	<p>- HS giải thích: Ví dụ “Dời đô ở Thăng Long” gắn với vua Lý Thái Tổ nên thuộc Triều Lý; “Kháng chiến chống quân Mông - Nguyên” thuộc Triều Trần.</p> <p>- HS trả lời: Cho thấy dân tộc ta có truyền thống hiếu học, coi trọng người tài và việc xây dựng đất nước.</p>												
<p>- Tích hợp NLS 2.3.CB2a: GV tổ chức trò chơi ôn tập trên Wordwall/Quizizz. HS thực hiện dạng kéo thả hoặc chọn đáp án để ghép sự kiện, nhân vật với triều đại tương ứng. GV nhắc HS sử dụng thiết bị đúng mục đích, không tự ý mở nội dung ngoài nhiệm vụ học tập.</p> <p>- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV giúp HS liên hệ: từ Văn Lang, Âu Lạc đến Triều Lý, Triều Trần, cha ông ta luôn dựng nước, giữ nước, chống ngoại xâm, xây dựng văn hoá và giáo dục. HS cần biết ơn cha ông, chăm</p>	<p>- HS tham gia trò chơi ôn tập theo hướng dẫn.</p> <p>- HS kéo thả hoặc chọn đáp án phù hợp, tự kiểm tra kết quả của mình.</p> <p>- HS nêu được: Em biết ơn cha ông vì đã dựng nước, giữ nước; em cần chăm học, đoàn kết, giữ gìn di sản và truyền thống tốt đẹp.</p>												

học, sống có trách nhiệm với gia đình, lớp học và quê hương.	
<ul style="list-style-type: none"> - GV chốt chuẩn kiến thức toàn bài: Bài 11 giúp hệ thống lại kiến thức về đất nước Việt Nam, thiên nhiên Việt Nam, biển đảo, các quốc gia đầu tiên, thời kì Bắc thuộc, Triều Lý và Triều Trần. - GV yêu cầu HS nhắc lại một nội dung em nhớ nhất sau bài ôn tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, ghi nhớ. - HS nêu một nội dung: vị trí Việt Nam, nhà nước Văn Lang, chiến thắng Bạch Đằng, dời đô ra Thăng Long, kháng chiến chống quân Mông - Nguyên,...
3. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút) Mục tiêu: HS biết tự ôn tập và liên hệ kiến thức lịch sử, địa lí với trách nhiệm của bản thân. Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS về nhà hoàn thiện các bài tập còn lại trong vở và chọn một sự kiện hoặc nhân vật lịch sử đã học để viết 3 - 5 câu giới thiệu. - GV nhận xét tiết học, nhắc HS chuẩn bị kiểm tra/ôn tập tiếp theo. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS ghi nhiệm vụ về nhà. - HS lắng nghe và thực hiện dặn dò.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

CHỦ ĐỀ: CHỦ ĐỀ 3. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

TUẦN: 15

BÀI 12. KHỞI NGHĨA LAM SƠN VÀ TRIỀU HẬU LÊ (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn.
- Kể lại được một số nét chính về khởi nghĩa Lam Sơn thông qua câu chuyện về Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Lê Lai, Nguyễn Chích.
- Bước đầu nhận xét được vai trò của các nhân vật tiêu biểu trong thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc thông tin, quan sát tranh ảnh, chọn lọc ý chính để hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm, kể chuyện lịch sử, lắng nghe và nhận xét phần trình bày của bạn.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: hệ thống hoá thông tin bằng sơ đồ tư duy số, trình bày ngắn gọn, rõ ý.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: tự hào về truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc.
- Nhân ái: biết trân trọng sự hi sinh của các nhân vật lịch sử trong khởi nghĩa Lam Sơn.
- Trách nhiệm: có ý thức tìm hiểu, giữ gìn và phát huy giá trị di tích, câu chuyện lịch sử.

4. Tích hợp

- Tích hợp NLS 3.1.CB2a: HS sử dụng sơ đồ tư duy số để hệ thống hóa diễn biến chính của khởi nghĩa Lam Sơn và đóng góp của Lê Lợi, Nguyễn Trãi.
- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS tự hào về tinh thần yêu nước, ý chí đánh giặc cứu nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, SGV Lịch sử và Địa lí 5.
- KHDH môn Lịch sử và Địa lí 5.
- Tranh ảnh, lược đồ, câu chuyện lịch sử liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.
- Máy tính, ti vi/máy chiếu; phiếu học tập.
- Học liệu số hoặc mẫu sơ đồ tư duy trên Canva/PowerPoint để HS hệ thống hoá kiến thức.

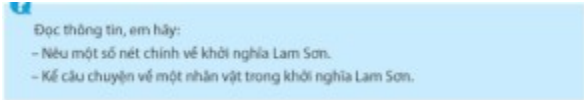
2. Học sinh

- SGK Lịch sử và Địa lí 5.
- Vở ghi, bút, đồ dùng học tập.
- Câu chuyện, tranh ảnh hoặc thông tin đã sưu tầm về nhân vật lịch sử nếu được giao trước.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập; giúp HS liên hệ nhân vật Lê Lợi với khởi nghĩa Lam Sơn và	

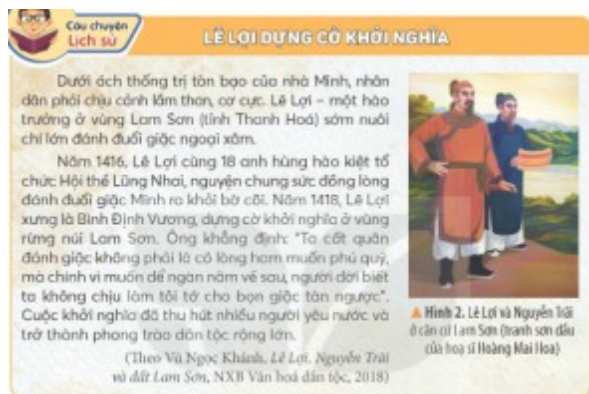
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Triều Hậu Lê. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS quan sát hình tượng đài anh hùng dân tộc Lê Lợi và hỏi: Hình trong SGK gợi cho em nhớ đến nhân vật lịch sử nào? 	- HS quan sát hình và trả lời: Hình gợi nhớ đến anh hùng dân tộc Lê Lợi.
- GV hỏi: Em biết gì về Lê Lợi và triều đại do ông sáng lập?	- HS chia sẻ: Lê Lợi lãnh đạo khởi nghĩa Lam Sơn chống quân Minh, giành thắng lợi và lập ra Triều Hậu Lê.
- GV nhận xét ý kiến của HS, nhấn mạnh Lê Lợi là nhân vật tiêu biểu trong lịch sử dân tộc.	- HS lắng nghe, bổ sung hiểu biết ban đầu.
- GV dẫn dắt: Bài học hôm nay giúp chúng ta tìm hiểu khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê qua các câu chuyện lịch sử.	- HS lắng nghe.
- GV ghi tên bài lên bảng.	- HS ghi tên bài vào vở.
2. Khám phá (25 phút) Mục tiêu: Kể lại được một số nét chính về khởi nghĩa Lam Sơn thông qua các câu chuyện về nhân vật lịch sử. Mục tiêu tích hợp: HS biết sử dụng sơ đồ tư duy số để hệ thống hóa diễn biến chính của khởi nghĩa Lam Sơn và đóng góp của Lê Lợi, Nguyễn Trãi. *Cách tiến hành:	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
2.1. Khái quát về khởi nghĩa Lam Sơn	
<p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, quan sát kênh hình và đọc nhiệm vụ: Nêu một số nét chính về khởi nghĩa Lam Sơn.</p> 	<p>- HS đọc thông tin, quan sát hình và xác định nhiệm vụ cần thực hiện.</p>
<p>- GV hỏi: Khởi nghĩa Lam Sơn do ai lãnh đạo và nổ ra ở đâu?</p>	<p>- HS trả lời: Khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo, nổ ra tại vùng rừng núi Lam Sơn, tỉnh Thanh Hoá.</p>
<p>- GV hỏi: Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn diễn ra trong khoảng thời gian nào?</p>	<p>- HS trả lời: Cuộc khởi nghĩa diễn ra trong 10 năm, từ năm 1418 đến năm 1427.</p>
<p>- GV hỏi: Kết quả của khởi nghĩa Lam Sơn là gì?</p>	<p>- HS trả lời: Sau nhiều trận đánh ác liệt, cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi hoàn toàn, chấm dứt ách đô hộ của nhà Minh.</p>
<p>- GV hỏi: Những nhân vật nào tiêu biểu trong khởi nghĩa Lam Sơn?</p>	<p>- HS trả lời: Những nhân vật tiêu biểu là Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Lê Lai, Nguyễn Chích, Trần Nguyên Hãn,...</p>
<p>- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4, thống nhất các nét chính của khởi nghĩa Lam Sơn theo các ý: người lãnh đạo, thời gian, địa điểm, nhân vật, kết quả.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 4 và ghi nhanh các ý chính vào phiếu hoặc vở nháp.</p>
<p>- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận.</p>	<p>- Đại diện nhóm trình bày: Lê Lợi lãnh đạo; khởi nghĩa bắt đầu ở Lam Sơn; diễn ra từ 1418 đến 1427; có nhiều nhân vật tiêu biểu; giành thắng lợi hoàn toàn.</p>
<p>- GV mời nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS nhận xét, bổ sung ý còn thiếu cho nhóm bạn.</p>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV nhận xét, chuẩn kiến thức về những nét chính của khởi nghĩa Lam Sơn.	- HS lắng nghe, hoàn thiện câu trả lời.
- GV giới thiệu công cụ Canva/PowerPoint và hướng dẫn HS chọn mẫu sơ đồ tư duy đơn giản có chủ đề “Khởi nghĩa Lam Sơn”.	- HS quan sát thao tác mẫu, nhận biết các nhánh chính của sơ đồ tư duy.
- GV yêu cầu HS nhập các thông tin chính vào sơ đồ: Lê Lợi lãnh đạo; Lam Sơn - Thanh Hoá; 1418 - 1427; Nguyễn Trãi, Lê Lai, Nguyễn Chích; thắng lợi hoàn toàn.	- HS thực hành hoặc phác thảo sơ đồ tư duy số theo nhóm, ghi thông tin ngắn gọn, đúng trọng tâm.
- GV nhắc HS đặt tiêu đề rõ ràng, không chép dài nguyên văn SGK, có thể dùng biểu tượng hoặc màu sắc để phân biệt các nhánh thông tin.	- HS điều chỉnh sơ đồ tư duy, trình bày thông tin ngắn gọn, dễ nhìn.
- GV chốt nội dung: Khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo, diễn ra từ năm 1418 đến năm 1427, quy tụ nhiều nhân vật tiêu biểu và giành thắng lợi hoàn toàn.	- HS nhắc lại nội dung chính.

2.2. Kể câu chuyện về một nhân vật trong khởi nghĩa Lam Sơn

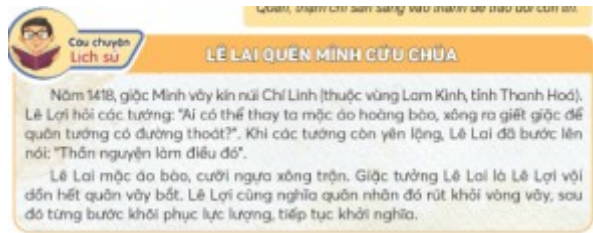
- GV yêu cầu HS đọc câu chuyện “Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa” trong SGK.



- HS đọc câu chuyện, chú ý hoàn cảnh Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa.

- GV hỏi: Vì sao Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn?

- HS trả lời: Vì nhân dân ta phải chịu cảnh lầm than dưới ách thống trị của nhà Minh, Lê Lợi

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	muốn đánh đuổi giặc để cứu nước.
- GV hỏi: Trong câu chuyện, Lê Lợi thể hiện phẩm chất gì?	- HS trả lời: Lê Lợi thể hiện lòng yêu nước, ý chí đánh giặc, tinh thần đoàn kết và quyết tâm cứu nước.
- GV yêu cầu HS đọc câu chuyện “Lê Lai quên mình cứu chúa” và nêu sự hi sinh của Lê Lai. 	- HS đọc câu chuyện và nêu: Lê Lai mặc áo bào, cưỡi ngựa xông trận để đánh lừa quân Minh, giúp Lê Lợi và nghĩa quân thoát khỏi vòng vây.
- GV tổ chức cho HS kể theo nhóm đôi một câu chuyện về Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Lê Lai hoặc nhân vật đã sưu tầm được.	- HS kể chuyện theo nhóm đôi; bạn nghe, góp ý cách kể và nội dung chính.
- GV mời một số HS kể chuyện trước lớp.	- HS kể chuyện trước lớp theo trình tự: giới thiệu nhân vật, sự việc chính, đóng góp hoặc phẩm chất nổi bật.
- GV mời HS nhận xét phần kể chuyện của bạn.	- HS nhận xét: bạn kể đúng nhân vật, đúng sự việc, giọng kể rõ ràng, nêu được ý nghĩa câu chuyện.
- GV hỏi: Qua câu chuyện vừa kể, em có cảm nghĩ gì về tinh thần yêu nước của các nhân vật trong khởi nghĩa Lam Sơn?	- HS trả lời: Em cảm phục và biết ơn vì các nhân vật đã dũng cảm, đoàn kết, hi sinh để đánh giặc cứu nước.
- GV giáo dục: Tinh thần yêu nước, ý chí đánh giặc cứu nước của Lê Lợi, Lê Lai, Nguyễn Trãi nhắc chúng ta biết trân trọng lịch sử, học tập chăm chỉ và sống có trách nhiệm với quê hương.	- HS lắng nghe, nêu việc làm phù hợp: chăm học, giữ gìn di tích, kể lại câu chuyện lịch sử cho người thân, bạn bè.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS										
- GV chốt nội dung: Các câu chuyện về Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Lê Lai giúp chúng ta hiểu rõ hơn khí thế khởi nghĩa Lam Sơn và lòng yêu nước của nghĩa quân.	- HS nhắc lại nội dung chính.										
3. Luyện tập (7 phút) Mục tiêu: Củng cố những nét chính về khởi nghĩa Lam Sơn và đóng góp của nhân vật tiêu biểu. *Cách tiến hành:											
- GV yêu cầu HS hoàn thành nhanh bảng tóm tắt về khởi nghĩa Lam Sơn.	- HS hoàn thành bảng tóm tắt theo gợi ý của GV.										
	<table> <tr> <th>Nội dung</th><th>Trả lời</th></tr> <tr> <td>Người lãnh đạo</td><td>Lê Lợi</td></tr> <tr> <td>Thời gian</td><td>1418 - 1427</td></tr> <tr> <td>Địa điểm khởi nghĩa</td><td>Lam Sơn, Thanh Hoá</td></tr> <tr> <td>Kết quả</td><td>Thắng lợi hoàn toàn</td></tr> </table>	Nội dung	Trả lời	Người lãnh đạo	Lê Lợi	Thời gian	1418 - 1427	Địa điểm khởi nghĩa	Lam Sơn, Thanh Hoá	Kết quả	Thắng lợi hoàn toàn
Nội dung	Trả lời										
Người lãnh đạo	Lê Lợi										
Thời gian	1418 - 1427										
Địa điểm khởi nghĩa	Lam Sơn, Thanh Hoá										
Kết quả	Thắng lợi hoàn toàn										
- GV mời HS trình bày bảng tóm tắt.	- HS trình bày bảng tóm tắt trước lớp.										
- GV mời HS nhận xét, bổ sung.	- HS nhận xét, bổ sung nếu bạn còn thiếu ý.										
- GV nhận xét, sửa bài và tuyên dương HS trình bày đầy đủ.	- HS hoàn thiện bảng tóm tắt vào vở.										
4. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút) Mục tiêu: Biết sưu tầm thêm câu chuyện lịch sử liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn để chia sẻ ở tiết học sau. *Cách tiến hành:											
- GV giao nhiệm vụ: Về nhà sưu tầm thêm một câu chuyện ngắn về Nguyễn Trãi, Nguyễn	- HS lắng nghe nhiệm vụ và ghi vào vở.										

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Chích, Trần Nguyên Hãn hoặc chiến thắng Chi Lăng.	
- GV hướng dẫn HS ghi tư liệu ngắn gọn: tên nhân vật hoặc sự kiện, nguồn tìm được, một chi tiết em ấn tượng.	- HS nêu cách thực hiện: tìm trong sách, báo, internet; ghi ngắn gọn và chuẩn bị kể lại.
- GV nhận xét tiết học và dặn HS chuẩn bị phần “Chiến thắng Chi Lăng”.	- HS lắng nghe và chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5**CHỦ ĐỀ: CHỦ ĐỀ 3. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM****TUẦN: 15****BÀI 12. KHỞI NGHĨA LAM SƠN VÀ TRIỀU HẬU LÊ (TIẾT 2)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Kể lại được chiến thắng Chi Lăng có sử dụng tư liệu lịch sử như lược đồ, tranh ảnh và câu chuyện về ải Chi Lăng, Liễu Thăng.
- Nêu được ý nghĩa của chiến thắng Chi Lăng đối với thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn.
- Nhận biết được sự mưu trí, đoàn kết và lòng dân trong cách đánh giặc của nghĩa quân Lam Sơn.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc câu chuyện, khai thác lược đồ, xác định các chi tiết chính của trận Chi Lăng.
- Giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm, kể lại diễn biến trận đánh, nhận xét phần trình bày của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: dùng cấu trúc “Nếu... thì...” để mô tả chiến thuật của nghĩa quân Lam Sơn.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: tự hào về truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc.
- Trách nhiệm: hiểu vai trò của đoàn kết, mưu trí trong bảo vệ quê hương, đất nước.
- Chăm chỉ: tích cực đọc lược đồ, luyện kể chuyện lịch sử rõ ràng, đúng trình tự.

4. Tích hợp

- Tích hợp AI 5.C4.1: HS dùng cấu trúc “Nếu... thì...” để tái hiện chiến thuật của nghĩa quân Lam Sơn.
- Tích hợp QPAN: HS hiểu vai trò của mưu trí, đoàn kết, lòng dân trong bảo vệ đất nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**1. Giáo viên**

- SGK, SGV Lịch sử và Địa lí 5.
- KHDH môn Lịch sử và Địa lí 5.

- Tranh ảnh, lược đồ, câu chuyện lịch sử liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.
- Máy tính, ti vi/máy chiếu; phiếu học tập.
- Lược đồ trận Chi Lăng; phiếu học tập “Nếu... thì...”; máy tính, ti vi/máy chiếu.

2. Học sinh

- SGK Lịch sử và Địa lí 5.
- Vở ghi, bút, đồ dùng học tập.
- Câu chuyện, tranh ảnh hoặc thông tin đã sưu tầm về nhân vật lịch sử nếu được giao trước.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Ôn lại kiến thức tiết trước, kết nối với nội dung chiến thắng Chi Lăng. *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Khởi nghĩa Lam Sơn do ai lãnh đạo và diễn ra trong thời gian nào?	- HS trả lời: Khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo, diễn ra từ năm 1418 đến năm 1427.
- GV hỏi: Hãy nêu một nhân vật tiêu biểu trong khởi nghĩa Lam Sơn và đóng góp của nhân vật đó.	- HS trả lời theo hiểu biết: Lê Lợi lãnh đạo khởi nghĩa; Nguyễn Trãi giúp Lê Lợi đánh giặc bằng mưu kế; Lê Lai hi sinh cứu Lê Lợi.
- GV nhận xét và dẫn dắt: Một trong những trận đánh tiêu biểu, quyết định thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn là trận Chi Lăng.	- HS lắng nghe.
- GV ghi nội dung học tập của tiết học lên bảng.	- HS ghi nội dung vào vở.
2. Khám phá (25 phút) Mục tiêu: Kể lại được chiến thắng Chi Lăng trên lược đồ và nêu được ý nghĩa của trận đánh. Mục tiêu tích hợp: HS biết dùng cấu trúc “Nếu... thì...” để tái hiện chiến thuật của nghĩa quân	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>Lam Sơn và kiểm chứng bằng SGK.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>2.1. Tìm hiểu vị trí và diễn biến trận Chi Lăng</p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc câu chuyện “Trận Chi Lăng” và quan sát lược đồ trong SGK.</p>  <p>Đọc câu chuyện và quan sát hình 3, hãy kể lại chiến thắng Chi Lăng.</p> <p>Trận Chi Lăng là một trong những trận đánh tiêu biểu và quyết định của khởi nghĩa Lam Sơn.</p> <p>Câu chuyện Lịch sử</p> <p>Ái Chi Lăng thuộc địa phận xã Chi Lăng (tỉnh Lạng Sơn), là một thung lũng nhỏ, dài khoảng hơn 4 km, hai bên là các dãy núi đá rất hiểm trở.</p> <p>Khi Lê Lợi kéo quân ra Bắc, bao vây thành Đông Quan (thành phố Hà Nội), nhà Minh lo sợ cử hai đạo viện binh kéo sang phá vây. Liễu Thăng cầm đầu một đạo quân đánh vào Lạng Sơn. Một sáng, quân Minh đến cửa ải Chi Lăng. Kị binh nghĩa quân ra nghênh chiến, rồi giả thua để nhử quân Minh vào trận địa. Khi ngựa của chúng đang vượt qua cánh đồng lầy, bỗng nhiên một loạt pháo hiệu nổ vang như sấm. Lập tức, từ hai bên sườn núi, những chùm tên, mũi lao vun vút phóng xuống. Đội kị binh giặc tối tăm một mũi. Liễu Thăng bị trúng một mũi lao, chết bên sườn núi Mã Yên. Hơn một vạn viện binh tinh nhuệ của giặc bị tiêu diệt. Nghe tin chủ tướng tử trận, quân Minh vô cùng hoảng loạn tháo chạy. Mưu đồ cứu viện thành Đông Quan của nhà Minh thất bại.</p> <p>(Theo Chiến thắng Chi Lăng, NXB Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 1987)</p>	<p>- HS đọc câu chuyện, quan sát lược đồ và xác định các kí hiệu chính.</p>
<p>- GV hỏi: Ái Chi Lăng thuộc địa phận nào và có đặc điểm địa hình ra sao?</p>	<p>- HS trả lời: Ái Chi Lăng thuộc địa phận xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; là thung lũng hẹp, hai bên là dãy núi đá rất hiểm trở.</p>
<p>- GV hỏi: Vì sao địa hình Chi Lăng thuận lợi cho nghĩa quân Lam Sơn mai phục?</p>	<p>- HS trả lời: Vì thung lũng hẹp, hai bên núi cao, quân địch khó xoay trở; nghĩa quân có thể mai phục và đánh bất ngờ.</p>
<p>- GV hỏi: Quân Minh do ai chỉ huy tiến vào nước ta?</p>	<p>- HS trả lời: Quân Minh do Liễu Thăng chỉ huy tiến vào nước ta.</p>
<p>- GV hỏi: Nghĩa quân Lam Sơn đã dùng kế gì để đánh quân Minh?</p>	<p>- HS trả lời: Nghĩa quân kéo quân về phía ải Chi Lăng, nhử quân Minh vào trận địa mai</p>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	phục rồi bắt ngờ tấn công.
- GV yêu cầu HS dùng ngón tay chỉ trên lược đồ đường tiến quân của địch, nơi mai phục và nơi diễn ra trận đánh.	- HS chỉ trên lược đồ theo hướng dẫn: đường tiến quân của quân Minh, khu vực ải Chi Lăng, vị trí nghĩa quân mai phục.
- GV mời HS trình bày diễn biến chính dựa trên lược đồ.	- HS trình bày: Liễu Thăng dẫn quân tiến vào; nghĩa quân nhử địch đến Chi Lăng; khi địch lọt vào trận địa, nghĩa quân tấn công; Liễu Thăng bị tiêu diệt; quân Minh hoảng loạn.
- GV mời HS nhận xét, bổ sung diễn biến còn thiếu.	- HS nhận xét, bổ sung cho bạn về địa điểm, nhân vật và kết quả của trận đánh.
- GV giới thiệu cách mô tả chiến thuật bằng cấu trúc “Nếu... thì...” giống một quy tắc điều kiện trong công nghệ AI.	- HS lắng nghe, hiểu cách dùng câu điều kiện để mô tả tình huống và cách xử lý.
- GV nêu mẫu: Nếu quân Minh tiến vào thung lũng hẹp ở Chi Lăng thì nghĩa quân Lam Sơn bí mật mai phục hai bên sườn núi.	- HS đọc lại mẫu và xác định hai phần: điều kiện “Nếu...” và hành động “thì...”.
- GV yêu cầu HS hoàn thành hai câu: Nếu quân Minh đuổi theo quân nhử mỗi...; Nếu địch lọt vào trận địa mai phục...	- HS hoàn thành: Nếu quân Minh đuổi theo quân nhử mỗi thì chúng sẽ bị dẫn vào ải Chi Lăng; Nếu địch lọt vào trận địa mai phục thì nghĩa quân đồng loạt tấn công.
- GV nhắc HS: Khi dùng AI hoặc cách mô phỏng bằng “Nếu... thì...” để học lịch sử, các em phải đối chiếu thông tin với SGK và lược đồ, không tự thêm chi tiết sai.	- HS trả lời: Cần kiểm chứng vì AI hoặc mô phỏng có thể thiếu thông tin hoặc diễn đạt chưa chính xác so với tư liệu lịch sử.
2.2. Kể lại chiến thắng Chi Lăng	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4, dựa vào câu chuyện và lược đồ để kể lại chiến thắng Chi Lăng theo trình tự.	- HS làm việc nhóm 4, phân công bạn chỉ lược đồ, bạn kể diễn biến, bạn nêu kết quả, bạn nhận xét.
- GV gợi ý trình tự kể: địa hình Chi Lăng; quân Minh tiến vào; nghĩa quân nhử địch; địch lọt vào trận địa; nghĩa quân tấn công; kết quả.	- HS sắp xếp ý kể theo trình tự GV gợi ý.
- GV mời đại diện nhóm kể lại chiến thắng Chi Lăng trước lớp.	- Đại diện nhóm kể: Chi Lăng là nơi hiểm trở. Nghĩa quân Lam Sơn nhử quân Minh do Liễu Thăng chỉ huy vào trận địa mai phục. Khi địch vào sâu, nghĩa quân đồng loạt tấn công, tiêu diệt Liễu Thăng, làm quân Minh hoảng loạn.
- GV mời nhóm khác nhận xét phần kể chuyện của bạn.	- HS nhận xét: bạn kể đúng trình tự, có sử dụng lược đồ, nêu được kết quả của trận đánh.
- GV hỏi: Chiến thắng Chi Lăng có ý nghĩa gì đối với khởi nghĩa Lam Sơn?	- HS trả lời: Chiến thắng Chi Lăng là một trận đánh tiêu biểu và quyết định, góp phần quan trọng làm cho quân Minh thất bại và khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi.
- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	- HS lắng nghe, hoàn thiện câu trả lời.
- GV chốt nội dung: Chiến thắng Chi Lăng thể hiện nghệ thuật chọn địa hình, dùng mưu kế nhử địch vào trận địa mai phục và tinh thần chiến đấu dũng cảm của nghĩa quân Lam Sơn.	- HS nhắc lại nội dung chính.

3. Luyện tập (7 phút)

Mục tiêu: củng cố diễn biến, ý nghĩa của chiến thắng Chi Lăng và rút ra bài học về bảo vệ đất nước.

Mục tiêu tích hợp: HS hiểu vai trò của mưu trí, đoàn kết, lòng dân trong bảo vệ đất nước.

***Cách tiến hành:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV yêu cầu HS hoàn thành câu: Chiến thắng Chi Lăng cho thấy nghĩa quân Lam Sơn thắng lợi nhờ những yếu tố nào?	- HS trả lời: Nghĩa quân thắng lợi nhờ mưu trí, biết chọn địa hình hiểm trở, đoàn kết chiến đấu và được nhân dân ủng hộ.
- GV hỏi: Trong bảo vệ Tổ quốc ngày nay, vì sao chúng ta cần đoàn kết và cảnh giác?	- HS trả lời: Vì đoàn kết giúp tạo sức mạnh chung; cảnh giác giúp phát hiện, phòng tránh nguy cơ làm hại đất nước và cuộc sống bình yên.
- GV yêu cầu HS liên hệ việc làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ quê hương, đất nước.	- HS nêu: học tập tốt, chấp hành nội quy, yêu quý lịch sử dân tộc, không chia sẻ thông tin sai lệch, giữ gìn di tích lịch sử.
- GV nhận xét, nhấn mạnh bài học về mưu trí, đoàn kết, lòng dân trong bảo vệ đất nước.	- HS lắng nghe và ghi nhớ bài học.

4. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút)

Mục tiêu: Biết kể lại ngắn gọn chiến thắng Chi Lăng cho người thân và chuẩn bị nội dung về Triều Hậu Lê.

***Cách tiến hành:**

- GV giao nhiệm vụ: Về nhà kể lại chiến thắng Chi Lăng cho người thân nghe, có thể sử dụng lược đồ trong SGK để minh họa.	- HS lắng nghe và ghi nhiệm vụ.
- GV dặn HS chuẩn bị tiết sau: đọc trước phần “Triều Hậu Lê và công cuộc xây dựng đất nước”, chú ý câu chuyện Lê Thánh Tông, Lương Thế Vinh.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ chuẩn bị bài.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

CHỦ ĐỀ 3. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

TUẦN: 16

BÀI 12. KHỞI NGHĨA LAM SƠN VÀ TRIỀU HẬU LÊ (TIẾT 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời Hậu Lê thông qua câu chuyện về vua Lê Thánh Tông, Lương Thế Vinh, Ngô Sĩ Liên.
- Kể lại được câu chuyện về một nhân vật lịch sử tiêu biểu dưới Triều Hậu Lê.
- Hoàn thành bảng về đóng góp của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu trong khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc thông tin, chọn lọc chi tiết lịch sử, chuẩn bị câu chuyện kể.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm, trình bày bảng, kể chuyện và nhận xét sản phẩm học tập.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: liên hệ đóng góp của nhân vật lịch sử với bài học về học tập, rèn luyện hôm nay.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: tự hào về thành tựu xây dựng đất nước dưới Triều Hậu Lê.
- Chăm chỉ: noi gương tinh thần học tập, nghiên cứu của Lương Thế Vinh, Ngô Sĩ Liên.
- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn di sản, trân trọng truyền thống trọng hiền tài, nhân nghĩa, khoan dung.

4. Tích hợp

- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS học tập tinh thần nhân nghĩa, khoan dung, trọng hiền tài thời Hậu Lê.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, SGV Lịch sử và Địa lí 5.

- KHDH môn Lịch sử và Địa lí 5.
- Tranh ảnh, lược đồ, câu chuyện lịch sử liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.
- Máy tính, ti vi/máy chiếu; phiếu học tập.
- Tranh ảnh, câu chuyện về vua Lê Thánh Tông, Lương Thế Vinh, Ngô Sĩ Liên; bảng phụ luyện tập.

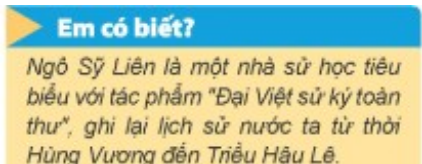
2. Học sinh

- SGK Lịch sử và Địa lí 5.
- Vở ghi, bút, đồ dùng học tập.
- Câu chuyện, tranh ảnh hoặc thông tin đã sưu tầm về nhân vật lịch sử nếu được giao trước.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập, kết nối khởi nghĩa Lam Sơn với sự ra đời của Triều Hậu Lê. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Nhân vật lịch sử”: GV nêu gợi ý “Ông lãnh đạo khởi nghĩa Lam Sơn và lên ngôi vua năm 1428”. Đó là ai?	- HS trả lời: Đó là Lê Lợi.
- GV hỏi: Sau khi khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi, Lê Lợi đã làm gì?	- HS trả lời: Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi vua, lập ra Triều Hậu Lê, khôi phục quốc hiệu Đại Việt, đóng đô ở Đông Kinh.
- GV nhận xét và dẫn dắt vào nội dung tìm hiểu công cuộc xây dựng đất nước dưới Triều Hậu Lê.	- HS lắng nghe.
- GV ghi nội dung học tập của tiết học lên bảng.	- HS ghi nội dung vào vở.
2. Khám phá (23 phút) Mục tiêu: Nêu được một số nét chính về lịch sử Việt Nam dưới Triều Hậu Lê và kể lại được	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>câu chuyện về nhân vật tiêu biểu.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>2.1. Nêu một số nét chính về lịch sử Việt Nam dưới Triều Hậu Lê</p>	
- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 2 trong SGK và trả lời: Sau năm 1428, đất nước ta có sự kiện gì quan trọng?	- HS đọc thông tin và trả lời: Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi vua, lập ra Triều Hậu Lê, khôi phục quốc hiệu Đại Việt, đóng đô ở Đông Kinh.
- GV hỏi: Dưới Triều Hậu Lê, bộ máy nhà nước được tổ chức như thế nào?	- HS trả lời: Bộ máy nhà nước được tổ chức quy củ, chặt chẽ.
- GV hỏi: Nhà nước Hậu Lê chú trọng phát triển lĩnh vực kinh tế nào?	- HS trả lời: Nhà nước đặc biệt coi trọng và khuyến khích phát triển nông nghiệp, nhờ đó sản xuất nông nghiệp được phục hồi và phát triển.
- GV hỏi: Đất nước thịnh đạt nhất dưới thời vị vua nào?	- HS trả lời: Đất nước thịnh đạt nhất dưới thời vua Lê Thánh Tông.
<p>- GV yêu cầu HS đọc câu chuyện “Lê Thánh Tông - nhà chính trị tài ba” và nêu việc làm tiêu biểu của vua Lê Thánh Tông.</p> 	- HS đọc câu chuyện và nêu: Vua Lê Thánh Tông tiến hành cải cách nhiều lĩnh vực, chú trọng bảo vệ biên cương, ban hành Bộ luật Hồng Đức và coi trọng người tài.
- GV hỏi: Văn học và khoa học dưới Triều Hậu Lê đạt được thành tựu gì?	- HS trả lời: Văn học và khoa học đạt nhiều thành tựu với các tác gia tiêu biểu như Nguyễn

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	Trãi, Ngô Sĩ Liên, Lương Thế Vinh.
<p>- GV cho HS quan sát ô “Em có biết?” về Ngô Sĩ Liên và hỏi: Ngô Sĩ Liên có đóng góp gì?</p> 	<p>- HS trả lời: Ngô Sĩ Liên là nhà sử học tiêu biểu, ghi lại lịch sử nước ta từ thời Hùng Vương đến Triều Hậu Lê.</p>
<p>- GV mời HS trình bày khái quát các nét chính của Triều Hậu Lê.</p>	<p>- HS trình bày: Nhà nước tổ chức chặt chẽ, chú trọng nông nghiệp, đất nước thịnh đạt dưới thời Lê Thánh Tông, văn học và khoa học có nhiều thành tựu.</p>
<p>- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.</p>	<p>- HS lắng nghe, hoàn thiện câu trả lời.</p>

2.2. Kể câu chuyện về một nhân vật lịch sử tiêu biểu dưới Triều Hậu Lê

<p>- GV yêu cầu HS đọc câu chuyện “Trạng Lương Lương Thế Vinh” và xác định nhân vật, phẩm chất, đóng góp của nhân vật.</p> 	<p>- HS đọc câu chuyện, xác định: Lương Thế Vinh là người thông minh, nhanh trí, giỏi tính toán, được gọi là Trạng Lương.</p>
<p>- GV hỏi: Lương Thế Vinh có đóng góp gì cho khoa học dưới Triều Hậu Lê?</p>	<p>- HS trả lời: Ông đã soạn cuốn Đại thành toán pháp, tổng kết kiến thức toán học đương thời và phát minh của ông; ông được dân gian gọi là Trạng Lương.</p>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV tổ chức cho HS chọn một nhân vật tiêu biểu dưới Triều Hậu Lê để kể: Lê Thánh Tông, Lương Thế Vinh, Ngô Sĩ Liên hoặc nhân vật đã sưu tầm được.	- HS chọn nhân vật và chuẩn bị câu chuyện ngắn theo trình tự: tên nhân vật, việc làm tiêu biểu, đóng góp, điều em học được.
- GV mời HS kể chuyện trước lớp.	- HS kể chuyện: Em kể về Lê Thánh Tông/Lương Thế Vinh/Ngô Sĩ Liên, nêu đóng góp tiêu biểu của nhân vật.
- GV mời HS nhận xét phần kể chuyện của bạn.	- HS nhận xét: bạn kể đúng nội dung, nêu được đóng góp và bài học từ nhân vật.
- GV hỏi: Qua các nhân vật thời Hậu Lê, em học được điều gì về tinh thần nhân nghĩa, khoan dung và trọng hiền tài?	- HS trả lời: Em học được cần biết yêu nước, sống nhân nghĩa, tôn trọng người tài, chăm học, biết dùng hiểu biết để giúp ích cho đất nước.
- GV giáo dục: Triều Hậu Lê coi trọng hiền tài, pháp luật và phát triển đất nước. Mỗi HS cần chăm học, sống trung thực, nhân ái, biết trân trọng người có tài và đóng góp cho tập thể.	- HS lắng nghe, liên hệ việc làm: học tập chăm chỉ, tôn trọng bạn bè, không ghen ghét người giỏi, biết giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.
- GV chốt nội dung: Dưới Triều Hậu Lê, đất nước phát triển trên nhiều mặt; nhiều nhân vật lịch sử đã để lại đóng góp lớn về chính trị, văn học, sử học, toán học.	- HS nhắc lại nội dung chính.

3. Luyện tập (10 phút)

Mục tiêu: Hoàn thành bảng về đóng góp của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu và kể lại câu chuyện đã sưu tầm.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS đọc Câu 1 trong SGK: Hoàn thành bảng về đóng góp của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu trong khởi nghĩa Lam Sơn và	- HS đọc yêu cầu Câu 1 trong SGK.
--	-----------------------------------

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS																					
<p>Triều Hậu Lê.</p> <div><div> LUYỆN TẬP</div><div><p>1. Hoàn thành bảng (theo gợi ý dưới đây vào vở) về đóng góp của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu trong khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.</p><table><thead><tr><th>STT</th><th>Nhân vật lịch sử</th><th>Đóng góp</th></tr></thead><tbody><tr><td>1</td><td>Lê Lợi</td><td>?</td></tr><tr><td>?</td><td>?</td><td>?</td></tr></tbody></table></div><div><p>2. Kể lại câu chuyện về một nhân vật liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn hoặc Triều Hậu Lê mà em sưu tầm được.</p><div> VẬN DỤNG</div><p>Dựa vào thông tin trong sách, báo, internet,... hãy kể tên một số địa danh (di tích lịch sử, đường phố, trường học,...) liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.</p></div></div>	STT	Nhân vật lịch sử	Đóng góp	1	Lê Lợi	?	?	?	?													
STT	Nhân vật lịch sử	Đóng góp																				
1	Lê Lợi	?																				
?	?	?																				
- GV hỏi: Câu 1 yêu cầu chúng ta làm gì?	- HS trả lời: Câu 1 yêu cầu hoàn thành bảng về đóng góp của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu.																					
- GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cặp đôi để hoàn thành bảng.	<div>- HS làm việc cặp đôi, trao đổi thông tin và hoàn thành bảng.</div> <table><thead><tr><th>STT</th><th>Nhân vật lịch sử</th><th>Đóng góp</th></tr></thead><tbody><tr><td>1</td><td>Lê Lợi</td><td>Lãnh đạo khởi nghĩa Lam Sơn; lập Triều Hậu Lê.</td></tr><tr><td>2</td><td>Nguyễn Trãi</td><td>Dâng Bình Ngô sách; giúp Lê Lợi đánh giặc.</td></tr><tr><td>3</td><td>Lê Lai</td><td>Hi sinh cứu Lê Lợi và nghĩa quân.</td></tr><tr><td>4</td><td>Lê Thánh Tông</td><td>Cải cách nhà nước; ban hành Bộ luật Hồng Đức.</td></tr><tr><td>5</td><td>Lương Thế Vinh</td><td>Soạn Đại thành toán pháp.</td></tr><tr><td>6</td><td>Ngô Sĩ Liên</td><td>Biên soạn Đại Việt sử kí toàn thư.</td></tr></tbody></table>	STT	Nhân vật lịch sử	Đóng góp	1	Lê Lợi	Lãnh đạo khởi nghĩa Lam Sơn; lập Triều Hậu Lê.	2	Nguyễn Trãi	Dâng Bình Ngô sách; giúp Lê Lợi đánh giặc.	3	Lê Lai	Hi sinh cứu Lê Lợi và nghĩa quân.	4	Lê Thánh Tông	Cải cách nhà nước; ban hành Bộ luật Hồng Đức.	5	Lương Thế Vinh	Soạn Đại thành toán pháp.	6	Ngô Sĩ Liên	Biên soạn Đại Việt sử kí toàn thư.
STT	Nhân vật lịch sử	Đóng góp																				
1	Lê Lợi	Lãnh đạo khởi nghĩa Lam Sơn; lập Triều Hậu Lê.																				
2	Nguyễn Trãi	Dâng Bình Ngô sách; giúp Lê Lợi đánh giặc.																				
3	Lê Lai	Hi sinh cứu Lê Lợi và nghĩa quân.																				
4	Lê Thánh Tông	Cải cách nhà nước; ban hành Bộ luật Hồng Đức.																				
5	Lương Thế Vinh	Soạn Đại thành toán pháp.																				
6	Ngô Sĩ Liên	Biên soạn Đại Việt sử kí toàn thư.																				
- GV mời đại diện cặp đôi trình bày kết quả.	- Đại diện cặp đôi trình bày bảng trước lớp.																					

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV mời HS nhận xét, bổ sung.	- HS nhận xét, bổ sung thêm đóng góp của các nhân vật nếu cần.
- GV nhận xét, sửa bài và chuẩn kiến thức.	- HS hoàn thiện bảng vào vở.
- GV yêu cầu HS đọc Câu 2 trong SGK: Kể lại câu chuyện về một nhân vật liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn hoặc Triều Hậu Lê mà em sưu tầm được.	- HS đọc yêu cầu Câu 2 trong SGK.
- GV mời một số HS kể câu chuyện đã chuẩn bị.	- HS kể câu chuyện đã sưu tầm; nêu nhân vật, sự việc chính và điều em học được.
- GV nhận xét, tuyên dương HS kể chuyện rõ ràng, biết liên hệ bài học.	- HS lắng nghe và rút kinh nghiệm cách kể chuyện lịch sử.

4. Vận dụng - Trải nghiệm (2 phút)

Mục tiêu: Biết sưu tầm và kể tên một số địa danh liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ Vận dụng trong SGK.	- HS đọc nhiệm vụ: Dựa vào sách, báo, internet,... hãy kể tên một số địa danh liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.
- GV hỏi: Nhiệm vụ yêu cầu em thực hiện điều gì?	- HS trả lời: Nhiệm vụ yêu cầu sưu tầm và kể tên địa danh như di tích lịch sử, đường phố, trường học liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.
- GV hướng dẫn HS cách thực hiện: chọn nguồn tin phù hợp, ghi tên địa danh, địa điểm, nhân vật hoặc sự kiện liên quan.	- HS lắng nghe, nêu ví dụ: Khu di tích Lam Kinh, ải Chi Lăng, đường Lê Lợi, đường Nguyễn Trãi, trường mang tên Lương Thế

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	Vinh.
- GV dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ và chuẩn bị bài sau.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

CHỦ ĐỀ 3. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

TUẦN: 16

BÀI 13. TRIỀU NGUYỄN (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Suu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử liên quan đến Triều Nguyễn.
- Nêu được sự thành lập của Triều Nguyễn và trình bày được một số việc làm của Triều Nguyễn trong buổi đầu xây dựng đất nước.
- Kể lại được câu chuyện về vua Minh Mạng và nêu được đóng góp của ông đối với dân tộc.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc thông tin, quan sát tranh ảnh, chọn lọc chi tiết lịch sử để trả lời câu hỏi.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi cặp đôi, trình bày, lắng nghe và nhận xét ý kiến của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: liên hệ việc sử dụng công nghệ AI trong bảo tồn tư liệu, hình ảnh, âm nhạc cung đình.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: tự hào về lịch sử dân tộc và những dấu ấn của Triều Nguyễn.
- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn, phát huy giá trị di sản văn hóa Huế.

- Chăm chỉ: tích cực đọc tư liệu, chuẩn bị câu chuyện lịch sử về nhân vật tiêu biểu.

4. Tích hợp

- Tích hợp AI 5.A2.2: HS tìm hiểu AI trong bảo tồn Nhã nhạc cung đình Huế hoặc phục dựng ảnh xưa.
- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS có ý thức giữ gìn di sản văn hóa Huế.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, SGV Lịch sử và Địa lí 5.
- KHDH môn Lịch sử và Địa lí 5.
- Tranh ảnh, câu chuyện lịch sử liên quan đến Triều Nguyễn.
- Máy tính, ti vi/máy chiếu; phiếu học tập.
- Hình ảnh, video ngắn về Nhã nhạc cung đình Huế; học liệu minh họa AI hỗ trợ bảo tồn di sản hoặc phục dựng ảnh xưa.

2. Học sinh

- SGK Lịch sử và Địa lí 5.
- Vở ghi, bút, đồ dùng học tập.
- Câu chuyện, tranh ảnh hoặc thông tin đã sưu tầm về nhân vật lịch sử Triều Nguyễn nếu được giao trước.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập; giúp HS liên hệ hình ảnh Nhã nhạc cung đình Huế với Triều Nguyễn. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS quan sát hình 1 trong SGK và hỏi: Hoạt động trong hình gợi nhắc	- HS quan sát hình và trả lời: Hình 1 gợi nhắc đến Triều Nguyễn, vì đó là biểu diễn Nhã nhạc

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>đến triều đại nào trong lịch sử dân tộc?</p>  <p>Quan sát hình 1 và cho biết loại hình nghệ thuật được giới thiệu liên quan đến triều đại nào trong lịch sử dân tộc.</p> <p>Hình 1. Biểu diễn Nhã nhạc cung đình Huế</p>	<p>cung đình Huế.</p>
<p>- GV hỏi: Em biết gì về Nhã nhạc cung đình Huế hoặc Cổ đô Huế?</p>	<p>- HS chia sẻ theo hiểu biết: Nhã nhạc cung đình Huế là loại hình âm nhạc cung đình; Huế là kinh đô của Triều Nguyễn trước đây.</p>
<p>- GV nhận xét ý kiến của HS và kết nối với nội dung bài học.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hiểu biết ban đầu.</p>
<p>- GV giới thiệu bài mới: Bài 13. Triều Nguyễn.</p>	<p>- HS ghi tên bài vào vở.</p>
<h2>2. Khám phá (25 phút)</h2> <p>Mục tiêu: Nêu được sự thành lập của Triều Nguyễn, một số việc làm củng cố vương triều và kể được câu chuyện về vua Minh Mạng.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: HS biết AI có thể hỗ trợ bảo tồn Nhã nhạc cung đình Huế hoặc phục dựng ảnh xưa nhưng cần kiểm chứng thông tin bằng SGK, tư liệu đáng tin cậy.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<h3>2.1. Triều Nguyễn buổi đầu xây dựng đất nước</h3>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục a, quan sát hình trong SGK và thực hiện nhiệm vụ: Nêu sự thành lập Triều Nguyễn; trình bày một số việc làm của Triều Nguyễn để xây dựng đất nước.</p>  <p>Đọc thông tin, em hãy:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu sự thành lập Triều Nguyễn. – Trình bày một số việc làm của Triều Nguyễn để xây dựng đất nước. 	<p>- HS đọc thông tin, quan sát hình và xác định nhiệm vụ học tập.</p>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV hỏi: Triều Nguyễn được thành lập vào năm nào, do ai lập nên?	- HS trả lời: Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi Hoàng đế, lập ra Triều Nguyễn, lấy niên hiệu Gia Long.
- GV hỏi: Kinh đô của Triều Nguyễn được đặt ở đâu?	- HS trả lời: Kinh đô được đặt ở Phú Xuân, nay thuộc thành phố Huế.
- GV hỏi: Các vua Triều Nguyễn đã làm gì để củng cố bộ máy nhà nước?	- HS trả lời: Triều Nguyễn từng bước củng cố bộ máy nhà nước, cải cách hành chính, thống nhất đất nước.
- GV hỏi: Vua Gia Long ban hành bộ luật nào để củng cố trật tự xã hội?	- HS trả lời: Vua Gia Long ban hành Hoàng Việt luật lệ nhằm củng cố trật tự xã hội.
- GV hỏi: Triều Nguyễn đã có hoạt động gì liên quan đến chủ quyền biển, đảo?	- HS trả lời: Các vua Triều Nguyễn tiếp tục thực thi chủ quyền biển, đảo, đặc biệt đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.
- GV tổ chức cho HS trao đổi cặp đôi, ghi lại 4 ý chính về buổi đầu xây dựng đất nước của Triều Nguyễn.	- HS trao đổi cặp đôi, thống nhất 4 ý: thành lập năm 1802; kinh đô Phú Xuân; củng cố bộ máy nhà nước, cải cách hành chính; ban hành luật và thực thi chủ quyền biển, đảo.
- GV mời đại diện 1 - 2 cặp đôi trình bày trước lớp.	- Đại diện cặp đôi trình bày kết quả thảo luận.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS nhận xét, bổ sung ý còn thiếu cho bạn.
- GV giới thiệu: AI hiện nay có thể hỗ trợ phục dựng ảnh xưa, nhận diện tư liệu hình ảnh và hỗ trợ lưu giữ âm thanh, làn điệu Nhã nhạc cung đình Huế.	- HS lắng nghe, nhận biết vai trò hỗ trợ của AI trong bảo tồn di sản.
- GV hướng dẫn HS quan sát một ví dụ học liệu số/ảnh phục dựng và hỏi: Khi dùng AI để tìm hiểu lịch sử, chúng ta cần làm gì để tránh hiểu sai?	- HS trả lời: Cần đối chiếu thông tin với SGK, sách, bảo tàng, thư viện số hoặc tư liệu đáng tin cậy; không chép nguyên văn thông tin do AI gợi ý.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>- GV chốt nội dung: Triều Nguyễn do Nguyễn Ánh - Gia Long thành lập năm 1802, kinh đô đặt ở Phú Xuân; triều đình củng cố bộ máy nhà nước, ban hành luật, cải cách hành chính và tiếp tục thực thi chủ quyền biển, đảo.</p>	<p>- HS nhắc lại nội dung chính.</p>
<h2>2.2. Kể chuyện về vua Minh Mạng</h2>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc câu chuyện “Minh Mạng với sự nghiệp trị nước an dân” trong SGK và quan sát hình 2.</p> 	<p>- HS đọc câu chuyện, quan sát hình 2 và xác định nhân vật chính là vua Minh Mạng.</p>
<p>- GV hỏi: Vua Minh Mạng là vị vua thứ mấy của Triều Nguyễn?</p>	<p>- HS trả lời: Vua Minh Mạng là vị vua thứ hai của Triều Nguyễn.</p>
<p>- GV hỏi: Trong câu chuyện, vua Minh Mạng xử lý việc của Lý Hữu Diệm như thế nào?</p>	<p>- HS trả lời: Khi biết Lý Hữu Diệm gian dối trong việc xử án, vua Minh Mạng không đồng ý, ban lệnh cho Bộ Hình phải xử theo đúng quy định.</p>
<p>- GV hỏi: Câu chuyện cho thấy vua Minh Mạng coi trọng điều gì?</p>	<p>- HS trả lời: Câu chuyện cho thấy vua Minh Mạng coi trọng pháp luật, sự công bằng và kỉ cương xã hội.</p>
<p>- GV hỏi: Vua Minh Mạng có những đóng góp nổi bật nào đối với đất nước?</p>	<p>- HS trả lời: Vua Minh Mạng thực hiện cải cách hành chính, thống nhất đất nước về mặt hành chính, chỉ đạo khai hoang, tổ chức khoa thi để chọn người tài, đề cao thực thi pháp luật</p>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	và chú trọng chủ quyền biển, đảo.
- GV mời HS kể lại câu chuyện về vua Minh Mạng bằng lời của mình.	- HS kể lại câu chuyện theo trình tự: giới thiệu nhân vật, sự việc chính, cách xử lý của vua Minh Mạng và ý nghĩa câu chuyện.
- GV mời HS nhận xét phần kể chuyện của bạn.	- HS nhận xét: bạn kể đúng nội dung, nêu được đóng góp và phẩm chất của vua Minh Mạng.
- GV hỏi: Em có cảm nghĩ gì về vua Minh Mạng?	- HS trả lời: Em kính trọng vua Minh Mạng vì ông là vị vua có tài, coi trọng pháp luật và có nhiều đóng góp cho đất nước.

3. Luyện tập (8 phút)

Mục tiêu: củng cố kiến thức về buổi đầu xây dựng đất nước của Triều Nguyễn và đóng góp của vua Minh Mạng.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành sơ đồ nhanh với các nhánh: Thành lập, Kinh đô, Việc làm củng cố đất nước, Nhân vật tiêu biểu.	- HS hoàn thành sơ đồ nhanh trong vở.										
	<table> <tr> <th>Nhánh</th><th>Nội dung</th></tr> <tr> <td>Thành lập</td><td>Năm 1802, Nguyễn Ánh lập Triều Nguyễn, niên hiệu Gia Long.</td></tr> <tr> <td>Kinh đô</td><td>Phủ Xuân, nay thuộc thành phố Huế.</td></tr> <tr> <td>Củng cố đất nước</td><td>Củng cố bộ máy nhà nước, cải cách hành chính, ban hành Hoàng Việt luật lệ, thực thi chủ quyền biển đảo.</td></tr> <tr> <td>Nhân vật tiêu biểu</td><td>Vua Minh Mạng: cải cách hành chính, đề cao pháp luật, tổ chức khoa thi, chỉ đạo khai hoang.</td></tr> </table>	Nhánh	Nội dung	Thành lập	Năm 1802, Nguyễn Ánh lập Triều Nguyễn, niên hiệu Gia Long.	Kinh đô	Phủ Xuân, nay thuộc thành phố Huế.	Củng cố đất nước	Củng cố bộ máy nhà nước, cải cách hành chính, ban hành Hoàng Việt luật lệ, thực thi chủ quyền biển đảo.	Nhân vật tiêu biểu	Vua Minh Mạng: cải cách hành chính, đề cao pháp luật, tổ chức khoa thi, chỉ đạo khai hoang.
Nhánh	Nội dung										
Thành lập	Năm 1802, Nguyễn Ánh lập Triều Nguyễn, niên hiệu Gia Long.										
Kinh đô	Phủ Xuân, nay thuộc thành phố Huế.										
Củng cố đất nước	Củng cố bộ máy nhà nước, cải cách hành chính, ban hành Hoàng Việt luật lệ, thực thi chủ quyền biển đảo.										
Nhân vật tiêu biểu	Vua Minh Mạng: cải cách hành chính, đề cao pháp luật, tổ chức khoa thi, chỉ đạo khai hoang.										
- GV mời một số HS trình bày sơ đồ của mình.	- HS trình bày sơ đồ, nêu ngắn gọn các ý chính.										
- GV mời HS nhận xét, bổ sung.	- HS nhận xét và bổ sung ý còn thiếu.										

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV nhận xét, sửa bài và chuẩn kiến thức.	- HS hoàn thiện sơ đồ vào vở.
4. Vận dụng - Trải nghiệm (2 phút) Mục tiêu: Biết liên hệ việc giữ gìn di sản văn hóa Huế trong đời sống hằng ngày. Mục tiêu tích hợp: HS có ý thức giữ gìn di sản văn hóa Huế, ứng xử văn minh khi tìm hiểu hoặc tham quan di sản. *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Khi tham quan Cố đô Huế, nghe Nhã nhạc cung đình Huế hoặc tìm hiểu di sản trên Internet, em cần làm gì để thể hiện ý thức giữ gìn di sản?	- HS trả lời: Em cần giữ vệ sinh, không viết vẽ lên di tích, không chen lấn, lắng nghe thuyết minh, chia sẻ thông tin đúng và tôn trọng giá trị di sản.
- GV giáo dục HS: Mỗi di sản là dấu ấn lịch sử của dân tộc, vì vậy chúng ta cần trân trọng, tìm hiểu đúng và giới thiệu bằng lời nói, hình ảnh văn minh.	- HS lắng nghe và liên hệ việc làm phù hợp với bản thân.
- GV dặn HS chuẩn bị tiết sau: đọc trước phần công cuộc khai hoang và những đề nghị canh tân đất nước cuối thế kỉ XIX.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ chuẩn bị bài.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

CHỦ ĐỀ 3. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

TUẦN: 17

BÀI 13. TRIỀU NGUYỄN (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nêu được kết quả của công cuộc khai hoang dưới Triều Nguyễn.
- Kể lại được câu chuyện về Nguyễn Công Trứ và nêu được đóng góp của ông.
- Nêu được những đóng góp của Nguyễn Trường Tộ đối với lịch sử dân tộc qua các đề nghị canh tân đất nước.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc thông tin, quan sát hình, khai thác câu chuyện lịch sử để rút ra ý chính.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm, kể chuyện, nhận xét phần trình bày của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: sử dụng hình ảnh số, tư liệu số để tạo thẻ giới thiệu di sản, nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: trân trọng những đóng góp của các nhân vật lịch sử đối với đất nước.
- Chăm chỉ: tích cực sưu tầm, đọc và chọn lọc tư liệu lịch sử.
- Trách nhiệm: nhận thức được quyền được học tập di sản và trách nhiệm bảo vệ di tích, hiện vật lịch sử.

4. Tích hợp

- Tích hợp NLS 1.1.CB2b: HS tra cứu hình ảnh số về Kinh thành Huế, Nhã nhạc cung đình Huế, lăng tẩm triều Nguyễn; lựa chọn thông tin phù hợp để giới thiệu di sản.
- Tích hợp QCN: HS hiểu quyền được tiếp cận, học tập di sản văn hóa và trách nhiệm bảo vệ di tích, hiện vật lịch sử.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, SGV Lịch sử và Địa lí 5.
- KHDH môn Lịch sử và Địa lí 5.
- Tranh ảnh, câu chuyện lịch sử liên quan đến Triều Nguyễn.
- Máy tính, ti vi/máy chiếu; phiếu học tập.

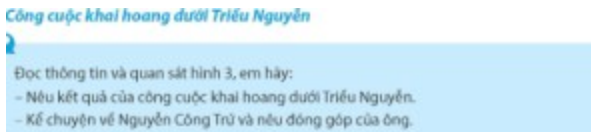
- Hình ảnh về Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Trường Tộ, đền thờ Nguyễn Công Trứ; thiết bị có Internet hoặc hình ảnh số do GV chuẩn bị.

2. Học sinh

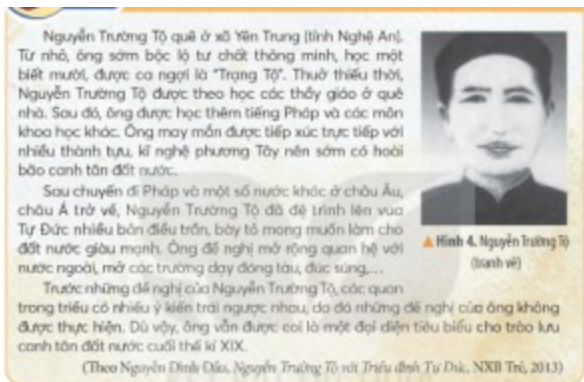
- SGK Lịch sử và Địa lí 5.
- Vở ghi, bút, đồ dùng học tập.
- Câu chuyện, tranh ảnh hoặc thông tin đã sưu tầm về nhân vật lịch sử Triều Nguyễn nếu được giao trước.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Kết nối kiến thức tiết trước với nội dung công cuộc khai hoang và canh tân đất nước dưới Triều Nguyễn. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Ô cửa lịch sử”: Năm 1802 gắn với sự kiện nào?	- HS trả lời: Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi Hoàng đế, lập ra Triều Nguyễn.
- GV hỏi: Kinh đô của Triều Nguyễn đặt ở đâu?	- HS trả lời: Kinh đô đặt ở Phú Xuân, nay thuộc thành phố Huế.
- GV nhận xét và dẫn dắt: Sau khi được thành lập, Triều Nguyễn có nhiều hoạt động khai hoang và cũng xuất hiện những đề nghị canh tân đất nước.	- HS lắng nghe.
- GV ghi nội dung học tập của tiết học lên bảng.	- HS ghi nội dung vào vở.
2. Khám phá (25 phút) Mục tiêu: Trình bày được những nét chính về công cuộc khai hoang dưới Triều Nguyễn và những đề nghị canh tân đất nước cuối thế kỉ XIX.	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
*Cách tiến hành:	
2.1. Công cuộc khai hoang dưới Triều Nguyễn	
<p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục b, quan sát hình 3 trong SGK và thực hiện nhiệm vụ: Nêu kết quả của công cuộc khai hoang dưới Triều Nguyễn; kể chuyện về Nguyễn Công Trứ và nêu đóng góp của ông.</p> 	<p>- HS đọc thông tin, quan sát hình 3 và xác định nhiệm vụ học tập.</p>
<p>- GV hỏi: Vì sao Triều Nguyễn tổ chức khai hoang?</p>	<p>- HS trả lời: Vì nhiều nơi còn đất hoang, nhân dân cần ruộng đất canh tác để ổn định đời sống.</p>
<p>- GV hỏi: Công cuộc khai hoang dưới Triều Nguyễn đạt kết quả gì?</p>	<p>- HS trả lời: Diện tích canh tác được mở rộng ở vùng đồng bằng Nam Bộ và duyên hải Bắc Bộ.</p>
<p>- GV hỏi: Những huyện nào được lập trong công cuộc khai hoang?</p>	<p>- HS trả lời: Hai huyện Tiền Hải ở Thái Bình và Kim Sơn ở Ninh Bình được lập nên.</p>
<p>- GV hỏi: Những nhân vật nào nổi bật trong công cuộc khai hoang dưới Triều Nguyễn?</p>	<p>- HS trả lời: Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Tri Phương là những nhân vật nổi bật trong công cuộc khai hoang.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đọc câu chuyện “Nguyễn Công Trứ và công cuộc khai hoang lấn biển”.</p>	<p>- HS đọc câu chuyện, chú ý hoàn cảnh, việc làm và đóng góp của Nguyễn Công Trứ.</p>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	
<p>- GV hỏi: Nguyễn Công Trú đã làm gì ở vùng duyên hải Bắc Bộ?</p>	<p>- HS trả lời: Ông chiêu tập dân chúng khai hoang lớn, lập nên huyện Tiên Hải và huyện Kim Sơn.</p>
<p>- GV hỏi: Công cuộc khai hoang lần biên của Nguyễn Công Trú có ý nghĩa gì?</p>	<p>- HS trả lời: Công cuộc khai hoang góp phần mở rộng diện tích canh tác, ổn định xã hội và thúc đẩy nông nghiệp phát triển.</p>
<p>- GV mời HS kể lại ngắn gọn câu chuyện về Nguyễn Công Trú.</p>	<p>- HS kể lại câu chuyện theo trình tự: hoàn cảnh, việc ông làm, kết quả và đóng góp.</p>
<p>- GV mời HS nhận xét phần kể chuyện của bạn.</p>	<p>- HS nhận xét: bạn kể đúng nhân vật, nêu được đóng góp và ý nghĩa của công cuộc khai hoang.</p>
<p>- GV chốt nội dung: Công cuộc khai hoang dưới Triều Nguyễn mở rộng đất canh tác, lập nên Tiên Hải và Kim Sơn; Nguyễn Công Trú có đóng góp lớn trong hoạt động này.</p>	<p>- HS nhắc lại nội dung chính.</p>
<h2>2.2. Những đề nghị canh tân đất nước cuối thế kỉ XIX</h2>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục c trong SGK và thực hiện nhiệm vụ: Nêu những đóng góp của Nguyễn Trường Tộ đối với lịch sử dân tộc.</p>	<p>- HS đọc thông tin và xác định nhiệm vụ học tập.</p>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>Những đề nghị canh tân đất nước cuối thế kỉ XIX</p> <p>Đọc thông tin, em hãy nêu những đóng góp của Nguyễn Trường Tộ đối với lịch sử dân tộc.</p>	
- GV hỏi: Bối cảnh đất nước cuối thế kỉ XIX như thế nào?	- HS trả lời: Cuối thế kỉ XIX, đất nước ngày càng khó khăn và đứng trước nguy cơ mất nước.
- GV hỏi: Những trí thức yêu nước cuối thế kỉ XIX đã đề xuất điều gì?	- HS trả lời: Họ đề xuất một số biện pháp cải cách để cứu nước, làm cho đất nước giàu mạnh và có thể chống ngoại xâm.
<p>- GV yêu cầu HS đọc câu chuyện “Khát vọng canh tân đất nước” về Nguyễn Trường Tộ.</p> 	- HS đọc câu chuyện, chú ý những đề nghị canh tân của Nguyễn Trường Tộ.
- GV hỏi: Nguyễn Trường Tộ đã gửi những đề nghị gì lên triều đình?	- HS trả lời: Ông đề nghị mở rộng quan hệ với nước ngoài, mở các trường dạy đóng tàu, đúc súng, khai mỏ, sử dụng người giỏi về khoa học kĩ thuật.
- GV hỏi: Mục đích của những đề nghị canh tân là gì?	- HS trả lời: Mục đích là làm cho đất nước giàu mạnh, đủ sức chống lại sự xâm lược của các nước phương Tây.
- GV hỏi: Các đề nghị của Nguyễn Trường Tộ có được triều đình thực hiện không?	- HS trả lời: Hầu hết những đề nghị của ông không được triều đình thực hiện.
- GV hỏi: Vì sao Nguyễn Trường Tộ được coi	- HS trả lời: Vì ông có nhiều đề nghị đổi mới

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS			
là một đại diện tiêu biểu cho trào lưu canh tân cuối thế kỉ XIX?	đất nước, thể hiện khát vọng làm cho đất nước giàu mạnh và thoát khỏi nguy cơ bị xâm lược.			
- GV mời HS nhận xét, bổ sung ý kiến.	- HS nhận xét, bổ sung thông tin cho câu trả lời của bạn.			
- GV chốt nội dung: Nguyễn Trường Tộ đề trình nhiều bản điều trần, mong muốn canh tân đất nước; ông là nhân vật tiêu biểu cho khát vọng đổi mới cuối thế kỉ XIX.	- HS lắng nghe, hoàn thiện câu trả lời.			
<div>3. Luyện tập (8 phút)</div> <div>Mục tiêu: Củng cố kiến thức về công cuộc khai hoang và canh tân đất nước; biết khai thác hình ảnh số phù hợp để giới thiệu di sản Triều Nguyễn.</div> <div>Mục tiêu tích hợp: HS biết tra cứu hình ảnh số về Kinh thành Huế, Nhã nhạc cung đình Huế, lăng tẩm triều Nguyễn và lựa chọn thông tin phù hợp để giới thiệu di sản.</div> <div>*Cách tiến hành:</div>				
- GV giới thiệu nhiệm vụ số: Sử dụng Google Search/website bảo tàng/thư viện số để tìm một hình ảnh về Kinh thành Huế, Nhã nhạc cung đình Huế hoặc lăng tẩm Triều Nguyễn.	- HS lắng nghe nhiệm vụ và xác định từ khóa tìm kiếm phù hợp.			
- GV hướng dẫn HS nhập từ khóa ngắn gọn, ví dụ: “Kinh thành Huế”, “Nhã nhạc cung đình Huế”, “lăng vua Minh Mạng”, sau đó chọn kết quả từ nguồn đáng tin cậy.	- HS thực hành theo điều kiện lớp học hoặc quan sát thao tác mẫu của GV; ưu tiên chọn nguồn từ bảo tàng, cơ quan văn hóa, thư viện số.			
- GV nhắc HS không tải hoặc chia sẻ hình ảnh tùy tiện; cần ghi tên di sản, nguồn thông tin ngắn gọn và không sao chép đoạn dài trên mạng.	- HS ghi nhớ quy tắc sử dụng tư liệu số an toàn, phù hợp.			
- GV yêu cầu HS hoàn thành bảng so sánh ngắn về hai nhân vật đã học trong tiết này.	- HS hoàn thành bảng so sánh trong vở.			
	<table><tr><td>Nhân vật</td><td>Việc làm tiêu biểu</td><td>Đóng góp</td></tr></table>	Nhân vật	Việc làm tiêu biểu	Đóng góp
Nhân vật	Việc làm tiêu biểu	Đóng góp		

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS		
	Nguyễn Công Trứ	Tổ chức khai hoang ở duyên hải Bắc Bộ.	Lập nên Tiền Hải, Kim Sơn; mở rộng đất canh tác.
	Nguyễn Trường Tộ	Đề nghị canh tân đất nước.	Thể hiện khát vọng làm đất nước giàu mạnh, chống ngoại xâm.
- GV mời HS trình bày bảng so sánh.	- HS trình bày kết quả, nêu rõ điểm giống là đều mong muốn góp sức cho đất nước.		
- GV nhận xét, sửa bài và chuẩn kiến thức.	- HS hoàn thiện bảng vào vở.		
4. Vận dụng - Trải nghiệm (2 phút)			
Mục tiêu: Liên hệ quyền được tiếp cận, học tập di sản văn hóa và trách nhiệm bảo vệ di tích, hiện vật lịch sử.			
Mục tiêu tích hợp: HS hiểu quyền được tiếp cận, học tập di sản văn hóa và trách nhiệm bảo vệ di tích, hiện vật lịch sử.			
*Cách tiến hành:			
- GV hỏi: Vì sao mỗi HS có quyền được tìm hiểu di sản văn hóa nhưng cũng phải có trách nhiệm bảo vệ di tích, hiện vật lịch sử?	- HS trả lời: Vì di sản là tài sản chung của dân tộc; em có quyền học tập, tìm hiểu nhưng phải giữ gìn để mọi người và thế hệ sau cùng được tiếp cận.		
- GV yêu cầu HS nêu một việc làm thể hiện trách nhiệm khi tham quan di tích Triều Nguyễn.	- HS nêu: Đi nhẹ, nói khẽ; không xả rác; không chạm tay vào hiện vật; không viết vẽ lên di tích; nghe hướng dẫn viên và chia sẻ thông tin đúng.		
- GV dặn HS chuẩn bị tiết sau: đọc trước phần phong trào Cần vương chống Pháp và câu chuyện về Phan Đình Phùng.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ chuẩn bị bài.		

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

CHỦ ĐỀ 3. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

TUẦN: 17

BÀI 13. TRIỀU NGUYỄN (TIẾT 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Trình bày được những nét chính về phong trào Cần vương chống Pháp cuối thế kỉ XIX.
- Kể lại được câu chuyện về Phan Đình Phùng và cuộc khởi nghĩa Hương Khê.
- Vẽ được sơ đồ tư duy những nét chính về lịch sử Việt Nam dưới Triều Nguyễn và kể lại câu chuyện về một nhân vật lịch sử thời Nguyễn.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc thông tin, quan sát tranh, chọn lọc sự kiện và nhân vật tiêu biểu.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm, kể chuyện lịch sử, trình bày sơ đồ tư duy và nhận xét sản phẩm của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: hệ thống kiến thức bằng sơ đồ tư duy, liên hệ bài học lịch sử với trách nhiệm học tập hôm nay.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: kính trọng tinh thần chống ngoại xâm của vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết, Phan Đình Phùng và nhân dân ta.
- Trách nhiệm: biết nhìn nhận lịch sử khách quan, trân trọng những giá trị văn hóa, giáo dục còn lưu lại.
- Chăm chỉ: tích cực sưu tầm tư liệu, tranh ảnh và câu chuyện về di sản văn hóa Triều Nguyễn.

4. Tích hợp

- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết nhìn nhận lịch sử khách quan, trân trọng những giá trị văn hóa, giáo dục còn lưu lại.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, SGV Lịch sử và Địa lí 5.
- KHDH môn Lịch sử và Địa lí 5.
- Tranh ảnh, câu chuyện lịch sử liên quan đến Triều Nguyễn.
- Máy tính, ti vi/máy chiếu; phiếu học tập.
- Tranh vẽ vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết, Phan Đình Phùng; bảng phụ/sơ đồ tư duy về Triều Nguyễn.

2. Học sinh

- SGK Lịch sử và Địa lí 5.
- Vở ghi, bút, đồ dùng học tập.
- Câu chuyện, tranh ảnh hoặc thông tin đã sưu tầm về nhân vật lịch sử Triều Nguyễn nếu được giao trước.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập; kết nối kiến thức về canh tân đất nước với phong trào yêu nước chống Pháp cuối thế kỉ XIX. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Ai là nhân vật lịch sử?": Ông là người đề nghị mở rộng quan hệ với nước ngoài, mở trường dạy đóng tàu, đúc súng. Ông là ai?	- HS trả lời: Đó là Nguyễn Trường Tộ.
- GV hỏi: Những đề nghị của Nguyễn Trường Tộ cho thấy điều gì về tình hình đất nước cuối thế kỉ XIX?	- HS trả lời: Đất nước gặp nhiều khó khăn, đứng trước nguy cơ mất nước nên cần đổi mới để trở nên giàu mạnh.
- GV dẫn dắt: Trong bối cảnh đó, nhiều nhân vật và nhân dân đã đứng lên hưởng ứng phong trào Cần vương chống Pháp.	- HS lắng nghe.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV ghi nội dung học tập của tiết học lên bảng.	- HS ghi nội dung vào vở.
2. Khám phá (25 phút) Mục tiêu: Trình bày được những nét chính về phong trào Cần vương chống Pháp và kể được câu chuyện về Phan Đình Phùng, cuộc khởi nghĩa Hương Khê. Mục tiêu tích hợp: HS biết nhìn nhận lịch sử khách quan, trân trọng tinh thần yêu nước, những giá trị văn hóa, giáo dục còn lưu lại từ thời Nguyễn. *Cách tiến hành:	
2.1. Phong trào Cần vương chống Pháp	
- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 2, quan sát hình 5, hình 6 và thực hiện nhiệm vụ: Cho biết những nét chính về phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX.  <p>The screenshot shows a textbook page with the following text: "Cho biết những nét chính về phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX. Kể câu chuyện về Phan Đình Phùng và cuộc khởi nghĩa Hương Khê." Below the text are two portraits: "Hình 5. Vua Hàm Nghi (tranh vẽ)" and "Hình 6. Tôn Thất Thuyết (tranh vẽ)".</p>	- HS đọc thông tin, quan sát hình vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết và xác định nhiệm vụ học tập.
- GV hỏi: Phong trào Cần vương bùng nổ vào năm nào?	- HS trả lời: Phong trào Cần vương bùng nổ năm 1885.
- GV hỏi: Ai là những nhân vật lãnh đạo, phát động phong trào Cần vương?	- HS trả lời: Vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết ban bố Dụ Cần vương, kêu gọi nhân dân giúp vua cứu nước.
- GV hỏi: Mục đích của phong trào Cần vương là gì?	- HS trả lời: Mục đích là kêu gọi nhân dân cùng đứng lên chống Pháp, cứu nước, khôi phục độc lập dân tộc.
- GV hỏi: Những nhân vật tiêu biểu trong	- HS trả lời: Những nhân vật tiêu biểu là Tôn

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
phong trào Cần vương là ai?	Thất Thuyết, Nguyễn Thiện Thuật, Phan Đình Phùng,...
- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4, hoàn thành câu trả lời theo các ý: thời gian, nhân vật, mục đích, kết quả chung.	- HS thảo luận nhóm 4 và thống nhất câu trả lời.
- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận.	- Đại diện nhóm trình bày: Năm 1885, vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết ban Dụ Cần vương, kêu gọi nhân dân chống Pháp; phong trào thu hút nhiều văn thân, sĩ phu và nhân dân yêu nước.
- GV mời nhóm khác nhận xét, bổ sung.	- HS nhận xét và bổ sung thông tin cho nhóm bạn.
- GV chốt nội dung: Phong trào Cần vương bùng nổ năm 1885, dưới sự lãnh đạo của vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết, có nhiều cuộc khởi nghĩa hưởng ứng chống Pháp.	- HS lắng nghe, ghi nhớ ý chính.

2.2. Phan Đình Phùng và cuộc khởi nghĩa Hương Khê

- GV yêu cầu HS đọc câu chuyện “Phan Đình Phùng và cuộc khởi nghĩa Hương Khê”.

Phan Đình Phùng...



- HS đọc câu chuyện, chú ý nhân vật, căn cứ, lực lượng và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV hỏi: Phan Đình Phùng là ai trong phong trào Cần vương?	- HS trả lời: Phan Đình Phùng là thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa Hương Khê, cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương.
- GV hỏi: Căn cứ chính của cuộc khởi nghĩa Hương Khê ở đâu?	- HS trả lời: Căn cứ chính ở vùng rừng núi Hương Khê, nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.
- GV hỏi: Cuộc khởi nghĩa Hương Khê kéo dài trong bao lâu?	- HS trả lời: Cuộc khởi nghĩa kéo dài hơn mười năm.
- GV hỏi: Vì sao khởi nghĩa Hương Khê được coi là tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương?	- HS trả lời: Vì đây là cuộc khởi nghĩa có tổ chức chặt chẽ, kéo dài, gây nhiều thiệt hại cho quân Pháp và thể hiện tinh thần yêu nước kiên cường.
- GV mời HS kể lại ngắn gọn câu chuyện về Phan Đình Phùng và cuộc khởi nghĩa Hương Khê.	- HS kể lại câu chuyện theo trình tự: giới thiệu Phan Đình Phùng, căn cứ Hương Khê, diễn biến chính, ý nghĩa và kết quả.
- GV mời HS nhận xét phần kể chuyện của bạn.	- HS nhận xét: bạn kể đúng nội dung, nêu được vai trò của Phan Đình Phùng và ý nghĩa của khởi nghĩa Hương Khê.
- GV hỏi: Khi tìm hiểu Triều Nguyễn, vì sao chúng ta cần nhìn nhận lịch sử khách quan?	- HS trả lời: Vì lịch sử có nhiều mặt; cần thấy cả những đóng góp, hạn chế và tinh thần yêu nước của nhân dân, không đánh giá phiến diện.
- GV giáo dục: Tìm hiểu lịch sử giúp chúng ta trân trọng tinh thần yêu nước, giá trị văn hóa, giáo dục còn lưu lại, đồng thời biết rút ra bài học trách nhiệm với đất nước hôm nay.	- HS lắng nghe, liên hệ bản thân: chăm học, tôn trọng di sản, biết ơn người đi trước và sống có trách nhiệm.
- GV chốt nội dung: Phong trào Cần vương chống Pháp là phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX; Phan Đình Phùng và khởi nghĩa Hương Khê là biểu tượng tiêu biểu của tinh thần chống ngoại xâm.	- HS nhắc lại nội dung chính.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS										
3. Luyện tập (8 phút) Mục tiêu: Hệ thống hóa những nét chính về lịch sử Việt Nam dưới Triều Nguyễn và kể lại câu chuyện về một nhân vật lịch sử thời Nguyễn. *Cách tiến hành:											
- GV yêu cầu HS đọc Câu 1 trong SGK: Vẽ sơ đồ tư duy những nét chính về lịch sử Việt Nam dưới Triều Nguyễn. 	- HS đọc yêu cầu Câu 1 trong SGK.										
- GV hỏi: Câu 1 yêu cầu chúng ta làm gì?	- HS trả lời: Câu 1 yêu cầu vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những nét chính về lịch sử Việt Nam dưới Triều Nguyễn.										
- GV hướng dẫn HS lập sơ đồ theo các nhánh: thành lập và củng cố đất nước; khai hoang; canh tân; phong trào Cần vương; di sản văn hóa.	- HS lập sơ đồ tư duy theo gợi ý của GV. <table border="1" data-bbox="816 1241 1479 1919"> <thead> <tr> <th>Nhánh sơ đồ</th><th>Nội dung chính</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Thành lập, củng cố</td><td>Năm 1802, Gia Long lập Triều Nguyễn; kinh đô Phú Xuân; củng cố bộ máy nhà nước, ban hành Hoàng Việt luật lệ.</td></tr> <tr> <td>Khai hoang</td><td>Mở rộng đất canh tác; lập Tiền Hải và Kim Sơn; Nguyễn Công Trứ có đóng góp lớn.</td></tr> <tr> <td>Canh tân</td><td>Nguyễn Trường Tộ đề nghị mở rộng quan hệ, mở trường, đóng tàu, đúc súng.</td></tr> <tr> <td>Cần vương</td><td>Năm 1885, vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết kêu gọi chống Pháp; Phan Đình Phùng tiêu biểu.</td></tr> </tbody> </table>	Nhánh sơ đồ	Nội dung chính	Thành lập, củng cố	Năm 1802, Gia Long lập Triều Nguyễn; kinh đô Phú Xuân; củng cố bộ máy nhà nước, ban hành Hoàng Việt luật lệ.	Khai hoang	Mở rộng đất canh tác; lập Tiền Hải và Kim Sơn; Nguyễn Công Trứ có đóng góp lớn.	Canh tân	Nguyễn Trường Tộ đề nghị mở rộng quan hệ, mở trường, đóng tàu, đúc súng.	Cần vương	Năm 1885, vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết kêu gọi chống Pháp; Phan Đình Phùng tiêu biểu.
Nhánh sơ đồ	Nội dung chính										
Thành lập, củng cố	Năm 1802, Gia Long lập Triều Nguyễn; kinh đô Phú Xuân; củng cố bộ máy nhà nước, ban hành Hoàng Việt luật lệ.										
Khai hoang	Mở rộng đất canh tác; lập Tiền Hải và Kim Sơn; Nguyễn Công Trứ có đóng góp lớn.										
Canh tân	Nguyễn Trường Tộ đề nghị mở rộng quan hệ, mở trường, đóng tàu, đúc súng.										
Cần vương	Năm 1885, vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết kêu gọi chống Pháp; Phan Đình Phùng tiêu biểu.										

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	
	Di sản	Cố đô Huế, Nhã nhạc cung đình Huế, lăng tẩm Triều Nguyễn.
- GV mời HS trình bày sơ đồ tư duy.	- HS trình bày sơ đồ, nêu ngắn gọn từng nhánh thông tin.	
- GV mời HS nhận xét, bổ sung.	- HS nhận xét, bổ sung thông tin còn thiếu.	
- GV yêu cầu HS đọc Câu 2 trong SGK: Kể lại câu chuyện về một nhân vật lịch sử dưới thời nhà Nguyễn mà em sưu tầm được; qua câu chuyện đó, em biết được thông tin gì về lịch sử Việt Nam thời nhà Nguyễn?	- HS đọc yêu cầu Câu 2 trong SGK.	
- GV mời một số HS kể câu chuyện đã chuẩn bị.	- HS kể chuyện về vua Gia Long, vua Minh Mạng, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Trường Tộ, Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết hoặc Phan Đình Phùng; nêu thông tin lịch sử rút ra từ câu chuyện.	
- GV nhận xét, tuyên dương HS kể chuyện rõ ràng, biết rút ra ý nghĩa lịch sử.	- HS lắng nghe và rút kinh nghiệm.	
4. Vận dụng - Trải nghiệm (2 phút)		
Mục tiêu: Biết sưu tầm tư liệu, tranh ảnh và giới thiệu một di sản văn hóa của Triều Nguyễn.		
*Cách tiến hành:		
- GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ Vận dụng trong SGK.	- HS đọc nhiệm vụ: Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh và giới thiệu về một di sản văn hóa của Triều Nguyễn.	
- GV hỏi: Nhiệm vụ yêu cầu em thực hiện điều gì?	- HS trả lời: Nhiệm vụ yêu cầu sưu tầm tư liệu, tranh ảnh và giới thiệu một di sản văn hóa của Triều Nguyễn.	
- GV gợi ý HS có thể chọn Cố đô Huế, Nhã	- HS lắng nghe, lựa chọn một di sản phù hợp	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
nhạc cung đình Huế, lăng vua Minh Mạng, lăng vua Tự Đức, Kinh thành Huế hoặc một di sản khác liên quan đến Triều Nguyễn.	để sưu tầm và giới thiệu.
- GV hướng dẫn HS trình bày sản phẩm: tên di sản, địa điểm, giá trị tiêu biểu, tranh ảnh minh họa và việc làm để bảo vệ di sản.	- HS ghi nhớ cách thực hiện nhiệm vụ vận dụng.
- GV nhận xét tiết học và dặn HS hoàn thành nhiệm vụ ở nhà.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

TUẦN 18: KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Lịch sử và Địa lí - Lớp 5 | Thời gian: 35 phút | Tổng điểm: 10 điểm

Mạch nội dung	Yêu cầu đánh giá	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Điểm
Đất nước và con người Việt Nam	Nhận biết vị trí, thiên nhiên, biển đảo, dân cư Việt Nam; nêu vai trò của biển, đảo đối với nước ta.	Câu 1, 2	Câu 9		2,5
Những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam	Nhận biết nét tiêu biểu của Văn Lang, Âu Lạc, Phù Nam, Chăm-pa.	Câu 3			0,5
Xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam	Nhận biết, trình bày sự kiện, nhân vật lịch sử tiêu biểu từ thời Bắc thuộc đến Triều Nguyễn.	Câu 4, 5, 6, 7, 8	Câu 10	Câu 11, 12	7,0
Tổng		4,0 điểm	3,0 điểm	3,0 điểm	10,0

TRƯỜNG TIỂU HỌC:

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Lịch sử và Địa lí - Lớp 5

Thời gian làm bài: 35 phút | Tổng điểm: 10 điểm

Họ tên: Lớp: 5..... Ngày:/...../2025

Điểm: Nhận xét:

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng nhất.

Câu 1. Việt Nam nằm ở khu vực nào?

A. Đông Bắc Á. B. Đông Nam Á. C. Nam Á. D. Tây Á.

Câu 2. Hai quần đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông là:

A. Hoàng Sa và Trường Sa. B. Phú Quốc và Côn Đảo. C. Cô Tô và Cát Bà. D. Lý Sơn và Cồn Cỏ.

Câu 3. Nhà nước đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam là:

A. Âu Lạc. B. Chăm-pa. C. Văn Lang. D. Phù Nam.

Câu 4. Vua Lý Thái Tổ dời đô về Đại La và đổi tên là:

A. Thăng Long. B. Phú Xuân. C. Hoa Lư. D. Cổ Loa.

Câu 5. Nhân vật lịch sử gắn với chiến thắng Bạch Đằng thời Trần là:

A. Lê Lợi. B. Trần Quốc Tuấn. C. Nguyễn Trãi. D. Nguyễn Công Trứ.

Câu 6. Khởi nghĩa Lam Sơn do ai lãnh đạo?

A. Lê Lợi. B. Lê Lai. C. Nguyễn Huệ. D. Phan Đình Phùng.

Câu 7. Triều Nguyễn được thành lập vào năm nào?

A. 1010. B. 1802. C. 1858. D. 1945.

Câu 8. Di sản văn hóa tiêu biểu gắn với Triều Nguyễn là:

A. Thành Cổ Loa. B. Tháp Chăm Mỹ Sơn. C. Đền Hùng. D. Quần thể di tích Cố đô Huế.

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. Nêu vai trò của biển, đảo đối với nước ta. Gợi ý: tài nguyên, giao thông, du lịch, quốc phòng - an ninh. **(2 điểm)**

.....

.....

.....

.....

Câu 10. Kể lại một số nét chính về khởi nghĩa Lam Sơn. Gợi ý: người lãnh đạo, thời gian, địa điểm, kết quả, ý nghĩa. **(2 điểm)**

.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I (TIẾP THEO)

Câu 11. Hoàn thành bảng sau về một số nhân vật lịch sử tiêu biểu. **(1 điểm)**

Nhân vật lịch sử	Đóng góp tiêu biểu
Lý Thái Tổ	
Trần Quốc Tuấn	
Lê Lợi	
Nguyễn Công Trứ	

Câu 12. Em cần làm gì để trân trọng lịch sử dân tộc và giữ gìn các di sản văn hóa? Viết 2 đến 3 việc làm cụ thể của bản thân. **(1 điểm)**

.....

.....

.....

.....

--- HẾT ---

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

I. Trắc nghiệm (4 điểm): Mỗi câu đúng được 0,5 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	C	A	B	A	B	D

II. Tự luận (6 điểm)

Câu / Điểm	Yêu cầu cần đạt / Gợi ý đáp án
Câu 9 2,0 điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được biển, đảo có nhiều tài nguyên, thuận lợi cho đánh bắt, nuôi trồng thủy sản. - Nêu được biển, đảo góp phần phát triển giao thông, du lịch, giao lưu với các nước. - Nêu được biển, đảo có vị trí quan trọng trong bảo vệ chủ quyền, quốc phòng - an ninh.
Câu 10 2,0 điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo, nổ ra ở Lam Sơn (Thanh Hóa) năm 1418. - Cuộc khởi nghĩa kéo dài 10 năm, trải qua nhiều khó khăn, có sự góp sức của nhiều nhân vật như Nguyễn Trãi, Lê Lai, Nguyễn Chích. - Năm 1427, nghĩa quân giành thắng lợi; năm 1428, Lê Lợi lên ngôi, lập Triều Hậu Lê.
Câu 11 1,0 điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Lý Thái Tổ: dời đô ra Đại La, đổi tên là Thăng Long. - Trần Quốc Tuấn: lãnh đạo quân dân kháng chiến chống quân Mông - Nguyên. - Lê Lợi: lãnh đạo khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi. - Nguyễn Công Trứ: có công trong công cuộc khai hoang, lập huyện Tiền Hải, Kim Sơn. <p>Mỗi ý đúng được 0,25 điểm.</p>
Câu 12 1,0 điểm	<p>HS nêu được 2 đến 3 việc làm phù hợp, ví dụ: học tập lịch sử nghiêm túc; biết ơn nhân vật lịch sử; giữ gìn di tích, không vẽ bậy, không xả rác; tuyên truyền với bạn bè, người thân về bảo vệ di sản; thực hiện tốt trách nhiệm của học sinh.</p>

CHỦ ĐỀ 3. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

TUẦN: 18

BÀI 14. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Kể lại được thắng lợi ở một số địa phương lớn: Hà Nội, Huế, Sài Gòn,... trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 dựa vào thông tin, tranh ảnh và tư liệu trong SGK.
- Nêu được thời cơ Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và xác định được các mốc tiêu biểu: Hà Nội ngày 19-8, Huế ngày 23-8, Sài Gòn ngày 25-8-1945.
- Biết khai thác tranh, chú thích và tư liệu lịch sử để trình bày diễn biến, kết quả và ý nghĩa bước đầu của thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc thông tin, quan sát tranh, gạch ý chính, xác định mốc thời gian và hoàn thành bảng/trực thời gian về Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm đôi, nhóm 4, nhóm 6; phân công nhiệm vụ, trình bày kết quả, lắng nghe và bổ sung ý kiến cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết chọn từ khóa, tìm kiếm, lưu trữ tư liệu số đúng tên bài học và kiểm tra nguồn tư liệu trước khi sử dụng.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: tự hào về thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và truyền thống đấu tranh giành độc lập của dân tộc.
- Trách nhiệm: có ý thức tìm hiểu lịch sử, giữ gìn tư liệu, trân trọng thành quả độc lập, tự do mà các thế hệ đi trước đã giành được.

4. Tích hợp

- Tích hợp NLS 1.3.CB2a: HS tìm kiếm hình ảnh tư liệu về Cách mạng tháng Tám, ngày 2-9-1945; lưu trữ vào thư mục theo tên bài học, biết đặt tên tệp rõ ràng.
- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Bồi dưỡng niềm tự hào về nền độc lập dân tộc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, SGV Lịch sử và Địa lí 5; KHDH môn Lịch sử và Địa lí 5.
- Tranh, ảnh, tư liệu trong SGK: Bàn đá bên suối Lê-nin ở Pác Bó; nhân dân Hà Nội chiếm Phủ Khâm sai; thông tin về thắng lợi ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn.
- Máy tính, ti vi/máy chiếu; thư mục học liệu số về Cách mạng tháng Tám năm 1945.

2. Học sinh

- SGK Lịch sử và Địa lí 5; vở ghi, bút, đồ dùng học tập.
- Tư liệu, tranh ảnh sưu tầm về Cách mạng tháng Tám năm 1945 nếu được giao trước.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập; kết nối hoạt động của Bác Hồ ở Pác Bó với Cách mạng tháng Tám năm 1945. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS quan sát hình 1 trong SGK và hỏi: Hình 1 gắn với địa danh nào trong thời gian hoạt động cách mạng của Bác Hồ? - GV hỏi thêm: Chi tiết nào trong hình giúp em nhận ra đây là nơi Bác Hồ từng làm việc?	- HS quan sát hình 1, đọc chú thích và trả lời: Hình 1 là Bàn đá bên suối Lê-nin, nơi Bác Hồ ngồi làm việc trong thời gian ở Pác Bó, Cao Bằng. - HS nêu: bàn đá, suối, không gian hang núi gợi địa danh Pác Bó gắn với hoạt động cách mạng của Bác Hồ.
 <p>Hình 1. Bàn đá bên bờ suối Lê-nin — ở Pác Bó, Cao Bằng, nơi Bác Hồ từng làm việc trong thời gian ở Pác Bó.</p>	

- GV đặt câu hỏi mở rộng: Theo em, vì sao những hoạt động của Bác Hồ ở Pác Bó lại có ý nghĩa đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945?	- HS suy nghĩ và chia sẻ: Ở Pác Bó, Bác Hồ trực tiếp lãnh đạo, chuẩn bị đường lối, lực lượng và tinh thần cho nhân dân tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.
- GV nhận xét, dẫn dắt: Từ sự chuẩn bị bền bỉ của Đảng, Bác Hồ và nhân dân, khi thời cơ đến, Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã bùng nổ và giành thắng lợi trên cả nước.	- HS lắng nghe, ghi tên bài vào vở.

2. Khám phá (25 phút)

Mục tiêu: Kể được tên một số thắng lợi tiêu biểu trong Cách mạng tháng Tám năm 1945; kể lại được một số sự kiện ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn.

Tích hợp NLS 1.3.CB2a: HS biết tìm kiếm hình ảnh tư liệu về Cách mạng tháng Tám, ngày 2-9-1945; lưu trữ vào thư mục theo tên bài học và đặt tên tệp rõ ràng.

*Cách tiến hành:

2.1. Tìm hiểu thời cơ và một số thắng lợi tiêu biểu trong Cách mạng tháng Tám năm 1945

<p>- GV giao nhiệm vụ: HS đọc thông tin mục 1 trong SGK, quan sát hình 2, đọc chú thích hình và khai thác tranh, tư liệu có trong sách.</p> <p>- GV yêu cầu HS gạch chân các thông tin về thời cơ, các mốc thời gian và địa phương giành chính quyền.</p>	<p>- HS đọc thông tin, quan sát hình 2, đọc chú thích tranh và xác định các thông tin quan trọng.</p> <p>- HS gạch chân: Nhật Bản đầu hàng Đồng minh; Hà Nội ngày 19-8; Huế ngày 23-8; Sài Gòn ngày 25-8; cuối tháng 8-1945 Tổng khởi nghĩa thắng lợi trên cả nước.</p>
---	---



Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy:

- Kể tên một số thắng lợi tiêu biểu trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- Kể lại một sự kiện diễn ra trong Cách mạng tháng Tám ở Hà Nội, Huế hoặc Sài Gòn.



▲ Hình 2. Nhân dân Hà Nội chiếm Phủ Khâm sai (19 – 8 – 1945)

- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4. GV nêu câu hỏi khai thác thông tin, tranh và chú thích trong SGK:

- Vì sao Đảng và Bác Hồ kêu gọi toàn dân Tổng khởi nghĩa vào tháng 8-1945?
- Quan sát hình 2, em thấy nhân dân Hà Nội đang làm gì? Chi tiết nào thể hiện khí thế cách mạng của nhân dân?
- Dựa vào SGK, Hà Nội, Huế, Sài Gòn giành chính quyền vào những ngày nào?
- Thắng lợi ở các địa phương lớn có tác dụng gì đối với cuộc Tổng khởi nghĩa trong cả nước?
- Câu hỏi mở rộng: Nếu không kịp chớp thời cơ tháng 8-1945, cách mạng nước ta có thể gặp khó khăn gì?

- GV mời đại diện nhóm 4 trình bày kết quả thảo luận theo từng câu hỏi.

- HS thảo luận nhóm 4, phân công người đọc thông tin, người quan sát tranh, người đọc chú thích và người ghi ý chính.

- HS trả lời: Nhật Bản đầu hàng Đồng minh, chính quyền tay sai hoang mang nên thời cơ Tổng khởi nghĩa đã đến.
- HS nêu: nhân dân Hà Nội tập trung đông đảo, khí thế sôi nổi, tiến vào chiếm Phủ Khâm sai.
- HS xác định: Hà Nội giành chính quyền ngày 19-8-1945; Huế ngày 23-8-1945; Sài Gòn ngày 25-8-1945.
- HS nêu: thắng lợi ở các địa phương lớn cổ vũ nhân dân cả nước đứng lên giành chính quyền.
- HS trả lời mở rộng: Nếu bỏ lỡ thời cơ, kẻ thù có thể củng cố lực lượng, cách mạng sẽ khó giành thắng lợi nhanh chóng.

- Đại diện nhóm 4 trình bày: Sau khi Nhật Bản đầu hàng Đồng minh, Đảng và Bác Hồ kêu gọi toàn dân Tổng khởi nghĩa; Hà Nội, Huế, Sài Gòn lần lượt giành chính quyền trong các ngày 19-8, 23-8, 25-8-1945; thắng lợi ở các địa phương lớn cổ vũ cả nước đứng lên giành chính quyền.

- GV mời nhóm khác nhận xét, bổ sung thông tin từ tranh, chú thích hình 2 và đoạn tư liệu trong SGK.	- Nhóm khác nhận xét, bổ sung mốc thời gian, địa điểm, lực lượng tham gia và kết quả của từng sự kiện dựa vào SGK.
- GV chuẩn kiến thức: Sau khi Nhật Bản đầu hàng quân Đồng minh, Đảng và Bác Hồ chớp thời cơ kêu gọi toàn dân Tổng khởi nghĩa. Ngày 19-8-1945, nhân dân Hà Nội chiếm các cơ quan đầu não của chính quyền địch, giành chính quyền ở Hà Nội. Ngày 23-8-1945, nhân dân Huế giành chính quyền. Ngày 25-8-1945, nhân dân Sài Gòn giành chính quyền. Đến cuối tháng 8-1945, Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi hoàn toàn trên phạm vi cả nước.	- HS lắng nghe, hoàn thiện câu trả lời và nhắc lại các mốc chính: 19-8 ở Hà Nội, 23-8 ở Huế, 25-8 ở Sài Gòn, cuối tháng 8-1945 thắng lợi trên cả nước.

2.2. Kể lại một sự kiện tiêu biểu bằng tranh, tư liệu trong SGK

- GV yêu cầu HS đọc lại thông tin trong SGK, quan sát hình 2 và chọn một sự kiện để kể: Hà Nội, Huế hoặc Sài Gòn.	- HS đọc thông tin, chọn sự kiện, xác định các ý cần kể: thời gian, địa điểm, diễn biến chính, kết quả và ý nghĩa.
- GV nhắc HS khi kể cần dựa vào tranh, chú thích, mốc thời gian và thông tin trong sách, không kể theo trí nhớ mơ hồ.	- HS ghi nhanh các từ khóa để chuẩn bị kể.
- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 6. Mỗi nhóm chọn một địa phương hoặc một sự kiện tiêu biểu để kể lại. GV đặt câu hỏi định hướng: - Sự kiện nhóm em chọn diễn ra ở đâu, vào thời gian nào? - Lực lượng nào tham gia giành chính quyền? - Tranh hoặc tư liệu trong SGK giúp em biết thêm chi tiết nào về sự kiện?	- HS thảo luận nhóm 6, phân công người kể mở đầu, người nêu diễn biến, người nêu kết quả, người bổ sung chi tiết từ tranh và chú thích. - HS nêu: sự kiện có thể là Hà Nội ngày 19-8-1945, Huế ngày 23-8-1945 hoặc Sài Gòn ngày 25-8-1945. - HS khai thác tranh, chú thích, tư liệu để chọn chi tiết tiêu biểu. - HS trả lời mở rộng: Cần nêu đúng mốc thời gian và nguồn tư liệu để câu chuyện

<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả của sự kiện là gì? - Câu hỏi mở rộng: Khi kể lại một sự kiện lịch sử, vì sao cần nêu đúng mốc thời gian và nguồn tư liệu? 	<p>lịch sử chính xác, không làm sai lệch sự kiện.</p>
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện nhóm 6 kể lại sự kiện đã chọn trước lớp. GV yêu cầu nhóm trình bày rõ theo trình tự: thời gian - địa điểm - diễn biến - kết quả - ý nghĩa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đại diện nhóm 6 trình bày: Hà Nội ngày 19-8-1945, nhân dân mít tinh ở Nhà hát Lớn rồi chiếm Phủ Khâm sai; Huế ngày 23-8-1945, nhân dân giành chính quyền ở kinh thành Huế; Sài Gòn ngày 25-8-1945, nhân dân mít tinh chào mừng thắng lợi của cuộc khởi nghĩa.
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS nhận xét phần kể của bạn theo tiêu chí: đúng tư liệu trong sách, đủ mốc thời gian, kể rõ ràng, nêu được kết quả. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét, bổ sung, điều chỉnh cách kể để đúng nội dung lịch sử và rõ trình tự.
<ul style="list-style-type: none"> - GV chuẩn kiến thức: Khi kể sự kiện lịch sử, cần dựa vào thông tin, tranh, chú thích và tư liệu trong sách. Cách kể cần có đủ thời gian, địa điểm, nhân vật hoặc lực lượng tham gia, diễn biến chính, kết quả và ý nghĩa. Không tự thêm chi tiết không có căn cứ hoặc kể sai mốc thời gian. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, ghi nhớ cách khai thác tư liệu lịch sử trong SGK và hoàn thiện phần kể của mình.

2.3. Khai thác và lưu trữ tư liệu số về Cách mạng tháng Tám năm 1945

<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu nhiệm vụ tích hợp NLS: HS tìm kiếm hình ảnh tư liệu về Cách mạng tháng Tám năm 1945 và ngày 2-9-1945. GV hỏi: Theo em, muốn tìm tư liệu đúng nội dung, ta nên dùng từ khóa nào? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Có thể dùng từ khóa “Cách mạng tháng Tám 1945”, “Hà Nội 19-8-1945”, “Huế 23-8-1945”, “Sài Gòn 25-8-1945”, “Tuyên ngôn Độc lập 2-9-1945”.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS ưu tiên chọn tư liệu từ bảo tàng, cổng thông tin chính thống, thư viện số. GV hỏi: Vì sao không nên chọn hình ảnh không rõ nguồn? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Vì hình ảnh không rõ nguồn có thể sai sự thật, bị cắt ghép hoặc làm sai lệch nội dung lịch sử.

- GV giao nhiệm vụ: tạo thư mục học tập tên “Bài 14 - Cách mạng tháng Tám năm 1945”; đặt tên tệp rõ ràng như “HaNoi_19-8-1945”, “Hue_23-8-1945”, “SaiGon_25-8-1945”.	- HS thực hành hoặc mô tả thao tác tạo thư mục, lưu tệp, đặt tên tệp ngắn gọn, dễ tìm và ghi nhớ nguồn tư liệu.
- GV chuẩn kiến thức: Khi học lịch sử bằng tư liệu số, cần chọn từ khóa chính xác, chọn nguồn đáng tin cậy, lưu tệp theo thư mục và tên rõ ràng, không cắt ghép hoặc chia sẻ tư liệu làm sai lệch sự thật lịch sử.	- HS ghi nhớ quy tắc khai thác và lưu trữ tư liệu số an toàn, đúng mục đích học tập.

3. Luyện tập (8 phút)

Mục tiêu: Củng cố các mốc thời gian và sự kiện tiêu biểu trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS đọc Câu 1 trong SGK: Lập bảng hoặc trục thời gian về những thắng lợi ở các địa phương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.	- HS đọc yêu cầu Câu 1 và trả lời: Cần lập bảng hoặc trục thời gian về những thắng lợi ở các địa phương; cần dùng mốc thời gian, địa phương và sự kiện trong SGK.		
- GV hỏi: Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì? Cần dùng thông tin nào trong SGK để hoàn thành?			
- GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm 4, hoàn thành bảng. GV đặt câu hỏi hỗ trợ:	- HS thảo luận nhóm 4, đối chiếu thông tin trong SGK và hoàn thành bảng:		
- Các mốc thời gian cần sắp xếp theo thứ tự nào?	Thời gian	Địa phương	Sự kiện tiêu biểu
- Mỗi mốc thời gian gắn với địa phương và sự kiện nào?	19-8-1945	Hà Nội	Nhân dân Hà Nội mít tinh, chiếm Phủ Khâm sai và giành chính quyền.
- Có thể dùng tranh, chú thích, tư liệu trong SGK để kiểm tra lại thông tin nào?	23-8-1945	Huế	Nhân dân Huế giành chính

			quyền.
	25-8-1945	Sài Gòn	Nhân dân Sài Gòn giành chính quyền.
	Cuối tháng 8-1945	Cả nước	Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi hoàn toàn trên phạm vi cả nước.
- GV mời đại diện nhóm trình bày bảng hoặc trực thời gian trước lớp.	- Đại diện nhóm trình bày kết quả luyện tập, nêu rõ mốc thời gian và sự kiện.		
- GV mời nhóm khác nhận xét, bổ sung mốc thời gian hoặc sự kiện còn thiếu.	- Nhóm khác nhận xét, bổ sung và đối chiếu với thông tin trong SGK.		
- GV chuẩn kiến thức: Các mốc cần nhớ là 19-8 Hà Nội, 23-8 Huế, 25-8 Sài Gòn và cuối tháng 8-1945 Tổng khởi nghĩa thắng lợi trên cả nước. Thắng lợi ở các địa phương lớn có tác dụng cổ vũ, thúc đẩy các địa phương khác đứng lên giành chính quyền.	- HS hoàn thiện bảng vào vở và nhắc lại ý nghĩa của các mốc tiêu biểu.		
4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút)			
Mục tiêu: Liên hệ ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám năm 1945 với trách nhiệm học tập, rèn luyện của HS.			
Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Bồi dưỡng niềm tự hào về nền độc lập dân tộc.			
*Cách tiến hành:			
- GV hỏi: Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 mang lại điều gì cho dân tộc Việt Nam?	- HS trả lời: Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đem lại nền độc lập cho dân tộc, đưa nhân dân trở thành người làm chủ đất nước.		
- GV đặt câu hỏi mở rộng: Vì sao chúng ta	- HS trả lời: Vì thắng lợi đó được đánh đổi		

cần biết ơn và trân trọng thành quả của Cách mạng tháng Tám năm 1945?	bằng sự lãnh đạo sáng suốt, tinh thần đoàn kết, sự hi sinh của nhiều thế hệ để đất nước có độc lập, tự do.
- GV hỏi: Là học sinh, em cần làm gì để thể hiện lòng tự hào và biết ơn đối với thế hệ cha ông?	- HS trả lời: Em cần chăm học, rèn luyện tốt, tôn trọng lịch sử dân tộc, biết giữ gìn những thành quả cách mạng và sống có trách nhiệm.
- GV kết luận tiết học và giao nhiệm vụ về nhà: sưu tầm một câu chuyện về Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp hoặc Kim Đồng để chuẩn bị cho tiết 2.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....